

Tiểu Tụng
Khuddakapāṭhapāḷi
Pháp Cú
Dhammapadapāḷi
Phật Tự Thuyết
Udānapāḷi
Phật Thuyết Như Vậy
Itivuttakapāḷi

TK Indacanda Dịch

---o0o---

Nguồn

<http://www.tamtangpaliviet.net/>

Chuyển sang ebook 23-09-2019

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI GIỚI THIỆU

KHUDDAKAPĀṬHAPĀḶI - TIỂU TỤNG

DHAMMAPADAPĀḶI - PHÁP CÚ

UDĀNAPĀḶI - PHẬT TỰ THUYẾT

ITIVUTTAKAPĀḶI - PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY

TẶNG KINH - TIỂU BỘ

TIỂU TỤNG

01. VIỆC ĐI ĐẾN NƯƠNG NHÀ

02. MƯỜI ĐIỀU HỌC

03. BA MƯỜI HAI THỂ

04. CÁC CÂU HỎI DÀNH CHO THIẾU NIÊN

05. KINH ĐIỂM LÀNH

06. KINH CHÂU BÁU
07. KINH BÊN NGOÀI VÁCH TƯỜNG
08. KINH PHẦN CỦA CẢI ĐỂ DÀNH
09. KINH TỪ ÁI

PHÁP CÚ

01. PHẨM SONG ĐỐI
 02. PHẨM KHÔNG XAO LÃNG
 03. PHẨM TÂM
 04. PHẨM BÔNG HOA
 05. PHẨM KẼ NGU
 06. PHẨM BẠC SÁNG SUỐT
 07. PHẨM A-LA-HÁN
 08. PHẨM MỘT NGÀN
 09. PHẨM ÁC
 10. PHẨM HÌNH PHẠT
 11. PHẨM GIÀ
 12. PHẨM TỰ NGÃ
 13. PHẨM THẾ GIAN
 14. PHẨM ĐỨC PHẠT
 15. PHẨM AN LẠC
 16. PHẨM YÊU THÍCH
 17. PHẨM GIẬN DỮ
 18. PHẨM VẾT NHỜ
 19. PHẨM CÔNG MINH
 20. PHẨM ĐẠO LỘ
 21. PHẨM LINH TINH
 22. PHẨM ĐỊA NGỤC
 23. PHẨM VÔI
 24. PHẨM THAM ÁI
 25. PHẨM TỶ KHUÛ
 26. PHẨM BÀ-LA-MÔN
- TÓM LƯỢC CÁC PHẨM
TÓM LƯỢC CÁC CÂU KỆ

PHẬT TỰ THUYẾT

- PHẨM GIÁC NGỘ - THỨ NHẤT
PHẨM MUCALINDA - THỨ NHÌ
PHẨM NANDA - THỨ BA
PHẨM MEGHIYA - THỨ TƯ
PHẨM SỌNA - THỨ NĂM
PHẨM MÙ BẨM SINH - THỨ SÁU

PHẨM NHỎ - THỨ BẢY
PHẨM DÂN LÀNG PĀṬALI - THỨ TÁM
PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY
NHÓM MỘT PHÁP
PHẨM THỨ NHẤT
PHẨM THỨ NHÌ
PHẨM THỨ BA
NHÓM HAI PHÁP
PHẨM THỨ NHẤT
PHẨM THỨ NHÌ
NHÓM BA PHÁP
PHẨM THỨ NHẤT
PHẨM THỨ NHÌ
PHẨM THỨ BA
PHẨM THỨ TƯ
PHẨM THỨ NĂM
NHÓM BỐN PHÁP

---o0o---

LỜI GIỚI THIỆU

Tam Tạng Song Ngữ Pāli - Việt tập 28 trình bày bốn tập Kinh đầu tiên của *Khuddakanikāya - Tiểu Bộ*, cụ thể là:

- *Khuddakapāṭhapāli - Tiểu Tụng*
- *Dhammapadapāli - Pháp Cú*
- *Udānapāli - Phật Tự Thuyết*
- *Itivuttakapāli - Phật Thuyết Như Vậy.*

Các tựa đề tiếng Việt của bốn tập Kinh này đã được giữ lại giống như các tựa đề ở các bản dịch của Ngài Hòa Thượng Thích Minh Châu.

Sau đây là phần giới thiệu sơ lược của từng tập Kinh một:

KHUDDAKAPĀṬHAPĀLI - TIỂU TỤNG

Tập Kinh *Khuddakapāṭhapāli - Tiểu Tụng*, tập Kinh thứ nhất thuộc *Khuddakanikāya - Tiểu Bộ*, được ghi nhận là tập Kinh ngắn nhất trong toàn bộ Tam Tạng Pāli. Nội dung của tập Kinh gồm 9 phần, 4 phần đầu trình bày những kiến thức Phật học căn bản gồm có: 3 sự nương nhờ (tam quy), 10 giới của vị Sa-di, 32 phần của cơ thể (32 đề mục tham thiền về thể

trước), và một số câu hỏi đáp liên quan đến phần giáo lý. Kế đến là 5 bài Kinh (*sutta*) thường được dùng để đọc tụng hàng ngày. Chín phần này còn được tìm thấy ở những văn bản khác thuộc Tam tạng *Pāli*. Ở các nước quốc giáo, tập Kinh này là phần kiến thức căn bản cần phải học thuộc lòng dành cho các giới tử trước khi thọ giới Sa-di. Các tựa đề của 9 phần ấy như sau:

1. *Saraṇagamanam* - Việc Đi Đến Nương Tựa
2. *Dasasikkhāpadam* - Mười Điều Học
3. *Dvattimsākāram* - Ba Mươi Hai thể
4. *Kumārapañhā* - Các Câu Hỏi Dành Cho Thiếu Niên
5. *Maṅgalasuttam* - Kinh Điềm Lành
6. *Ratanasuttam* - Kinh Châu Báu
7. *Tirokuḍḍasuttam* - Kinh Bên Ngoài Vách Tường
8. *Nidhikaṇḍasuttam* - Kinh Phần Của Cái Đẻ Dành
9. *Mettasuttam* - Kinh Từ Ái.

Chú Giải của tập Kinh này có tên là *Paramatthajotikā*, đã được thực hiện tại đảo quốc Tích Lan (Sri Lanka) vào khoảng cuối thế kỷ thứ 5 theo Tây lịch do công sức của Chú Giải Sư Buddhaghosa thuộc phái Mahāvihāra (Đại Tự).

DHAMMAPADAPĀLI - PHÁP CÚ

Tập Kinh *Dhammapadapāli* - *Pháp Cú* là tập Kinh được phổ biến rộng rãi nhất với nhiều bản dịch của nhiều dịch giả qua nhiều ngôn ngữ khác nhau. Tập Kinh gồm có 423 kệ ngôn (*gāthā*) được sắp xếp thành 26 phẩm (*vagga*) theo các chủ đề khác nhau với nội dung cô đọng trình bày những giáo lý căn bản cũng như tiêu chuẩn đạo đức chủ yếu của người tu Phật. Các kệ ngôn này đã được ghi lại số thứ tự theo sự phân loại truyền thống tính theo từng phẩm, thêm vào đó còn được liệt kê theo số thứ tự từ 1 đến 423 được đặt trong ngoặc [] ở đầu mỗi câu kệ để tiện việc trích lục tham khảo.

Chú Giải của tập Kinh này có tên là *Dhammapadaṭṭhakathā* và đã được thực hiện do công sức của Chú Giải Sư Buddhaghosa. Bài kệ mở đầu của tập Chú Giải cho biết tài liệu này đã được lưu truyền ở hòn đảo Tambapaṇṇī (Sri Lanka ngày nay) và đã được sưu tập lại bằng ngôn ngữ của đảo quốc này do sự yêu cầu của vị trưởng lão tên Kumārakassapa. Chú Giải cung cấp nhiều câu chuyện giải thích các sự kiện có liên quan và còn có thêm phần phân tích một số từ ngữ khó ở kệ ngôn.

UDĀNAPĀLI - PHẬT TỰ THUYẾT

Tập Kinh *Udānapāli - Phật Tự Thuyết* thuộc Tiểu Bộ, Tạng Kinh, là tập Kinh thứ ba sau tập Kinh *Dhammapadapāli - Pháp Cú*, và trước tập Kinh *Itivuttakapāli - Phật Thuyết Như Vậy*. Tập này gồm có 80 bài Kinh (*sutta*) được chia thành 8 phẩm (*vagga*), mỗi phẩm có đúng 10 bài Kinh. Nội dung của tập Kinh trình bày những lời cảm hứng của đức Phật, đa phần ở thể kệ ngôn (*gāthā*), được đặt ở cuối bài Kinh theo sau phần văn xuôi giới thiệu. Những lời cảm hứng này đã được đức Phật thốt lên do nỗi vui mừng của Ngài trước những sự việc xảy ra (*pīivegasamuṭṭhāpito udāhāro*, UdA. 01). Ngoài những tư liệu liên quan đến cuộc sống của đức Phật, còn có nhiều tích chuyện về các vị Thinh Văn đệ tử của Ngài như các vị Sāriputta, Mahāmoggallāna, Mahākassapa, Mahākaccāna, Nanda, Saṅgāmaji, Dabba, v.v... hoặc hàng nam nữ cư sĩ tại gia như là đức vua Pasenadi xứ Kosala, đức vua Udena, bà Visākhā, kỹ nữ Sundarī, v.v... Xét về thể loại (*aṅga*), tập Kinh *Udānapāli - Phật Tự Thuyết* đã được xếp vào thể loại *Udāna* là một trong chín thể loại của Giáo Pháp.^[1]

Chú Giải *Paramatthadīpanī* đã được thực hiện bởi Giáo Thọ Sư Ācariya Dhammapāla trong lúc cư ngụ tại tu viện Badaratitthavihāra, và cũng được tuân thủ theo phương thức thực hiện của phái Mahāvihāra (Đại Tự). Thời điểm thực hiện cũng được xác định vào cuối thế kỷ thứ 5 theo Tây Lịch, sau thời kỳ của Chú Giải Sư Buddhaghosa.

ITIVUTTAKAPĀLI - PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY

Tập Kinh *Itivuttakapāli - Phật Thuyết Như Vậy* là tập thứ tư thuộc Tiểu Bộ, Tạng Kinh, kế tiếp tập Kinh *Udānapāli - Phật Tự Thuyết*. Tập Kinh này gồm có 112 bài kinh được chia thành bốn Nhóm (*nipāta*) phân loại của Pháp số theo thứ tự từ thấp lên cao, gồm nhóm Một Pháp, Hai Pháp, Ba Pháp, và Bốn Pháp. Ba nhóm đầu được chia thành nhiều Phẩm (*vagga*), mỗi phẩm có nhiều bài Kinh (*sutta*): Nhóm Một Pháp có 27 bài Kinh được chia làm 3 Phẩm, Nhóm Hai Pháp có 22 bài Kinh được chia làm 2 Phẩm, Nhóm Ba Pháp có 50 bài Kinh được chia làm 5 Phẩm, riêng Nhóm Bốn có 13 bài Kinh và không được chia thành Phẩm. Mỗi bài Kinh có phần đầu bằng văn xuôi sau đó là câu kệ ngôn (*gāthā*), hai phần này bổ sung ý nghĩa cho nhau. Ngoài sự trình bày theo sự phân loại của các Nhóm (*nipāta*), các bài Kinh còn được ghi theo số thứ tự từ 1 đến 112 đặt trong dấu ngoặc [] ở đầu mỗi bài Kinh để tiện việc trích lục tham khảo. Một số bài Kinh đã được tìm thấy ở các nơi khác thuộc Tam Tạng *Pāli*, đặc biệt là ở *Āṅguttaranikāya - Bộ Tăng Chi*, phần còn lại chỉ thấy có ở riêng tập Kinh này. Xét về thể loại (*aṅga*), tập Kinh *Itivuttakapāli - Phật Thuyết Như Vậy* có thể được xếp vào thể loại *Itivuttaka* xét về tên của tựa đề và chữ “*iti*”^[2] được thấy ở câu mở đầu và câu kết luận: “*Vuttam h’ etaṃ bhagavatā, vuttamarahatā ’ti me*

sutam” (Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy) và “*Ayampi attho vutto bhagavatā. Iti me sutan ti*” (Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế).

Chú Giải của tập Kinh này có tên là *Paramatthadīpanī* đã được thực hiện bởi Giáo Thọ Sư Ācariya Dhammapāla trong lúc cư ngụ tại tu viện Badaratitthavihāra; điều này được tìm thấy ở phần cuối của tập sách. Thêm nữa, phần mở đầu (*ganthārambhakathā*) của tập Chú Giải này cho biết rằng: Các bài Kinh này đã được Khujjutarā, nữ hầu của nàng Sāmāvatī, nghe trực tiếp từ đức Phật tại thành Kosambī, sau đó thuyết lại cho nữ chủ và các người phụ nữ khác ở trong cung nghe (ItA. 29-32). Cũng cần giải thích thêm, nàng Sāmāvatī là phi tần của đức vua Udena, người đã bị chết thiêu cùng với 500 cung nữ khác khi nội cung của đức vua Udena bị đốt cháy; câu chuyện này được ghi lại ở tập Kinh *Udānapāli - Phật Tự Thuyết (Udenasuttam - Kinh Udena*, thuộc phẩm thứ bảy, *Cullavagga - Phẩm Nhỏ*).

Văn bản *Pāli Roman* trình bày ở đây đã được phiên âm lại từ văn bản *Pāli - Sinhala*, ấn bản *Buddha Jayanti Tripitaka Series* của nước quốc giáo Sri Lanka. Chúng tôi cũng xin thành tâm tán dương công đức của Ven. Mettāvihārī đã hoan hỷ cho phép chúng tôi sử dụng văn bản đã được phiên âm sẵn đang phổ biến trên mạng *internet*. Điểm đóng góp của chúng tôi trong việc thực hiện văn bản *Pāli Roman* này là dò lại kỹ lưỡng văn bản đã được phiên âm và so sánh kiểm tra những điểm khác biệt về văn tự ở Tam Tạng của các nước Thái Lan, Miến Điện, và Anh Quốc được ghi ở phần cước chú, đồng thời bổ sung thêm một số điểm khác biệt đã phát hiện được trong lúc so sánh các văn bản với nhau.

Về phương diện dịch thuật và trình bày văn bản tiếng Việt, chúng tôi đã ghi nghĩa Việt của các kệ ngôn bằng văn xuôi nhằm diễn tả trọn vẹn ý nghĩa của văn bản gốc. Một điểm cần ghi rõ ở đây là đối với một số các câu kệ *Pāli* 3, 4 dòng, có thứ tự gần với câu văn tiếng Việt, trong trường hợp này, câu tiếng Việt đã được ngắt thành từng dòng riêng biệt tương ứng với câu *Pāli* để tiện việc đối chiếu, so sánh, tìm hiểu, học hỏi. Về văn phong của lời dịch, chúng tôi chủ trương ghi lại lời tiếng Việt sát theo văn bản gốc và cố gắng không bỏ sót từ nào không dịch. Lời văn tiếng Việt của chúng tôi có chứa đựng những mấu chốt giúp cho những ai có ý thích nghiên cứu *Pāli* thấy ra được cấu trúc của loại ngôn ngữ này, đồng thời tạo sự thuận tiện cho công việc hiệu đính trong tương lai. Việc làm này của chúng tôi không hẳn đã được hoàn hảo, dấu sao cũng là bước khởi đầu nhằm thúc đẩy phong trào nghiên

cứu cổ ngữ Phật Học của người Việt Nam. Tuy nhiên, một số sai sót trong quá trình phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về trình độ yếu kém.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin chân thành ghi nhận sự quan tâm chăm sóc trực tiếp hoặc gián tiếp đối với công tác phiên dịch của chúng tôi về phương diện vật thực bồi dưỡng và thuốc men chữa bệnh của các vị hữu ân sau: Phật tử Phạm Thu Hương (Hongkong), Phật tử Tuệ Vân, Phật tử Tường Vân, Phật tử Tịnh Vân, Phật tử Paññavara Tuệ Ân, Phật tử Nguyễn Thế Anh, Phật tử Nguyễn Hoàng Bách (Hà Nội), gia đình Phật tử Hoàng Thị Lựu (Đà Nẵng), và còn nhiều Phật tử khác nữa đã hỗ trợ và quan tâm đến sức khỏe của chúng tôi trong thời gian qua, tiếc rằng không thể liệt kê ra tất cả vì quá dài. Nói rõ hơn, công việc soạn thảo này được thông suốt, không bị gián đoạn, chính là nhờ có sự hỗ trợ nhiệt tình và quý báu của quý vị. Thành tâm cầu chúc quý vị luôn giữ vững niềm tin và thành tựu được nhiều kết quả trong công việc tu tập giải thoát.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng không quên ghi nhận sự nhiệt tình của Sư Cô Mỹ Thúy và Phật tử Trương Hồng Hạnh đã sắp xếp thời gian để đọc lại bản thảo một cách kỹ lưỡng và đã đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc giúp cho chúng tôi tránh được một số điểm vụng về trong việc sử dụng từ ngữ tiếng Việt.

Chúng tôi cũng xin thành tâm tùy hỷ và tán dương công đức của các thí chủ đã nhiệt tâm đóng góp tài chánh giúp cho Công Trình Ấn Tống Tam Tạng Song Ngữ Pāli - Việt được tồn tại và phát triển. Mong sao phước báu Pháp thí này luôn dẫn dắt quý vị vào con đường tu tập đúng theo Chánh Pháp, thành tựu Chánh Trí, chứng ngộ Niết Bàn, không còn luân hồi sanh tử nữa.

Chúng tôi xin thành kính tri ân công đức của Ngài Hòa Thượng Ven. Devahandiye Paññasekara Nāyaka Mahāthera, tu viện trưởng tu viện Sri Jayawardhanaramaya Colombo 8 - Sri Lanka, và Ngài Hòa Thượng Pháp Nhân, trụ trì Chùa Liên Hoa, Irving, Texas - USA, đã cung cấp trú xứ và các vật dụng cần thiết giúp cho chúng tôi có thể tập trung toàn thời gian cho công việc thực hiện tập Kinh này.

Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo tập Kinh này được thành tựu đến thầy tổ, song thân, và tất cả chúng sanh trong tam giới. Nguyên cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ, và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút,

ngày 05 tháng 08 năm 2013

Tỳ Khuru Indacanda (Trương Đình Dũng)

---o0o---

TẶNG KINH - TIÊU BỘ

TIÊU TỤNG

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri!

01. VIỆC ĐI ĐẾN NƯƠNG NHỜ

Tôi đi đến nương nhờ Đức Phật,
Tôi đi đến nương nhờ Giáo Pháp,
Tôi đi đến nương nhờ Tăng Chúng.
Tôi đi đến nương nhờ Đức Phật lần thứ nhì,
Tôi đi đến nương nhờ Giáo Pháp lần thứ nhì,
Tôi đi đến nương nhờ Tăng Chúng lần thứ nhì.
Tôi đi đến nương nhờ Đức Phật lần thứ ba,
Tôi đi đến nương nhờ Giáo Pháp lần thứ ba,
Tôi đi đến nương nhờ Tăng Chúng lần thứ ba.

Việc Đi Đến Nương nhờ. ^[31]

02. MƯỜI ĐIỀU HỌC

Tôi thọ trì điều học là tránh xa việc giết hại sinh mạng.
Tôi thọ trì điều học là tránh xa việc lấy vật không được cho.
Tôi thọ trì điều học là tránh xa việc phi Phạm hạnh (hành dâm).
Tôi thọ trì điều học là tránh xa việc nói dối.
Tôi thọ trì điều học là tránh xa trường hợp dễ duôi uống chất say là rượu và chất lên men.
Tôi thọ trì điều học là tránh xa việc ăn sái giờ.
Tôi thọ trì điều học là tránh xa việc múa, hát, đờn, và xem trình diễn.
Tôi thọ trì điều học là tránh xa trường hợp đeo vòng hoa, thoa vật thơm, và tô điểm bằng đồ trang sức.
Tôi thọ trì điều học là tránh xa chỗ nằm ngòi cao và rộng lớn.
Tôi thọ trì điều học là tránh xa việc thọ lãnh vàng bạc.

Mười Điều Học.

03. BA MƯỜI HAI THỂ

Ở thân này có tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy xương, thận, tim, gan, cơ hoành, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, thực phẩm chưa tiêu, phân, mật, đờm, mủ, máu, mô hôi, mỡ, nước mắt, nước mỡ (huyết tương), nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu, não bộ ở đầu.

Ba Mười Hai Thể.

04. CÁC CÂU HỎI DÀNH CHO THIẾU NIÊN

Một là gì? Tất cả chúng sanh có sự tồn tại nhờ vào vật thực.

Hai là gì? Danh và sắc.

Ba là gì? Ba cảm thọ.

Bốn là gì? Bốn Chân Lý cao thượng.

Năm là gì? Năm thủ uẩn.

Sáu là gì? Sáu xứ thuộc nội phần.

Bảy là gì? Bảy chi phần đưa đến giác ngộ.

Tám là gì? Thánh Đạo tám chi phần.

Chín là gì? Chín trú xứ của chúng sanh.^[4]

Mười là gì? Vị hội đủ mười chi phần được gọi là ‘A-la-hán’.^[5]

Các Câu Hỏi Dành Cho Thiếu Niên.

05. KINH ĐIỀM LÀNH

Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Khi ấy, lúc đêm đã khuya, một vị Thiên nhân nọ với màu sắc vượt trội đã làm cho toàn bộ Jetavana rực sáng rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Đứng ở một bên, vị Thiên nhân ấy đã bạch với đức Thế Tôn bằng lời kệ rằng:

1. “Nhiều chư Thiên và nhân loại, trong khi mong mỏi các điều hưng thịnh, đã suy nghĩ về các điềm lành, xin Ngài hãy nói về điềm lành tôi thượng”.

2. “Không thân cận những kẻ ác, thân cận các bậc sáng suốt, và cúng dường các bậc xứng đáng cúng dường, điều này là điềm lành tối thượng.
3. Cư ngụ ở địa phương thích hợp, tính cách đã làm việc phước thiện trong quá khứ, và quyết định đúng đắn cho bản thân, điều này là điềm lành tối thượng.
4. Kiến thức rộng và (giỏi) nghề thủ công, khéo học tập rèn luyện, và lời nói được khéo nói, điều này là điềm lành tối thượng.
5. Phụng dưỡng mẹ và cha, cấp dưỡng các con và vợ, các nghề nghiệp không có xung đột (thuần là công việc), điều này là điềm lành tối thượng.
6. Bố thí và thực hành Giáo Pháp, trợ giúp các thân quyến, những việc làm không bị chê trách, điều này là điềm lành tối thượng.
7. Sự kiên cữ, xa lánh điều ác, tự chế ngự trong việc uống các chất say, và không xao lãng trong các (thiện) pháp, điều này là điềm lành tối thượng.
8. Sự cung kính, khiêm nhường, tự biết đủ, và biết ơn, sự lắng nghe Giáo Pháp vào đúng thời điềm, điều này là điềm lành tối thượng.
9. Sự nhẫn nại, trạng thái người dễ dạy, và việc yết kiến các bậc Sa-môn, sự bàn luận Giáo Pháp lúc hợp thời, điều này là điềm lành tối thượng.
10. Sự khắc khổ, và thực hành Phạm hạnh, sự nhận thức các Chân Lý Cao Thượng, và việc chứng ngộ Niết Bàn, điều này là điềm lành tối thượng.
11. Tâm không dao động khi tiếp xúc với các pháp thế gian, không sầu muộn, có sự xa lìa bợn nhơ, được an ổn, điều này là điềm lành tối thượng.
12. (Những người) đã thực hành những điều như thế này thì không bị thất bại ở mọi nơi, đi đến mọi nơi một cách hưng thịnh; đối với họ (những) điều ấy là điềm lành tối thượng”.

Kinh Điềm Lành.

06. KINH CHÂU BÁU

1. Các hạng sanh linh^[6] nào đã tụ hội nơi đây, là các hạng ở địa cầu, hoặc các hạng nào ở hư không, mong rằng toàn thể tất cả sanh linh đều được hoan hỷ, rồi xin hãy nghiêm trang lắng nghe lời nói này.
2. Chính vì thế, hỡi các sanh linh, mong rằng tất cả hãy lắng tai, xin các vị hãy thể hiện tâm từ đến dòng dõi nhân loại, là những người ngày và đêm mang lại vật phẩm cúng tế, chính vì thế xin các vị hãy hộ trì những người ấy, không xao lãng.

3. Bất cứ của cải nào ở đời này hoặc đời sau, hoặc loại châu báu hảo hạng nào ở các cõi Trời, thật vậy, không có gì sánh bằng đức Như Lai.

Châu báu hảo hạng này cũng có ở đức Phật; do sự chân thật này mong rằng hãy có sự hưng thịnh.

4. Sự diệt trừ, sự xa lìa tham ái, sự Bất Tử hảo hạng, bậc Hiền Trí dòng Sakya, (với tâm) định tĩnh, đã chứng đắc điều ấy, không có bất cứ cái gì sánh bằng Pháp ấy.

Châu báu hảo hạng này cũng có ở Giáo Pháp; do sự chân thật này mong rằng hãy có sự hưng thịnh.

5. Điều mà đức Phật tối thắng đã ca ngợi là trong sạch, Ngài đã nói điều ấy là định cho quả không bị gián đoạn, pháp sánh bằng định ấy không được biết đến.

Châu báu hảo hạng này cũng có ở Giáo Pháp; do sự chân thật này mong rằng hãy có sự hưng thịnh.

6. Tám hạng người nào đã được các bậc thiện nhân ca tụng, các vị này là bốn cặp; ^[7] họ là các đệ tử của đấng Thiện Thệ, xứng đáng cúng dường,

các sự bố thí ở các vị này có quả báu lớn lao.

Châu báu hảo hạng này cũng có ở Tăng Chúng; do sự chân thật này mong rằng hãy có sự hưng thịnh.

7. Các vị nào đã khéo gắn bó với tâm ý vững chãi, không còn dục vọng, theo lời dạy của đức Gotama, các vị ấy đã đạt được sự chứng đạt, sau khi đã thể nhập Bất Tử, các vị đã đạt được không nhọc sức, đang thọ hưởng trạng thái Tịch Diệt.

Châu báu hảo hạng này cũng có ở Tăng Chúng; do sự chân thật này mong rằng hãy có sự hưng thịnh.

8. Giống như cột trụ đá được nương vào lòng đất, sẽ không bị lay động bởi các cơn gió từ bốn phương, với sự so sánh như thế Ta nói về bậc chân nhân, là vị nào nhìn thấy rõ ràng bốn Chân Lý Cao Thượng.

Châu báu hảo hạng này cũng có ở Tăng Chúng; do sự chân thật này mong rằng hãy có sự hưng thịnh.

9. Các vị nào hiểu rõ về bốn Chân Lý Cao Thượng đã khéo được thuyết giảng bởi tuệ thâm sâu, dầu cho các vị ấy thường xuyên bị xao lãng, các vị ấy cũng không nhận lấy kiếp sống thứ tám.

Châu báu hảo hạng này cũng có ở Tăng Chúng; do sự chân thật này mong rằng hãy có sự hưng thịnh.

10. Đối với vị này, nhờ thành tựu về nhận thức, có ba pháp được từ bỏ:

sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, giới và phận sự, hoặc thậm chí bất cứ điều gì có liên quan, và (vị này) được thoát khỏi bốn khổ cảnh,^[8]

không thể nào gây nên sáu tội nghiêm trọng.^[9]

Châu báu hảo hạng này cũng có ở Tăng Chúng; do sự chân thật này mong rằng hãy có sự hưng thịnh.

11. Ngay cả khi vị ấy tạo nên bất cứ nghiệp gì ác xấu, bằng thân, bằng khẩu, hoặc bằng ý, vị ấy không thể nào che giấu điều ấy, tính chất không thể của vị chứng đạt Niết Bàn đã được nói đến.

Châu báu hảo hạng này cũng có ở Tăng Chúng; do sự chân thật này mong rằng hãy có sự hưng thịnh.

12. Giống như cây cối ở trong rừng đã được trở hoa ở ngọn trong cái nóng ở tháng đầu tiên của mùa hạ, với sự so sánh như thế, Ngài đã thuyết giảng về Giáo Pháp cao quý, có khả năng dẫn đến Niết Bàn, tối thắng về lợi ích.

Châu báu hảo hạng này cũng có ở đức Phật; do sự chân thật này mong rằng hãy có sự hưng thịnh.

13. Bậc cao quý, biết pháp cao quý, thí pháp cao quý, đem lại pháp cao quý, đáng Vô Thượng đã thuyết giảng về Giáo Pháp cao quý.

Châu báu hảo hạng này cũng có ở đức Phật; do sự chân thật này mong rằng hãy có sự hưng thịnh.

14. Nghiệp cũ đã được cạn kiệt, nguồn sanh khởi mới không có, với tâm không còn luyến ái vào sự hiện hữu ở tương lai,

các vị ấy có mầm giống đã cạn kiệt, mong muốn tăng trưởng không còn, các bậc sáng trí tịch diệt, giống như ngọn đèn này vậy.

Châu báu hảo hạng này cũng có ở Tăng Chúng; do sự chân thật này mong rằng hãy có sự hưng thịnh.

15. Các hạng sanh linh nào đã tụ hội nơi đây, là các hạng ở địa cầu hoặc các hạng nào ở hư không, chúng ta hãy lễ bái đức Phật đã ngự đến như thế, được chư Thiên và nhân loại cúng dường, mong rằng hãy có sự hưng thịnh.

Các hạng sanh linh nào đã tụ hội nơi đây, là các hạng ở địa cầu hoặc các hạng nào ở hư không, chúng ta hãy lễ bái Giáo Pháp đã ngự đến như thế, được chư Thiên và nhân loại cúng dường, mong rằng hãy có sự hưng thịnh.

Các hạng sanh linh nào đã tụ hội nơi đây, là các hạng ở địa cầu hoặc các hạng nào ở hư không, chúng ta hãy lễ bái Tăng Chúng đã ngự đến như thế, được chư Thiên và nhân loại cúng dường, mong rằng hãy có sự hưng thịnh.

Kinh Châu Báo.

07. KINH BÊN NGOÀI VÁCH TƯỜNG

1. “(Các nga quý) đứng bên ngoài các vách tường và ở các ngã tư ngã ba đường, chúng trở về căn nhà của mình rồi đứng ở các trụ cửa ra vào.
2. Khi nhiều thức ăn nước uống vật thực cứng mềm được bày ra, bởi vì duyên nghiệp của các chúng sanh nên không ai nhớ đến họ.
3. Những người nào có lòng thương tưởng, (những người ấy thường) ban phát thức ăn nước uống tinh khiết, hảo hạng, phù hợp, đúng thời đến các quyền thuộc như vậy:
4. ‘Vật thí này hãy thuộc về các quyền thuộc, mong rằng các quyền thuộc được an vui’. Và các nga quý quyền thuộc ấy đã đi đến tụ hội ở chỗ ấy.
5. Họ tùy hỷ một cách trân trọng về các thức ăn nước uống dồi dào rằng: ‘Mong rằng các quyền thuộc của chúng tôi được sống lâu. Nhờ vào các thân quyền mà chúng tôi được thọ hưởng. Việc cúng dường đến chúng tôi đã được thực hiện, các thí chủ không phải là không có quả báo’.
6. Bởi vì nơi ấy không có trồng trọt, việc chăn nuôi bò ở nơi này không được biết đến, việc thương mại ví như việc buôn bán bằng vàng là không có; các nga quý ở nơi ấy, những người đã chết, duy trì sự sống với vật đã được bố thí từ nơi đây.
7. Giống như nước mưa rơi xuống ở nơi cao chảy xuống chỗ thấp, tương tự y như thế, vật được bố thí từ nơi đây đem lại lợi ích cho các nga quý.
8. Giống như các dòng sông được tràn ngập thì làm đầy biển cả, tương tự y như thế, vật được bố thí từ nơi đây đem lại lợi ích cho các nga quý.
9. ‘Họ đã cho ta, họ đã làm cho ta, họ là các quyền thuộc, thân hữu, bạn bè của ta,’ trong khi nhớ lại việc đã làm trước đây, nên ban phát sự cúng dường đến các nga quý.
10. Sự khốc lóc, và sâu muộn, hay sự than vãn khác là không nên, bởi vì điều ấy không đem lại lợi ích cho hàng nga quý, (cho dầu) các thân quyền duy trì (hành động) như vậy.
11. Quả vậy, việc cúng dường đã được dâng cúng này, được khéo thiết lập ở Tăng Chúng, lập tức thành tựu lợi ích lâu dài đến nga quý ấy.

12. Việc ấy là bổn phận đối với thân quyến, và điều này đã được chỉ bảo. Việc cúng dường cao quý đến các ngài quý đã được làm. Và sức lực đã được trao đến các vị tỷ khưu. Phước báu được tạo ra bởi quý vị không phải là ít.

Kinh Bên Ngoài Vách Tường.

08. KINH PHẦN CỦA CÁI ĐỂ DÀNH

1. Con người chôn cất của cái để dành^[10] ở nơi sâu thẳm, gần mé nước (nghĩ rằng): ‘Khi nhu cầu, công việc cần làm sanh khởi, nó sẽ đem lại lợi ích cho ta.
2. Trong việc thoát khỏi lời kết tội từ đức vua, khỏi việc bị hành hạ bởi giặc cướp, hay khỏi nợ nần, khi có nạn đói kém, hoặc trong những lúc rủi ro; vì mục đích này, ở thế gian vật gọi là của cái để dành được đem chôn cất.
3. Trong khi đã được chôn cất cẩn thận ở nơi sâu thẳm, gần mé nước đến như vậy, toàn bộ (của cái để dành ấy) không hẳn luôn luôn thành tựu lợi ích cho người ấy.
4. Của cái chôn cất di chuyển khỏi vị trí, hoặc sự nhận biết của người này bị rối loạn, hoặc các loài rồng dời đi, hoặc các Dạ-xoa mang vật ấy đi.
5. Hoặc những kẻ thừa tự không được yêu thích đào lên một cách lén lút, khi nào có sự chấm dứt phước báu thì toàn bộ của cái chôn cất bị tiêu hoại.
6. Của cái để dành được chôn cất cẩn thận cho người nữ hoặc người nam do việc bố thí, do giữ giới, do tự chế ngự, và do việc rèn luyện của người ấy ...
7. ... ở nơi bảo tháp, hoặc ở Tăng Chúng, hoặc ở cá nhân, hoặc ở những người khách, ở người mẹ, hoặc luôn cả ở người cha, rồi ở người anh trưởng.
8. Của cái để dành ấy là được chôn cất cẩn thận, không bị chiếm đoạt, là vật đồng hành. Trong số các vật phải ra đi do sự từ bỏ (vào lúc từ trần), người ra đi mang theo của cái để dành này.
9. Của cái để dành (này) không san sẻ đến những người khác, không thể mang đi bởi những kẻ trộm cướp. Người sáng trí nên thực hành các việc phước báu, việc này là của cái để dành, là vật đồng hành.
10. Việc (phước báu) ấy ban cho chư Thiên và nhân loại mọi điều ước muốn. Bất cứ điều nào mà họ ước nguyện, tất cả đều được thành tựu nhờ vào việc (phước báu) này.
11. Trạng thái có làn da xinh đẹp, trạng thái có giọng nói thanh tao, trạng thái có tướng mạo thanh tú và có dáng vóc xinh xắn, địa vị thủ lãnh và đám tùy tùng, tất cả đều được thành tựu nhờ vào việc (phước báu) này.

12. Quyền cai quản địa phận, vương quyền cả nước, hạnh phúc của địa vị Chuyển Luân yêu quý, luôn cả quyền cai quản chư Thiên ở các cõi Trời, tất cả đều được thành tựu nhờ vào việc (phước báu) này.

13. Sự thành đạt thuộc về cõi người, sự vui sướng ở thế giới chư Thiên, và sự chứng đạt Niết Bàn, tất cả đều được thành tựu nhờ vào việc (phước báu) này.

14. Nhờ vào sự thành tựu về bạn hữu và của việc thực hành đúng phương pháp mà có được năng lực của Minh và Giải Thoát, tất cả đều được thành tựu nhờ vào việc (phước báu) này.

15. Các tuệ phân tích, các pháp giải thoát,^[111] và sự toàn hảo của bậc Thỉnh Văn, quả vị Độc Giác, và lãnh địa của đức Phật (Toàn Giác), tất cả đều được thành tựu nhờ vào việc (phước báu) này.

16. Việc ấy có lợi ích lớn lao như vậy, tức là sự thành tựu về phước báu. Vì thế, các bậc sáng trí, các bậc sáng suốt ngợi khen trạng thái của người có phước báu đã được tạo lập.

Kinh Phần Của Cải Để Dành.

09. KINH TỪ ÁI

1. Việc cần làm bởi vị thiện xảo trong việc thực hành sau khi đã thấu hiểu về vị thế an tịnh ấy là: có khả năng, ngay thẳng, chánh trực, dễ dạy, hòa nhã, và không ngã mạn thái quá.

2. Là người tự biết đủ, và dễ cấp dưỡng, ít bận rộn công việc, và có lối sống nhẹ nhàng, có giác quan an tịnh, và chín chắn, không hỗn xược, không tham đắm theo các gia tộc.

3. Và không nên thực hành bất cứ điều gì nhỏ nhặt mà các bậc hiểu biết khác đã khiển trách.

Mong rằng tất cả chúng sanh có được sự an lạc, có được sự an toàn.

Mong rằng tất cả chúng sanh có bản thân được an lạc.

4. Bất cứ những chúng sanh nào dầu là: yếu hoặc mạnh (tất cả) không bỏ sót, (có thân hình) dài hoặc to lớn, trung bình hoặc ngắn, nhỏ bé hay mập.

5. Được nhìn thấy, hoặc không được nhìn thấy, cư ngụ ở nơi xa và không xa, đã được hiện hữu hoặc đang tầm cầu sự thành hình, mong rằng tất cả chúng sanh có bản thân được an lạc.

6. Người này không nên lường gạt kẻ khác, không nên khi dễ bất cứ người nào ở bất cứ nơi đâu.

Do sự giận dữ, do ý tưởng bất bình, không nên mong mọi sự khổ đau cho lẫn nhau.

7. Giống như người mẹ đối với đứa con trai của mình nên bảo vệ đứa con trai độc nhất đến trọn đời, cũng như vậy, đối với tất cả các sanh linh, nên phát triển tâm ý vô hạn lượng.

8. Và tâm từ ái ở tất cả thế giới, nên phát triển tâm ý vô hạn lượng, bên trên, bên dưới, và chiều ngang, không bị ngăn trở, không thù oán, không đối nghịch.

9. Trong khi đứng, trong khi đi, hoặc khi đã ngồi xuống, hoặc trong khi nằm, cho đến khi nào sự buồn ngủ được xa lìa, nên chuyên chú vào niệm này, ở đây việc này được gọi là sự an trú cao thượng.

10. Và sau khi không đeo đuổi tà kiến, là người có giới, được thành tựu về nhận thức, sau khi xua đi sự thèm khát ở các dục, thì chắc chắn không đi đến thai bào lần nữa.

Kinh Từ Ái.

TIÊU TỤNG ĐƯỢC CHẤM DỨT.

---o0o---

TẶNG KINH - TIỂU BỘ

PHÁP CÚ

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri!

01. PHẨM SONG ĐỐI

[01] 1. Các pháp (sở hữu tâm) có tâm là sự dẫn đầu, có tâm là chủ đạo, được tạo ra bởi tâm. Nếu (người nào) nói hay làm với tâm xấu xa, do điều ấy khổ đau đi theo người ấy ví như bánh xe (đi theo) bước chân của con vật đang kéo xe.

[02] 2. Các pháp (sở hữu tâm) có tâm là sự dẫn đầu, có tâm là chủ đạo, được tạo ra bởi tâm. Nếu (người nào) nói hay làm với tâm trong sạch, do điều ấy hạnh phúc đi theo người ấy ví như bóng có sự không lìa khỏi (hình).

[03] 3. Nó đã sỉ vả tôi, nó đã đánh đập tôi, nó đã chế ngự tôi, nó đã tước đoạt của tôi. Những người nào áp ủ điều ấy, sự thù hận của những người ấy không được lắng yên.

[04] 4. Nó đã sỉ vả tôi, nó đã đánh đập tôi, nó đã chế ngự tôi, nó đã tước đoạt của tôi. Những người nào không áp ử điều ấy, sự thù hận ở những người ấy được lặng yên.

[05] 5. Ở thế gian này, các sự thù hận không bao giờ được lặng yên bởi sự hận thù, và chúng được lặng yên bởi sự không thù hận; điều này là quy luật cổ xưa.

[06] 6. Và những kẻ khác không nhận thức được, ở đây chúng ta nên tự kiềm chế. Còn những ai tại nơi ấy nhận thức được (điều ấy), nhờ thế các sự tranh chấp được lặng yên.

[07] 7. Trong khi sống có sự quan sát về tịnh tướng, không thu thúc ở các giác quan, không biết chừng mực về vật thực, lười biếng, có sự tinh tấn thấp kém, Ma Vương quả nhiên ngự trị người ấy, ví như cơn gió (đè bẹp) thân cây yếu ớt.

[08] 8. Trong khi sống có sự quan sát về bất tịnh tướng, khéo thu thúc ở các giác quan, biết chừng mực về vật thực, có niềm tin, có sự ra sức tinh tấn, Ma Vương quả nhiên không ngự trị người ấy, ví như cơn gió (không đè bẹp được) ngọn núi đá.

[09] 9. Kẻ nào có uest trược chưa lìa, sẽ khoác lên tấm vải ca-sa, (mà) bỏ bê việc rèn luyện và sự chân thật, kẻ ấy không xứng với y ca-sa.

[10] 10. Còn vị nào có uest trược đã được tẩy trừ, khéo định tĩnh trong các giới, gắn bó với việc rèn luyện và chân thật, người ấy quả nhiên xứng với y ca-sa.

[11] 11. Những người có quan niệm về điều vô ích là cốt lõi, và có nhận thức về điều cốt lõi là vô ích, những người ấy không đạt đến điều cốt lõi, có hành xử là những tư duy sai trái.

[12] 12. Và sau khi biết được điều cốt lõi là cốt lõi, và điều vô ích là vô ích, những người ấy đạt đến điều cốt lõi, có hành xử là những tư duy đúng đắn.

[13] 13. Giống như mưa xuyên thủng ngôi nhà được lợp (mái) vụng về, tương tự như thế ấy luyện ái xuyên thủng tâm không tu tập.

[14] 14. Giống như mưa không xuyên thủng ngôi nhà được lợp (mái) khéo léo, tương tự như thế ấy luyện ái không xuyên thủng tâm khéo được tu tập.

[15] 15. Kẻ làm ác sàu muộn ở đời này, sàu muộn sau khi chết, sàu muộn ở cả hai nơi. Sau khi nhìn thấy sự ô nhiễm ở việc làm của bản thân, kẻ ấy sàu muộn, kẻ ấy sàu khổ.

[16] 16. Người đã làm việc phước thiện vui sướng ở đời này, vui sướng sau khi chết, vui sướng ở cả hai nơi. Sau khi nhìn thấy sự trong sạch ở việc làm của bản thân, người ấy vui sướng, người ấy thích thú.

[17] 17. Kẻ làm ác bị bút rút ở đời này, bị bút rút sau khi chết, bị bút rút ở cả hai nơi, bị bút rút (nghĩ rằng): ‘Ta đã làm việc ác,’ bị đi đến khổ cảnh (kẻ ấy) bị bút rút nhiều hơn nữa.

[18] 18. Người đã làm phước thiện hân hoan ở đời này, hân hoan sau khi chết, hân hoan ở cả hai nơi, hân hoan (nghĩ rằng): ‘Ta đã làm việc phước thiện,’ được đi đến nhàn cảnh (người ấy) hân hoan nhiều hơn nữa.

[19] 19. Nếu là người dẫu đang nói nhiều về Kinh điển mà là người bị xao lãng, không làm điều ấy, được ví như kẻ chăn bò đang tính đếm đàn bò cho những người khác, không có phần Sa-môn hạnh.

[20] 20. Nếu là người dẫu đang nói ít về Kinh điển mà có sự hành trì thuận pháp đối với Giáo Pháp, sau khi dứt bỏ ái dục, sân hận và si mê, có sự nhận thức đúng đắn, có tâm khéo được giải thoát, trong khi không chấp thủ đời này hoặc đời kế tiếp, người ấy được hưởng phần Sa-môn hạnh.

Phẩm Song Đối là thứ nhất.

02. PHẨM KHÔNG XAO LÃNG

[21] 1. Sự không xao lãng là đạo lộ Bát Tử (Niết Bàn), sự xao lãng là con đường đưa đến sự chết. Những người không xao lãng không chết, những người nào xao lãng giống như đã chết.

[22] 2. Sau khi biết rõ điều ấy ở sự không xao lãng, thích thú trong hành xử của các bậc Thánh, các bậc sáng suốt vui sướng ở sự không xao lãng.

[23] 3. Có thiên chứng, kiên trì, thường xuyên có sự nỗ lực vững chãi, sáng trí, các vị ấy đạt đến Niết Bàn, sự an toàn tối thượng đối với các trói buộc.

[24] 4. Đối với người có sự tích cực, có niệm, có việc làm trong sạch, có hành động đã được cân nhắc, tự chế ngự, sống đúng pháp, không bị xao lãng, thì danh tiếng được tăng trưởng.

[25] 5. Bằng sự tích cực, bằng sự không xao lãng, bằng sự tự chế ngự, và bằng sự rèn luyện, bậc thông minh nên xây dựng hòn đảo mà cơn lũ không tràn ngập được.

[26] 6. Những kẻ ngu, trí tồi, chiều theo sự xao lãng, còn vị thông minh gìn giữ sự không xao lãng như là (gìn giữ) tài sản quý nhất.

[27] 7. Chớ nên chiều theo sự xao lãng, chớ có (nghĩ đến) sự thân mật, thích thú trong các dục, bởi vì người không xao lãng trong khi tham thiền đạt được sự an lạc bao la.

[28] 8. Khi nào bậc sáng suốt xua đi sự xao lãng bằng không xao lãng, (khi ấy) sau khi leo lên tòa lâu đài trí tuệ, không còn sầu muộn, bậc sáng trí nhìn xuống đám người bị sầu muộn, ví như người đứng ở ngọn núi nhìn xuống những kẻ ngu dốt đứng ở mặt đất.

[29] 9. Là người không xao lãng giữa những kẻ bị xao lãng, là người có nhiều sự tỉnh thức giữa những kẻ bị ngủ mê, bậc sáng trí từ bỏ (những kẻ ấy) và ra đi, ví như con tuấn mã ra đi bỏ lại con ngựa yếu đuối (ở phía sau).

[30] 10. Nhờ sự không xao lãng, đức Trời Đế Thích (Maghavā) đi đến vị trí hàng đầu trong số chư Thiên. (Người người) ngợi ca sự không xao lãng; sự xao lãng luôn luôn bị quả trách.

[31] 11. Vị tỳ khưu thích thú ở sự không xao lãng, nhìn thấy nỗi hiểm nguy ở sự xao lãng, ra đi ví như ngọn lửa đang thiêu đốt sự trói buộc nhỏ nhoi và to lớn.

[32] 12. Vị tỳ khưu thích thú ở sự không xao lãng, nhìn thấy nỗi hiểm nguy ở sự xao lãng, không thể đi đến thối đạo, (mà còn) ở rất gần Niết Bàn.

Phẩm Không Xao Lãng là thứ nhì.

03. PHẨM TÂM

[33] 1. Tâm chao đảo, thay đổi, khó hộ trì, khó ngăn chặn, người thông minh làm cho tâm được ngay thẳng, ví như thợ làm tên uốn thẳng cây tên.

[34] 2. Ví như con cá bị vớt ra khỏi nước và bị ném ở trên đất liền, tâm này giãy giụa hầu thoát khỏi tầm khống chế của Ma Vương.

[35] 3. Tâm khó kiểm soát, nhanh nhạy, có sự lao theo cảnh nó muốn. Tốt đẹp thay sự rèn luyện của tâm! Tâm đã được rèn luyện là nguồn đem lại niềm an lạc.

[36] 4. Tâm rất khó nhận biết, vô cùng vi tế, có sự lao theo cảnh nó muốn, người thông minh nên bảo vệ tâm. Tâm đã được hộ trì là nguồn đem lại niềm an lạc.

[37] 5. Tâm có sự di chuyển đến nơi xa xôi, độc hành, không có thân xác, có chỗ trú ẩn là hang sâu (trái tim). Những ai sẽ thu thúc tâm thì (sẽ) được thoát khỏi sự trói buộc của Ma Vương.

[38] 6. Đối với kẻ có tâm không được ổn định, không nhận thức được Chánh Pháp, có niềm tin bị dao động, thì tuệ không hoàn hảo.

[39] 7. Đối với người đang tỉnh thức, có tâm không bị nhiễm (bởi dục), có ý không bị công kích (bởi sân), đã dứt bỏ thiện và ác, thì không có sự sợ hãi.

[40] 8. Sau khi biết được thân này tương tự chậu đất nung, sau khi thiết lập tâm này tương tự thành trì, nên tấn công Ma Vương bằng vũ khí trí tuệ, và nên bảo vệ điều đã chiến thắng, nên có sự không ngại ngùng.

[41] 9. Không bao lâu nữa, thân này quả nhiên sẽ nằm dài ở trên đất, bị liệng bỏ đi, tâm thức đã xa lìa, ví như khúc gỗ mục không còn sự lợi ích.

[42] 10. Tâm hướng đến sự sai trái có thể gây nên cho người ấy điều còn tồi tệ hơn so với việc mà kẻ địch có thể làm đối với kẻ địch, hoặc kẻ thù hận đối với kẻ thù hận.

[43] 11. Tâm hướng đến sự chân chánh có thể tạo ra cho người ấy điều còn tốt đẹp hơn so với việc mà mẹ cha hoặc luôn cả các thân quyến khác có thể làm cho người ấy.

Phẩm Tâm là thứ ba.

04. PHẨM BÔNG HOA

[44] 1. Ai sẽ thấu triệt trái đất này, và thế giới Dạ Ma, thế giới (nhân loại) này luôn cả chư Thiên?

Ai sẽ thu thập lời dạy về Giáo Pháp đã khéo được thuyết giảng, ví như người thiện xảo sẽ thu thập bông hoa?

[45] 2. Vị Hữu Học sẽ thấu triệt trái đất này, và thế giới Dạ Ma, thế giới (nhân loại) này luôn cả chư Thiên.

Vị Hữu Học sẽ thu thập lời dạy về Giáo Pháp đã khéo được thuyết giảng, ví như người thiện xảo sẽ thu thập bông hoa.

[46] 3. Sau khi biết được thân này ví như bọt nước, trong khi biết rõ nó có tính chất giả tạm, nên chặt đứt những nụ hoa của Ma Vương và vượt khỏi tầm nhìn của Thần Chết.

[47] 4. Thần Chết ra đi mang theo người có tâm ý bị đắm nhiễm đang thu thập chỉ mỗi các bông hoa, ví như cơn lũ lớn cuốn trôi ngôi làng đã ngủ say.

[48] 5. Thần Chết thể hiện quyền lực với người có tâm ý bị đắm nhiễm đang thu thập chỉ mỗi các bông hoa, nhưng chưa được thỏa mãn về các dục.

[49] 6. Cũng giống như loài ong lấy nhụy rồi bay đi mà không gây tổn hại đến bông hoa, vẻ đẹp, và hương thơm (của nó), bậc hiền trí đi (khất thực) ở trong làng là tương tự như thế.

[50] 7. Không nên (soi mói) các việc sai quấy của những người khác, không nên (soi mói) việc đã làm hoặc chưa làm của họ, mà nên xem xét những việc đã làm và chưa làm của chính bản thân.

[51] 8. Cũng giống như bông hoa xinh đẹp có sắc không hương, tương tự như vậy lời nói được khéo nói của người không thực hành thì không có kết quả.

[52] 9. Cũng giống như bông hoa xinh đẹp có sắc có hương, tương tự như vậy lời nói được khéo nói của người có thực hành thì có kết quả.

[53] 10. Cũng giống như từ đồng bông hoa người ta có thể tạo thành nhiều loại tràng hoa, tương tự như thế nhiều việc thiện nên được làm bởi người đã được sanh ra (ở trên đời).

[54] 11. Hương thơm của bông hoa không bay ngược chiều gió, (hương thơm của) gỗ trầm, gỗ *tagara*, hoặc hoa nhài cũng không. Còn hương thơm của những người tốt bay ngược chiều gió, bậc chân nhân tỏa hương (thơm giới hạnh) tất cả các phương.

[55] 12. Gỗ trầm, gỗ *tagara*, hoặc ngay cả hoa sen, rồi hoa nhài, trong số các loại có hương thơm này, hương thơm của giới là vô thượng.

[56] 13. Hương thơm này của gỗ *tagara* hay gỗ trầm có phẩm lượng ít ỏi, còn hương thơm của các bậc có giới hạnh thời giữa chư Thiên là tối thượng.

[57] 14. Đối với những vị có giới đã được thành tựu, đang sống không xao lãng, đã được giải thoát nhờ vào hiểu biết chân chánh, Ma Vương không tìm ra đạo lộ của những vị ấy.

[58] 15. Giống như tại đồng rác đã được quăng bỏ ở con đường lớn, tại nơi ấy hoa sen có thể sanh trưởng, có mùi thơm tinh khiết, làm thích ý.

[59] 16. Tương tự như thế, ở giữa các chúng sanh rác rưởi, ở giữa hạng phàm nhân có trạng thái tăm tối, vị Thịnh Văn của đảng Chánh Đẳng Giác rực sáng với trí tuệ.

Phẩm Bông Hoa là thứ tư.

05. PHẨM KẾ NGU

[60] 1. Đem là dài đối với người đang thức, một do-tuần là dài đối với người bị mệt mỏi, luân hồi là dài đối với những kẻ ngu không nhận biết Diệu Pháp.

[61] 2. Trong khi du hành, nếu không đạt được người giỏi hơn (hoặc) tương đương so với bản thân, nên vững chãi thực hiện việc du hành một mình; không có tình bạn hữu ở kẻ ngu.

[62] 3. ‘Tôi có các con trai, tôi có tài sản,’ (nghĩ thế) kẻ ngu bị sàu khổ. Chính bản thân của mình còn không có, từ đâu mà có các con trai, từ đâu mà có tài sản?

[63] 4. Người ngu nào biết được sự ngu dốt (của mình), do việc ấy người ấy cũng là sáng suốt. Còn kẻ ngu (nào) có sự tự hào là sáng suốt, chính kẻ ấy được gọi là ‘ngu’.

[64] 5. Kẻ ngu nếu thân cận bậc trí cho đến trọn đời mà kẻ ấy không nhận thức được Giáo Pháp thì giống như cái muống (không biết được) vị của món xúp.

[65] 6. Người hiểu biết nếu thân cận bậc trí dầu chỉ phút chốc mà mau chóng nhận thức được Giáo Pháp thì giống như cái lưỡi (biết được) vị của món xúp.

[66] 7. Trong khi làm nghiệp ác là việc làm có quả báo đáng cay, những kẻ ngu có trí tồi cư xử đối với bản thân như là (cư xử đối với) kẻ thù.

[67] 8. Việc gì sau khi làm mà bị hối hận, và nhận lãnh quả thành tựu của việc ấy với khuôn mặt đầy nước mắt, khóc lóc, thì việc làm ấy đã được làm một cách không tốt đẹp.

[68] 9. Còn việc gì sau khi làm mà không bị hối hận, và nhận lãnh quả thành tựu của việc ấy được vừa lòng thích ý, thì việc làm ấy đã được làm một cách tốt đẹp.

[69] 10. Cho đến khi nào điều ác chưa được chín muối thì kẻ ngu còn nghĩ về nó như là mật ngọt, nhưng đến khi điều ác được chín muối thì kẻ ngu đọa vào khổ đau.

[70] 11. Kẻ ngu có thể thọ dụng vật thực bằng đầu ngọn cỏ *kusa* theo từng tháng một, kẻ ấy không giá trị bằng một phần mười sáu so với những người đã hiểu được Giáo Pháp.

[71] 12. Ví như sữa không trở chua ngay lập tức, nghiệp ác đã làm không trở quả liền liền, nó theo đuổi kẻ ngu, đốt nóng, ví như ngọn lửa đã được phủ tro.

[72] 13. Trạng thái được nổi tiếng sanh lên cho kẻ ngu cũng chỉ đem lại điều bất lợi, nó làm vỡ tan cái đầu (trí tuệ) và hủy hoại phần thánh thiện của kẻ ngu này.

[73] 14. (Kẻ ngu) có thể ước ao sự tiến bộ không có thực, sự nổi bật trong số các vị tỳ khưu, quyền hành ở các trú xứ, và sự cúng dường ở các gia đình khác.

[74] 15. ‘Mong sao cả hai hàng tại gia và xuất gia đều nghĩ rằng việc đã được làm bởi chính ta, mong sao họ đều chịu sự điều khiển của chính ta trong mọi công việc lớn nhỏ,’ suy nghĩ của kẻ ngu là thế ấy, lòng ham muốn và ngã mạn của kẻ ấy tăng trưởng.

[75] 16. Phương thức đưa đến lợi lộc là cái khác, còn đường lối đi đến Niết Bàn là cái khác, sau khi biết rõ điều này như thế, vị tỳ khưu đệ tử của đức Phật chớ nên thích thú sự tôn vinh, nên thực hành hạnh độc cư.

Phẩm Kẻ Ngu là thứ năm.

06. PHẨM BẠC SÁNG SUỐT

[76] 1. Nên nhận biết người thông minh, có sự nhìn thấy được lỗi lầm, có lời nói khiến trách, như là người chỉ ra những của cải chôn giấu (cho mình); nên giao thiệp với người sáng suốt như thế ấy. Đối với người giao thiệp với vị như thế ấy, thì trở nên tốt hơn, không có xấu hơn.

[77] 2. Người (nào) có thể giáo giới, có thể chỉ dạy, có thể ngăn chặn điều không tốt lành, thật vậy đối với những người tốt thì người ấy được yêu mến, đối với những người xấu thì không được yêu mến.

[78] 3. Không nên giao thiệp với những bạn xấu, không nên giao thiệp với những người đê tiện. Nên giao thiệp với những người bạn lành, nên giao thiệp với những người cao thượng.

[79] 4. Người có sự hoan hỷ trong Giáo Pháp ngủ một cách an lạc với tâm ý thanh tịnh. Người sáng suốt luôn luôn hứng thú trong Giáo Pháp đã được các bậc Thánh tuyên thuyết.

[80] 5. Thật vậy, những người đào kênh dẫn nước, những thợ làm tên uốn nắn cây tên, những người thợ mộc tạo dáng thanh gỗ, những người sáng suốt rèn luyện bản thân.

[81] 6. Giống như tảng đá rắn chắc không bị lay động bởi gió, tương tự như thế các bậc sáng suốt không dao động ở các sự chê khen.

[82] 7. Cũng giống như hồ nước sâu, trong sạch, không bị vẩn đục, tương tự như thế, sau khi lắng nghe (các lời giảng về) Giáo Pháp các bậc sáng suốt được an tịnh.

[83] 8. Thật vậy, các bậc chân nhân từ bỏ mọi thứ, các bậc đạo đức không đề cập đến các ước muốn về dục lạc.

Bị xúc chạm bởi hạnh phúc hay bởi khổ đau, các bậc sáng suốt không tỏ ra phấn khởi hay chán nản.

[84] 9. Người không vì lý do của bản thân, không vì lý do của kẻ khác, không ao ước con trai, không ao ước tài sản, không ao ước quốc độ, không mong muốn sự thành tựu cho bản thân một cách sai quấy, người ấy là người chân chánh, có giới hạnh, có trí tuệ.

[85] 10. Ở loài người, những người có sự đi đến bờ kia là ít ỏi, trái lại những người khác chỉ chạy dọc theo bờ (bên này).

[86] 11. Và những người nào, khi pháp đã được tuyên thuyết đúng đắn, có sự hành trì theo pháp, những người ấy sẽ đi đến bờ kia, (sau khi vượt qua) lãnh vực của Ma Vương rất khó vượt qua.

[87] 12. Bậc sáng suốt, sau khi liả bỏ pháp đen, nên phát triển pháp trắng, sau khi từ nhà đi đến trạng thái không nhà, ở chỗ tách biệt là nơi khó có sự thích thú.

[88] 13. Sau khi từ bỏ các dục, không còn có vật gì, vị sáng suốt nên mong mỏi sự thỏa thích ở nơi ấy, nên thanh lọc bản thân khỏi các điều ô nhiễm của tâm.

[89] 14. Những vị nào có tâm đã khéo được tu tập ở các chi phần đưa đến Giác Ngộ, được thích thú trong việc xả bỏ các sự bám víu, không còn chấp thủ, những vị ấy có các lậu hoặc đã được cạn kiệt, có sự chói sáng, đã đạt Niết Bàn ở thế gian.

Phẩm Bậc Sáng Suốt là thứ sáu.

07. PHẨM A-LA-HÁN

[90] 1. Đối với người đã trải qua cuộc hành trình, không còn sầu muộn, đã được giải thoát về mọi phương diện, đã dứt bỏ mọi trói buộc, sự bực bội là không được biết đến.

[91] 2. Các vị nỗ lực, có niệ, các vị ấy không thích thú về chỗ ở. Ví như những con thiên nga từ bỏ hồ nước, các vị ấy từ bỏ mọi trú xứ.

[92] 3. Các vị nào không có sự tích lũy, đã hiểu biết toàn diện về vật thực, có không tánh và vô tướng giải thoát là hành xứ của họ, lộ trình của các vị ấy là khó theo dõi, ví như đường bay của những con chim ở trên không trung.

[93] 4. Vị nào có các lậu hoặc đã được hoàn toàn cạn kiệt, và không bị lệ thuộc về vật thực, có không tánh và vô tướng giải thoát là hành xứ của mình, vết chân của vị ấy là khó theo dõi, ví như đường bay của những con chim ở trên không trung.

[94] 5. Vị nào có các giác quan đã đi đến sự yên lặng, giống như những con ngựa đã khéo được huấn luyện bởi người đánh xe, có ngã mạn đã được dứt bỏ, không còn lậu hoặc, ngay cả chư Thiên cũng yêu mến vị có đức hạnh như thế ấy.

[95] 6. Giống như trái đất không chống đối, tựa như cột trụ chống, vị có sự hành trì tốt đẹp như thế ấy ví như hồ nước đã được vét bùn, không còn các việc luân hồi đối với vị như thế ấy.

[96] 7. Đối với vị đã được giải thoát do sự hiểu biết đúng đắn, đã được an tịnh như thế ấy, suy nghĩ của vị ấy là thanh tịnh, lời nói và hành động đều thanh tịnh.

[97] 8. Người nào không tà tín, biết sự không tạo tác (Niết Bàn), cắt đứt sự tiếp nối (tái sanh), đã tiêu diệt duyên có, đã buông bỏ niềm ước muốn, chính vị ấy là con người tối thượng.

[98] 9. Cho dầu ở làng, hoặc là ở rừng, cho dầu ở thung lũng hoặc ở cao nguyên, nơi nào các vị A-la-hán cư ngụ, vùng đất ấy thật đáng ưa thích.

[99] 10. Các khu rừng đáng ưa thích là nơi dân chúng không ưa thích. Những vị có tham ái đã lìa sẽ thích thú, họ không có sự tầm cầu dục lạc.

Phẩm A-la-hán là thứ bảy.

08. PHẨM MỘT NGÀN

[100] 1. Nếu một ngàn lời nói mà chỉ chứa đựng những từ vô nghĩa, thì một từ có ý nghĩa là tốt hơn, sau khi nghe nó được an tịnh.

[101] 2. Nếu một ngàn câu kệ mà chỉ chứa đựng những từ vô nghĩa, thì một chữ của câu kệ là tốt hơn, sau khi nghe nó được an tịnh.

[102] 3. Nếu người nào nói một trăm câu kệ chứa đựng những từ vô nghĩa, thì (nói) một câu Pháp là tốt hơn, sau khi nghe nó được an tịnh.

[103] 4. Người nào có thể chiến thắng một ngàn người một ngàn lần ở chiến trường, và người có thể chiến thắng mỗi một bản thân mình, người ấy quả thật là tối thượng trong số những người chiến thắng ở chiến trường.

[104] 5. Đúng vậy, đối với con người đã rèn luyện bản thân, có hành vi được chế ngự thường xuyên, chiến thắng bản thân là tốt hơn chiến thắng những người khác.

[105] 6. Không phải vị Trời, không phải vị Càn-thát-bà, không phải Ma Vương cùng với Phạm Thiên có thể làm cho sự chiến thắng của con người có tính chất như thế trở thành chiến bại.

[106] 7. Người cúng tế một ngàn (đồng tiền) hàng tháng trong một trăm năm, và người lễ bái đến một vị có bản thân đã được tu tập dầu chỉ trong phút chốc, chính việc lễ bái ấy là tốt hơn việc tế lễ một trăm năm.

[107] 8. Người hầu cận ngọn lửa ở khu rừng trong một trăm năm, và người lễ bái đến một vị có bản thân đã được tu tập dầu chỉ trong phút chốc, chính việc lễ bái ấy là tốt hơn việc tế lễ một trăm năm.

[108] 9. Người mong mỏi phước báu có thể cúng tế bất cứ vật cúng tế hoặc vật tế lễ nào ở thế gian trọn năm, toàn bộ việc ấy cũng không đạt được một phần tư, việc đánh lễ ở các vị chánh trực là tốt hơn.

[109] 10. Bốn pháp: tuổi thọ, sắc đẹp, an vui, sức mạnh tăng trưởng đến người có tập tính đánh lễ và thường xuyên có sự kính trọng đến các bậc trưởng thượng.

[110] 11. Và người nào có thể sống một trăm năm, có giới xấu xa, không định tĩnh, mạng sống một ngày của người có giới hạnh, có thiền, là tốt hơn.

[111] 12. Và người nào có thể sống một trăm năm, thiếu trí tuệ, không định tĩnh, mạng sống một ngày của người có tuệ, có thiền, là tốt hơn.

[112] 13. Và người nào có thể sống một trăm năm, lười biếng, có sự tinh tấn thấp kém, mạng sống một ngày của người đang ra sức tinh tấn một cách vững chãi là tốt hơn.

[113] 14. Và người nào có thể sống một trăm năm, không nhìn thấy sự sanh và diệt, mạng sống một ngày của người nhìn thấy sự sanh và diệt là tốt hơn.

[114] 15. Và người nào có thể sống một trăm năm, không nhìn thấy vị thế Bất Tử, mạng sống một ngày của người nhìn thấy vị thế Bất Tử là tốt hơn.

[115] 16. Và người nào có thể sống một trăm năm, không nhìn thấy Giáo Pháp tối thượng, mạng sống một ngày của người nhìn thấy Giáo Pháp tối thượng là tốt hơn.

Phẩm Một Ngàn là thứ tám.

09. PHẨM ÁC

[116] 1. Nên mau mắn trong việc tốt, nên ngăn chặn tâm khởi điều ác, bởi vì khi người làm việc phước thiện một cách chậm chạp, tâm của người thích thú trong việc ác.

[117] 2. Nếu người làm việc ác, không nên tiếp tục làm việc ấy nữa. Không nên tạo ra sự mong muốn về việc ấy, sự tích lũy việc ác là khổ đau.

[118] 3. Nếu người làm việc phước thiện, nên tiếp tục làm việc ấy. Nên tạo ra sự mong muốn về việc ấy, sự tích lũy việc phước thiện là hạnh phúc.

[119] 4. Người làm ác cũng gặp được điều lành khi nào việc ác chưa được chín muồi. Và khi nào việc ác được chín muồi, khi ấy người làm ác gặp những điều xấu xa.

[120] 5. Người làm lành cũng gặp điều xấu xa khi nào việc lành chưa được chín muồi. Và khi nào việc lành được chín muồi, khi ấy người làm lành gặp những điều tốt lành.

[121] 6. Chớ xem thường việc ác (nghĩ rằng): ‘Điều ấy sẽ không đến cho ta’. Với việc nhỏ xuống từng giọt nước, bình nước cũng được tràn đầy, trong khi tích lũy (việc ác) dầu chỉ từng chút từng chút, kẻ ngu bị ngập tràn việc ác.

[122] 7. Chớ xem thường việc phước (nghĩ rằng): ‘Điều ấy sẽ không đến cho ta’. Với việc nhỏ xuống từng giọt nước, bình nước cũng được tràn đầy, trong khi tích lũy (việc phước) dầu chỉ từng chút từng chút, người sáng trí được ngập tràn việc phước.

[123] 8. Nên lánh xa các việc ác, ví như người thương buôn có đoàn lũ hành ít ỏi mà có tài sản lớn lao nên lánh xa con đường nguy hiểm, ví như người có ý muốn sống nên lánh xa thuốc độc.

[124] 9. Có thể nắm lấy thuốc độc bằng bàn tay nếu ở bàn tay không có vết thương; thuốc độc không ngấm vào chỗ không có vết thương, không có điều ác cho người không làm (ác).

[125] 10. Kẻ nào bôi nhọ người không bị ô nhiễm, người trong sạch, không vết nhơ, điều xấu xa quay về chính kẻ ngu ấy, ví như bụi bặm li ti được tung ra ngược chiều gió.

[126] 11. Một số sanh vào bào thai, những kẻ có nghiệp ác sanh vào địa ngục, những người có hạnh lành đi đến cõi trời, các bậc vô lậu viên tịch Niết Bàn.

[127] 12. Không phải ở bầu trời, không phải ở giữa biển khơi, không phải đã đi vào khe của những ngọn núi, không tìm thấy khu vực ấy ở trên trái đất, nơi mà người đứng ở đó có thể thoát khỏi nghiệp ác.

[128] 13. Không phải ở bầu trời, không phải ở giữa biển khơi, không phải đã đi vào khe của những ngọn núi, không tìm thấy khu vực ấy ở trên trái đất, nơi mà người đứng ở đó thì Tử Thần không thể không chế.

Phẩm Ác là thứ chín.

10. PHẨM HÌNH PHẠT

[129] 1. Tất cả khiếp sợ hành phạt, tất cả sợ hãi Tử Thần. Sau khi lấy bản thân làm ví dụ, chớ nên giết hại, chớ nên bảo (kẻ khác) giết hại.

[130] 2. Tất cả khiếp sợ hành phạt, tất cả xem mạng sống là yêu quý. Sau khi lấy bản thân làm ví dụ, chớ nên giết hại, chớ nên bảo (kẻ khác) giết hại.

[131] 3. Kẻ nào hãm hại các chúng sanh có sự mong mỏi hạnh phúc bằng hành phạt trong khi tâm cầu hạnh phúc cho mình, kẻ ấy không đạt được hạnh phúc sau khi chết.

[132] 4. Kẻ nào không hãm hại các chúng sanh có sự mong mỏi hạnh phúc bằng hành phạt trong khi tâm cầu hạnh phúc cho mình, kẻ ấy đạt được hạnh phúc sau khi chết.

[133] 5. Người chớ nói điều thô lỗ đến bất cứ ai. Những người đã bị (người) nói có thể nói lại người. Những lời nói cộc cằn quả là tai hại, (bởi vì) các sự đánh trả lại có thể giáng xuống cho người.

[134] 6. Nếu người không dao động bản thân giống như cái chuông đã bị bẻ, chính người đã đạt đến Niết Bàn, sự thù hằn không tìm thấy ở người.

[135] 7. Giống như người chặn bò dùng gậy gộc lừa bày bò ra đồng cỏ, tương tự như thế sự già và sự chết xua đuổi tuổi thọ của các chúng sanh.

[136] 8. Và trong khi làm các việc ác, kẻ ngu không được sáng suốt. Kẻ có trí tuệ bị hối hận bởi các hành động của mình, ví như bị đốt thiêu bởi ngọn lửa.

[137] 9. Kẻ nào dùng gậy gộc gây hại đến các bậc không có gậy gộc, không bị ô nhiễm, ngay lập tức bị đọa vào một trong mười trường hợp:

[138] 10. (Kẻ ấy) có thể gánh chịu cảm thọ khốc liệt, sự mất mát tài sản, và sự tổn thương của cơ thể, hoặc là bệnh hoạn trầm trọng, hoặc sự mất trí.

[139] 11. Hoặc là sự phiền hà từ nhà vua, hay sự cáo tội khắc nghiệt, hoặc là sự tổn thất về thân quyến, hay sự tiêu tán về các cửa cải.

[140] 12. Hoặc là ngọn lửa phát khởi thiêu đốt các gian nhà của kẻ ấy. Do sự hoại rã của thân, kẻ thiếu trí tuệ ấy bị sanh vào địa ngục.

[141] 13. Không phải sự thực hành lửa thể, không phải các búi tóc, không phải (sự bôi trét) các bùn đất, không phải sự tuyệt thực, hoặc sự nằm trên mặt đất, không phải bụi bặm và cấu ghét, không phải sự ra sức ngồi chồm hổm làm trong sạch con người chưa vượt qua sự nghi hoặc.

[142] 14. Mặc dầu đã được trang sức, mà có thể thực hành sự trầm tĩnh, được an tịnh, đã được rèn luyện, quả quyết, có Phạm hạnh, đã buông bỏ sự hành hạ đối với tất cả chúng sanh, vị ấy là Bà-la-môn, vị ấy là Sa-môn, vị ấy là tỳ khưu.

[143] 15. Người có sự tự ngăn ngừa bằng pháp hổ thẹn (tội lỗi) khó tìm thấy ở thế gian, là người không khơi dậy lời chê trách, ví như con ngựa hiền không phải dùng đến cây roi.

[144] 16. Giống như con ngựa hiền được điều khiển bởi cây roi, các người hãy có sự nhiệt tâm, có sự năng nổ.

Với tín, với giới, và với tấn, với định, và với sự thâm định về pháp, có minh và hạnh đầy đủ, có niệm, các người hãy dứt bỏ sự khổ đau không phải là nhỏ nhoi này.

[145] 17. Thật vậy, những người đào kênh dẫn nước, những thợ làm tên uốn nắn cây tên, những người thợ mộc tạc dáng thanh gỗ, những vị có sự hành trì tốt đẹp rèn luyện bản thân.

Phẩm Hình Phạt là thứ mười.

11. PHẨM GIÀ

[146] 1. Nụ cười gì đây, tại sao có niềm vui, khi thường xuyên bị đốt cháy? Bị bao trùm bởi bóng tối, phải chăng các người sẽ không tìm kiếm ngọn đèn?

[147] 2. Hãy nhìn xem hình bóng đã được tô điểm, tập hợp những vết thương, đã được dựng đứng lên (với những mảnh xương), bệnh hoạn, có nhiều suy tư, đối với nó không có sự bền vững, ổn định.

[148] 3. Thể xác này là hoàn toàn tàn tạ, ô bệnh tật, mỏng manh. Xác thân hôi thối (sẽ) bị tan rã bởi vì mạng sống có sự chết là điểm cuối cùng.

[149] 4. Có sự thích thú gì sau khi nhìn thấy những mảnh xương có màu trắng xám này bị quăng bỏ tứ tán tựa như những trái bầu ở vào mùa thu?

[150] 5. (Thân này) là thành trì được làm bằng những mảnh xương, có sự bôi trét bằng thịt và máu, là nơi mà sự già, sự chết, ngã mạn, và đố kỵ ẩn náu.

[151] 6. Các cỗ xe của đức vua, khéo được trang điểm, đương nhiên (sẽ) trở thành tàn tạ, rồi thân xác cũng đi đến sự già nua, nhưng Giáo Pháp của các bậc Thánh không đi đến sự già nua. Đúng vậy, các bậc Thánh tuyên thuyết đến các người tốt lành.

[152] 7. Người nam này, ít chịu học hỏi, trở thành già cỗi ví như con bò mộng, các bắp thịt của kẻ ấy tăng trưởng, trí tuệ của kẻ ấy không tăng trưởng.

[153] 8. Ta đã trải qua luân hồi trong nhiều kiếp sống không ngừng nghỉ, trong khi tìm kiếm người thợ làm nhà; sự sanh tái diễn là khổ đau.

[154] 9. Hỡi người thợ làm nhà, người đã bị nhìn thấy. Người sẽ không xây dựng nhà nữa. Tất cả các rường cột của người đã bị gãy đổ, mái nhà đã bị phá tan. Tâm (của Ta) đã đi đến sự không còn tạo tác, Ta đã chứng đạt sự diệt tận của các tham ái.

[155] 10. Những người đã không thực hành Phạm hạnh, đã không đạt được tài sản lúc còn trẻ, ví như những con cò già bị tàn tạ ở hồ nước cạn, không còn cá.

[156] 11. Những người đã không thực hành Phạm hạnh, đã không thành tựu tài sản lúc còn trẻ, nằm dài thở than về các việc quá khứ, ví như những (mũi tên) hết đà bắn ra từ cây cung, rơi xuống đất.

Phẩm Già là thứ mười một.

12. PHẨM TỰ NGÃ

[157] 1. Nếu biết bản thân là đáng yêu thì nên bảo vệ nó một cách cẩn thận. Người sáng suốt nên cảnh tỉnh (bản thân) vào một trong ba thời. ^[12]

[158] 2. Trước tiên nên huân tập chính bản thân ở việc đứng đắn, rồi mới nên chỉ dạy người khác, (như thế) người sáng suốt không thể bị ô nhiễm.

[159] 3. Nếu chỉ dạy người khác như thế nào thì nên thực hành đối với bản thân như vậy. Đúng vậy, người đã khéo được rèn luyện thì có thể rèn luyện (kẻ khác), bởi vì bản thân quả là khó rèn luyện.

[160] 4. Chính ta là người bảo hộ cho ta, còn người nào khác nữa có thể là người bảo hộ (cho ta)? Khi chính ta đã khéo được rèn luyện, thì đạt được người bảo hộ là việc khó mà đạt được.

[161] 5. Việc ác đã do chính ta làm, đã do ta gây ra, có nguồn sanh khởi từ nơi ta. Việc ác nghiền nát kẻ kém trí tuệ, ví như kim cương nghiền nát viên ngọc ma-ni làm bằng đá.

[162] 6. Ví như dây leo *māluva* trèo lên cây *sālā*, người có giới tội tệ quá mức tạo ra cho bản thân điều mà kẻ thù mong muốn gây ra cho người ấy.

[163] 7. Những việc không tốt đẹp và không có lợi ích cho bản thân là những việc dễ làm. Đúng vậy, việc gì có lợi ích và tốt đẹp, việc ấy hiển nhiên là việc vô cùng khó làm.

[164] 8. Kẻ nào kém trí tuệ, nương tựa ác tà kiến, khinh miệt lời giảng dạy của các bậc A-la-hán, của các vị Thánh Nhân có đời sống đúng đắn, (kẻ ấy) gây nên hậu quả đưa đến sự tiêu hoại cho bản thân, ví như các trái của cây tre (khi trở hoa kết trái thì hại chết cây tre).

[165] 9. Việc ác đã được làm bởi chính bản thân, trở thành ô nhiễm bởi bản thân. Việc ác đã không được làm bởi bản thân, trở thành trong sạch bởi chính bản thân. Trong sạch (hay) không trong sạch tùy thuộc vào bản thân, không ai có thể làm cho người khác trở thành trong sạch.

[166] 10. Không nên buông bỏ lợi ích của bản thân vì lợi ích của kẻ khác cho dầu là lớn lao. Sau khi biết rõ lợi ích của bản thân, nên quan tâm đến lợi ích của mình.

Phẩm Tự Ngã là thứ mười hai.

13. PHẨM THẾ GIAN

[167] 1. Không nên thân cận với pháp thấp kém (ngũ dục). Không nên sống với sự xao lãng. Không nên thân cận với tà kiến. Không nên bận rộn với thế gian.

[168] 2. Nên nỗ lực, không nên xao lãng. Nên thực hành pháp một cách tốt đẹp. Người có sự thực hành pháp sống^[13] an lạc trong đời này và trong đời sau.

[169] 3. Nên thực hành pháp một cách tốt đẹp, không nên thực hành việc ấy một cách sai trái. Người có sự thực hành pháp sống an lạc trong đời này và trong đời sau.

[170] 4. Nên xem (thế gian) như bọt nước, nên xem (thế gian) như ảo ảnh, Thần Chết không nhìn thấy người đang quan sát thế gian như vậy.

[171] 5. Hãy đến, hãy xem thế gian này đã được tô điểm tương tự như cỗ xe của đức vua, những kẻ ngu chìm đắm ở nơi ấy, không có sự dính líu đối với những người đang nhận thức (như thế).

[172] 6. Và người nào trước đây xao lãng, về sau người ấy không xao lãng, người ấy chiếu sáng thế gian này, ví như mặt trăng được ra khỏi đám mây.

[173] 7. Nghiệp ác đã làm của người nào được đóng lại bởi việc thiện, người ấy chiếu sáng thế gian này, ví như mặt trăng được ra khỏi đám mây.

[174] 8. Thế gian này là mù quáng, ở đây số ít nhìn thấy rõ. Ví như (số lượng) con chim được thoát khỏi tấm lưới, ít người đi đến cõi trời.

[175] 9. Các con thiên nga di chuyển theo đường đi của mặt trời. Những người đi ở không gian nhờ vào thần thông. Các bậc sáng trí lìa khỏi thế gian sau khi chiến thắng Ma Vương cùng với đám quân binh.

[176] 10. Đối với người đã vượt qua một pháp (chân thật), có lời nói dối trá, đã không quan tâm đến đời sau, không có việc ác nào là sẽ không làm.

[177] 11. Đương nhiên, những kẻ keo kiệt không đi đến Thiên giới.

Đúng vậy, những kẻ ngu không khen ngợi việc bố thí.

Và người sáng trí, trong khi tùy hỷ việc bố thí, do chính việc ấy vị ấy có được sự an vui ở đời sau.

[178] 12. Quả vị Nhập Lưu là cao quý so với vương quyền độc nhất ở trái đất, hoặc việc đi đến cõi trời, hoặc quyền chúa tể của toàn thể thế gian.

Phẩm Thế Gian là thứ mười ba.

---o0o---

14. PHẨM ĐỨC PHẬT

[179] 1. Chiến thắng của vị nào không bị hạ thấp, chiến thắng của vị nào không một ai ở thế gian đạt đến, vị ấy là đức Phật, có hành xử không bị giới hạn, không dấu vết, vậy người sẽ dẫn dắt Ngài đi theo lối nào?

[180] 2. Tham ái, tấm lưới bẫy, sự vướng mắc của vị nào là không còn để dẫn dắt đi bất cứ đâu, vị ấy là đức Phật, có hành xử không bị giới hạn, không dấu vết, vậy người sẽ dẫn dắt Ngài đi theo lối nào?

[181] 3. Các vị nào chuyên chú tham thiền, sáng trí, thích thú ở sự an tịnh của việc xuất ly, chư Thiên cũng mong mỏi các vị ấy, các bậc Chánh Đẳng Giác, có niệm.

[182] 4. Sự đạt được thân người là khó, mạng sống của loài người là khó, (cơ hội) lắng nghe Chánh Pháp là khó, sự hiện khởi của chư Phật là khó.

[183] 5. Không làm mọi điều ác, thành tựu việc thiện, thanh lọc tâm của mình, điều này là lời giáo huấn của chư Phật.

[184] 6. Nhẫn nại, chịu đựng là sự khổ hạnh tối thượng.

Chư Phật nói Niết Bàn là tối thượng.

Kẻ có sự hãm hại người khác đương nhiên không phải là bậc xuất gia, kẻ ức hiếp người khác không phải là Sa-môn.

[185] 7. Không phi báng, không giết hại, sự thu thúc theo giới bổn *Pātimokkha*, sự biết đủ về vật thực, chỗ nằm ngồi thanh vắng, và sự gắn bó vào tăng thượng tâm, điều này là lời giáo huấn của chư Phật.

[186] 8. Không phải do trận mưa tiền vàng mà sự thỏa mãn ở các dục được tìm thấy. Bậc sáng suốt đã biết rằng: ‘Các dục là khổ đau, có ít khoái lạc’.

[187] 9. Vị ấy không tầm cầu sự thích thú ở các dục, dầu là của cõi Trời. Người đệ tử của đấng Chánh Đẳng Giác thích thú sự diệt trừ tham ái.

[188] 10. Bị đe dọa bởi nỗi sợ hãi, loài người đi đến nhiều nơi nương nhờ: những ngọn núi, những khu rừng, những ngôi chùa, những cội cây, và những bảo tháp.

[189] 11. Nơi nương nhờ ấy quả thật là không an toàn, nơi nương nhờ ấy là không tối thượng, Sau khi đi đến nơi nương nhờ ấy không được thoát khỏi mọi khổ đau.

[190] 12. Người nào đi đến nương nhờ đức Phật, Giáo Pháp, và Tăng Chúng, (người ấy) thấy được bốn Chân Lý cao thượng bằng trí tuệ chân chánh.

[191] 13. (Người ấy) thấy được Khổ, sự sanh lên của Khổ, sự vượt qua khỏi Khổ, và Thánh Đạo tám chi phần đưa đến sự yên lặng của Khổ.

[192] 14. Nơi nương nhờ ấy quả nhiên là an toàn, nơi nương nhờ ấy là tối thượng. Sau khi đi đến nơi nương nhờ ấy được thoát khỏi mọi khổ đau.

[193] 15. Người ưu việt là điều khó đạt được, vị ấy không được sanh ra ở mọi nơi. Nơi nào bậc sáng trí ấy sanh ra, gia tộc ấy thành đạt hạnh phúc.

[194] 16. Sự hiện khởi của chư Phật là an vui. Việc thuyết giảng Chánh Pháp là an vui. Sự hợp nhất của Tăng Chúng là an vui. Sự khắc khổ của các vị hợp nhất là an vui.

[195] 17. Đối với người đang cúng dường đến các đối tượng xứng đáng sự cúng dường như là chư Phật hoặc là các vị Thánh Văn đang vượt qua chướng ngại, hoặc đã vượt qua sáu muôn và than vãn, ...

[196] 18. ... đối với người đang cúng dường đến các vị đã đạt Niết Bàn không còn hãi sợ như thế ấy, không thể nào ước định phước báu (của người ấy) là thế này (hay thế kia), bởi bất cứ ai (hoặc bằng bất cứ cách thức gì).

Phẩm Đức Phật là thứ mười bốn.

Tụng Phẩm thứ nhất.

15. PHẨM AN LẠC

[197] 1. Thật vậy, chúng ta sống vô cùng an lạc, không thù hận giữa những người thù hận. Giữa những người thù hận, chúng ta hãy sống không thù hận.

[198] 2. Thật vậy, chúng ta sống vô cùng an lạc, không bệnh^[14] giữa những người bệnh. Giữa những người bệnh, chúng ta hãy sống không bệnh.

[199] 3. Thật vậy, chúng ta sống vô cùng an lạc, không khao khát giữa những người khao khát. Giữa những người khao khát, chúng ta hãy sống không khao khát.

[200] 4. Thật vậy, chúng ta sống vô cùng an lạc, không có vật gì thuộc về chúng ta. Chúng ta sẽ là những người có sự nuôi dưỡng bằng pháp hỷ, giống như chư Thiên ở cõi Quang Âm.

[201] 5. Chiến thắng làm nảy sanh thù hận. Kẻ bị chiến bại ngủ một cách khổ sở. Người an tịnh, ngủ một cách an lạc, sau khi đã từ bỏ thắng và bại.

[202] 6. Không có lửa nào sánh bằng tham, không có tội nào sánh bằng sân, không có khổ nào sánh bằng các uẩn, không có lạc nào vượt trội Niết Bàn.

[203] 7. Đói là bệnh tối thượng, các hành là khổ tối thượng. Sau khi biết được điều ấy đúng theo bản thể, Niết Bàn là an lạc tối thượng.

[204] 8. Không bệnh là lợi ích tối thượng, tự biết đủ là tài sản tối thượng, sự tự tin là thân quyến tối thượng, Niết Bàn là an lạc tối thượng.

[205] 9. Sau khi đã uống hương vị của sự ẩn cư và hương vị của sự an tịnh, người uống hương vị hoan hỷ của Giáo Pháp trở nên không còn buồn bực, không còn ác xấu.

[206] 10. Việc nhìn thấy các bậc Thánh là tốt lành, việc sống chung (với các bậc Thánh) thì luôn luôn an lạc, do việc không gặp gỡ những kẻ ngu, có thể có được sự an lạc thường xuyên.

[207] 11. Người có sự sinh hoạt gần gũi với kẻ ngu sâu muộn thời gian lâu dài. Sự cộng trú với những kẻ ngu là khổ sở, ví như sống với kẻ thù vào mọi lúc. Còn sự sống chung với người sáng trí là an lạc, như là sự gặp gỡ với những người thân.

[208] 12. Chính vì thế, các người nên giao thiệp với người ấy, ví như thế ấy, bậc chân nhân, khôn ngoan, sáng trí, có trí tuệ, nghe nhiều, giới được kiên trì, đầy đủ phận sự, thánh thiện, ví như mặt trăng liên kết với hành trình của các ngôi sao.

Phẩm An Lạc là thứ mười lăm.

16. PHẨM YÊU THÍCH

[209] 1. Trong khi gắn bó bản thân vào việc không đáng gắn bó và không gắn bó bản thân vào việc đáng gắn bó, kẻ có sự nắm bắt những điều yêu thích, sau khi từ bỏ mục đích, ganh tị với vị có sự gắn bó bản thân (vào việc tu tập).

[210] 2. Chớ nên tiếp cận với những gì yêu thích và những gì không yêu thích vào bất cứ lúc nào. Không nhìn thấy những gì yêu thích và nhìn thấy những gì không yêu thích là khổ đau.

[211] 3. Vì thế, chớ tạo ra đối tượng yêu thích, bởi vì sự xa lìa những gì yêu thích là điều xấu. Những vị nào không có đối tượng yêu thích và đối tượng không yêu thích, sự ràng buộc không hiện hữu đối với những vị ấy.

[212] 4. Do yêu thích sâu muộn được sanh ra, do yêu thích lo sợ được sanh ra. Đối với người đã thoát ra khỏi sự yêu thích, sâu muộn không có, lo sợ từ đâu có?

[213] 5. Do mến thương sâu muộn được sanh ra, do mến thương lo sợ được sanh ra. Đối với người đã thoát ra khỏi sự mến thương, sâu muộn không có, lo sợ từ đâu có?

[214] 6. Do luyện ái sâu muộn được sanh ra, do luyện ái lo sợ được sanh ra. Đối với người đã thoát ra khỏi sự luyện ái, sâu muộn không có, lo sợ từ đâu có?

[215] 7. Do ham muốn sâu muộn được sanh ra, do ham muốn lo sợ được sanh ra. Đối với người đã thoát ra khỏi sự ham muốn, sâu muộn không có, lo sợ từ đâu có?

[216] 8. Do tham ái sâu muộn được sanh ra, do tham ái lo sợ được sanh ra. Đối với người đã thoát ra khỏi sự tham ái, sâu muộn không có, lo sợ từ đâu có?

[217] 9. (Vị nào) được đầy đủ về giới hạnh và sự nhận thức, đã đứng vững ở Thánh Pháp, có sự hiểu biết về Chân Lý, đang thực hành công việc của mình, dân chúng thể hiện sự yêu mến đối với vị ấy.

[218] 10. Vị đã khởi lên mong muốn về pháp không định nghĩa được (Niết Bàn), nếu được thắm nhuần bởi ý, và có tâm không bị trói buộc ở các dục, được gọi là ‘Bậc Thượng Lưu’.

[219] 11. Khi người có cuộc sống ly hương lâu dài đã trở về an toàn từ phương xa, thân quyến bạn bè và người quen vui mừng người đã trở về.

[220] 12. Tương tự y như thế, khi người đã làm việc phước thiện từ thế giới này đi đến thế giới khác, các phước báu tiếp đón (người ấy), ví như các quyến thuộc tiếp đón người thân yêu đã trở về.

Phẩm Yêu Thích là thứ mười sáu.

17. PHẨM GIẬN DỮ

[221] 1. Nên từ bỏ sự giận dữ, nên dứt bỏ hẳn sự ngã mạn, nên vượt qua tất cả ràng buộc.

Trong khi vị ấy không bám víu vào danh và sắc, các khổ đau không xảy đến cho vị không có vật gì.

[222] 2. Quả vậy, người nào có thể kiềm chế sự giận dữ đã sanh lên, ví như cỗ xe bị chao đảo, Ta gọi người ấy là ‘xa phu,’ người khác là kẻ vịn dây cương.

[223] 3. Nên chinh phục người giận dữ bằng sự không giận dữ, nên chinh phục người xấu bằng điều tốt, nên chinh phục người bòn xén bằng sự bố thí, (nên chinh phục) người có lời nói sai trái bằng sự chân thật.

[224] 4. Nên nói sự thật, không nên giận dữ. Khi được yêu cầu, nên bố thí dầu chỉ có chút ít. Với ba yếu tố này, có thể đi đến nơi hiện diện của chư Thiên.

[225] 5. Các bậc hiền trí nào là những người không hãm hại, thường xuyên thu thúc về thân, các vị ấy đi đến vị thế Bất Tử, là nơi không sầu muộn sau khi đi đến.

[226] 6. Đối với những người luôn luôn tỉnh giác, có sự tu tập ngày đêm, đã hướng tâm đến Niết Bàn, các lậu hoặc (của các vị ấy) đi đến tiêu diệt.

[227] 7. Nay A-tu-la, chuyện này là cổ xưa, chuyện này không chỉ là ngày nay, họ chê trách người ngồi im lặng, họ chê trách người nói nhiều, và họ cũng chê trách người nói vừa phải; ở trên đời không có người không bị chê trách.

[228] 8. Đã không có (ở quá khứ), sẽ không có (ở vị lai), và không tìm thấy ở hiện tại người chỉ thuần bị chê trách hoặc chỉ thuần được ngợi khen.

[229] 9. Sau khi xem xét ngày ngày, các bậc tri thức ngợi khen người có hành vi không lỗi lầm, thông minh, được thành tựu trí tuệ và giới hạnh.

[230] 10. Tựa như đồng tiền bằng vàng ròng, ai xứng đáng để chê trách vị ấy? Chư Thiên cũng ngợi khen vị ấy. Vị ấy còn được khen ngợi bởi đấng Phạm Thiên.

[231] 11. Nên canh phòng sự giận dữ (bộ phát) ở thân, nên là người đã được thu thúc về thân. Sau khi từ bỏ uest hạnh do thân, nên thực hành thiện hạnh do thân.

[232] 12. Nên canh phòng sự giận dữ của khẩu, nên là người đã được thu thúc về khẩu. Sau khi từ bỏ uest hạnh do khẩu, nên thực hành thiện hạnh do khẩu.

[233] 13. Nên canh phòng sự giận dữ của ý, nên là người đã được thu thúc về ý. Sau khi từ bỏ uest hạnh do ý, nên thực hành thiện hạnh do ý.

[234] 14. Các bậc sáng trí đã được thu thúc về thân, rồi đã được thu thúc về khẩu. Các bậc sáng trí đã được thu thúc về ý. Đúng vậy, các vị ấy đã khéo thu thúc toàn diện.

Phẩm Giận Dữ là thứ mười bảy.

18. PHẨM VẾT NHỎ

[235] 1. Người giờ đây ví như là chiếc lá úa vàng, và sứ giả của Thần Chết cũng đã đứng gần người. Người (đang) đứng ở ngưỡng cửa của sự tiêu vong, và lương thực đi đường của người cũng không có.

[236] 2. Người đây hãy tạo lập hòn đảo cho bản thân, hãy mau mau nỗ lực, hãy trở nên sáng suốt. Với vết nhơ đã được giữ bỏ, không còn nhơ nhớp, người sẽ đi đến địa phận thuộc cõi trời của các bậc Thánh nhân.

[237] 3. Và giờ đây người có sự diệt vong đã đến gần, người đã tự đi đến gần Thần Chết. Không có chỗ trú ngụ cho người ở khoảng giữa, và lương thực đi đường của người cũng không có.

[238] 4. Người đây hãy tạo lập hòn đảo cho bản thân, hãy mau mau nỗ lực, hãy trở nên sáng suốt. Với vết nhơ đã được giữ bỏ, không còn nhơ nhuốc, người sẽ không đi đến sự sanh và sự già lại nữa.

[239] 5. Ví như thợ rèn giữ bỏ bụi dơ của bạc, bậc thông minh nên tuân tự giữ bỏ vết nhơ của bản thân từng chút từng chút theo từng giây từng phút.

[240] 6. Ví như chất rỉ sét đã được sanh lên từ mảnh sắt, sau khi sanh lên từ mảnh sắt nó ăn mòn chính mảnh sắt ấy, tương tự như thế các việc làm của bản thân dẫn dắt kẻ có sự thọ dụng bốn món vật dụng thiếu sự quán xét^[15] đi đến cảnh giới khổ đau.

[241] 7. Các chú thuật có sự không tụng đọc là vết nhơ. Các ngôi nhà có sự không cư ngụ là vết nhơ. Biếng nhác là vết nhơ của sắc đẹp. Xao lãng là vết nhơ của người đang canh gác.

[242] 8. Tà hạnh là vết nhơ của người nữ. Bồn xén là vết nhơ của người đang bố thí. Thật vậy các vết nhơ là các pháp ác xấu ở đời này và đời sau.

[243] 9. Vô minh là vết nhơ tối thượng, nhơ nhuốc hơn các vết nhơ kia. Nay các tỷ khuru, hãy dứt bỏ vết nhơ ấy, hãy trở thành người không có vết nhơ.

[244] 10. Sự sinh sống bởi kẻ không biết hổ thẹn, trơ tráo như loài quạ, nói xấu sau lưng, khoác lác, xác xược, nhơ nhuốc là cách sống dễ dàng.

[245] 11. Và (sự sinh sống) bởi người có sự hổ thẹn, thường xuyên tâm cầu sự trong sạch, không cố chấp, không xác xược, có sự nuôi mạng trong sạch, hiểu biết là cách sống khó khăn.

[246] 12. Kẻ nào giết hại sanh mạng, và nói lời dối trá, lấy vật không được cho ở thế gian, và đi đến với vợ của người khác, ...

[247] 13. ... và người nam nào đam mê việc uống rượu và chất lên men, kẻ ấy đào bới gốc rễ của chính mình ở thế gian, ngay tại nơi này.

[248] 14. Nay nam nhân, như vậy người hãy biết rằng các ác pháp là không kiểm chế được, chớ để tham lam và phi pháp đẩy đưa người đến sự khổ đau lâu dài.

[249] 15. Quả vậy, người ta bô thí tùy theo đức tin, tùy theo sự tín thành, tại đó kẻ nào bất mãn về thức ăn nước uống của những người khác (bố thí), kẻ ấy không chứng được định vào ban ngày hoặc ban đêm.

[250] 16. Tuy nhiên, đối với vị nào có điều này đã được cắt đứt, gốc rễ đã được tiêu diệt, đã được bùng lên, vị ấy quả nhiên chứng được định vào ban ngày hoặc ban đêm.

[251] 17. Không có lửa nào sánh bằng tham, không có sự kìm kẹp nào sánh bằng sân, không có màng lưới nào sánh bằng si, không có dòng sông nào sánh bằng tham ái.

[252] 18. Lỗi của những người khác dễ thấy, trái lại của mình khó thấy. Kẻ ấy sàng lọc các lỗi của chính những người khác như là sàng lọc hạt lúa (lẫn trong gạo), trái lại che giấu (lỗi) của mình như là kẻ bầy chim che giấu thân hình.

[253] 19. Đối với kẻ tìm tòi lỗi của người khác, thường xuyên có ý tưởng phê phán, các lậu hoặc của kẻ ấy tăng trưởng, kẻ ấy cách xa sự diệt trừ các lậu hoặc.

[254] 20. Không có vết chân (lưu lại) ở không trung, không có Sa-môn ở bên ngoài (Giáo Pháp), người đòi thích thú các pháp chương ngại, các đức Như Lai không còn các pháp chương ngại.

[255] 21. Không có vết chân (lưu lại) ở không trung, không có Sa-môn ở bên ngoài (Giáo Pháp), các hành tướng tồn là không có, chư Phật không có sự dao động.

Phẩm Vết Nhơ là thứ mười tám.

19. PHẨM CÔNG MINH

[256] 1. Kẻ phân xử sự việc theo lối áp đặt, như thế không có công minh. Còn bậc sáng suốt là người có thể xác định cả hai: sự việc đúng và không đúng.

[257] 2. Người phân xử những kẻ khác không theo lối áp đặt, đúng pháp, công bằng, được bảo vệ bởi pháp, thông minh, được gọi là ‘công minh’.

[258] 3. Dầu cho nói nhiều, không vì thế trở thành sáng suốt. Người có sự điềm tĩnh, không thù hận, không lo sợ, được gọi là ‘sáng suốt’.

[259] 4. Dầu cho nói nhiều, không vì thế là người nắm giữ Giáo Pháp. Nhưng vị nào dầu chỉ nghe chút ít mà nhìn thấy Giáo Pháp bằng thân, thật vậy vị ấy là người nắm giữ Giáo Pháp, là người không xao lãng Giáo Pháp.

[260] 5. Mặc dầu đầu của vị ấy bạc tóc, không vì thế trở thành trưởng lão. Vị có tuổi thọ đã được chín mươi ấy được gọi là ‘già vô vị’.

[261] 6. Sự chân thật, sự đúng đắn, việc không hãm hại, việc chế ngự, việc rèn luyện có ở vị nào, vị ấy quả thật là bậc sáng trí, có ô nhiễm đã được tẩy trừ, được gọi là ‘trưởng lão’.

[262] 7. Không phải chỉ do việc nói năng hay trạng thái xinh đẹp của dáng vóc mà người trở thành mẫu mực (trong khi) là người có sự ganh tỵ, bòn xén, xảo trá.

[263] 8. Tuy nhiên, đối với vị nào điều ấy đã được cắt đứt, gốc rễ đã được tiêu diệt, đã được bùng lên, vị ấy, có tật xấu đã được tẩy trừ, thông minh, được gọi là ‘mẫu mực’.

[264] 9. Không phải do đầu cao trội mà trở thành Sa-môn nếu là kẻ không có sự hành trì, kẻ nói lời giả dối. Làm sao kẻ có sự ham muốn và tham lam sẽ trở thành Sa-môn được?

[265] 10. Còn người nào lắng dịu các điều ác lớn nhỏ về mọi mặt, chính do trạng thái đã lắng dịu đối với các điều ác mà được gọi là ‘Sa-môn’.

[266] 11. Cho dầu đi khát thực nơi những kẻ khác, không vì thế trở thành tỳ khuru. Người chấp nhận pháp thế tục, do vậy mà không trở thành tỳ khuru.

[267] 12. Ở đây, người nào đã lìa khỏi việc phước thiện và điều ác xấu, có thực hành Phạm hạnh, sống ở đời với sự hiểu biết, thật vậy người ấy được gọi là ‘tỳ khuru’.

[268] 13. Kẻ có dáng vẻ khờ khạo, ngu dốt, dầu với trạng thái im lặng cũng không trở thành bậc hiền trí. Nhưng người nào, tựa như người nắm lấy cái cân, chọn lấy điều cao quý là người sáng suốt.

[269] 14. Người lánh xa hẳn các điều ác, người ấy là bậc hiền trí, do việc ấy người ấy trở thành bậc hiền trí. Người nào hiểu rõ cả hai thế giới (nội tâm và ngoại cảnh), do việc ấy được gọi là hiền trí.

[270] 15. Kẻ hãm hại các sinh mạng, vì thế không phải là thánh thiện. Do việc không hãm hại tất cả các sinh mạng, được gọi là ‘thánh thiện’.

[271] 16. Không phải chỉ do giới hạnh và việc hành trì, hay do sự học nhiều, hoặc do việc đạt được thiên định, hay do sự nắm giữ đơn độc, ...

[272] 17. ... (mà nghĩ rằng): ‘Ta chạm đến sự an lạc của xuất ly mà những kẻ phạm phu không được hưởng,’ vị tỳ khuru không thể đạt đến sự tự tin khi chưa đạt được sự diệt trừ các lậu hoặc.

Phẩm Công Minh là thứ mười chín.

20. PHẨM ĐẠO LỘ

[273] 1. Trong số các đạo lộ, (đạo lộ) Tám Chi Phần là tối cao. Trong số các chân lý, bốn Lời Nói (là tối cao). Trong số các pháp, không luyện ái là tối cao. Và trong số các loài hai chân, bậc Hữu Nhân (đức Như Lai là tối cao).

[274] 2. Chính cái này là đạo lộ, không có cái (đạo lộ) khác, đưa đến sự thanh tịnh của nhận thức. Vì thế, các người hãy thực hành đạo lộ này, đạo lộ này là sự mê mờ đối với Ma Vương.

[275] 3. Bởi vì khi đã thực hành đạo lộ này, các người sẽ làm chấm dứt khổ đau. Đạo lộ quả thật đã được thuyết giảng bởi Ta, sau khi biết được cách nhỏ bỏ mũi tên.

[276] 4. Các người phải thể hiện sự nhiệt tâm, các đấng Như Lai (chỉ) là bậc thuyết giảng. Những người đã thực hành (đạo lộ), chứng thiên, sẽ thoát khỏi sự trói buộc của Ma Vương.

[277] 5. Khi nhận thức bằng trí tuệ rằng: ‘Tất cả các pháp hữu vi là vô thường’ thì nhàm chán khổ đau, đây là con đường đưa đến sự thanh tịnh.

[278] 6. Khi nhận thức bằng trí tuệ rằng: ‘Tất cả các pháp hữu vi là khổ đau’ thì nhàm chán khổ đau, đây là con đường đưa đến sự thanh tịnh.

[279] 7. Khi nhận thức bằng trí tuệ rằng: ‘Tất cả các pháp là vô ngã’ thì nhàm chán khổ đau, đây là con đường đưa đến sự thanh tịnh.

[280] 8. Trong khi không nỗ lực vào thời điểm cần nỗ lực, người trẻ tuổi, có sức mạnh, buông xuôi theo sự lười biếng, với suy tư và tâm ý bị trì trệ, biếng nhác, kẻ lười biếng không tìm thấy đạo lộ bằng trí tuệ.

[281] 9. Người có sự gìn giữ lời nói, đã khéo thu thúc về tâm, không nên làm việc bất thiện bằng thân, nên làm trong sạch ba đường lối tạo nghiệp này, nên thành đạt đạo lộ đã được tuyên thuyết bởi các bậc Ấn Sĩ.

[282] 10. Đúng vậy, do sự tu luyện (về thiên) trí tuệ được phát sanh, do sự không tu luyện (về thiên) có sự tiêu hoại của trí tuệ. Sau khi biết được con đường hai lối này đưa đến hiện hữu và đưa đến không hiện hữu, nên rèn luyện bản thân sao cho trí tuệ tăng trưởng.

[283] 11. Các người hãy đốn rừng (ô nhiễm), chớ đốn cây cối. Sợ hãi được sanh ra từ rừng (ô nhiễm). Nay các tỳ khưu, sau khi đốn rừng và lùm bụi (ô nhiễm), hãy trở thành những người không còn rừng (ô nhiễm).

[284] 12. Cho đến khi nào dục vọng của người nam đối với các người nữ, dầu là nhỏ nhoi, còn chưa được chặt đứt, cho đến khi ấy người nam ấy vẫn còn có tâm bị trói buộc, ví như con bê bú sữa ở bò mẹ.

[285] 13. Hãy cắt đứt lòng yêu thương đối với bản thân, ví như dùng bàn tay (ngắt đi) hoa súng trắng của mùa thu. Hãy phát triển chính Đạo Lộ Thanh Tịnh, Niết Bàn, đã được thuyết giảng bởi đấng Thiện Thệ.

[286] 14. ‘Ta sẽ sống ở đây vào mùa mưa, ở đây vào mùa lạnh và mùa nóng,’ kẻ ngu suy nghĩ như thế, không giác ngộ được nỗi nguy hiểm.

[287] 15. Thân chết nắm lấy và mang đi người nam ấy, kẻ đã bị say đắm đối với con cái và gia súc ấy, có tâm ý bị quyến luyến, ví như con lữ lớn chộp lấy và cuốn đi ngôi làng đã ngủ say.

[288] 16. Không phải những người con đem lại sự bảo vệ, không phải người cha, cũng không phải các quyến thuộc. Đối với người đã bị chế ngự bởi cái chết, không có sự bảo vệ ở các thân quyến.

[289] 17. Sau khi biết được tác động của việc này, bậc sáng suốt, đã thu thúc ở giới, nên làm trong sạch đạo lộ đưa đến Niết Bàn thật nhanh chóng.

Phẩm Đạo Lộ là thứ hai mươi.

21. PHẨM LINH TINH

[290] 1. Nếu do việc dứt bỏ hạnh phúc nhỏ nhoi có thể nhìn thấy hạnh phúc lớn lao, người sáng trí nên từ bỏ hạnh phúc nhỏ nhoi trong khi nhận thức được hạnh phúc lớn lao.

[291] 2. Kẻ mong muốn hạnh phúc cho bản thân bằng việc gây ra khổ đau cho người khác, kẻ ấy, bị vướng mắc trong sự ràng buộc của hận thù, không thoát ra khỏi hận thù.

[292] 3. Bởi vì việc cần làm thì bị bỏ qua, trái lại việc không cần làm lại được làm, các lậu hoặc của những kẻ cao ngạo, bị xao lãng ấy tăng trưởng.

[293] 4. Còn đối với những vị nào khéo nỗ lực, thường xuyên có niệm hướng đến thân, các vị ấy không phụng sự việc không cần làm, có sự thực hiện đều đặn các việc cần làm. Đối với những vị có niệm, có sự nhận biết rõ, các lậu hoặc đi đến tiêu diệt.

[294] 5. Sau khi giết mẹ và cha, và hai vị vua dòng Sát-đế-ly, sau khi tiêu diệt vương quốc cùng quan lại tùy tùng, vị Bà-la-môn ra đi không phiền muộn.

[295] 6. Sau khi giết mẹ và cha, và hai vị vua dòng Bà-la-môn, sau khi tiêu diệt con cạp là thứ năm, vị Bà-la-môn ra đi không phiền muộn.

[296] 7. Các đệ tử của đức Gotama luôn luôn tỉnh thức một cách tỉnh thức tốt đẹp, niệm của các vị này ngày và đêm thường xuyên hướng đến đức Phật.

[297] 8. Các đệ tử của đức Gotama luôn luôn tỉnh thức một cách tỉnh thức tốt đẹp, niệm của các vị này ngày và đêm thường xuyên hướng đến Giáo Pháp.

[298] 9. Các đệ tử của đức Gotama luôn luôn tỉnh thức một cách tỉnh thức tốt đẹp, niệm của các vị này ngày và đêm thường xuyên hướng đến Tăng Chúng.

[299] 10. Các đệ tử của đức Gotama luôn luôn tỉnh thức một cách tỉnh thức tốt đẹp, niệm của các vị này ngày và đêm thường xuyên hướng đến thân.

[300] 11. Các đệ tử của đức Gotama luôn luôn tỉnh thức một cách tỉnh thức tốt đẹp, tâm của các vị này ngày và đêm thường xuyên vui thích về việc không hãm hại.

[301] 12. Các đệ tử của đức Gotama luôn luôn tỉnh thức một cách tỉnh thức tốt đẹp, tâm của các vị này ngày và đêm thường xuyên vui thích về việc tu tập (tham thiền).

[302] 13. Việc xuất gia là khó, sự thích thú là khó, cuộc đời tại gia có việc cư ngụ khó khăn là khổ, sống chung với kẻ không tương đồng là khổ, kẻ lữ hành (ở luân hồi) bị rơi vào khổ đau; do đó không nên là kẻ lữ hành (ở luân hồi), không nên bị rơi vào khổ đau.

[303] 14. Người có đức tin, đầy đủ về giới, đạt được danh vọng và của cải, giao thiệp bất cứ địa phương nào đều được tôn vinh tại chính mỗi một nơi ấy.

[304] 15. Những người tốt tỏa sáng ở nơi xa, ví như núi Hi-mã-lạp. Những kẻ xấu ở đây (vẫn) không được nhìn thấy, giống như những mũi tên được bắn ra vào ban đêm.

[305] 16. Ngồi một mình, nằm một mình, đi một mình, không lười biếng, một mình, trong khi thuần hóa bản thân, nên thích thú ở cuối khu rừng.

Phẩm Linh Tinh là thứ hai mươi mốt.

22. PHẨM ĐỊA NGỤC

[306] 1. Kẻ có lời nói không thật đi đến địa ngục, hoặc thậm chí người nào, sau khi làm, đã nói là: ‘Tôi không làm;’ cả hai hạng người có nghiệp hạ liệt ấy, sau khi chết, là giống như nhau ở cảnh giới khác.

[307] 2. Có nhiều kẻ, cổ quần y casa, (hành) theo pháp ác, không tự chế ngự, những kẻ xấu xa ấy, do các nghiệp ác, bị sanh vào địa ngục.

[308] 3. Hòn sắt, bị cháy rục tựa như ngọn lửa được ăn vào là tốt hơn so với kẻ có giới tội, không tự chế ngự, ăn đồ ăn khát thực của xứ sở.

[309] 4. Nam nhân phóng dật quyến rũ vợ người khác gánh chịu bốn trường hợp: nhận lãnh điều vô phước, ngủ không thoải mái, sự chê trách là thứ ba, địa ngục là thứ tư.

[310] 5. Sự nhận lãnh điều vô phước và cảnh giới tái sanh xấu xa, sự vui thích của người nam bị hoảng sợ với người nữ bị hoảng sợ là ít ỏi, và đức vua áp dụng hành phạt nặng nề; vì thế nam nhân không nên ve vãn vợ người khác.

[311] 6. Giống như cọng cỏ *kusa* được nắm vụng về cắt đứt bàn tay (cầm nó). Cũng vậy, đời Sa-môn được duy trì cầu thả kéo lôi (kẻ ấy) vào địa ngục.

[312] 7. Bất cứ hành động nào bị chênh mảng, bất cứ hành trì nào bị nhiễm ô, (bất cứ) phạm hạnh (nào) bị ngờ vực, (các) việc ấy là không có quả báu lớn.

[313] 8. Nếu cần phải làm (điều gì) thì nên làm điều ấy, nên ra sức cho việc ấy một cách bền bỉ, bởi vì vị xuất gia bị chênh mảng làm khuấy động bụi bản còn nhiều hơn.

[314] 9. Ác hạnh không làm thì tốt hơn, ác hạnh gây bực bội về sau này; còn thiện hạnh được làm thì tốt hơn, sau khi làm điều ấy không tiếc nuôi.

[315] 10. Giống như thành trì có vùng ven được canh phòng trong ngoài, người hãy gìn giữ bản thân như vậy. Chớ để thời khắc trôi qua đối với người, bởi vì những kẻ để thời khắc trôi qua than vãn khi bị đọa vào địa ngục.

[316] 11. Xấu hổ về điều không đáng xấu hổ, không xấu hổ về điều đáng xấu hổ, các chúng sanh có sự nắm giữ tà kiến đi đến khổ cảnh.

[317] 12. Thấy sợ hãi về điều không đáng sợ hãi, và thấy không sợ hãi về điều đáng sợ hãi, các chúng sanh có sự nắm giữ tà kiến đi đến khổ cảnh.

[318] 13. Nghĩ là tội lỗi về điều không tội lỗi, và thấy không tội lỗi về điều tội lỗi, các chúng sanh có sự nắm giữ tà kiến đi đến khổ cảnh.

[319] 14. Sau khi biết rằng tội lỗi là tội lỗi, và không tội lỗi là không tội lỗi, các chúng sanh có sự nắm giữ chánh kiến đi đến nhàn cảnh.

Phẩm Địa Ngục là thứ hai mươi hai.

23. PHẨM VOI

[320] 1. Ví như con voi ở chiến trường chịu đựng mũi tên bắn ra từ cây cung, Ta sẽ chịu đựng lời mắng nhiếc bởi vì kẻ ác giới là số đông.

[321] 2. Người ta đưa (voi) đã được rèn luyện đến nơi tụ hội. Đức vua cỡi lên (voi) đã được rèn luyện. Người đã được rèn luyện chịu đựng lời mắng nhiếc là hạng nhất giữa đám người.

[322] 3. Cao quý thay những con lừa đã được thuần hóa, những con ngựa Sindhu thuần chủng, và những con voi thuộc loài khổng tượng, người đã tự rèn luyện bản thân là cao quý hơn cả.

[323] 4. Bởi vì chẳng phải nhờ vào những cỗ xe ấy mà có thể đi đến nơi chưa đi đến (Niết Bàn), như là nhờ vào bản thân đã khéo được rèn luyện. Do nhờ đã được rèn luyện mà người đã được rèn luyện đi đến (Niết Bàn).

[324] 5. Con voi tên Dhanapālaka có con phát dục khó kiềm chế. Bị trói buộc, nó không ăn miếng nào, con voi tưởng nhớ đến khu rừng của loài voi.

[325] 6. Lúc biếng nhác và ăn nhiều, mê ngủ, nằm trăn trở, ví như con heo bị được nuôi bằng cám thừa, kẻ ngu sanh vào bào thai lượt này đến lượt khác.

[326] 7. Trước kia tâm này đã suy nghĩ vẫn vơ đến nơi nào theo ước muốn, theo như ý thích, thuận theo khoái lạc, hôm nay ta sẽ khuất phục nó đúng theo đường lối, ví như viên quản tượng khống chế sự phá quấy của con voi.

[327] 8. Các người hãy thỏa thích việc không xao lãng, hãy phòng hộ tâm của mình, hãy nâng bản thân vượt khỏi chốn hiểm nghèo, ví như con voi bị sa vào vũng bùn (cô gắng đem thân ra khỏi bãi lầy).

[328] 9. Nếu có thể đạt được người bạn khôn ngoan, làm người đồng hành, có cách cư xử tốt đẹp, sáng trí, sau khi vượt qua mọi hiểm nạn nên đi với người ấy, hoan hỷ, có niệm.

[329] 10. Nếu không thể đạt được người bạn khôn ngoan, làm người đồng hành, có cách cư xử tốt đẹp, sáng trí, ví như vị vua đã từ bỏ vương quốc thái phục được, nên sống một mình như là voi Mātāṅga ở trong rừng.

[330] 11. Sống một mình là tốt hơn, không có tình bằng hữu ở kẻ ngu. Nên sống một mình và không nên làm các điều ác, ít ham muốn như là voi Mātāṅga ở trong rừng.

[331] 12. Khi có nhu cầu sanh khởi, bạn bè là hạnh phúc, hoan hỷ với bất cứ vật nào (có được) là hạnh phúc, vào lúc chấm dứt mạng sống, phước báu là hạnh phúc, từ bỏ mọi khổ đau là hạnh phúc.

[332] 13. Ở đời, phụng dưỡng mẹ là hạnh phúc, phụng dưỡng cha là hạnh phúc. Ở đời, phục vụ Sa-môn là hạnh phúc, phục vụ Bà-la-môn là hạnh phúc.

[333] 14. Giới hạnh cho đến già là hạnh phúc. Niềm tin được thiết lập là hạnh phúc. Thành tựu trí tuệ là hạnh phúc. Không làm các điều ác là hạnh phúc.

Phẩm Voi là thứ hai mươi ba.

24. PHẨM THAM ÁI

[334] 1. Tham ái của kẻ sống xao lãng tăng trưởng giống như dây leo. Kẻ ấy lao từ kiếp sống này sang kiếp sống khác, ví như loài khỉ đang mong muốn trái cây trong rừng (chuyên từ cành cây này sang cành cây khác).

[335] 2. Tham ái thấp hèn, sự vướng mắc vào thế gian, chế ngự kẻ nào, các sàu muộn của kẻ ấy tăng trưởng, ví như cỏ *bīraṇa* được trời mưa.

[336] 3. Nếu ai chế ngự được tham ái thấp hèn ấy, điều khó dứt bỏ ở thế gian, các sàu muộn rời khỏi người ấy, ví như giọt nước lìa khỏi (lá) sen.

[337] 4. Ta nói với các con điều này: -Mong sao điều tốt đẹp sẽ đến với hết thảy các con đã tụ hội tại đây. Các con hãy đào xới gốc rễ của tham ái, ví, như người có sự cần dùng rễ ngọt *usīra* (đào xới) cỏ *bīraṇa*. Chớ để Ma Vương đón ngã các con đợt này đến đợt khác, ví như dòng nước bề gãy cây cỏ sậy.

[338] 5. Giống như khi bộ rễ vẫn chưa bị tổn hại và còn vững chắc, cội cây, mặc dầu đã bị đón ngã, cũng vẫn đâm chồi trở lại, cũng như vậy, khi sự tiềm ẩn của tham ái chưa bị tận diệt, khổ đau này còn sanh lên đợt này này đến đợt khác.

[339] 6. Người nào có ba mươi sáu dòng chảy^[16] hướng đến sự hài lòng thích ý là mạnh mẽ, thì các suy tầm chiều theo luyến ái là luồng chuyển vận cuốn trôi kẻ có quan điểm sai quấy (ấy).

[340] 7. Các dòng chảy trôi đi khắp mọi nơi, loại dây leo tồn tại sau khi đâm chồi. Và sau khi nhìn thấy loại dây leo ấy sanh ra, các người hãy chặt đứt gốc rễ bằng trí tuệ.

[341] 8. Các nỗi niềm yêu thương được tuôn trào và các tâm khoan khoái hiện hữu ở chúng sanh. Những kẻ ấy chiều theo lạc thú, tầm cầu sung sướng, thật vậy những kẻ ấy đi đến sanh và già.

[342] 9. Bị vây hãm bởi tham ái chúng sanh di chuyển loanh quanh, ví như con thỏ bị trói buộc bò vòng quanh. Bị dính mắc bởi các sự trói buộc và quyền luyến, chúng đi đến khổ đau lượt này đến lượt khác trong thời gian lâu dài.

[343] 10. Bị vây hãm bởi tham ái chúng sanh di chuyển loanh quanh, ví như con thỏ bị trói buộc bò vòng quanh. Vì thế, vị tỳ khưu có sự mong muốn xa lìa luyến ái cho bản thân nên tiêu diệt tham ái.

[344] 11. Hãy đến nhìn xem cá nhân kẻ đứng bên ngoài rừng lại bị ám ảnh bởi rừng, đã được thoát ra khỏi rừng lại chạy vào trong rừng, đã được tự do lại chạy đến với sự giam cầm.

[345] 12. Các bậc sáng trí đã nói rằng sự trói buộc làm bằng sắt, bằng gỗ, và bằng dây gai là không chắc chắn. Sự mong muốn, bị luyến ái dính mắc ở các bông tai gắn ngọc ma-ni, ở những người con, và ở những người vợ, ...

[346] 13. ... các bậc sáng trí đã nói rằng sự trói buộc này là chắc chắn, có sự trì xuống, dẻo dai, khó tháo gỡ. Sau khi cắt đứt luôn cả sự trói buộc này, các vị xuất gia, không có mong cầu, sau khi đã dứt bỏ khoái lạc của các dục.

[347] 14. Những người nào, bị luyến ái dục tình, rơi theo dòng chảy, được tạo ra bởi bản thân, ví như con nhện rơi vào cái lưới do nó tạo ra. Sau khi cắt đứt luôn cả điều này, các vị ra đi, không có mong cầu, sau khi đã dứt bỏ tất cả khổ đau.

[348] 15. Hãy buông phía trước (quá khứ), hãy buông phía sau (vị lai), hãy buông phần giữa (hiện tại), sau khi đã đi đến bờ kia của hiện hữu, có tâm đã được giải thoát về mọi phương diện, người sẽ không đi đến sanh và già nữa.

[349] 16. Tham ái gia tăng nhiều hơn nữa đối với kẻ bị suy tư khuấy động, có luyến ái mãnh liệt, thường xem xét về cái đẹp; kẻ ấy quả nhiên làm cho sự trói buộc trở nên bền chắc.

[350] 17. Còn người nào thích thú ở sự tịnh lặng của suy tư, tu tập về bất tịnh (đề mục tử thi), luôn luôn có niệm, người ấy quả nhiên sẽ làm chấm dứt (ái dục), người ấy sẽ cắt đứt sự trói buộc của Ma Vương.

[351] 18. Người đã đạt đến sự hoàn thành, không sợ hãi, tham ái đã lìa, không vết nhơ, đã cắt đứt những mũi tên của hiện hữu; thân này là cuối cùng.

[352] 19. Người có tham ái đã lìa, không nắm giữ, thông thạo về từ ngữ, biết sự kết hợp của các mẫu tự và các thứ tự trước sau; vị ấy quả nhiên có xác thân cuối cùng, có đại trí tuệ, được gọi là ‘đại nhân’.

[353] 20. Ta là vị khuất phục tất cả, vị biết rõ tất cả, không bị nhiễm ô trong tất cả các pháp. Từ bỏ tất cả, được giải thoát trong sự diệt tận về tham ái, sau khi tự mình biết rõ, Ta có thể chỉ định ai (là thầy)?

[354] 21. Bồ thí pháp thắng mọi sự bồ thí, hương vị của pháp thắng mọi hương vị, sự thích thú trong pháp thắng mọi sự thích thú, sự diệt trừ tham ái thắng mọi khổ đau.

[355] 22. Các cửa cải giết hại kẻ ngu si, nhưng không (giết hại) những vị tâm cầu đến bờ kia (Niết Bàn). Do tham đắm của cải, kẻ ngu si giết hại bản thân ví như (giết hại) những người khác.

[356] 23. Những thừa ruộng có các cỏ dại là khuyết điểm. Con người này có luyến ái là khuyết điểm. Chính vì điều ấy, vật đã được bồ thí ở các vị đã xa lìa luyến ái là có quả báu lớn lao.

[357] 24. Những thừa ruộng có các cỏ dại là khuyết điểm. Con người này có sân hận là khuyết điểm. Chính vì điều ấy, vật đã được bồ thí ở các vị đã xa lìa sân hận là có quả báu lớn lao.

[358] 25. Những thừa ruộng có các cỏ dại là khuyết điểm. Con người này có si mê là khuyết điểm. Chính vì điều ấy, vật đã được bồ thí ở các vị đã xa lìa si mê là có quả báu lớn lao.

[359] 26. Những thừa ruộng có các cỏ dại là khuyết điểm. Con người này có ước muốn là khuyết điểm. Chính vì điều ấy, vật đã được bồ thí ở các vị đã xa lìa ước muốn là có quả báu lớn lao.

Phẩm Tham Ái là thứ hai mươi bốn.

25. PHẨM TỶ KHUÛU

[360] 1. Tốt đẹp thay sự thu thúc ở mắt! Tốt đẹp thay sự thu thúc ở tai! Tốt đẹp thay sự thu thúc ở mũi! Tốt đẹp thay sự thu thúc ở lưỡi!

[361] 2. Tốt đẹp thay sự thu thúc ở thân! Tốt đẹp thay sự thu thúc ở khẩu! Tốt đẹp thay sự thu thúc ở ý! Tốt đẹp thay sự thu thúc ở tất cả các nơi (mắt,

tai, mũi, lưỡi, thân, khẩu, ý)! Vị tỳ khuru thu thúc ở tất cả các nơi được thoát khỏi mọi khổ đau.

[362] 3. Vị đã chế ngự bàn tay, đã chế ngự bàn chân, đã chế ngự lời nói, đã chế ngự bản thân, được thích thú ở nội tâm, định tĩnh, đơn độc, hài lòng, (người ta) đã gọi vị ấy là tỳ khuru.

[363] 4. Vị tỳ khuru nào đã chế ngự miệng, có lời nói khôn khéo, không cao ngạo, làm sáng tỏ ý nghĩa và Giáo Pháp; lời nói của vị ấy là ngọt ngào.

[364] 5. Có chỗ trú là Giáo Pháp, được vui thích với Giáo Pháp, suy nghĩ về Giáo Pháp, tùy niệm về Giáo Pháp, vị tỳ khuru không rời bỏ Chánh Pháp.

[365] 6. Không nên khinh chê phần thọ lãnh của mình, không nên thể hiện sự thèm muốn (phần) của những người khác, trong khi thèm muốn (phần) của những người khác, vị tỳ khuru không đạt được định.

[366] 7. Thậm chí nếu phần thọ lãnh là ít ỏi, vị tỳ khuru không nên khinh chê phần thọ lãnh của mình. Chư Thiên quả thật ca ngợi vị có sự nuôi mạng trong sạch, không lười biếng ấy.

[367] 8. Vị nào không có việc chấp là ‘của ta’ ở danh và sắc về mọi mặt, và không sầu muộn về những gì không có; thật vậy vị ấy được gọi là ‘tỳ khuru’.

[368] 9. Vị tỳ khuru trú tâm từ, tịnh tín lời dạy của đức Phật, có thể đạt đến vị thể an tịnh, sự vắng lặng của các hành, an lạc.

[369] 10. Đây tỳ khuru, hãy tát cạn chiếc thuyền này. Được tát cạn, nó sẽ đi nhanh cho người. Hãy chặt đứt luyến ái và sân hận, nhờ đó người sẽ đi đến Niết Bàn.

[370] 11. Nên chặt đứt năm (năm sự ràng buộc ở phần dưới), nên từ bỏ năm (năm sự ràng buộc ở phần trên), nên tu tập hơn nữa về năm (quyền). Là người đã vượt qua năm sự dính líu (tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến), vị tỳ khuru được gọi là ‘đã vượt qua (bốn) dòng nước lũ’.^[17]

[371] 12. Đây tỳ khuru, hãy tham thiền, và chớ có xao lãng.

Chớ để tâm của người quanh quẩn ở các loại dục.

Chớ bị xao lãng, có việc nuốt hòn sắt (ở địa ngục).

Trong khi bị đốt nóng, chớ khóc than rằng: ‘Đây là khổ’.

[372] 13. Không có thiên đối với kẻ không có trí tuệ, không có trí tuệ đối với kẻ không thiên. Ở vị nào có thiên và trí tuệ, vị ấy quả nhiên ở gần Niết Bàn.

[373] 14. Có sự thỏa thích không thuộc loài người cho vị tỳ khuru đã đi vào ngôi nhà trống vắng, có tâm an tịnh, đang minh sát pháp một cách đúng đắn.

[374] 15. Mỗi một khi nắm bắt được sự sanh diệt của các uẩn, (vị ấy) đạt được hỷ và hân hoan; điều ấy, đối với các vị đang nhận thức, là Bất Tử.

[375] 16. Tại nơi ấy, điều này là sự khởi đầu của vị tỳ khưu có trí tuệ trong Giáo Pháp này: sự phòng hộ các giác quan, sự tự biết đủ, và sự thu thúc trong giới bốn *Pātimokkha*.

[376] 17. Hãy thân cận các bạn hữu tốt lành có sự nuôi mạng trong sạch, không lười biếng. Nên có thói quen tiếp rước hậu hỷ, nên khéo léo trong lối cư xử. Từ đó, có nhiều hân hoan, (vị ấy) sẽ làm chấm dứt khổ đau.

[377] 18. Đây các tỳ khưu, giống như cây hoa nhài rũ bỏ những bông hoa úa tàn, tương tự như thế các người hãy buông bỏ luyến ái và sân hận.

[378] 19. Vị tỳ khưu có thân an tịnh, có khẩu an tịnh, có sự an tịnh ở tâm, khéo được định tĩnh, có vật chất thế gian đã được tẩy trừ, được gọi là ‘bậc an tịnh’.

[379] 20. Hãy tự mình quở trách bản thân, hãy tự mình dò xét bản thân. Đây tỳ khưu, người đây được hộ trì bởi bản thân, có niệm, sẽ sống an lạc.

[380] 21. Chính ta là người chủ của ta, chính ta là nơi nương tựa của ta. Vì thế, hãy tự chế ngự bản thân, ví như người thương buôn chế ngự con ngựa hiền.

[381] 22. Vị tỳ khưu có nhiều sự hân hoan, tịnh tín lời dạy của đức Phật, có thể đạt đến vị thế an tịnh, sự vắng lặng của các hành, an lạc.

[382] 23. Thật vậy, vị tỳ khưu trẻ tuổi, gắn bó vào lời dạy của đức Phật, vị ấy chiếu sáng thế gian này, ví như mặt trăng ra khỏi đám mây.

Phẩm Tỳ Khưu là thứ hai mươi lăm.

26. PHẨM BÀ-LA-MÔN

[383] 1. Đây Bà-la-môn, hãy cắt đứt dòng chảy (luân hồi), hãy nỗ lực, hãy xua đuổi các dục. Đây Bà-la-môn, sau khi biết được sự hoại diệt của các hành, người trở thành người biết được vô vi (Niết Bàn).

[384] 2. Khi vị Bà-la-môn trở thành người đã đạt đến bờ kia về cả hai pháp, ^[18] trong lúc vị này đang nhận biết, tất cả các sự ràng buộc đối với vị này đi đến tiêu tan.

[385] 3. Đối với vị nào, bờ này hoặc bờ kia, hoặc bờ này lẫn bờ kia đều không tìm thấy, đã xa lìa sầu khổ, không bị ràng buộc, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[386] 4. Vị có thiên, không còn ô nhiễm, đã ngồi xuống (đơn độc ở khu rừng), đã làm xong phận sự, không còn lậu hoặc, đã đạt đến mục đích tối thượng, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[387] 5. Mặt trời tỏa sáng ban ngày, mặt trăng chiếu sáng ban đêm, khoác áo giáp vị Sát-đế-ly tỏa sáng, có thiên vị Bà-la-môn tỏa sáng, còn đức Phật tỏa sáng hào quang trọn ngày đêm.

[388] 6. Có điều ác đã được xa lánh được gọi là ‘Bà-la-môn,’ có sở hành bình lặng được gọi là ‘Sa-môn’. Vị đã dứt bỏ ô nhiễm của bản thân, vì thế được gọi là ‘bậc xuất gia’.

[389] 7. Không nên đánh đập vị Bà-la-môn, vị Bà-la-môn không nên bộc phát (sự giận dữ) đến kẻ đã đánh mình. Xấu hổ thay kẻ đánh đập vị Bà-la-môn, càng xấu hổ hơn cho vị bộc phát (sự giận dữ) đến kẻ đã đánh mình.

[390] 8. Vị Bà-la-môn không có việc nào khác tốt hơn việc này, là lúc có sự đình chỉ của tâm đối với các vật đáng yêu. Chừng nào tâm ý hãm hại được dừng lại, chừng ấy khổ đau được thật sự yên lặng .

[391] 9. Đối với vị nào, không có việc làm quấy do thân, do khẩu, do ý, (và đã được thu thúc ở ba nơi (thân khẩu ý), Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[392] 10. Do vị nào mà ta có thể hiểu biết Giáo Pháp đã được đứng Chánh Đẳng Giác thuyết giảng, ta nên kính lễ vị ấy một cách nghiêm trang, ví như người Bà-la-môn kính lễ ngọn lửa tế thần.

[393] 11. Không do những búi tóc bện, không do dòng họ, không do gia tộc mà trở thành Bà-la-môn. Ở vị nào có sự chân thật và sự ngay thẳng, vị ấy có sự trong sạch, chính vị ấy là Bà-la-môn.

[394] 12. Này kẻ kém trí, có ích gì với những búi tóc bện của người? Có ích gì với y phục bằng da dê của người? Người đánh bóng bên ngoài, bên trong của người là rừng rậm (ô nhiễm).

[395] 13. Người mang y may bằng vải bị quăng bỏ, gầy ốm, nổi đầy gân, một mình đang tham thiên trong rừng, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[396] 14. Và Ta không gọi là Bà-la-môn với kẻ đã được sanh ra từ từ cung (của nữ Bà-la-môn), có sự xuất thân theo người mẹ, kẻ ấy được gọi là ‘người có sự xung hô với từ Ông’ nếu người ấy có sở hữu gì đó. Còn vị không sở hữu gì, không nắm giữ, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[397] 15. Thật vậy, người nào đã cắt đứt tất cả ràng buộc, không run sợ, đã vượt qua các sự dính líu, không còn bị ràng buộc, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[398] 16. Người đã cắt đứt dây buộc (sân hận), dây trói (tham ái), dây thừng (62 tà kiến), cùng với vật phụ tùng (các pháp tiềm ẩn), đã nâng lên thanh chắn (vô minh), đã được giác ngộ, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn. ^[19]

[399] 17. Người nào chịu đựng lời khiển trách, sự trừng phạt và giam cầm, mà không sân hận, người có kham nhẫn là sức mạnh, có sức mạnh là quân đội, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[400] 18. Người không nóng giận, có sự hành trì, có giới, không nhiễm dục vọng, đã được rèn luyện, có thân xác cuối cùng, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[401] 19. Ví như nước ở lá sen, ví như hạt cải ở đầu mũi kim, người nào không nhiễm bản trong các dục, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[402] 20. Người nào nhận biết sự diệt trừ khổ đau của bản thân ngay tại chỗ này, đã đặt xuống gánh nặng, không bị ràng buộc, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[403] 21. Người có tuệ thâm sâu, thông minh, rành rẽ về Đạo Lộ và không phải Đạo Lộ, đã đạt đến mục đích tối thượng, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[404] 22. Người không gằn gỏi với cả hai hạng tại gia và hạng xuất gia, sống không trú xứ, ít ham muốn, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[405] 23. Sau khi bỏ xuống gậy gộc đối với các chúng sanh di động hay đứng yên, người nào không giết hại, không bảo giết hại, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[406] 24. Người không thù nghịch giữa những kẻ thù nghịch, tịnh lặng giữa những kẻ có gậy gộc, không có chấp giữa những kẻ có chấp, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[407] 25. Người nào có sự luyện ái, sân hận, ngã mạn, và gièm pha đã được rơi rụng, ví như hạt cải ở đầu mũi kim, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[408] 26. Người thốt lên lời nói chân thật, không thô lỗ, ý nghĩa rõ ràng, không làm mất lòng bất cứ ai với lời nói ấy, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[409] 27. Ở thế gian này, người nào không lấy đi vật không được cho, dầu là dài hay ngắn, nhỏ hay lớn, đẹp hay xấu, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[410] 28. Những mong cầu của người nào về đời này và đời sau không còn tìm thấy, người không mong cầu, không bị ràng buộc, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[411] 29. Những ước muốn của người nào không còn tìm thấy, sau khi biết rõ không có nghi ngờ, đã đạt đến sự thể nhập Bất Tử, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[412] 30. Ở thế gian này, người nào đã vượt qua sự dính líu cả hai pháp thiện và ác, không sâu muộn, không ô nhiễm, trong sạch, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[413] 31. Ví như mặt trăng không bị lấm nhơ, trong sạch, người có tâm thanh tịnh, không bị vẩn đục, đã hoàn toàn cạn kiệt sự vui thích và hiện hữu, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[414] 32. Người nào đã vượt qua con đường hiểm trở, khó đi này, (vòng quay) luân hồi, và sự si mê, đã vượt qua, đã đi đến bờ kia, có thiên, không dục vọng, không nghi ngờ, không chấp thủ, đã tịnh lặng, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[415] 33. Người nào ở đây có thể dứt bỏ các dục, sống hạnh du sĩ, không nhà, đã hoàn toàn cạn kiệt các dục và hiện hữu, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[416] 34. Người nào ở đây có thể dứt bỏ tham ái, sống hạnh du sĩ, không nhà, đã hoàn toàn cạn kiệt tham ái và hiện hữu, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[417] 35. Người đã từ bỏ sự gắn bó thuộc cõi người, đã vượt lên sự gắn bó thuộc cõi trời, không bị ràng buộc với mọi sự gắn bó, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[418] 36. Người đã từ bỏ sự thích thú và không thích thú, có trạng thái mát mẻ, không còn mầm tái sinh, vị đã chế ngự tất cả thế gian, bậc anh hùng, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[419] 37. Người nào đã hiểu biết sự chết và sự tái sinh của chúng sanh về mọi phương diện, không bám víu, đã đi đến nơi an lạc, đã được giác ngộ, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[420] 38. Cảnh giới tái sinh của người nào mà chư Thiên, Càn-thát-bà, và loài người không biết được, người có lậu hoặc đã được cạn kiệt, là bậc A-la-hán, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[421] 39. Đối với người nào, phía trước (quá khứ), phía sau (vị lai), và phần giữa (hiện tại) không sở hữu gì, người không sở hữu gì, không nắm giữ, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[422] 40. Đấng nhân ngu, bậc cao quý, bậc anh hùng, bậc đại ân sĩ, bậc chiến thắng, bậc không còn dục vọng, người đã rửa sạch (mọi nhiễm ô), đã được giác ngộ, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

[423] 41. Người nào biết về kiếp sống trước, nhìn thấy cõi trời và đọa xứ, rồi đạt đến sự diệt trừ tái sinh, là bậc hiền trí, đã được hoàn hảo về thắng trí, có mọi sự hoàn hảo đã được hoàn hảo, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn.

Phẩm Bà-la-môn là thứ hai mươi sáu.

TÓM LƯỢC CÁC PHẨM

1. Song Đồi, Không Xao Lãng, Tâm, Bông Hoa, với Kẻ Ngu, Sáng Suốt, A-La-Hán, Một Ngàn, Ác, với Hình Phật, chúng là mười.
2. Già, Tự Ngã, Thế Gian, Đức Phật, với An Lạc, và Yêu Thích, Giận Dữ, và Vết Nhơ, Công Minh, với phẩm Đạo Lộ là hai mươi.
3. Linh Tinh, Địa Ngục, Voi, Tham Ái, Tỳ Khuru, và Bà-La-Môn, hai mươi sáu phẩm này đã được thuyết giảng bởi vị Thân Quyền của Mặt Trời.

TÓM LƯỢC CÁC CÂU KỆ

1. Hai mươi câu kệ ở phẩm Song Đồi, mười hai ở phẩm Không Xao Lãng, mười một ở phẩm Tâm, mười sáu ở phẩm Bông Hoa.
2. Và mười sáu câu kệ ở phẩm Kẻ Ngu, mười bốn ở phẩm Sáng Suốt, mười câu kệ ở phẩm A-La-Hán, mười sáu là ở phẩm Một Ngàn.
3. Mười ba ở phẩm Ác, và mười bảy ở phẩm Hình Phật, mười một ở phẩm Già, mười là ở phẩm Tự Ngã.
4. Mười hai ở phẩm Thế Gian, và mười tám là ở phẩm Đức Phật, mười hai câu kệ là ở phẩm An Lạc, và phẩm Yêu Thích.
5. Mười bốn ở phẩm Giận Dữ, hai mươi một ở phẩm Vết Nhơ, và mười bảy ở phẩm Công Minh, và tương tự y như thế ở phẩm Đạo Lộ.
6. Mười sáu câu kệ ở phẩm Linh Tinh, mười bốn ở phẩm Địa Ngục, và ở phẩm Voi, hai mươi sáu ở phẩm Tham Ái, hai mươi ba thuộc phẩm Tỳ Khuru.
7. Bốn mươi một câu kệ ở phẩm Bà-La-Môn, phẩm hay nhất. Thêm điều này nữa, bốn trăm hai mươi ba câu kệ đã được thuyết giảng bởi vị Thân Quyền của Mặt Trời ở tập *Dhammapada - Pháp Cú*.

PHÁP CÚ ĐƯỢC CHẤM DỨT.

---o0o---

TẶNG KINH - TIỂU BỘ

PHẬT TỰ THUYẾT

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đáng Chánh Biến Tri!

PHẨM GIÁC NGỘ - THỨ NHẤT

1. 1. SỰ GIÁC NGỘ - KINH THỨ NHẤT

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại Uruvelā bên bờ sông Nerañjarā nơi gốc cây bồ đề và vừa mới thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đã ngồi với một tư thế kiết già suốt bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

2. Sau đó, trải qua bảy ngày ấy, sau khi đã ra khỏi định ấy, đức Thế Tôn vào canh một của đêm đã khéo léo tác ý thuận chiều về sự sanh khởi tùy thuộc vào điều kiện rằng: “Như thế là khi cái này hiện hữu thì cái kia hiện hữu, do sự sanh khởi của cái này thì cái kia được sanh khởi, tức là:

Do duyên *vô minh*, các *hành* (sanh khởi); do duyên *các hành*, *thức* (sanh khởi); do duyên *thức*, *đanh sắc* (sanh khởi);

do duyên *đanh sắc*, *sáu xứ* (sanh khởi); do duyên *sáu xứ*, *xúc* (sanh khởi);

do duyên *xúc*, *thọ* (sanh khởi); do duyên *thọ*, *ái* (sanh khởi);

do duyên *ái*, *thủ* (sanh khởi); do duyên *thủ*, *hữu* (sanh khởi);

do duyên *hữu*, *sanh* (sanh khởi);

do duyên *sanh*, *lão*, *tử*, *sâu*, *bi*, *khổ*, *ưu*, *não* sanh khởi.

Như thế là sự sanh lên của toàn bộ khổ uẩn này”.^[20]

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Quả vậy, khi các pháp hiện rõ đến vị Bà-la-môn có nhiệt tâm đang tham thiền thì tất cả điều nghi hoặc của vị ấy được rũ sạch, từ đó vị ấy nhận biết rằng (mọi) việc là có nguyên nhân”.

---o0o---

1. 2. SỰ GIÁC NGỘ - KINH THỨ NHÌ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại Uruvelā bên bờ sông Nerañjarā nơi cội cây bồ đề và vừa mới thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đã ngồi với một tư thế kiết già suốt bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

2. Sau đó, trải qua bảy ngày ấy, sau khi đã ra khỏi định ấy, đức Thế Tôn vào canh giữa của đêm đã khéo léo tác ý nghịch chiều về sự sanh khởi tùy thuộc vào điều kiện rằng: “Như thế là khi cái này không hiện hữu thì cái kia không

hiện hữu, do sự diệt tận của cái này thì cái kia được diệt tận, tức là: Do sự diệt tận của *vô minh* (đưa đến) sự diệt tận của *các hành*, do sự diệt tận của *các hành* (đưa đến) sự diệt tận của *thức*, do sự diệt tận của *thức* (đưa đến) sự diệt tận của *danh sắc*, do sự diệt tận của *danh sắc* (đưa đến) sự diệt tận của *sáu xứ*, do sự diệt tận của *sáu xứ* (đưa đến) sự diệt tận của *xúc*, do sự diệt tận của *xúc* (đưa đến) sự diệt tận của *thọ*, do sự diệt tận của *thọ* (đưa đến) sự diệt tận của *ái*, do sự diệt tận của *ái* (đưa đến) sự diệt tận của *thủ*, do sự diệt tận của *thủ* (đưa đến) sự diệt tận của *hữu*, do sự diệt tận của *hữu* (đưa đến) sự diệt tận của *sanh*, do sự diệt tận của *sanh* (đưa đến) *lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não* được diệt tận. Như thế là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này”.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“*Quả vậy, khi các pháp hiện rõ đến vị Bà-la-môn có nhiệt tâm đang tham thiền thì tất cả điều nghi hoặc của vị ấy được rũ sạch, từ đó nhận biết rằng (mọi) việc là có nguyên nhân*”.

---o0o---

1. 3. SỰ GIÁC NGỘ - KINH THỨ BA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại Uruvelā bên bờ sông Nerañjarā nơi cội cây bồ đề và vừa mới thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đã ngồi với một tư thế kiết già suốt bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

2. Sau đó, trải qua bảy ngày ấy, sau khi đã ra khỏi định ấy, đức Thế Tôn vào canh cuối của đêm đã khéo léo tác ý thuận chiều và nghịch chiều về sự sanh khởi tùy thuộc vào điều kiện rằng: “Như thế là khi cái này hiện hữu thì cái kia hiện hữu, do sự sanh khởi của cái này thì cái kia được sanh khởi, khi cái này không hiện hữu thì cái kia không hiện hữu, do sự diệt tận của cái này thì cái kia được diệt tận, tức là: Do duyên *vô minh, các hành* (sanh khởi);

do duyên *các hành, thức* (sanh khởi); do duyên *thức, danh sắc* (sanh khởi); do duyên *danh sắc, sáu xứ* (sanh khởi); do duyên *sáu xứ, xúc* (sanh khởi);

do duyên *xúc, thọ* (sanh khởi); do duyên *thọ, ái* (sanh khởi);

do duyên *ái, thủ* (sanh khởi); do duyên *thủ, hữu* (sanh khởi);

do duyên *hữu, sanh* (sanh khởi);

do duyên *sanh, lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não* sanh khởi.

Như thế là sự sanh lên của toàn bộ khổ uẩn này.

Nhưng chính do sự diệt tận của *vô minh* hoàn toàn không còn tham ái (đưa đến) sự diệt tận của *các hành*, do sự diệt tận của *các hành* (đưa đến) sự diệt tận của *thức*, do sự diệt tận của *thức* (đưa đến) sự diệt tận của *danh sắc*, do sự diệt tận của *danh sắc* (đưa đến) sự diệt tận của *sáu xứ*, do sự diệt tận của *sáu xứ* (đưa đến) sự diệt tận của *xúc*, do sự diệt tận của *xúc* (đưa đến) sự diệt tận của *thọ*, do sự diệt tận của *thọ* (đưa đến) sự diệt tận của *ái*, do sự diệt tận của *ái* (đưa đến) sự diệt tận của *thủ*, do sự diệt tận của *thủ* (đưa đến) sự diệt tận của *hữu*, do sự diệt tận của *hữu* (đưa đến) sự diệt tận của *sanh*, do sự diệt tận của *sanh* (đưa đến) *lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não* được diệt tận. Như thế là sự diệt tận của toàn bộ khổ uẩn này”.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Quả vậy, khi các pháp hiện rõ đến vị Bà-la-môn có nhiệt tâm đang tham thiền, trong khi đánh tan binh đội của Ma Vương, (vị ấy) hiển hiện tựa như ánh mặt trời đang làm rực sáng không gian”.

---o0o---

1. 4. KINH CÂY SI

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại Uruvelā bên bờ sông Nerañjarā nơi cội cây si của những người chăn dê và vừa mới thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác. Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn đã ngồi với một tư thế kiết già suốt bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

2. Sau đó, trải qua bảy ngày ấy, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy. Khi ấy, có vị Bà-la-môn nọ thuộc nhóm chuyên luyện về âm “hum, hum” đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng ở một bên. Khi đã đứng ở một bên, vị Bà-la-môn ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

“Thưa Ngài Gotama, (khả năng) đến đâu (mới gọi) là Bà-la-môn? Và các pháp nào tạo nên bản thể Bà-la-môn?”

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Vị Bà-la-môn nào có ác pháp đã được ngăn trừ, là vị không làm tiếng ‘hum hum,’ đã thoát khỏi điều ô nhiễm, có bản thân đã được chế ngự, là vị thông thạo các bộ Vệ Đà, sống theo đời Phạm hạnh, vị ấy có thể thuyết giảng một cách đúng đắn lời nói của Phạm Thiên, vị ấy không có sai sót về bất cứ điều gì ở trên thế gian”.

---o0o---

1. 5. KINH CÁC VỊ TRƯỞNG LÃO

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đại đức Sāriputta, đại đức Mahāmoggallāna, đại đức Mahākassapa, đại đức Mahākaccāyana, đại đức Mahākotṭhita, đại đức Mahākappina, đại đức Mahācunda, đại đức Anuruddha, đại đức Revata, đại đức Ānanda, đã đi đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy các vị đại đức ấy từ đằng xa đang đi đến, sau khi thấy đã bảo các vị tỳ khuru rằng: “Này các tỳ khuru, các vị Bà-la-môn này đi đến. Này các tỳ khuru, các vị Bà-la-môn này đi đến”.

Khi được nói như vậy, một vị tỳ khuru xuất thân Bà-la-môn đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, (khả năng) đến đâu (mới gọi) là Bà-la-môn? Và các pháp nào tạo nên bản thể Bà-la-môn?”

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Sau khi lánh xa các ác pháp, các vị nào sống thường xuyên có niệm, có các sự ràng buộc đã được cạn kiệt, đã được giác ngộ, các vị ấy quả thật là các Bà-la-môn ở thế gian”.

---o0o---

1. 6. KINH KASSAPA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, ở Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bảy giờ, đại đức Mahākassapa trú ở hang động Pippali, là người bệnh, bị khô sở, có bệnh trầm trọng. Rồi sau một thời gian, đại đức Mahākassapa đã thoát khỏi cơn bệnh ấy.

2. Lúc ấy, điều này đã khởi đến đại đức Mahākassapa khi đã thoát khỏi cơn bệnh ấy: “Có lẽ ta nên đi vào thành Rājagaha để khát thực”.

Vào lúc bảy giờ, các Thiên nhân với số lượng năm trăm vị đang có sự sốt sắng về việc thọ nhận đồ ăn khát thực của đại đức Mahākassapa.

Lúc ấy, đại đức Mahākassapa đã từ chối các Thiên nhân với số lượng năm trăm vị ấy, sau đó vào buổi sáng đã quán y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y đi vào thành Rājagaha để khát thực, nơi đường lộ của những người nghèo khổ, nơi đường lộ của những người khốn khó, nơi đường lộ của những người thợ dệt.

Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Mahākassapa đang đi khát thực trong thành Rājagaha, nơi đường lộ của những người nghèo khổ, nơi đường lộ của những người khốn khó, nơi đường lộ của những người thợ dệt.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Vị không nuôi dưỡng kẻ khác, đã được biết tiếng, đã được rèn luyện, đã đứng vững ở cốt lõi, có lậu hoặc đã được cạn kiệt, có sân hận đã được tẩy trừ, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn”.

---o0o---

1. 7. KINH PĀVĀ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Pāvā, ở bảo tháp Ajakalāpaka, nơi cung điện của Dạ-xoa Ajakalāpaka. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ngồi ở ngoài trời, trong đêm tối đen mù mịt. Và trời đổ mưa từng hạt. Khi ấy, với ý định làm sanh khởi sự sợ hãi, tê cứng, lòng dưng đứng đến đức Thế Tôn, Dạ-xoa Ajakalāpaka đã đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã gây nên tiếng gào thét hỗn loạn “á-kú-lô pá-kú-lô” ba lần ở nơi không xa đức Thế Tôn (nói rằng): “Này Sa-môn, con yêu tinh này là dành cho ông”.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Khi đã đi đến bờ kia đối với các pháp của chính mình, trở thành vị Bà-la-môn, thì vượt qua con yêu tinh ấy và tiếng gào thét (của nó)”.

---o0o---

1. 8. KINH SAṄĀMAJI

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Sangāmaji đã ngự đến Sāvatti để diện kiến đức Thế Tôn. Người vợ cũ của đại đức Sangāmaji đã nghe được rằng: “Nghe nói ngài Sangāmaji đã ngự đến Sāvatti”. Cô ấy đã ẵm lấy đứa bé trai và đã đi đến Jetavana.

Vào lúc bấy giờ, đại đức Sangāmaji ngồi nghỉ trưa ở gốc cây nọ. Khi ấy, người vợ cũ của đại đức Sangāmaji đã đi đến gặp đại đức Sangāmaji, sau khi đến đã nói với đại đức Sangāmaji điều này: “Này ông Sa-môn, tôi có đứa con trai nhỏ. Hãy nuôi dưỡng tôi”. Khi được nói như vậy, đại đức Sangāmaji đã im lặng.

Đến lần thứ nhì, người vợ cũ của đại đức Sangāmaji đã nói với đại đức Sangāmaji điều này: “Này ông Sa-môn, tôi có đứa con trai nhỏ. Hãy nuôi dưỡng tôi”. Đến lần thứ nhì, đại đức Sangāmaji đã im lặng. Đến lần thứ ba,

người vợ cũ của đại đức Sangāmaji đã nói với đại đức Sangāmaji điều này: “Này ông Sa-môn, tôi có đứa con trai nhỏ. Hãy nuôi dưỡng tôi”. Đến lần thứ ba, đại đức Sangāmaji đã im lặng.

Khi ấy, người vợ cũ của đại đức Sangāmaji đã đặt xuống đứa con trai ấy ở phía trước đại đức Sangāmaji rồi bỏ đi (nói rằng): “Này ông Sa-môn, đây là con trai của ông. Hãy nuôi dưỡng nó”.

2. Khi ấy, đại đức Sangāmaji đã không ngó đến cũng chẳng chuyện trò với đứa bé trai ấy. Khi ấy, người vợ cũ của đại đức Sangāmaji đã đi đến một nơi không xa, trong khi ngó lại, đã nhìn thấy đại đức Sangāmaji không ngó đến cũng chẳng chuyện trò với đứa bé trai ấy. Sau khi nhìn thấy, cô ấy đã khởi ý rằng: “Ông Sa-môn này không cần đến đứa con trai,” từ nơi ấy đã quay trở lại, ôm lấy đứa bé trai rồi ra đi. Đức Thế Tôn với Thiên nhân thanh tịnh vượt trội loài người đã nhìn thấy việc làm trái khuấy của người vợ cũ của đại đức Sangāmaji.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

*“Chẳng thỏa thích khi nàng đi đến, không sầu muộn lúc nàng bỏ đi;
Sangāmaji đã thoát khỏi sự dính mắc, Ta gọi vị ấy là Bà-la-môn”.*

---o0o---

1. 9. KINH ĐẠO SĨ BỆN TÓC

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngụ tại làng Gayā, ở đỉnh núi Gayā. Vào lúc bấy giờ, trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo vào lúc tuyết rơi, ở tại dòng sông có nhiều vị đạo sĩ bận tóc trôi lên, hụp xuống, rồi lại thực hiện hành động trôi lên hụp xuống, rưới nước, cúng tế thần lửa (nghĩ rằng): “Nhờ vào việc này mà có sự trong sạch”.

Và đức Thế tôn đã nhìn thấy trong khoảng thời gian tám đêm của mùa đông lạnh lẽo vào lúc tuyết rơi, ở tại dòng sông có nhiều vị đạo sĩ bận tóc trôi lên, hụp xuống, rồi lại thực hiện hành động trôi lên hụp xuống, rưới nước, cúng tế thần lửa (nghĩ rằng): “Nhờ vào việc này mà có sự trong sạch”.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Không do nước mà trở nên trong sạch. Nhiều người tắm ở nơi này. Ở người nào có sự chân thật và có Giáo Pháp, người ấy là trong sạch, và người ấy là Bà-la-môn”.

---o0o---

1. 10. KINH BĀHIYA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

Vào lúc bảy giờ, Bāhiya Dārucīriya^[21] cư ngụ tại Suppāraka, ở bờ biển, được tôn vinh, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Khi ấy, Bāhiya Dārucīriya trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã khởi lên: “Những ai là các bậc A-la-hán ở thế gian, hoặc đã đạt đến A-la-hán đạo, ta là một vị trong số các vị ấy”.

Khi ấy, có vị Thiên nhân, trước đây là thân nhân cùng huyết thống của Bāhiya Dārucīriya, có lòng thương tưởng, có sự mong mỏi điều lợi ích, sau khi bằng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của Bāhiya Dārucīriya, đã đi đến gặp Bāhiya Dārucīriya, sau khi đến đã nói với Bāhiya Dārucīriya điều này: “Này Bāhiya, người hiển nhiên không phải là vị A-la-hán, hoặc đã đạt đến A-la-hán đạo. Thậm chí ở người không có đường lối thực hành ấy, nhờ nó người có thể trở thành vị A-la-hán, hoặc đạt đến A-la-hán đạo”. “Vậy ở thế gian luôn cả chư Thiên có vị nào là bậc A-la-hán hoặc đã đạt đến A-la-hán đạo?” “Này Bāhiya, ở những xứ sở ở phía bắc có thành phố tên là Sāvatti. Ở nơi ấy, hiện nay có đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy cư ngụ. Này Bāhiya, chính đức Thế Tôn ấy không những là bậc A-la-hán mà còn thuyết giảng Pháp đưa đến phẩm vị A-la-hán nữa”.

Khi ấy, Bāhiya Dārucīriya bị làm cho chấn động bởi vị Thiên nhân ấy ngay lập tức đã rời khỏi Suppāraka, và đã đi đến thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika; toàn bộ cuộc hành trình chỉ trú lại một đêm. Vào lúc bảy giờ, nhiều vị tỳ khưu đang đi kinh hành ở ngoài trời. Khi ấy, Bāhiya Dārucīriya đã đi đến gặp các vị tỳ khưu ấy, sau khi đến đã nói với các vị tỳ khưu ấy điều này: “Thưa các ngài, hiện nay đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy ngụ ở đâu? Chúng tôi có ước muốn diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy”. “Này Bāhiya, đức Thế Tôn đã đi vào trong xóm nhà để khát thực”.

2. Khi ấy, Bāhiya Dārucīriya với vẻ vội vã đã rời khỏi Jetavana rồi đi vào thành Sāvatti và đã nhìn thấy đức Thế Tôn, với vẻ đáng mến, khơi dậy niềm tin, có giác quan an tịnh, tâm ý an tịnh, đã đạt đến sự rèn luyện và tịnh lặng tối thượng, loài long tượng đã được huấn luyện, đã được hộ trì, có giác quan đã được kiểm soát, đang đi khát thực ở thành Sāvatti, sau khi nhìn thấy đã đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã cúi xuống đê đầu ở bàn chân của đức Thế Tôn và đã nói điều này: “Thưa Ngài, xin đức Thế Tôn hãy

giảng Pháp cho tôi, xin bậc Thiện Thệ hãy giảng Pháp cho tôi, việc ấy có thể đem lại cho tôi sự lợi ích, sự an lạc lâu dài”.

Khi được nói như vậy, đức Thế Tôn đã nói với Bāhiya Dārucīriya điều này: “Này Bāhiya, giờ không phải là lúc, chúng tôi đã đi vào trong xóm nhà để khát thực”.

Đến lần thứ nhì, Bāhiya Dārucīriya đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Thưa Ngài, điều này quả là khó biết được đối với các sự nguy hiểm cho mạng sống của đức Thế Tôn, hay là các sự hiểm nguy cho mạng sống của tôi. Thưa Ngài, xin đức Thế Tôn hãy giảng Pháp cho tôi, xin bậc Thiện Thệ hãy giảng Pháp cho tôi, việc ấy có thể đem lại cho tôi sự lợi ích, sự an lạc lâu dài”.

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với Bāhiya Dārucīriya điều này: “Này Bāhiya, giờ không phải là lúc, chúng tôi đã đi vào trong xóm nhà để khát thực”.

Đến lần thứ ba, Bāhiya Dārucīriya đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Thưa Ngài, điều này quả là khó biết được đối với các sự nguy hiểm cho mạng sống của đức Thế Tôn, hay là các sự hiểm nguy cho mạng sống của tôi. Thưa Ngài, xin đức Thế Tôn hãy giảng Pháp cho tôi, xin bậc Thiện Thệ hãy giảng Pháp cho tôi, việc ấy có thể đem lại cho tôi sự lợi ích, sự an lạc lâu dài”.

“Này Bāhiya, như thế thì người nên học tập như vậy: ‘Trong việc thấy sẽ là thuần túy việc thấy, trong việc nghe sẽ là thuần túy việc nghe, trong việc cảm giác sẽ là thuần túy việc cảm giác, trong việc nhận thức sẽ là thuần túy việc nhận thức’. Này Bāhiya, người nên học tập theo đúng như vậy.

Này Bāhiya, khi nào đối với người, trong việc thấy sẽ là thuần túy việc thấy, trong việc nghe sẽ là thuần túy việc nghe, trong việc cảm giác sẽ là thuần túy việc cảm giác, trong việc nhận thức sẽ là thuần túy việc nhận thức, này Bāhiya, khi ấy người không là với điều ấy. Này Bāhiya, khi nào người không là với điều ấy, này Bāhiya khi ấy người không là trong đó. Này Bāhiya, khi nào người không là trong đó, này Bāhiya khi ấy người đương nhiên không là ở đây, không là ở kia, không là ở khoảng giữa của cả hai. Chính điều này là sự chấm dứt của khổ”.

3. Khi ấy, với lời giảng Pháp tóm tắt này của đức Thế Tôn ngay khi ấy tâm của Bāhiya Dārucīriya không còn chấp thủ và đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

Khi ấy, sau khi giáo huấn cho Bāhiya Dārucīriya với lời giáo huấn tóm tắt này, đức Thế Tôn đã ra đi.

Sau đó, trong khi đức Thế Tôn ra đi không bao lâu, một con bò cái với con bê non đã húc ngã và đã đoạt lấy mạng sống của Bāhiya Dārucīriya.

Sau đó, đức Thế Tôn sau khi đi khát thực ở thành Sāvatti, sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về cùng với nhiều vị tỳ khuru, sau khi đi ra khỏi thành đã nhìn thấy Bāhiya Dārucīriya đã từ trần, sau khi nhìn thấy đã bảo các vị tỳ khuru rằng: “Này các tỳ khuru, hãy mang thi thể của Bāhiya Dārucīriya đặt lên cáng khiêng đi và hỏa thiêu. Và hãy xây dựng bảo tháp cho vị này. Này các tỳ khuru, vị đồng Phạm hạnh của các người đã từ trần”.

“Bạch Ngài, xin vâng”. Các vị tỳ khuru ấy nghe theo đức Thế Tôn đã đặt thi thể của Bāhiya Dārucīriya lên cáng rồi khiêng đi và hỏa thiêu, và sau khi xây dựng bảo tháp cho vị này đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên.

Khi đã ngồi xuống ở một bên, các vị tỳ khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, thi thể của Bāhiya Dārucīriya đã được thiêu đốt, và bảo tháp đã được xây dựng cho vị này. Cảnh giới tái sanh của vị ấy là gì? Đời sau của vị ấy là gì?”

“Này các tỳ khuru, Bāhiya Dārucīriya là vị sáng suốt đã thực hành Pháp tuân tự đối với Giáo Pháp, và đã không quấy rầy Ta với sự việc liên quan đến Giáo Pháp. Này các tỳ khuru, Bāhiya Dārucīriya đã viên tịch Niết Bàn”.

4. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

*“Nơi nào nước và đất, lửa, gió không bám chắc,
nơi ấy các vì sao không lấp lánh, mặt trời không chói sáng,
nơi ấy mặt trăng không chiếu sáng, nơi ấy sự tối tăm không tìm thấy.
Và vào lúc bậc hiền trí, vị Bà-la-môn tự mình hiểu biết bằng trí tuệ,
khi ấy được giải thoát khỏi sắc, khỏi vô sắc, khỏi hạnh phúc và khổ đau”.*

Lời cảm hứng này đã được Thế Tôn nói lên, tôi đã nghe thế ấy.

Phẩm Giác Ngộ là thứ nhất.

---o0o---

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY LÀ

Ba chuyện về giác ngộ, cây si, các vị trưởng lão ấy, với vị Kassapa, ở Pāvā, vị Saṅgāmaji, các đạo sĩ bện tóc, với vị Bāhiya, chúng là mười bài Kinh.

---o0o---

PHẨM MUCALINDA - THỨ NHÌ

2. 1. KINH MUCALINDA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngụ tại Uruvelā bên bờ sông Nerañjarā nơi gốc cây bồ đề và vừa mới thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đã ngồi với một tư thế kiết già suốt bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

2. Vào lúc bấy giờ, có đám mây đen lớn sái mùa xuất hiện, có mưa tầm tã trong bảy ngày, có gió lạnh và đầy mây. Khi ấy, rồng chúa Mucalinda đã rời khỏi chỗ ngụ của mình dùng thân quấn quanh cơ thể của đức Thế Tôn bảy vòng và phồng lớn mang rời duy trì ở phía trên đầu của đức Thế Tôn (nghĩ rằng): “Chớ để đức Thế Tôn bị lạnh, chớ để đức Thế Tôn bị nóng, chớ để đức Thế Tôn bị xúc chạm bởi ruồi, muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát”. Sau đó, trải qua bảy ngày ấy, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định ấy.

Khi ấy, rồng chúa Mucalinda sau khi biết rằng bầu trời đã trở nên trong sáng và mây đã tan nên đã nói lỏng thân khỏi cơ thể của đức Thế Tôn, rồi thay đổi hình dạng của chính bản thân và biến thành hình dạng của người thanh niên đứng ở phía trước đức Thế Tôn, tay chấp lại, bày tỏ thái độ cung kính đến đức Thế Tôn.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Sự sống cách ly là an lạc đối với vị hoan hỷ, đối với vị có Pháp đã được nghe, đối với vị đang xem xét. Sự không oán hận, sự chế ngự đối với các chúng sanh có mạng sống là niềm hạnh phúc ở trên đời.

Việc xa lìa luyến ái, sự vượt qua các dục là niềm an lạc ở trên đời. Điều gì là sự thoát ra khỏi tự mãn về bản ngã, điều ấy chính là sự an lạc tối thượng”.

---o0o---

2. 2. KINH ĐỨC VUA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngụ tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

2. Vào lúc bảy giờ, nhiều vị tỳ khuru, sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, đã cùng ngồi xuống tụ hội ở hội trường; có câu chuyện trao đổi này đã khởi lên giữa các vị ấy:

“Này các đại đức, ai trong số hai vị vua này là người có tài sản lớn hơn, hoặc có của cải lớn hơn, hoặc có kho tàng lớn hơn, hoặc có lãnh thổ lớn hơn, hoặc có phương tiện di chuyển lớn hơn, hoặc có quân đội lớn hơn, hoặc có thần lực lớn hơn, hoặc có oai lực lớn hơn, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha hay đức vua Pasenadi xứ Kosala?” Và câu chuyện trao đổi này của các vị tỳ khuru ấy đã bị gián đoạn.

3. Khi ấy vào buổi chiều, đức Thế Tôn, xuất khỏi thiền tịnh, đã đi đến hội trường, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng: “Này các tỳ khuru, ở đây bây giờ các người đã cùng ngồi xuống tụ hội vì câu chuyện gì vậy? Và câu chuyện trao đổi gì của các người đã bị gián đoạn?”

“Bạch Ngài, ở đây chúng con sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, đã cùng ngồi xuống tụ hội ở hội trường; có câu chuyện trao đổi này đã khởi lên giữa chúng con: ‘Này các đại đức, ai trong số hai vị vua này là người có tài sản lớn hơn, hoặc có của cải lớn hơn, hoặc có kho tàng lớn hơn, hoặc có lãnh thổ lớn hơn, hoặc có phương tiện di chuyển lớn hơn, hoặc có quân đội lớn hơn, hoặc có thần lực lớn hơn, hoặc có oai lực lớn hơn, đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha hay đức vua Pasenadi xứ Kosala?’ Bạch Ngài, câu chuyện trao đổi này của chúng con đã bị gián đoạn. Khi ấy đức Thế Tôn đi đến”.

“Này các tỳ khuru, điều này quả không thích đáng cho các người, những người con trai gia đình danh giá đã vì niềm tin rời nhà xuất gia sống không nhà, là việc các người có thể nói về đề tài có hình thức như thế. Này các tỳ khuru, đối với các người, khi tụ hội lại, có hai việc nên làm là trao đổi về Giáo Pháp hoặc (giữ) trạng thái im lặng thánh thiện”.

4. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Khoái lạc ngũ dục nào ở thế gian, và sự an lạc nào thuộc cõi Trời, các điều này có mười sáu phần không giá trị bằng (một phần) an lạc của sự diệt tận tham ái”.

---o0o---

2. 3. KINH GẬY GỘC

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

Vào lúc bấy giờ, nhiều đứa trẻ trai đánh đập con rắn bằng cây gậy ở khoảng giữa Sāvatti và Jetavana. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã quán y (nội), rồi cầm bình bát và y đi vào thành Sāvatti để khát thực. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy nhiều đứa trẻ trai đang đánh đập con rắn bằng cây gậy ở khoảng giữa Sāvatti và Jetavana.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Kẻ nào trong lúc tâm cầu hạnh phúc cho bản thân mà hãm hại các chúng sanh có lòng mong mỏi hạnh phúc bằng gây gộc, kẻ ấy không đạt được hạnh phúc sau khi chết.

Kẻ nào trong lúc tâm cầu hạnh phúc cho bản thân mà không hãm hại các chúng sanh có lòng mong mỏi hạnh phúc bằng gây gộc, kẻ ấy đạt được hạnh phúc sau khi chết”.

---o0o---

2. 4. KINH TÔN VINH

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

2. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn được tôn vinh, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Hội chúng tỳ khưu cũng được tôn vinh, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh.

Trái lại, các du sĩ ngoại đạo không được tôn vinh, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường, không được nể nang, không có nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Khi ấy, các du sĩ ngoại đạo ấy không chịu đựng được sự tôn vinh đối với đức Thế Tôn và hội chúng tỳ khưu; sau khi nhìn thấy các vị tỳ khưu ở làng và ở rừng, họ sỉ vả, chê bai, khiêu khích, chọc tức bằng các lời nói không lịch sự, thô lỗ.

3. Sau đó, nhiều vị tỳ khưu đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, các vị tỳ khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

“Bạch Ngài, hiện nay đức Thế Tôn được tôn vinh, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Hội chúng tỳ khưu cũng được tôn vinh, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Trái lại, các du sĩ ngoại đạo không được tôn vinh, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường, không được nể nang, không có nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Khi ấy, các du sĩ ngoại đạo ấy không chịu đựng được sự tôn vinh đối với đức Thế Tôn và hội chúng tỳ khưu; sau khi nhìn thấy các vị tỳ khưu ở làng và ở rừng, họ sỉ vả, chê bai, khiêu khích, chọc tức bằng các lời nói không lịch sự, thô lỗ”.

4. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Ở làng, ở rừng, kẻ bị tiếp xúc với lạc và khổ không nên đổ thừa cho bản thân hoặc cho người khác. Các xúc chạm đến tùy theo sự bám víu; đối với người không còn bám víu thì các xúc có thể chạm đến bằng cách nào?”

---o0o---

2. 5. KINH NAM CƯ SĨ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngụ tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

Vào lúc bảy giờ, có nam cư sĩ nọ người làng Icchānaṅgala đã đi đến thành Sāvatti vì công việc cần làm nào đó. Khi ấy, nam cư sĩ ấy sau khi giải quyết xong công việc cần làm ấy ở Sāvatti đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi vị ấy đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã nói với nam cư sĩ ấy điều này: “Này nam cư sĩ, đã lâu lắm người mới tạo được cơ hội này, tức là việc đi đến đây”.

“Bạch Ngài, từ lâu nay con có ước muốn đi đến để diện kiến đức Thế Tôn, tuy nhiên con bị bận rộn với những công việc cần làm này nọ. Bởi vậy, con đã không thể đi đến để diện kiến đức Thế Tôn được”.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Quả thật là hạnh phúc cho vị ấy, bậc không sở hữu gì, có Pháp đã được thành tựu, có sự nghe nhiều. Hãy nhìn xem người có sở hữu gì đó đang bị sâu khổ; con người có tình trạng bị trói buộc vào người (khác)”.^[221]

---o0o---

2. 6. KINH SẢN PHỤ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, một cô gái Bà-la-môn trẻ tuổi, vợ của một du sĩ ngoại đạo, là người sản phụ gần đến lúc sanh.

Khi ấy, người nữ du sĩ ấy đã nói với người nam du sĩ ấy điều này: “Ông Bà-la-môn à, ông hãy đi và đem dầu ăn về, vật ấy sẽ dùng cho việc sanh đẻ của thiếp”. Khi được nói như vậy, người nam du sĩ ấy đã nói với người nữ du sĩ ấy điều này: “Nàng ơi, dầu ăn ở đâu cho tôi đem về?”

Đến lần thứ nhì, người nữ du sĩ ấy đã nói với người nam du sĩ ấy điều này: “Ông Bà-la-môn à, ông hãy đi và đem dầu ăn về, vật ấy sẽ dùng cho việc sanh đẻ của thiếp”. Đến lần thứ nhì, người nam du sĩ ấy đã nói với người nữ du sĩ ấy điều này: “Nàng ơi, dầu ăn ở đâu cho tôi đem về?”

Đến lần thứ ba, người nữ du sĩ ấy đã nói với người nam du sĩ ấy điều này: “Ông Bà-la-môn à, ông hãy đi và đem dầu ăn về, vật ấy sẽ dùng cho việc sanh đẻ của thiếp”.

2. Vào lúc bấy giờ, tại nhà kho của đức vua Pasenadi xứ Kosala, vị Sa-môn hay Bà-la-môn được phép uống bơ lỏng hoặc dầu ăn theo như nhu cầu, không được mang đi.

Khi ấy, người nam du sĩ ấy đã khởi ý rằng: “Tại nhà kho của đức vua Pasenadi xứ Kosala, vị Sa-môn hay Bà-la-môn được phép uống bơ lỏng hoặc dầu ăn theo như nhu cầu, không được mang đi. Có lẽ ta nên đi đến nhà kho của đức vua Pasenadi xứ Kosala và uống dầu ăn theo như nhu cầu, sau đó trở về nhà rồi ói ra, vật ấy sẽ dùng cho việc sanh đẻ của nàng ấy”.

Sau đó, người nam du sĩ ấy đã đi đến nhà kho của đức vua Pasenadi xứ Kosala và uống dầu ăn theo như nhu cầu, sau đó trở về nhà nhưng không thể làm cho ói ra lần không xổ ra được. Bị tác động bởi các cảm thọ khổ đau, xót xa, nhức nhối, khóc liệt, người ấy quần quai, lăn lộn.

Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã quán y (nội) rồi cầm bình bát và y đi vào thành Sāvatti để khát thực. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy người nam du sĩ ấy bị tác động bởi các cảm thọ khổ đau, xót xa, nhức nhối, khóc liệt, đang quần quai, đang lăn lộn.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Những người nào không sở hữu gì quả thật là hạnh phúc, chính các bậc hiểu biết sâu sắc là những người không sở hữu gì cả. Hãy nhìn xem người

có sở hữu gì đó đang bị sầu khổ; con người có tâm tư bị trói buộc vào người (khác)”.

---o0o---

2. 7. KINH CON TRAI ĐỘC NHẤT

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

Vào lúc bấy giờ, người con trai nhỏ độc nhất đáng yêu, đáng mến của người nam cư sĩ nọ lia đời. Khi ấy, nhiều người nam cư sĩ với y phục ướt đầm, với đầu tóc ướt đầm, vào lúc giữa ngày đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi họ đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã nói với các nam cư sĩ ấy điều này: “Này các nam cư sĩ, việc gì mà các người với y phục ướt đầm, với đầu tóc ướt đầm, đã đi đến nơi đây vào lúc giữa ngày vậy?”

Khi được nói như vậy, nam cư sĩ ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, người con trai nhỏ độc nhất đáng yêu, đáng mến của chúng con đã lia đời. Vì thế, chúng con với y phục ướt đầm, với đầu tóc ướt đầm, đã đi đến nơi đây vào lúc giữa ngày”.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Bị buộc trói vào sự khoái lạc ở các sắc đáng yêu, tập thể chư Thiên và số đông nhân loại bị sầu khổ, bị suy sụp, sa vào quyền lực của Thần Chết.

Còn những người nào ngày và đêm không xao lãng, từ bỏ sắc đáng yêu, thật vậy những người ấy đào bới gốc rễ của sự sầu khổ, môi nhử của tử thần, khó vượt qua được”.

---o0o---

2. 8. KINH SUPPAVĀSĀ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Kuṇḍiyā, ở khu rừng Kuṇḍadhāna.

Vào lúc bấy giờ, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya mang thai bảy năm, có bào thai bị chuyển dạ bảy ngày. Bị tác động bởi các cảm thọ khổ đau, xót xa, nhức nhối, khốc liệt, nàng ấy chịu đựng nhờ vào ba điều suy tư rằng:

“Quả thật, đức Thế Tôn bậc Chánh Đẳng Giác ấy thuyết giảng Giáo Pháp nhằm dứt bỏ khổ đau có hình thức như thế này. Quả thật, hội chúng Thinh Văn của đức Thế Tôn ấy đã khéo thực hành, các ngài thực hành nhằm dứt bỏ

khổ đau có hình thức như thế này. Quả thật, Niết Bàn ấy là vô cùng an lạc, nơi ấy không biết đến khổ đau có hình thức như thế này”

2. Khi ấy, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya đã bảo người chồng rằng: “Tướng công ơi, chàng hãy lại đây. Chàng hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy đề đầu đánh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn với lời nói của thiếp, hãy hỏi thăm về sự ít bệnh, ít mỗi mệt, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái (của Ngài) rằng: ‘Bạch Ngài, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya xin đề đầu đánh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn và hỏi thăm về sự ít bệnh, ít mỗi mệt, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái (của Ngài)’. Và chàng hãy nói như vậy: ‘Bạch Ngài, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya mang thai bảy năm, có bào thai bị chuyển dạ bảy ngày. Bị tác động bởi các cảm thọ khổ đau, xót xa, nhức nhối, khốc liệt, nằng ấy chịu đựng nhờ vào ba điều suy tư rằng: Quả thật, đức Thế Tôn bậc Chánh Đẳng Giác ấy thuyết giảng Giáo Pháp nhằm dứt bỏ khổ đau có hình thức như thế này. Quả thật, hội chúng Thinh Văn của đức Thế Tôn ấy đã khéo thực hành, các ngài thực hành nhằm dứt bỏ khổ đau có hình thức như thế này. Quả thật, Niết Bàn ấy là vô cùng an lạc, nơi ấy không biết đến khổ đau có hình thức như thế này’.”

3. “Tốt lắm”. Người con trai bộ tộc Koliya ấy^[23] nghe theo Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, người con trai bộ tộc Koliya ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

“Bạch Ngài, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya xin đề đầu đánh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn và hỏi thăm về sự ít bệnh, ít mỗi mệt, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái (của Ngài). Và nằng nói như vậy: ‘Bạch Ngài, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya mang thai bảy năm, có bào thai bị chuyển dạ bảy ngày. Bị tác động bởi các cảm thọ khổ đau, xót xa, nhức nhối, khốc liệt, nằng ấy chịu đựng nhờ vào ba điều suy tư rằng: Quả thật, đức Thế Tôn bậc Chánh Đẳng Giác ấy thuyết giảng Giáo Pháp nhằm dứt bỏ khổ đau có hình thức như thế này. Quả thật, hội chúng Thinh Văn của đức Thế Tôn ấy đã khéo thực hành, các ngài thực hành nhằm dứt bỏ khổ đau có hình thức như thế này. Quả thật, Niết Bàn ấy là vô cùng an lạc, nơi ấy không biết đến khổ đau có hình thức như thế này’.”

“Mong rằng Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya có được sự an lạc, không có bệnh. Mong rằng đứa con trai được sanh ra không có bệnh”. Và chỉ với lời nói của đức Thế Tôn, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya có được sự an lạc, không có bệnh đã sanh ra đứa con trai không có bệnh.

“Bạch Ngài, xin vâng”. Người con trai bộ tộc Koliya ấy sau khi thỏa thích, tùy hỷ với lời nói của đức Thế Tôn, đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi đi về lại nhà của mình.

4. Người con trai bộ tộc Koliya đã nhìn thấy Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya có được sự an lạc, không có bệnh và đã sanh ra đứa con trai không có bệnh. Sau khi nhìn thấy, vị ấy đã khởi ý điều này: “Thật là kỳ diệu! Thật là phi thường! Đức Như Lai có đại thần lực, có đại oai lực! Bởi vì Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya này, chỉ với lời nói của đức Thế Tôn, thì có được sự an lạc, không có bệnh, và sanh ra đứa con trai không có bệnh”. Vị ấy đã trở nên hoan hỷ, vui mừng, sanh tâm phi lạc.

5. Sau đó, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya đã bảo người chồng rằng: “Tướng công ơi, chàng hãy lại đây. Chàng hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy kê đầu đánh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn với lời nói của thiếp rằng: ‘Bạch Ngài, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya xin kê đầu đánh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn’. Và chàng hãy nói như vậy: ‘Bạch Ngài, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya đã mang thai bảy năm, có bào thai bị chuyển dạ bảy ngày. Giờ đây, nàng ấy có được sự an lạc, không có bệnh, và đã sanh ra đứa con trai không có bệnh. Nàng ấy thỉnh mời hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu với bữa thọ trai trong bảy ngày. Bạch Ngài, mong rằng đức Thế Tôn cùng với hội chúng tỳ khuru nhận lời về bữa thọ trai của Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya’.”

6. “Tốt lắm”. Người con trai bộ tộc Koliya ấy nghe theo Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, người con trai bộ tộc Koliya ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya xin kê đầu đánh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn. Và nàng nói như vậy: ‘Bạch Ngài, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya đã mang thai bảy năm, có bào thai bị chuyển dạ bảy ngày. Giờ đây, nàng ấy có được sự an lạc, không có bệnh, và đã sanh ra đứa con trai không có bệnh. Nàng ấy thỉnh mời hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu với bữa thọ trai trong bảy ngày. Bạch Ngài, mong rằng đức Thế Tôn cùng với hội chúng tỳ khuru nhận lời về bữa thọ trai của Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya’.”

7. Vào lúc bấy giờ, hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu đã được một nam cư sĩ thỉnh mời với bữa thọ trai ngày mai. Và nam cư sĩ ấy là người hộ độ của đại đức Mahāmoggallāna. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Mahāmoggallāna rằng: “Này Moggallāna, hãy lại đây. Người nên đi đến gặp nam cư sĩ ấy, sau khi đến hãy nói với nam cư sĩ ấy như vậy: ‘Này đạo

hữu, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya đã mang thai bảy năm, có bào thai bị chuyển dạ bảy ngày. Giờ đây, nàng ấy có được sự an lạc, không có bệnh, và đã sanh ra đứa con trai không có bệnh. Nàng ấy thỉnh mời hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu với bữa thọ trai trong bảy ngày. Hãy để cho Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya thực hiện bảy bữa thọ trai, đạo hữu sẽ làm sau'. Vị ấy là người hộ độ của người”.

8. “Bạch Ngài, xin vâng”. Đại đức Mahāmoggallāna nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến gặp nam cư sĩ ấy, sau khi đến đã nói với nam cư sĩ ấy điều này: “Này đạo hữu, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya đã mang thai bảy năm, có bào thai bị chuyển dạ bảy ngày. Giờ đây, nàng ấy có được sự an lạc, không có bệnh, và đã sanh ra đứa con trai không có bệnh. Nàng ấy thỉnh mời hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu với bữa thọ trai trong bảy ngày. Hãy để cho Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya thực hiện bảy bữa thọ trai, đạo hữu sẽ làm sau”. “Thưa ngài, nếu ngài đại đức Mahāmoggallāna là người bảo đảm cho tôi về ba pháp: về của cải, về mạng sống, và về niềm tin, thì hãy để cho Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya thực hiện bảy bữa thọ trai, tôi sẽ làm sau”. “Này đạo hữu, ta là người bảo đảm cho đạo hữu về hai pháp: về của cải và về mạng sống. Trái lại, chính người là người bảo đảm về niềm tin”. “Thưa ngài, nếu ngài đại đức Mahāmoggallāna là người bảo đảm cho tôi về hai pháp: về của cải và về mạng sống, thì hãy để cho Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya thực hiện bảy bữa thọ trai, tôi sẽ làm sau”.

Khi ấy, đại đức Mahāmoggallāna sau khi thuyết phục nam cư sĩ ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này:

“Bạch Ngài, nam cư sĩ ấy đã được con thuyết phục. Hãy để cho Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya thực hiện bảy bữa thọ trai, người ấy sẽ làm sau”.

9. Sau đó, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm trong bảy ngày. Và nàng đã bảo đứa bé trai đánh lễ đức Phật và toàn thể hội chúng tỳ khuru.

10. Khi ấy, đại đức Sāriputta đã nói với đứa bé trai ấy điều này: “Này cậu bé, sức khỏe của người có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Không có khổ sở gì phải không?” “Thưa ngài Sāriputta, do đâu mà có sức khỏe khá? Do đâu mà mọi việc được tốt đẹp? Con đã sống ở trong cái chậu máu bảy năm”.

11. Khi ấy, Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya (nghĩ rằng): “Con trai ta chuyện trò với vị Tướng quân Chánh Pháp,” đã trở nên hoan hỷ, vui mừng, sanh tâm phỉ lạc.

12. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi nhìn thấy Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya hoan hỷ, vui mừng, sanh tâm phỉ lạc đã nói với Suppavāsā người con gái bộ tộc Koliya điều này: “Này Suppavāsā, con có còn ước muốn một người con trai khác như thế này nữa không?” “Bạch đức Thế Tôn, con cũng còn ước muốn bảy người con trai khác như thế này nữa”.

13. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Không khoái lạc dưới hình thức khoái lạc, không đáng yêu dưới hình thức đáng yêu, khổ đau dưới hình thức hạnh phúc chế ngự kẻ bị xao lãng”.

---o0o---

2. 9. KINH VISĀKHĀ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, tu viện Pubba, ở tòa nhà dài của Mẹ của Migāra.^[24] Vào lúc bảy giờ, bà Visākhā, Mẹ của Migāra, có công việc nào đó dính líu đến đức vua Pasenadi xứ Kosala. Đức vua Pasenadi xứ Kosala không giải quyết công việc ấy theo như dự tính.

Khi ấy, bà Visākhā, Mẹ của Migāra, vào lúc giữa ngày đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi bà ấy đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã nói với bà Visākhā, Mẹ của Migāra, điều này: “Này Visākhā, bà từ đâu mà đi đến vào lúc giữa ngày?”

“Bạch Ngài, ở đây con có công việc nào đó dính líu đến đức vua Pasenadi xứ Kosala. Đức vua Pasenadi xứ Kosala không giải quyết công việc ấy theo như dự tính”.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Mọi việc thuộc quyền kiểm soát của kẻ khác là khổ, mọi việc có chủ quyền là hạnh phúc. Trong việc chung chúng sầu khổ, bởi vì sự ràng buộc là khó vượt qua”.

---o0o---

2. 10. KINH BHADDIYA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Anupiyā, nơi Ambavana (rừng xoài). Vào lúc bấy giờ, đại đức Bhaddiya con trai của Kāligodhā mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi trống vắng vẫn nhiều lần thốt lên lời cảm hứng rằng: “Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!”^[25] Nhiều vị tỳ khuru đã nghe được đại đức Bhaddiya con trai của Kāligodhā mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi trống vắng vẫn nhiều lần thốt lên lời cảm hứng rằng: “Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!” Sau khi nghe được, các vị ấy đã khởi ý rằng: “Chắc chắn rằng đại đức Bhaddiya con trai của Kāligodhā không thỏa thích thực hành Phạm hạnh, là việc trong khi hồi tưởng lại sự khoái lạc vương giả trước đây, vị ấy mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi trống vắng đã nhiều lần thốt lên lời cảm hứng rằng: ‘Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!’”

2. Sau đó, nhiều vị tỳ khuru đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, các vị tỳ khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, đại đức Bhaddiya con trai của Kāligodhā mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi trống vắng vẫn nhiều lần thốt lên lời cảm hứng rằng: ‘Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!’ Bạch Ngài, chắc chắn rằng đại đức Bhaddiya con trai của Kāligodhā không thỏa thích thực hành Phạm hạnh, là việc trong khi hồi tưởng lại sự khoái lạc vương giả trước đây, vị ấy mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi trống vắng vẫn nhiều lần thốt lên lời cảm hứng rằng: ‘Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!’”

3, Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo một vị tỳ khuru khác rằng: “Này tỳ khuru, hãy lại đây. Ngươi hãy bảo tỳ khuru Bhaddiya với lời nói của Ta rằng: ‘Này đại đức Bhaddiya, bậc Đạo Sư gọi đại đức’.”

“Bạch Ngài, xin vâng”. Vị tỳ khuru ấy nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến gặp đại đức Bhaddiya con trai của Kāligodhā, sau khi đến đã nói với đại đức Bhaddiya con trai của Kāligodhā điều này: “Này đại đức Bhaddiya, bậc Đạo Sư gọi đại đức”.

“Này đại đức, xin vâng”. Đại đức Bhaddiya con trai của Kāligodhā nghe theo vị tỳ khuru ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi vị ấy đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Bhaddiya con trai của Kāligodhā điều này: “Này Bhaddiya, nghe nói ngươi mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi trống vắng vẫn nhiều lần thốt lên lời cảm hứng rằng: ‘Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!’ có đúng không vậy?” “Bạch Ngài, đúng vậy”. “Này Bhaddiya con trai của Kāligodhā, trong khi cảm nhận được lợi ích gì khiến ngươi mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi trống

vắng, vẫn nhiều lần thốt lên lời cảm hứng: ‘Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!’ vậy?”

“Bạch Ngài, trước đây khi con còn là người thế tục đang cai quản vương quốc, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong hậu cung, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài hậu cung, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong thành phố, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài thành phố, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong xứ sở, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài xứ sở, bạch Ngài, trong khi được bảo vệ và được an toàn như vậy, con đây sống vẫn cảm thấy sợ hãi, khiếp đảm, lo âu, hồi hộp. Bạch Ngài, thế mà giờ đây con mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi trống vắng, một mình, vẫn không sợ hãi, không khiếp đảm, không lo âu, không hồi hộp, vô tư lự, điềm tĩnh, tùy thuận sự bỏ thí của người khác, sống với tâm như loài thú rừng. Bạch Ngài, trong khi cảm nhận được lợi ích này nên con mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi trống vắng, vẫn nhiều lần thốt lên lời cảm hứng rằng: ‘Ôi sự an lạc! Ôi sự an lạc!’”

4. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Đối với người nào mà các sự bực tức không hiện diện ở trong tâm, đã vượt qua khổ hữu và phi hữu như thế, vị ấy đã không còn sự sợ hãi, có sự an lạc, không sầu muộn, chư Thiên không đạt được việc nhìn thấy vị ấy”.

Phẩm Mucalinda là thứ nhì.

---o0o---

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Mucalinda, đức vua, với gậy gộc, tôn vinh, và với người nam cư sĩ, sản phụ, và con trai độc nhất, nàng Suppavāsā và Bà Visākhā, vị Bhaddiya con trai của Kāligodhā.

---o0o---

PHẨM NANDA - THỨ BA

3. 1. KINH VỀ NGHIỆP

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, có vị tỳ khưu nọ ngồi ở nơi không xa đức Thế Tôn, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, đang chịu đựng cảm thọ khổ đau, xót xa, nhức nhối, khốc liệt, sanh ra do quả thành tựu của nghiệp cũ, có niệm, có sự nhận biết rõ, không sầu khổ.

2. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy vị tỳ khuru ấy ngồi ở nơi không xa, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, đang chịu đựng cảm thọ khổ đau, xót xa, nhức nhối, khóc liệt, sanh ra do quả thành tựu của nghiệp cũ, có niệm, có sự nhận biết rõ, không sâu khổ.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Đối với vị tỳ khuru có sự từ bỏ tất cả các nghiệp, đang giữ bồ bệ bẫm (ô nhiễm) đã được tạo ra trước đây, không sở hữu, đã đứng vững, tự tại, thì nhu cầu chuyện vãn với người là không có”.

---o0o---

3. 2. KINH NANDA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đại đức Nanda, em họ của đức Thế Tôn, con trai của người dì, ^[26] nói với nhiều vị tỳ khuru như vậy: “Này các đại đức, tôi không thỏa thích thực hành Phạm hạnh; tôi không thể duy trì Phạm hạnh; tôi sẽ lìa bỏ sự học tập và trở lại cuộc sống tại gia tầm thường”.

2. Sau đó, có vị tỳ khuru nọ đã đi đến gặp đức Thế tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, vị ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, đại đức Nanda, em họ, con trai của người dì của đức Thế Tôn, nói với nhiều vị tỳ khuru như vậy: ‘Này các đại đức, tôi không thỏa thích thực hành Phạm hạnh; tôi không thể duy trì Phạm hạnh; tôi sẽ lìa bỏ sự học tập và trở lại cuộc sống tại gia tầm thường’.”

3. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo một vị tỳ khuru khác rằng: “Này tỳ khuru, hãy lại đây. Ngươi hãy bảo tỳ khuru Nanda với lời nói của Ta rằng: ‘Này đại đức Nanda, bậc Đạo Sư gọi đại đức’.” “Bạch Ngài, xin vâng”. Vị tỳ khuru ấy nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến gặp đại đức Nanda, sau khi đến đã nói với đại đức Nanda điều này: “Này đại đức Nanda, bậc Đạo Sư gọi đại đức”.

4. “Này đại đức, xin vâng”. Đại đức Nanda nghe theo vị tỳ khuru ấy đã đi đến gặp đức Thế tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi vị ấy đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Nanda điều này: “Này Nanda, nghe nói ngươi đã nói với nhiều vị tỳ khuru như vậy: ‘Này các đại đức, tôi không thỏa thích thực hành Phạm hạnh; tôi không thể duy trì Phạm hạnh; tôi sẽ lìa bỏ sự học tập và trở lại cuộc sống tại gia tầm thường,’ có đúng không vậy?” “Bạch Ngài, đúng vậy”. “Này Nanda, tại sao ngươi lại không thỏa thích thực hành Phạm hạnh, lại không

thể duy trì Phạm hạnh, sẽ lìa bỏ sự học tập và trở lại cuộc sống tại gia tầm thường?” “Bạch Ngài, khi con rời khỏi căn nhà, người con gái dòng Sakya mỹ nhân của xứ sở, với những lọn tóc được chải một nửa, đã ngược nhìn con và nói điều này: ‘Công tử ơi, chàng mau mau trở lại’. Bạch Ngài, con đây trong lúc tưởng nhớ đến điều ấy, con không thỏa thích thực hành Phạm hạnh, con không thể duy trì Phạm hạnh, con sẽ lìa bỏ sự học tập và trở lại cuộc sống tại gia tầm thường”.

5. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nắm lấy đại đức Nanda ở cánh tay, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra, tương tự y như thế, Ngài đã biến mất ở Jetavana và đã hiện ra giữa chư Thiên ở cõi Ba Mươi Ba.

6. Vào lúc bấy giờ, các tiên nữ với số lượng năm trăm có các bàn chân (thon hồng) như của chim bồ câu đã đi đến hầu cận Thiên Chủ Sakka. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Nanda rằng: “Này Nanda, người có nhìn thấy năm trăm tiên nữ có các bàn chân (thon hồng) như của chim bồ câu này không?” “Bạch Ngài, thưa có”.

7. “Này Nanda, người nghĩ gì về điều ấy? Người nào đẹp hơn, đáng nhìn hơn, và đáng mến hơn, người con gái dòng Sakya mỹ nhân của xứ sở hay là năm trăm tiên nữ có các bàn chân (thon hồng) như của chim bồ câu này?”

“Bạch Ngài, cũng giống như con khi cái bị cháy, bị xẻo lỗ tai và lỗ mũi, bạch Ngài tương tự y như thế người con gái dòng Sakya, mỹ nhân của xứ sở, khi so sánh với năm trăm tiên nữ có các bàn chân (thon hồng) như của chim bồ câu này thì chẳng được tính, chẳng được một phần, chẳng được phần chia của một phần, chẳng đáng so sánh. Năm trăm tiên nữ có các bàn chân (thon hồng) như của chim bồ câu này đẹp hơn, đáng nhìn hơn, và đáng mến hơn”.

“Này Nanda, người hãy thỏa thích. Này Nanda, người hãy thỏa thích. Ta là người bảo đảm cho người về việc đạt được năm trăm tiên nữ có các bàn chân (thon hồng) như của chim bồ câu”.

“Bạch Ngài, nếu đức Thế Tôn là người bảo đảm cho con về việc đạt được năm trăm tiên nữ có các bàn chân (thon hồng) như của chim bồ câu, bạch Ngài, con sẽ thỏa thích thực hành Phạm hạnh ở nơi đức Thế Tôn”.

8. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nắm lấy đại đức Nanda ở cánh tay, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra, tương tự y như thế, Ngài đã biến mất giữa chư Thiên ở cõi Ba Mươi Ba và đã hiện ra ở Jetavana.

9. Các vị tỳ khưu đã nghe rằng: “Nghe nói đại đức Nanda, em họ, con trai của người dì của đức Thế Tôn, thực hành Phạm hạnh vì lý do các tiên nữ.

Nghe nói đức Thế Tôn là người bảo đảm cho vị này về việc đạt được năm trăm tiên nữ có các bàn chân (thon hồng) như của chim bồ câu”. Sau đó, các vị tỳ khuru bạn hữu của đại đức Nanda đối xử với đại đức Nanda bằng tiếng xưng hô là kẻ làm thuê và bằng tiếng xưng hô là kẻ thu mua (nói rằng): “Nghe nói đại đức Nanda là kẻ làm thuê, nghe nói đại đức Nanda là kẻ thu mua, vì lý do các tiên nữ mà thực hành Phạm hạnh. Nghe nói đức Thế Tôn là người bảo đảm cho vị này về việc đạt được năm trăm tiên nữ có các bàn chân (thon hồng) như của chim bồ câu”.

10. Sau đó, đại đức Nanda, trong khi bị khổ sở, trong khi bị hổ thẹn, trong khi chán ghét, một mình đã tách riêng, rồi trong khi sống không bị xao lãng, có nhiệt tâm, có bản tánh cương quyết nên chẳng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại, nhờ vào thắng trí của mình, đã chứng ngộ, đã đạt đến, và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm hạnh, vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh sống không nhà. Vị ấy đã biết rõ rằng: “Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã sống, việc cần làm đã làm, không còn gì khác (phải làm) đối với bản thể (A-la-hán) này nữa”. Và thêm một vị nữa là đại đức Nanda đã trở thành vị A-la-hán.

11. Sau đó, lúc đêm đã khuya, một vị Thiên nhân nọ với màu sắc vượt trội đã làm cho toàn bộ Jetavana rực sáng rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Đứng ở một bên, vị Thiên nhân ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, đại đức Nanda, em họ, con trai của người dì của đức Thế Tôn, do sự cạn kiệt của các lậu hoặc, ngay trong kiếp hiện tại, nhờ vào thắng trí của mình đã chứng ngộ, đã đạt đến, và an trú vào sự không còn lậu hoặc, sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ”. Và trí của đức Thế Tôn cũng đã khởi lên rằng: “Nanda do sự cạn kiệt của các lậu hoặc, ngay trong kiếp hiện tại, nhờ vào thắng trí của mình đã chứng ngộ, đã đạt đến, và an trú vào sự không còn lậu hoặc, sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ”.

12. Sau đó, đại đức Nanda vào cuối đêm ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, đại đức Nanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, về việc đức Thế Tôn là người bảo đảm cho con về việc đạt được năm trăm tiên nữ có các bàn chân (thon hồng) như của chim bồ câu, bạch Ngài, con xin tháo gỡ cho đức Thế Tôn về lời hứa hẹn ấy”. “Này Nanda, sau khi dùng tâm biết được tâm của người, Ta cũng đã biết rằng: ‘Nanda do sự cạn kiệt của các lậu hoặc, ngay trong kiếp hiện tại, nhờ vào thắng trí của mình đã chứng ngộ, đã đạt đến, và an trú vào sự không còn lậu hoặc, sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ’.

13. Vị Thiên nhân cũng đã thông báo cho Ta về sự việc này: ‘Bạch Ngài, đại đức Nanda, em họ, con trai của người dì của đức Thế Tôn, do sự cạn kiệt của các lậu hoặc, ngay trong kiếp hiện tại, nhờ vào thắng trí của mình đã chứng ngộ, đã đạt đến, và an trú vào sự không còn lậu hoặc, sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ’. Nay Nanda, đứng vào lúc tâm của người không còn chấp thủ và được giải thoát khỏi các lậu hoặc thì Ta được tháo gỡ khỏi lời hứa hẹn ấy”.

14. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời đêm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Đối với người nào, bãi lầy đã được vượt qua khỏi, gai nhọn của các dục đã được nghiền nát, là người đã đạt đến sự diệt tận si mê, vị tỳ khuru ấy không xao động ở hạnh phúc hay khổ đau”.

---o0o---

3. 3. KINH YASOJA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, các tỳ khuru số lượng năm trăm vị đứng đầu là Yasoja đã đến Sāvatti để diện kiến đức Thế Tôn. Và các tỳ khuru vắng lai ấy, trong khi trao đổi lời xã giao thân thiện với các tỳ khuru thường trú, trong khi sắp xếp các chỗ trú ngụ, trong khi đem cất các bình bát và y, đã có các âm thanh ồn ào, các âm thanh âm ỉ. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, các âm thanh ồn ào, các âm thanh âm ỉ này là gì vậy? Ta nghĩ là những người đánh cá tranh giành cá”.

“Bạch Ngài, các tỳ khuru số lượng năm trăm vị này đứng đầu là Yasoja đã đến Sāvatti để diện kiến đức Thế Tôn. Và các tỳ khuru vắng lai này đây, trong khi trao đổi lời xã giao thân thiện với các tỳ khuru thường trú, trong khi sắp xếp các chỗ trú ngụ, trong khi đem cất các bình bát và y, đã có các âm thanh ồn ào, các âm thanh âm ỉ”.

“Này Ānanda, như vậy người hãy bảo các tỳ khuru ấy với lời nói của Ta rằng: ‘Bạch Đạo Sư gọi các đại đức’.” “Bạch Ngài, xin vâng”. Đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến gặp các tỳ khuru ấy, sau khi đến đã nói với các tỳ khuru ấy điều này: “Bạch Đạo Sư gọi các đại đức”.

“Này đại đức, xin vâng”. Các vị tỳ khuru ấy nghe theo đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi các vị ấy đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã nói với các tỳ khuru ấy điều này: “Này các tỳ khuru, vì sao các người lại có các âm thanh ồn ào, các âm thanh âm ỉ? Ta nghĩ là những người đánh cá tranh giành cá”.

2. Khi được nói như vậy, đại đức Yasoja đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, các tỳ khuru số lượng năm trăm vị này đã đến Sāvatti để diện kiến đức Thế Tôn. Các tỳ khuru vắng lai này đây, trong khi trao đổi lời xã giao thân thiện với các tỳ khuru thường trú, trong khi sắp xếp các chỗ trú ngụ, trong khi đem cất các bình bát và y, đã có các âm thanh ồn ào, các âm thanh âm ỉ”.

“Này các tỳ khuru, các người hãy đi đi. Ta đuổi các người đi, các người không được cư trú gần Ta”.

“Bạch Ngài, xin vâng”. Các tỳ khuru ấy nghe theo đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi thu xếp chỗ nằm ngồi, cầm bình bát và y, ra đi du hành đến xứ Vajjī. Trong khi tuần tự du hành ở xứ Vajjī, các vị đã đi đến sông Vaggumudā, sau khi đến đã làm các chòi lá ở bờ sông Vaggumudā và đã vào mùa (an cư) mưa.

3. Sau đó, khi đến mùa (an cư) mưa, đại đức Yasoja đã bảo các vị tỳ khuru rằng: “Này các đại đức, chúng ta đã bị đức Thế Tôn đuổi đi vì mong mỗi sự tốt đẹp, vì tầm cầu sự lợi ích, vì lòng thương tưởng, liên quan đến sự thương xót. Này các đại đức, giờ đây chúng ta hãy sắp xếp sự sinh sống như thế nào để trong khi chúng ta sinh sống như vậy thì đức Thế Tôn có thể hài lòng”.

“Thưa đại đức, xin vâng”. Các vị tỳ khuru ấy đã nghe theo đại đức Yasoja. Sau đó, các vị tỳ khuru ấy trong khi sống tách biệt, không bị xao lãng, có nhiệt tâm, có bản tánh cương quyết, ngay trong thời hạn của mùa (an cư) mưa ấy toàn bộ tất cả đã chứng ngộ ba Minh.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi ngụ tại thành Bārāṇasī theo như ý thích, đã ra đi du hành đến thành Vesālī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngụ đến thành Vesālī. Tại đó, nơi thành Vesālī, đức Thế Tôn ngụ tại Mahāvana, ở giảng đường Kūṭāgāra. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi dùng tâm biết được tâm của các vị tỳ khuru ở bờ sông Vaggumudā, sau khi tác ý đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, phương hướng này đối với Ta như là phát ra ánh sáng. Này Ānanda, phương hướng này đối với Ta như là phát ra hào quang. Là phương hướng mà các tỳ khuru ở bờ sông Vaggumudā cư ngụ. Đi đến (nơi ấy), hướng tâm đến (nơi ấy) là hứng khởi đối với Ta. Này Ānanda, người nên phái sứ giả đi đến các vị tỳ khuru ở bờ sông Vaggumudā (nói rằng): ‘Bậc Đạo Sư gọi các đại đức. Bậc Đạo Sư có ý muốn gặp các đại đức’.”

“Bạch Ngài, xin vâng”. Đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến gặp vị tỳ khuru nọ, sau khi đến đã nói với vị tỳ khuru ấy điều này: “Này đại đức, hãy lại đây. Đại đức nên đi đến gặp các vị tỳ khuru ở bờ sông Vaggumudā, sau khi đến hãy nói với các vị tỳ khuru ở bờ sông Vaggumudā

như vậy: ‘Bạch Đạo Sư gọi các đại đức. Bạch Đạo Sư có ý muốn gặp các đại đức’.”

“Thưa đại đức, xin vâng”. Vị tỳ khuru ấy đáp lời đại đức Ānanda, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra, tương tự y như thế, vị ấy đã biến mất ở Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra, và đã hiện ra phía trước các vị tỳ khuru ấy ở bờ sông Vaggumudā. Khi ấy, vị tỳ khuru ấy đã nói với các vị tỳ khuru ấy ở bờ sông Vaggumudā điều này: “Bạch Đạo Sư gọi các đại đức. Bạch Đạo Sư có ý muốn gặp các đại đức”.

“Thưa đại đức, xin vâng”. Các vị tỳ khuru ấy nghe theo vị tỳ khuru ấy đã thu xếp chỗ nằm ngồi, cầm bình bát và y, rồi giống như người đàn ông có sức mạnh có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra, tương tự y như thế, các vị ấy đã biến mất ở bờ sông Vaggumudā, và đã hiện ra ở Mahāvana, giảng đường Kūṭāgāra, trước mặt đức Thế Tôn.

5. Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn đang ngồi với trạng thái định kiên cố. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý rằng: “Hiện giờ, đức Thế Tôn đang an trú với loại an trú nào?” Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã khởi ý rằng: “Hiện giờ, đức Thế Tôn đang an trú với loại an trú kiên cố”. Toàn bộ tất cả đã ngồi với trạng thái định kiên cố.

6. Sau đó, lúc đêm đã khuya canh một đã tàn, đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y một bên vai, chấp tay hướng về đức Thế Tôn, và đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, đêm đã khuya canh một đã tàn. Các vị tỳ khuru vắng lai ngồi đã lâu. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy trao đổi lời xã giao thân thiện với các vị tỳ khuru vắng lai”.

7. Khi được nói như vậy, đức Thế Tôn đã im lặng. Đến lần thứ nhì, lúc đêm đã khuya canh giữa đã tàn, đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y một bên vai, chấp tay hướng về đức Thế Tôn, và đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, đêm đã khuya canh một đã tàn. Các vị tỳ khuru vắng lai ngồi đã lâu. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy trao đổi lời xã giao thân thiện với các vị tỳ khuru vắng lai”. Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã im lặng.

Đến lần thứ ba, lúc đêm đã khuya canh cuối đã tàn, bình minh đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên hướng về đức Thế Tôn, và đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, đêm đã khuya canh cuối đã tàn, bình minh đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, hội chúng tỳ khuru ngồi đã lâu. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy trao đổi lời xã giao thân thiện với các vị tỳ khuru vắng lai”.

Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi xuất khỏi định ấy đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, nếu người có thể biết thì không thể khiến người bày tỏ nhiều đến chừng ấy. Này Ānanda, Ta và năm trăm vị tỳ khuru này toàn bộ tất cả đã ngồi với trạng thái định kiên cố”.

8. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Đối với người nào, gai nhọn của các dục, sự si và, sự hành hạ, sự giam cầm đã được chiến thắng, người ấy tồn tại, bền vững tựa như ngọn núi, vị tỳ khuru ấy không xao động ở hạnh phúc hay khổ đau”.

---o0o---

3. 4. KINH SĀRIPUTTA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

Vào lúc bảy giờ, đại đức Sāriputta ngồi ở nơi không xa đức Thế Tôn, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, và thiết lập niệm luôn hiện diện. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Sāriputta ngồi ở nơi không xa, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, và thiết lập niệm luôn hiện diện.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Cũng giống như ngọn núi đá, không lay động, được thiết lập vững chắc, tương tự như thế vị tỳ khuru do sự diệt tận si mê không xao động tựa như ngọn núi”.

---o0o---

3. 5. KINH KOLITA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika.

Vào lúc bảy giờ, đại đức Mahāmoggallāna ngồi ở nơi không xa đức Thế Tôn, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, với niệm hướng đến thân đã khéo được thiết lập ở nội phần. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Mahāmoggallāna ngồi ở nơi không xa, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, với niệm hướng đến thân đã khéo được thiết lập ở nội phần.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Vội niệm hướng đến thân đã được thiết lập, vị tỳ khuru đã thu thúc ở sáu xúc xú, thường xuyên được định tĩnh, có thể biết được sự diệt tắt (ô nhiễm) của bản thân”.

---o0o---

3. 6. KINH PILINDIVACCHA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, ở Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, đại đức Pilindivaccha đối xử với các vị tỳ khuru bằng tiếng xưng hô kẻ hạ tiện. Sau đó, nhiều vị tỳ khuru đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, các vị tỳ khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, đại đức Pilindivaccha đối xử với các vị tỳ khuru bằng tiếng xưng hô kẻ hạ tiện”.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo một vị tỳ khuru khác rằng: “Này tỳ khuru, hãy lại đây. Người hãy bảo tỳ khuru Pilindivaccha với lời nói của Ta rằng: ‘Này đại đức Pilindivaccha, bậc Đạo Sư gọi đại đức’.” “Bạch Ngài, xin vâng”. Vị tỳ khuru ấy nghe theo đức Thế Tôn đã đi đến gặp đại đức Pilindivaccha, sau khi đến đã nói với đại đức Pilindivaccha điều này: “Này đại đức, bậc Đạo Sư gọi đại đức”. “Này đại đức, xin vâng”. Đại đức Pilindivaccha nghe theo vị tỳ khuru ấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi vị ấy đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Pilindivaccha điều này: “Này Pilindivaccha, nghe nói người đối xử với các vị tỳ khuru bằng tiếng xưng hô kẻ hạ tiện, có đúng không vậy?” “Bạch Ngài, đúng vậy”.

3. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi tác ý đến đời sống trước đây của đại đức Pilindivaccha rồi đã bảo các vị tỳ khuru rằng: “Này các vị tỳ khuru, các người chớ có phàn nàn tỳ khuru Vaccha. Này các tỳ khuru, không phải Vaccha có nội tâm sân hận mà đối xử với các vị tỳ khuru bằng tiếng xưng hô kẻ hạ tiện. Này các tỳ khuru, tỳ khuru Vaccha có năm trăm kiếp sống không gián đoạn đã được tái sanh ở gia tộc Bà-la-môn. Đối với vị ấy, tiếng xưng hô kẻ hạ tiện ấy đã bị tập nhiễm lâu dài. Vì thế, Vaccha này đối xử với các vị tỳ khuru bằng tiếng xưng hô kẻ hạ tiện”.

4. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Ở người nào không có xảo quyết trú ngụ, không có ngã mạn, người nào có tham đã lìa, không sở hữu, không mong mỏi, có sự giận dữ đã được xua đi, có bản thân đã được tịch tịnh, người ấy là Bà-la-môn, người ấy là Sa-môn, người ấy là tỳ khuru”.

3. 7. KINH KASSAPA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngụ tại thành Rājagaha, ở Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bảy giờ, đại đức Mahākassapa ngụ ở hang động Pippali, đã thể nhập vào một loại định no rồi ngồi với một tư thế kiết già suốt bảy ngày.

2. Sau đó, trải qua bảy ngày ấy, đại đức Mahākassapa đã ra khỏi định ấy. Rồi khi ra khỏi định ấy, đại đức Mahākassapa đã khởi ý rằng: “Có lẽ ta nên đi vào thành Rājagaha để khát thực?” Vào lúc bảy giờ, các Thiên nhân với số lượng năm trăm vị đang có sự sốt sắng về việc thọ nhận đồ ăn khát thực của đại đức Mahākassapa. Khi ấy, sau khi từ chối các Thiên nhân với số lượng năm trăm vị, đại đức Mahākassapa vào buổi sáng đã quán y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y đi vào thành Rājagaha để khát thực.

3. Vào lúc bảy giờ, Thiên Chủ Sakka có ý muốn dâng đồ ăn khát thực đến đại đức Mahākassapa, nên đã biến thành hình dạng người thợ dệt đang dệt chỉ, và Sujā con gái của Chúa Atula đang cuốn đầy thoi chỉ.

4. Khi ấy, đại đức Mahākassapa trong khi đi khát thực tuần tự theo từng nhà ở thành Rājagaha đã đi đến gần chỗ ngụ của Thiên Chủ Sakka. Thiên Chủ Sakka đã nhìn thấy đại đức Mahākassapa từ đằng xa đang đi lại. Sau khi nhìn thấy đã đi ra khỏi nhà, tiếp rước, nhận lấy bình bát tận tay rồi đi vào nhà xới com từ nồi để đầy bình bát và dâng đến đại đức Mahākassapa. Phần com ấy đã trở thành đồ ăn khát thực có nhiều nước xúp, có nhiều món ăn, có nhiều món ăn có nước xúp và hương vị.

5. Khi ấy, đại đức Mahākassapa đã khởi ý điều này: “Người này là ai mà lại có năng lực thần thông này?” Rồi đại đức Mahākassapa đã khởi ý điều này: “Đây là Thiên Chủ Sakka,” sau khi biết được thế ấy, đã nói với Thiên Chủ Sakka điều này: “Này Kosiya, có phải việc này đã do ông làm? Ông chớ có làm như thế này nữa”.

6. “Thưa ngài Kassapa, chúng tôi cũng cần phước báu; chúng tôi cũng nên làm phước báu”. Sau đó, Thiên Chủ Sakka đã đánh lễ đại đức Mahākassapa, hướng vai phải nhiều quanh, rồi bay lên không trung, và ở bầu trời giữa hư không đã ba lần thốt lên lời cảm hứng rằng: “Ôi sự dâng cúng! Sự dâng cúng tôi thượng đã khéo được thiết lập ở Kassapa! Ôi sự dâng cúng! Sự dâng cúng tôi thượng đã khéo được thiết lập ở Kassapa!”

7. Đức Thế Tôn với Thiên nhĩ giới thanh tịnh vượt trội loài người đã nghe được Thiên Chủ Sakka đang bay lên không trung, và ở bầu trời giữa hư không đang thốt lên ba lần lời cảm hứng rằng: “Ôi sự dâng cúng! Sự dâng

cúng tởi thượng đã khéo được thiết lập ở Kassapa! Ôi sự dđng cúng! Sự dđng cúng tởi thượng đã khéo được thiết lập ở Kassapa!”

8. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Đối với vị tỳ khuru hành pháp khát thực, tự chu cấp bản thân, không nuôi dưỡng kẻ khác, chư Thiên mong cầu vị như thế ấy, vị an tịnh, luôn có niệm”.

---o0o---

3. 8. KINH VỊ HÀNH PHÁP KHÁT THỰC

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, nhiều vị tỳ khuru, sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, đã cùng ngồi xuống tụ hội ở mái che tròn ở cây Kareri; có câu chuyện trao đổi này đã khởi lên giữa các vị ấy:

“Này các đại đức, vị tỳ khuru hành pháp khát thực trong khi đi khát thực thỉnh thoảng được nhìn thấy bằng mắt các sắc làm thích ý, thỉnh thoảng được nghe bằng tai các âm thanh làm thích ý, thỉnh thoảng được ngửi bằng mũi các hương làm thích ý, thỉnh thoảng được nếm bằng lưỡi các vị nếm làm thích ý, thỉnh thoảng được đụng chạm bằng thân các xúc làm thích ý. Này các đại đức, vị tỳ khuru hành pháp khát thực đi khát thực được tôn vinh, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang. Này các đại đức, giờ chúng ta cũng hãy trở thành các vị hành pháp khát thực. Chúng ta thỉnh thoảng cũng sẽ được nhìn thấy bằng mắt các sắc làm thích ý, chúng ta thỉnh thoảng cũng sẽ được nghe bằng tai các âm thanh làm thích ý, chúng ta thỉnh thoảng cũng sẽ được ngửi bằng mũi các hương làm thích ý, chúng ta thỉnh thoảng cũng sẽ được nếm bằng lưỡi các vị nếm làm thích ý, chúng ta thỉnh thoảng cũng sẽ được đụng chạm bằng thân các xúc làm thích ý, chúng ta cũng sẽ đi khát thực, được tôn vinh, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang”.

2. Khi ấy vào buổi chiều, đức Thế Tôn, xuất khỏi thiền tịnh, đã đi đến mái che tròn ở cây Kareri, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng: “Này các tỳ khuru, ở đây bây giờ các người đã cùng ngồi xuống tụ hội vì câu chuyện gì vậy? Và câu chuyện trao đổi gì của các người đã bị gián đoạn?”

3. “Bạch Ngài, ở đây chúng con sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, đã cùng ngồi xuống tụ hội ở mái che tròn tại cây Kareri; có câu chuyện trao đổi này đã khởi lên giữa chúng con: ‘Này các đại đức, vị tỳ khuru hành pháp khát thực trong khi đi khát thực thỉnh thoảng được nhìn thấy bằng mắt các sắc làm thích ý, thỉnh thoảng được nghe bằng tai các âm thanh làm thích ý, thỉnh

thoảng được ngửi bằng mũi các hương làm thích ý, thỉnh thoảng được nếm bằng lưỡi các vị nếm làm thích ý, thỉnh thoảng được đụng chạm bằng thân các xúc làm thích ý. Nay các đại đức, vị tỳ khuru hành pháp khát thực đi khát thực được tôn vinh, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang. Nay các đại đức, giờ chúng ta cũng hãy trở thành các vị hành pháp khát thực. Chúng ta thỉnh thoảng cũng sẽ được nhìn thấy bằng mắt các sắc làm thích ý, —như trên— chúng ta thỉnh thoảng cũng sẽ được đụng chạm bằng thân các xúc làm thích ý, chúng ta cũng sẽ đi khát thực, được tôn vinh, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang’. Bạch Ngài, câu chuyện trao đổi này của chúng con đã bị gián đoạn. Khi ấy đức Thế Tôn đi đến”.

4. “Này các tỳ khuru, điều này quả không thích đáng cho các người, những người con trai gia đình danh giá đã vì niềm tin rời nhà xuất gia sống không nhà, là việc các người có thể nói về đề tài có hình thức như thế. Nay các tỳ khuru, đối với các người, khi tụ hội lại, có hai việc nên làm là trao đổi về Giáo Pháp hoặc (giữ) trạng thái im lặng thánh thiện”.

5. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Đối với vị tỳ khuru hành pháp khát thực, tự chu cấp bản thân, không nuôi dưỡng kẻ khác, chư Thiên mong cầu vị như thế ấy, nếu vị ấy không bị lệ thuộc vào lời trâm trở và tiếng tăm”.

---o0o---

3. 9. KINH NGHỀ NGHIỆP

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, nhiều vị tỳ khuru, sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, đã cùng ngồi xuống tụ hội ở mái che tròn; có câu chuyện trao đổi này đã khởi lên giữa các vị ấy: “Này các đại đức, vị nào biết nghề? Vị nào đã học nghề gì? Nghề nào là hạng nhất trong số các nghề?”

2. Tại nơi ấy, một số vị đã nói thế này: “Nghề huấn luyện voi là nghề hạng nhất”. Một số vị đã nói thế này: “Nghề huấn luyện ngựa là nghề hạng nhất”. Một số vị đã nói thế này: “Nghề đóng xe là nghề hạng nhất”. Một số vị đã nói thế này: “Nghề bán cung là nghề hạng nhất”. Một số vị đã nói thế này: “Nghề grom đao là nghề hạng nhất”. Một số vị đã nói thế này: “Nghề ra dấu hiệu là nghề hạng nhất”. Một số vị đã nói thế này: “Nghề kế toán là nghề hạng nhất”. Một số vị đã nói thế này: “Nghề ước lượng là nghề hạng nhất”. Một số vị đã nói thế này: “Nghề khắc chữ là nghề hạng nhất”. Một số vị đã

nói thế này: “Nghề thơ ca là nghề hạng nhất”. Một số vị đã nói thế này: “Nghề lý luận là nghề hạng nhất”. Một số vị đã nói thế này: “Nghề quản trị là nghề hạng nhất”. Và câu chuyện trao đổi này của các vị tỳ khưu ấy đã bị gián đoạn.

3. Khi ấy vào buổi chiều, đức Thế Tôn, xuất khỏi thiền tịnh, đã đi đến mái che tròn ở cây, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khưu rằng: “Này các tỳ khưu, ở đây bây giờ các người đã cùng ngồi xuống tụ hội vì câu chuyện gì vậy? Và câu chuyện trao đổi gì của các người đã bị gián đoạn?”

4. “Bạch Ngài, ở đây chúng con sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, đã cùng ngồi xuống tụ hội ở mái che tròn; có câu chuyện trao đổi này đã khởi lên giữa chúng con: ‘Này các đại đức, vị nào biết nghề? Vị nào đã học nghề gì? Nghề nào là hạng nhất trong số các nghề?’ Tại nơi ấy, một số vị đã nói thế này: ‘Nghề huấn luyện voi là nghề hạng nhất’. Một số vị đã nói thế này: ‘Nghề huấn luyện ngựa là nghề hạng nhất’. Một số vị đã nói thế này: ‘Nghề đóng xe là nghề hạng nhất’. Một số vị đã nói thế này: ‘Nghề bán cung là nghề hạng nhất’. Một số vị đã nói thế này: ‘Nghề grom đao là nghề hạng nhất’. Một số vị đã nói thế này: ‘Nghề ra dấu hiệu là nghề hạng nhất’. Một số vị đã nói thế này: ‘Nghề kê toán là nghề hạng nhất’. Một số vị đã nói thế này: ‘Nghề ước lượng là nghề hạng nhất’. Một số vị đã nói thế này: ‘Nghề khắc chữ là nghề hạng nhất’. Một số vị đã nói thế này: ‘Nghề thơ ca là nghề hạng nhất’. Một số vị đã nói thế này: ‘Nghề lý luận là nghề hạng nhất’. Một số vị đã nói thế này: ‘Nghề quản trị là nghề hạng nhất’. Bạch Ngài, câu chuyện trao đổi này của chúng con đã bị gián đoạn. Khi ấy đức Thế Tôn đi đến”.

5. “Này các tỳ khưu, điều này quả không thích đáng cho các người, những người con trai gia đình danh giá đã vì niềm tin rời nhà xuất gia sống không nhà, là việc các người có thể nói về đề tài có hình thức như thế. Này các tỳ khưu, đối với các người, khi tụ hội lại, có hai việc nên làm là trao đổi về Giáo Pháp hoặc (giữ) trạng thái im lặng thánh thiện”.

6. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Có cuộc sống không nghề nghiệp, nhẹ nhàng, có ước muốn mục đích, có giác quan đã được chế ngự, đã được giải thoát về mọi mặt, phiêu bạt không nhà, không sở hữu, không mong mỏi, sau khi từ bỏ ngã mạn, sống một mình, vị ấy là tỳ khưu”.

3. 10. KINH XEM XÉT THẾ GIAN

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại Uruvelā bên bờ sông Nerañjarā nơi gốc cây bồ đề và vừa mới thành tựu quả vị Chánh Đẳng Giác. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đã ngồi với một tư thế kiết già suốt bảy ngày, hưởng niềm an lạc của sự giải thoát.

2. Sau đó, trải qua bảy ngày ấy, sau khi đã ra khỏi định ấy, đức Thế Tôn đã xem xét thế gian bằng Phật nhãn. Trong khi xem xét thế gian bằng Phật nhãn, đức Thế Tôn đã nhìn thấy các chúng sanh đang bị đốt nóng bởi nhiều sự đốt nóng (khổ đau), và đang bị đốt cháy bởi nhiều sự đốt cháy sanh ra bởi luyến ái, sanh ra bởi sân hận, và sanh ra bởi si mê.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Bị đốt nóng,^[27] bị quấy nhiễu bởi (sáu) xúc, thế gian này nói rằng bệnh là bản ngã, dầu suy nghĩ theo cách này cách kia, nó hình thành theo một cách khác so với cái ấy.

Có sự hình thành theo một cách khác, bị dính mắc vào hữu, bị quấy nhiễu bởi hữu, lại thỏa thích hữu ấy. Thỏa thích cái nào, cái ấy là sự sợ hãi. Bị sợ hãi đối với cái nào, cái ấy là khổ. Quả vậy, Phạm hạnh này được sống nhằm lìa bỏ hữu.

Bất cứ các vị Sa-môn hoặc các Bà-la-môn nào đã nói rằng sự giải thoát khỏi hữu nhờ vào hữu, Ta nói rằng tất cả các vị đó không được giải thoát khỏi hữu.

Bất cứ các vị Sa-môn hoặc các Bà-la-môn nào đã nói rằng sự tách ly khỏi hữu nhờ vào phi hữu, Ta nói rằng tất cả các vị đó không được tách ly khỏi hữu.

Tùy thuận vào sự bám víu, khổ này được hình thành.

Do sự cạn kiệt của mọi chấp thủ, không có sự hình thành của khổ.

Hãy nhìn xem thế gian này, số đông bị quấy nhiễu bởi vô minh, được hiện hữu, thích thú sự hiện hữu, không được giải thoát hoàn toàn khỏi hữu.

Bất cứ các hữu nào, ở mọi nơi, với mọi tính chất, tất cả các hữu ấy là vô thường, khổ đau, có tính chất đổi thay.

Tương tự, đối với vị đang nhìn thấy điều này đúng theo bản thể bằng tuệ chơn chánh, hữu ái của vị ấy được dứt bỏ, vị ấy không thỏa thích phi hữu,

do sự cạn kiệt của các tham ái một cách trọn vẹn, có sự lìa ái luyến và sự diệt tận không còn dư sót, Niết Bàn.

Đối với vị tỳ khuru đã được tịch tịnh ấy, do không còn chấp thủ, sự hiện hữu lại nữa là không có, Ma Vương đã bị chế ngự, cuộc chiến đã được chiến thắng, bậc tự tại đã vượt qua khỏi tất cả các hữu”.

Phẩm Nanda là thứ ba.

---o0o---

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Nghiệp, vị Nanda, và vị Yasoja, vị Sāriputta, và vị Kolita, vị Pilindi, vị Kassapa, vị khát thực, nghề nghiệp, với thế gian, chúng là mười (bài Kinh).

---o0o---

PHẨM MEGHIYA - THỨ TƯ

4. 1. KINH MEGHIYA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Cālikā, ở núi Cālika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Meghiya là thị giả của đức Thế Tôn. Khi ấy, đại đức Meghiya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, đại đức Meghiya đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, con muốn đi vào làng Jantu để khát thực”. “Này Meghiya, người hãy biết giờ này là thời điểm của việc nào”.

2. Sau đó, vào buổi sáng đại đức Meghiya đã quán y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y đi vào làng Jantu để khát thực. Sau khi đi khát thực ở làng Jantu, sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, đại đức Meghiya đã đi đến bờ sông Kimikālā. Sau khi đi đến và trong khi đi kinh hành, trong khi đi lang thang để thư giãn ống chân ở bờ sông Kimikālā, đại đức Meghiya đã nhìn thấy khu rừng xoài đáng mến, đáng yêu, sau khi nhìn thấy đã khởi ý điều này: “Khu rừng xoài này quả thật đáng mến, đáng yêu! Nơi này quả thật thích hợp cho việc nỗ lực của người con trai gia đình cao quý, là người mong muốn sự nỗ lực. Nếu đức Thế Tôn cho phép ta, thì ta có thể đi đến khu rừng xoài này cho việc nỗ lực”.

3. Sau đó, đại đức Meghiya đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, đại đức Meghiya đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, ở đây vào buổi sáng, con đã quán y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y đi vào làng Jantu để khát thực. Sau khi đi khát thực ở làng Jantu, sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, con đã đi đến bờ sông Kimikālā. Sau khi đi đến và trong khi đi kinh

hành, trong khi đi lang thang để thư giãn ống chân ở bờ sông Kimikālā, con đã nhìn thấy khu rừng xoài đáng mến, đáng yêu, sau khi nhìn thấy con đã khởi ý điều này: ‘Khu rừng xoài này quả thật đáng mến, đáng yêu! Nơi này quả thật thích hợp cho việc nỗ lực của người con trai gia đình cao quý, là người mong muốn sự nỗ lực. Nếu đức Thế Tôn cho phép ta, thì ta có thể đi đến khu rừng xoài này cho việc nỗ lực’. Bạch Ngài, nếu đức Thế Tôn cho phép con, thì con có thể đi đến khu rừng xoài này cho việc nỗ lực”.

4. Khi được nghe nói vậy, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Meghiya điều này: “Này Meghiya, chúng ta là đơn độc. Ngươi hãy chờ cho đến lúc có vị tỳ khuru nào khác đi đến”. Đến lần thứ nhì, đại đức Meghiya đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, đối với đức Thế Tôn thì không có bất cứ việc cần phải làm thêm nữa, hoặc không có sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Bạch Ngài, trái lại đối với con thì có việc cần phải làm thêm nữa, hoặc có sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Bạch Ngài, nếu đức Thế Tôn cho phép con, thì con có thể đi đến khu rừng xoài này cho việc nỗ lực”. Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Meghiya điều này: “Này Meghiya, chúng ta là đơn độc. Ngươi hãy chờ cho đến lúc có vị tỳ khuru nào khác đi đến”. Đến lần thứ ba, đại đức Meghiya đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, đối với đức Thế Tôn thì không có bất cứ việc gì thêm nữa cần phải làm, hoặc không có sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Bạch Ngài, trái lại đối với con thì có việc thêm nữa cần phải làm, hoặc có sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Bạch Ngài, nếu đức Thế Tôn cho phép con, thì con có thể đi đến khu rừng xoài này cho việc nỗ lực”.

5. “Này Meghiya, trong khi ngươi nói về ‘sự nỗ lực’ thì chúng ta có thể nói gì? Này Meghiya, ngươi hãy biết giờ này là thời điểm của việc nào”. Khi ấy, đại đức Meghiya đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi đã đi đến khu rừng xoài ấy, sau khi đến đã đi sâu vào khu rừng xoài rồi đã ngồi xuống nghỉ trưa ở gốc cây nọ. Sau đó, trong khi đại đức Meghiya đang trú ở khu rừng xoài ấy, ba ác bất thiện tâm, tức là: ‘dục tâm, sân tâm, hại tâm,’ thường xuyên khởi lên cho vị ấy. Khi ấy, đại đức Meghiya đã khởi ý điều này: “Thật là kỳ lạ! Thật là bất thường! Quả thật ta đã vì niềm tin rời nhà xuất gia sống không nhà, vậy mà ta lại bị ám ảnh bởi ba ác bất thiện tâm này, tức là: ‘bởi dục tâm, bởi sân tâm, bởi hại tâm’.”

6. Sau đó vào buổi chiều, đại đức Meghiya, xuất khỏi thiền tịnh, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, đại đức Meghiya đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, ở đây trong khi con đang trú ở khu rừng xoài ấy, ba ác bất thiện tâm, tức là: ‘dục tâm, sân tâm, hại tâm,’ thường xuyên xảy đến

với con. Khi ấy, con đây đã khởi ý điều này: ‘Thật là kỳ lạ! Thật là bất thường! Quả thật ta đã vì niềm tin rời nhà xuất gia sống không nhà, vậy mà ta lại bị ám ảnh bởi ba ác bất thiện tâm này, tức là: bởi dục tâm, bởi sân tâm, bởi hại tâm.’”

7. “Này Meghiya, khi sự giải thoát của tâm chưa được chín muồi, có năm pháp đưa đến sự chín muồi. Năm pháp nào? Này Meghiya, ở đây vị tỳ khuru có bạn hữu tốt lành, có bạn đồng hành tốt lành, có bạn thâm niên tốt lành. Này Meghiya, khi sự giải thoát của tâm chưa được chín muồi, đây là pháp thứ nhất đưa đến sự chín muồi.

Và này Meghiya, còn có pháp khác nữa, vị tỳ khuru là người có giới, sống thu thúc với sự thu thúc trong giới bản *Pātimokkha*, được thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Này Meghiya, khi sự giải thoát của tâm chưa được chín muồi, đây là pháp thứ nhì đưa đến sự chín muồi.

Và này Meghiya, còn có pháp khác nữa, lời nói nào liên quan đến việc giảm thiểu, thuận lợi cho việc khơi mở tâm, đưa đến sự hoàn toàn nhàm chán, đến việc xa lìa luyến ái, đến sự tịch diệt, đến sự tịch tịnh, đến thắng trí, đến sự giác ngộ, đến Niết-bàn, tức là lời nói về ít ham muốn, lời nói về sự tự biết đủ, lời nói về sự tách ly, lời nói về sự không kết giao, lời nói về việc khởi sự tinh tấn, lời nói về giới, lời nói về định, lời nói về tuệ, lời nói về giải thoát, lời nói về trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát; với lời nói có hình thức như thế thì vị tỳ khuru có sự đạt được theo như ước muốn, có sự đạt được không mệt nhọc, có sự đạt được không khó khăn. Này Meghiya, khi sự giải thoát của tâm chưa được chín muồi, đây là pháp thứ ba đưa đến sự chín muồi.

Và này Meghiya, còn có pháp khác nữa, vị tỳ khuru sống có sự ra sức tinh tấn nhằm dứt bỏ các bất thiện pháp, nhằm thành tựu các thiện pháp, có sự kiên định, có sự ra sức vững chãi, không buông bỏ nhiệm vụ đối với các thiện pháp. Này Meghiya, khi sự giải thoát của tâm chưa được chín muồi, đây là pháp thứ tư đưa đến sự chín muồi.

Và này Meghiya, còn có pháp khác nữa, vị tỳ khuru có tuệ hướng đến sự sanh diệt, đầy đủ tuệ cho việc thấu triệt thánh thiện hướng đến sự diệt tận khổ đau một cách đúng đắn. Này Meghiya, khi sự giải thoát của tâm chưa được chín muồi, đây là pháp thứ năm đưa đến sự chín muồi.

Này Meghiya, khi sự giải thoát của tâm chưa được chín muồi, năm pháp này đưa đến sự chín muồi.

8. Này Meghiya, điều này là được trông đợi đối với vị tỳ khuru có bạn hữu tốt lành, có bạn đồng hành tốt lành, có bạn thâm niên tốt lành là việc sẽ là

người có giới, sẽ sống thu thúc với sự thu thúc trong giới bản *Pātimokkha*, được thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, sẽ thọ trì và thực hành trong các điều học.

Này Meghiya, điều này là được trông đợi đối với vị tỳ khưu có bạn hữu tốt lành, có bạn đồng hành tốt lành, có bạn thâm niên tốt lành là lời nói nào liên quan đến việc giảm thiểu, thuận lợi cho việc khơi mở tâm, đưa đến sự hoàn toàn nhằm chán, đến việc xa lìa luyến ái, đến sự tịch diệt, đến sự tịch tịnh, đến thăng trí, đến sự giác ngộ, đến Niết-bàn, tức là lời nói về ít ham muốn, lời nói về sự tự biết đủ, lời nói về sự tách ly, lời nói về sự không kết giao, lời nói về việc khởi sự tinh tấn, lời nói về giới, lời nói về định, lời nói về tuệ, lời nói về giải thoát, lời nói về trí tuệ và nhận thức về sự giải thoát; với lời nói có hình thức như thế thì vị tỳ khưu sẽ có sự đạt được theo như ước muốn, có sự đạt được không mệt nhọc, có sự đạt được không khó khăn.

Này Meghiya, điều này là được trông đợi đối với vị tỳ khưu có bạn hữu tốt lành, có bạn đồng hành tốt lành, có bạn thâm niên tốt lành là sẽ có sự ra sức tinh tấn nhằm dứt bỏ các bất thiện pháp, nhằm thành tựu các thiện pháp, có sự kiên định, có sự ra sức vững chãi, không buông bỏ nhiệm vụ đối với các thiện pháp.

Này Meghiya, điều này là được trông đợi đối với vị tỳ khưu có bạn hữu tốt lành, có bạn đồng hành tốt lành, có bạn thâm niên tốt lành là việc sẽ có tuệ hướng đến sự sanh diệt, được đầy đủ tuệ hướng đến sự diệt tận khổ đau một cách đúng đắn đối với việc thấu triệt của bậc Thánh.

Và này Meghiya, hơn nữa vị tỳ khưu ấy sau khi thiết lập ở năm pháp này, nên tu tập bốn pháp thêm nữa, nên tu tập về bất tịnh nhằm dứt bỏ luyến ái, nên tu tập từ ái nhằm dứt bỏ sân hận, nên tu tập niệm hơi thở vào hơi thở ra nhằm cắt đứt tầm, nên tu tập tưởng vô thường nhằm thủ tiêu ngã mạn ‘tôi là’. Này Meghiya, đối với vị có tướng vô thường thì tướng vô ngã được vững trú, vị có tướng vô ngã thì đạt được việc thủ tiêu ngã mạn ‘tôi là,’ (đạt được) Niết Bàn ngay trong đời hiện tại”.

9. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Các suy tư nhỏ nhoi, các suy tư vi tế được đeo đuổi là các sự trỗi dậy của tâm. Người không biết được các suy tư này của tâm, chạy từ nơi này đến nơi khác, có tâm rối loạn.

Và sau khi biết được các suy tư này của tâm, người có nhiệt tâm, có niệm, thu thúc các suy tư đã được đeo đuổi, các sự trỗi dậy của tâm; bậc giác ngộ đã dứt bỏ chúng không còn dư sót”.

---o0o---

4. 2. KINH NÁO ĐỘNG

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Kusinārā, ở Upavattana, khu rừng cây sālā của xứ Malla. Vào lúc bảy giờ, nhiều vị tỳ khuru trú ngụ trong các chòi nhỏ trong rừng ở nơi không xa đức Thế Tôn, náo động, khoác lác, lao chao, lấm mồm, có lời nói linh tinh, thất niệm, không có sự tỉnh giác, không được định tĩnh, có tâm bị tán loạn, có các giác quan buông thả.

2. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy nhiều vị tỳ khuru ấy đang trú ngụ trong các chòi nhỏ trong rừng ở nơi không xa, náo động, khoác lác, lao chao, lấm mồm, có lời nói linh tinh, thất niệm, không có sự tỉnh giác, không được định tĩnh, có tâm bị tán loạn, có các giác quan buông thả.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Do thân không được phòng hộ, và do đã đi theo tà kiến, do bị ngự trị bởi đã dục và buồn ngủ, người sa vào quyền lực của Ma Vương.

Vì thế, nên là người có tâm đã được phòng hộ, có chánh tư duy là hành xử, là người ngự trị đã dục và buồn ngủ, vị tỳ khuru từ bỏ mọi cảnh giới tái sanh xấu xa”.

---o0o---

4. 3. KINH NGƯỜI CHẶN BÒ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn đi du hành ở xứ sở của những người Kosala cùng với đại chúng tỳ khuru. Khi ấy, đức Thế Tôn đã rời con đường lộ rồi đi đến gần gốc cây nọ, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn. Sau đó, có người chăn bò nọ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi người chăn bò đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho người chăn bò ấy bằng bài Pháp thoại.

2. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, người chăn bò ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng tỳ khuru nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai”. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, người chăn bò ấy hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, người chăn bò ấy đã

cho chuẩn bị dồi dào cơm sữa ráo nước và bơ lỏng mới tại tư gia, rồi cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: “Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong”.

3. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã quán y (nội), rồi cầm bình bát và y cùng với hội chúng tỳ khuru đi đến tư gia của người chăn bò ấy, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt. Sau đó, người chăn bò ấy đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu với cơm sữa ráo nước và bơ lỏng mới. Đến khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, người chăn bò ấy đã cầm lấy một chiếc ghế thấp nào đó và đã ngồi xuống ở một bên. Khi người chăn bò đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho người chăn bò ấy bằng bài Pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, trong khi đức Thế Tôn ra đi không bao lâu, một người đàn ông nọ đã đoạt lấy mạng sống của người chăn bò ấy tại khu vực giáp ranh.

4. Sau đó, nhiều vị tỳ khuru đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, các vị tỳ khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, người chăn bò hôm nay đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khuru có đức Phật đứng đầu với cơm sữa ráo nước và bơ lỏng mới, bạch Ngài, nghe nói người chăn bò ấy đã bị một người đàn ông nọ đoạt lấy mạng sống tại khu vực giáp ranh”.

5. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Việc nào mà kẻ địch có thể làm đối với kẻ địch, hoặc kẻ thù (có thể làm) đối với kẻ thù, thì tâm thiên về sự sai trái có thể làm điều ác xấu đến người ấy còn hơn việc ấy (hai việc trên) nữa”.

---o0o---

4. 4. KINH THƯỢNG HUYỀN

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngụ tại thành Rājagaha, ở Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bảy giờ, đại đức Sāriputta và đại đức Mahāmoggallāna ngụ tại Kapotakandarā.^[28] Lúc bảy giờ, vào đêm trăng sáng đại đức Sāriputta ngồi ở ngoài trời với tóc vừa mới được cạo và đã thể nhập vào một trạng thái định nào đó. Vào lúc bảy giờ, có hai Dạ Xoa là bạn đồng hành di chuyển từ hướng Bắc về hướng Nam vì công việc cần làm nào đó. Các Dạ Xoa ấy đã nhìn thấy đại đức Sāriputta vào đêm trăng sáng ngồi ở ngoài trời với tóc vừa mới được cạo. Sau khi nhìn thấy, một Dạ Xoa đã nói với Dạ Xoa thứ hai điều này: “Này bạn, bỗng nhiên tôi muốn

giáng một cú đánh vào đầu của vị Sa-môn này”. Khi được nói như vậy, Dạ Xoa kia đã nói với Dạ Xoa ấy điều này: “Này bạn, đủ rồi! Chớ công kích vị Sa-môn. Này bạn, vị Sa-môn này cao cả, có đại thần lực, có đại oai lực”. Đến lần thứ nhì, Dạ Xoa ấy đã nói với Dạ Xoa kia điều này: “Này bạn, bỗng nhiên tôi muốn giáng một cú đánh vào đầu của vị Sa-môn này”. Đến lần thứ nhì, Dạ Xoa kia đã nói với Dạ Xoa ấy điều này: “Này bạn, đủ rồi! Chớ công kích vị Sa-môn. Này bạn, vị Sa-môn này cao cả, có đại thần lực, có đại oai lực”. Đến lần thứ ba, Dạ Xoa ấy đã nói với Dạ Xoa kia điều này: “Này bạn, bỗng nhiên tôi muốn giáng một cú đánh vào đầu của vị Sa-môn này”. Đến lần thứ ba, Dạ Xoa kia đã nói với Dạ Xoa ấy điều này: “Này bạn, đủ rồi! Chớ công kích vị Sa-môn. Này bạn, vị Sa-môn này cao cả, có đại thần lực, có đại oai lực”.

2. Khi ấy, Dạ Xoa ấy không đếm xỉa đến Dạ Xoa kia và đã giáng một cú đánh vào đầu của đại đức Sāriputta. Cú đánh đã mạnh đến mức thậm chí bằng cú đánh ấy có thể nhân chìm (vào lòng đất) con long tượng cao bảy *ratana*^[29] hoặc bảy *ratana* rươi, hay phá vỡ chóp đỉnh của ngọn núi lớn. Thế mà khi ấy, Dạ Xoa ấy (đã hét lên): “Tôi bị đốt cháy, tôi bị đốt cháy,” rồi ngã tại chỗ ấy đã rơi xuống đại địa ngục.

3. Đại đức Mahāmogallāna với Thiên nhân thanh tịnh vượt trội loài người đã nhìn thấy cú đánh đang giáng vào đầu của đại đức Sāriputta bởi Dạ Xoa ấy, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đại đức Sāriputta, sau khi đến đã nói với đại đức Sāriputta điều này: “Này đại đức, sức khoẻ của đại đức có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Không có khổ sở gì phải không?” “Này đại đức Mahāmogallāna, sức khoẻ của tôi khá. Này đại đức Mahāmogallāna, mọi việc của tôi được tốt đẹp.^[30] Tuy nhiên, có sự khó chịu chút ít ở đầu của tôi”.

4. “Này đại đức Sāriputta, thật là kỳ diệu! Này đại đức Sāriputta, thật là phi thường! Đại đức Sāriputta có đại thần lực, có đại oai lực đến như thế! Này đại đức Sāriputta, ở đây một Dạ Xoa nào đó đã giáng cú đánh vào đầu của đại đức. Cú đánh đã mạnh đến mức thậm chí bằng cú đánh ấy có thể nhân chìm (vào lòng đất) con long tượng cao bảy *ratana* hoặc bảy *ratana* rươi, hay phá vỡ chóp đỉnh của ngọn núi lớn. Trái lại, đại đức Sāriputta đã nói như vậy: “Này đại đức Mahāmogallāna, sức khoẻ của tôi khá. Này đại đức Mahāmogallāna, mọi việc của tôi được tốt đẹp. Tuy nhiên, có sự khó chịu chút ít ở đầu của tôi”. “Này đại đức Mahāmogallāna, thật là kỳ diệu! Này đại đức Mahāmogallāna, thật là phi thường! Đại đức Mahāmogallāna có đại thần lực, có đại oai lực đến như thế! Bởi vì vị ấy thật sự nhìn thấy ngay cả loài Dạ Xoa, trái lại chúng tôi hiện giờ cũng không nhìn thấy được loài quỷ đói ở đồng rác”. Đức Thế Tôn với Thiên nhĩ giới thanh tịnh vượt trội

loài người đã nghe được cuộc trò chuyện trao đổi có hình thức như thế này của cả hai bậc đại long tượng ấy.

5. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Tâm của người nào giống như tảng đá, đứng yên, không rung động, không luyến ái ở các vật đáng bị luyến ái, không bị bức tức đối với việc đáng bị bức tức? Tâm của người nào được tu tập như vậy, do đâu khổ đau sẽ đến với người ấy?”

---o0o---

4. 5. KINH LONG TƯỢNG

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita. Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn sống bị quấy rầy bởi các tỳ khuru, bởi các tỳ khuru ni, bởi các nam cư sĩ, bởi các nữ cư sĩ, bởi các vị vua, bởi các quan đại thần của vua, bởi các ngoại đạo, bởi các đệ tử của ngoại đạo. Bị quấy rầy, đức Thế Tôn sống không an lạc, không thoải mái.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã khởi ý điều này: “Hiện nay, Ta sống bị quấy rầy bởi các tỳ khuru, bởi các tỳ khuru ni, bởi các nam cư sĩ, bởi các nữ cư sĩ, bởi các vị vua, bởi các quan đại thần của vua, bởi các ngoại đạo, bởi các đệ tử của ngoại đạo. Bị quấy rầy, Ta sống không an lạc, không thoải mái. Có lẽ Ta nên sống một mình, tách ra khỏi đám đông?”

3. Sau đó vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã quán y (nội) rồi cầm lấy bình bát và y đi vào thành Kosambī để khát thực. Sau khi đi khát thực ở thành Kosambī, sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, đức Thế Tôn đã tự mình thu dọn chỗ trú ngụ rồi cầm lấy bình bát và y, không nói cho các thị giả biết, không thông báo cho hội chúng tỳ khuru, một mình, không người thứ hai, ra đi du hành đến Pārileyyaka. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến Pārileyyaka. Tại đó, đức Thế Tôn ngụ tại Pārileyyaka, ở khu rừng cây được bảo vệ, nơi gốc cây sālā xinh đẹp.

4. Cũng có con long tượng nọ sống bị quấy rầy bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé. Nó còn phải phải nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được nó bẻ gãy lượt này lượt khác. Và nó uống các thứ nước đã bị khuấy đục. Khi nó vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái chạy lại cọ xát vào thân. Bị quấy rầy, nó sống không an lạc, không thoải mái. Khi ấy, con long tượng ấy đã khởi ý điều này: “Hiện nay, ta sống bị quấy rầy bởi những con voi đực, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé. Ta còn phải nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng nhai các nhánh cây đã được ta bẻ

gãy lượt này lượt khác. Và ta uống các thứ nước đã bị khuấy đục. Khi ta vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái chạy lại cọ xát vào thân. Bị quấy rầy, ta sống không an lạc, không thoải mái. Có lẽ ta nên sống một mình, tách ra khỏi đám đông?”

5. Sau đó, con long tượng ấy đã tách khỏi bầy đi đến Pārileyyaka, chỗ khu rừng cây được bảo vệ, nơi gốc cây sālā xinh đẹp, gần bên đức Thế Tôn. Tại đó, ở khu vực nào đức Thế Tôn trú ngụ, con long tượng ấy dọn dẹp khu vực ấy bót đi cây cỏ, rồi dùng vòi cung cấp nước uống và nước rửa đên đức Thế Tôn.

6. Sau đó, đức Thế Tôn trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Trước đây, Ta đã sống bị quấy rầy bởi các tỳ khuru, bởi các tỳ khuru ni, bởi các nam cư sĩ, bởi các nữ cư sĩ, bởi các vị vua, bởi các quan đại thần của vua, bởi các ngoại đạo, bởi các đệ tử của ngoại đạo. Bị quấy rầy, Ta đã sống không an lạc, không thoải mái. Hiện nay, Ta sống không bị quấy rầy bởi các tỳ khuru, bởi các tỳ khuru ni, bởi các nam cư sĩ, bởi các nữ cư sĩ, bởi các vị vua, bởi các quan đại thần của vua, bởi các ngoại đạo, bởi các đệ tử của ngoại đạo. Không bị quấy rầy, Ta sống an lạc, thoải mái”.

7. Luôn cả con long tượng ấy cũng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Trước đây, ta đã sống bị quấy rầy bởi những con voi đục, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé. Ta đã phải nhai các thứ cỏ đã bị đứt ngọn. Chúng đã nhai các nhánh cây đã được ta bẻ gãy lượt này lượt khác. Và ta đã uống các thứ nước đã bị khuấy đục. Khi ta vượt qua dòng sông cạn thì những con voi cái đã chạy lại cọ xát vào thân. Bị quấy rầy, ta đã sống không an lạc, không thoải mái. Hiện nay, ta sống không bị quấy rầy bởi những con voi đục, bởi những con voi cái, bởi những con voi tơ, bởi những con voi bé. Ta nhai các thứ cỏ còn chưa bị đứt ngọn. Chúng không nhai các nhánh cây đã được ta bẻ gãy lượt này lượt khác. Và ta đã uống các thứ nước không bị khuấy đục. Khi ta vượt qua dòng sông cạn thì không có những con voi cái chạy lại cọ xát vào thân. Không bị quấy rầy, ta sống an lạc, thoải mái”.

8. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi nhận biết sự tách ly của bản thân đã dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của con long tượng ấy, rồi vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Tâm của con Long tượng, là con voi có ngà dài, cùng với chúa loài người có tâm được tương đồng về việc một mình vui thích ở khu rừng”.

4. 6. KINH PIṄḌOLA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đại đức Piṇḍolabhāradvāja ngồi ở nơi không xa đức Thế Tôn, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, là vị ngụ ở rừng, chuyên đi khát thực, chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, chỉ sử dụng ba y, ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách ly, không kết giao, có sự ra sức tinh tấn, nói về hạnh từ khước, gắn bó với tăng thượng tâm.

2. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Piṇḍolabhāradvāja ngồi ở nơi không xa, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, là vị ngụ ở rừng, chuyên đi khát thực, chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, chỉ sử dụng ba y, ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách ly, không kết giao, có sự ra sức tinh tấn, nói về hạnh từ khước, gắn bó với tăng thượng tâm.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Sự không phỉ báng, sự không giết hại, sự thu thúc trong giới bốn Pātimokkha, sự biết đủ về vật thực, chỗ nằm ngồi thanh vắng, và sự gắn bó vào tăng thượng tâm, điều này là lời giáo huấn của chư Phật”.

---o0o---

4. 7. KINH SĀRIPUTTA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đại đức Sāriputta ngồi ở nơi không xa đức Thế Tôn, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, là vị ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách ly, không kết giao, có sự ra sức tinh tấn, nói về hạnh từ khước, gắn bó với tăng thượng tâm. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Sāriputta ngồi ở nơi không xa, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, là vị ngụ ở rừng, chuyên đi khát thực, chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, chỉ sử dụng ba y, ít ham muốn, tự biết đủ, sống tách ly, không kết giao, có sự ra sức tinh tấn, nói về hạnh từ khước, gắn bó với tăng thượng tâm.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Đối với vị hiền trí có tăng thượng tâm, không bị xao lãng, đang rèn luyện trong các đạo lộ trí tuệ, an tịnh, luôn có niệm, các sự sâu muợn không hiện hữu ở vị như thế ấy”.^[31]

---o0o---

4. 8. KINH SUNDARĪ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn được tôn vinh, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Hội chúng tỳ khưu cũng được tôn vinh, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Trái lại, các du sĩ ngoại đạo không được tôn vinh, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường, không được nể nang, không nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh.

2. Khi ấy, các du sĩ ngoại đạo ấy không chịu đựng nổi sự tôn vinh đối với đức Thế Tôn và đối với hội chúng tỳ khưu nên đã đi đến gặp nữ du sĩ ngoại đạo Sundarī, sau khi đến đã nói với nữ du sĩ ngoại đạo Sundarī điều này: “Này chị gái, chị có khả năng làm việc lợi ích cho thân quyến không?” “Thưa các ngài, tôi làm việc gì? Điều gì mà tôi không có thể làm? Thậm chí mạng sống tôi còn buông bỏ cho việc lợi ích của thân quyến”.

3. “Này chị gái, chính vì việc ấy chị hãy thường xuyên đi đến Jetavana”. “Thưa các ngài, xin vâng”. Nữ du sĩ ngoại đạo Sundarī nghe theo các du sĩ ngoại đạo ấy đã thường xuyên đi đến Jetavana. Đến khi các du sĩ ngoại đạo ấy đã biết rằng: “Việc nữ du sĩ ngoại đạo Sundarī thường xuyên đi đến Jetavana đã được nhiều người nhìn thấy rõ ràng,” khi ấy đã cho người đoạt lấy mạng sống của nàng rồi chôn xuống ngay tại chỗ ấy, ở cái hố của đường mương, sau đó đã đi đến gặp đức vua Pasenadi xứ Kosala, sau khi đến đã nói với đức vua Pasenadi xứ Kosala điều này: “Tâu đại vương, chúng tôi không nhìn thấy nữ du sĩ Sundarī”. “VẬY các người nghi ngờ là ở đâu?” “Tâu đại vương, ở Jetavana”. “Chính vì việc ấy các người hãy kiểm tra Jetavana”.

4. Khi ấy, các du sĩ ngoại đạo ấy sau khi kiểm tra Jetavana đã lấy lên từ cái hố của đường mương (thi thể của nàng) theo như cách đã được chôn xuống. Sau khi đặt ở chiếc giường nhỏ, họ đã đưa vào thành Sāvatti rồi đi từ đường lộ này đến đường lộ khác, từ giao lộ này đến giao lộ khác, và đã khích động dân chúng rằng:

“Thưa các ngài, các ngài hãy nhìn xem việc làm của các Sa-môn Thích tử. Các Sa-môn Thích tử này vô liêm sỉ, giới hạnh xấu xa, nói láo, không có Phạm hạnh. Chính các vị này làm ra vẻ là có sự thực hành Pháp, có thực hành sự bình lặng, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có Sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh!

Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Vì có gì mà người nam sau khi làm cái việc cần làm của người nam rồi lại đoạt lấy mạng sống của người nữ?”

5. Vào lúc bảy giờ, ở thành Sāvatti dân chúng sau khi nhìn thấy các vị tỳ khuru liền sỉ vả, chê bai, khiêu khích, chọc tức bằng những lời nói không lịch sự, thô lỗ rằng: “Các Sa-môn Thích tử này vô liêm sỉ, giới hạnh xấu xa, nói láo, không có Phạm hạnh. Chính các vị này làm ra vẻ là có sự thực hành Pháp, có thực hành sự bình lặng, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có Sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Vì có gì mà người nam sau khi làm cái việc cần làm của người nam rồi lại đoạt lấy mạng sống của người nữ?”

6. Khi ấy, vào buổi sáng nhiều vị tỳ khuru đã quần y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y đi vào thành Sāvatti để khát thực. Sau khi đi khát thực ở thành Sāvatti, sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, các vị tỳ khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, hiện nay ở thành Sāvatti dân chúng sau khi nhìn thấy các vị tỳ khuru liền sỉ vả, chê bai, khiêu khích, chọc tức bằng những lời nói không lịch sự, thô lỗ rằng: ‘Các Sa-môn Thích tử này vô liêm sỉ, giới hạnh xấu xa, nói láo, không có Phạm hạnh. Chính các vị này làm ra vẻ là có sự thực hành Pháp, có thực hành sự bình lặng, có Phạm hạnh, nói lời chân thật, có giới hạnh, có thiện pháp! Các vị này không có Sa-môn hạnh, các vị này không có Phạm hạnh! Sa-môn hạnh của các vị này đã bị hư hỏng, Phạm hạnh của các vị này đã bị hư hỏng! Sa-môn hạnh của các vị này đâu rồi? Phạm hạnh của các vị này đâu rồi? Sa-môn hạnh của các vị này đã không còn! Phạm hạnh của các vị này đã không còn! Vì có gì mà người nam sau khi làm cái việc cần làm của người nam rồi lại đoạt lấy mạng sống của người nữ?’”

7. “Này các tỳ khuru, tiếng đồn đại ấy sẽ không tồn tại lâu, sẽ tồn tại chỉ được bảy ngày, khi trải qua bảy ngày thì sẽ biến mất. Này các tỳ khuru, chính vì việc ấy những người nào sau khi nhìn thấy các vị tỳ khuru mà sỉ vả, chê bai, khiêu khích, chọc tức bằng những lời nói không lịch sự, thô lỗ, thì các người hãy quả trách họ bằng câu kệ này:

Người có lời nói không thật đi địa ngục, và luôn cả người nào sau khi làm đã nói là: ‘Tôi không làm;’ cả hai người ấy, có hành động thấp kém, sau khi chết (đọa) vào cảnh giới khác là giống như nhau”. ^[32]

8. Khi ấy, các vị tỳ khuru ấy đã học thuộc lòng câu kệ ấy ở nơi đức Thế Tôn. Rồi những người nào sau khi nhìn thấy các vị tỳ khuru mà sỉ vả, chê bai, khiêu khích, chọc tức bằng những lời nói không lịch sự, thô lỗ, thì các vị tỳ khuru quả trách những người ấy bằng câu kệ này:

“Người có lời nói không thật đi địa ngục, và luôn cả người nào sau khi làm đã nói là: ‘Tôi không làm;’ cả hai người ấy, có hành động thấp kém, sau khi chết (đọa) vào cảnh giới khác là giống như nhau”.

9. Điều này đã khởi lên ở dân chúng: “Các Sa-môn Thích tử này không phải là người làm; việc đã được làm không phải do những vị này; các Sa-môn Thích tử này khẳng định”. Tiếng đồn đại ấy đã không tồn tại lâu, đã tồn tại chỉ bảy ngày, khi trải qua bảy ngày thì đã biến mất. Sau đó, nhiều vị tỳ khuru đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, các vị tỳ khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, thật là kỳ diệu! Bạch Ngài, thật là phi thường! Và Bạch Ngài, điều này thật sự đã được khéo nói bởi đức Thế Tôn rằng: ‘Này các tỳ khuru, tiếng đồn đại ấy sẽ không tồn tại lâu, sẽ tồn tại chỉ được bảy ngày, khi trải qua bảy ngày thì sẽ biến mất’. Bạch Ngài, tiếng đồn đại ấy đã được biến mất”.

10. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

*“Những người không chế ngự tâm chích (người khác) bằng lời nói,
tựa như tâm chích con voi tham gia chiến trận bằng những mũi tên,
sau khi nghe lời nói thô lỗ đã được thốt lên,
vị tỳ khuru nên chịu đựng, tâm không ác xấu”.*

---o0o---

4. 9. KINH UPASENA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, ở Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Khi ấy, đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta, trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã khởi lên: “Thật lợi ích cho ta! Thật đã khéo đạt được cho ta! Bạc Đạo Sư của ta là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đáng Chánh Đẳng Giác. Ta đã rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng. Các vị đồng Phạm hạnh của ta là những vị có giới, có thiện pháp. Ta là người có sự

thực hành đầy đủ về các giới. Ta được định tĩnh, có tâm chuyên nhất. Ta là bậc A-la-hán, có lậu hoặc đã được cạn kiệt. Ta có đại thần lực, có đại oai lực. Đời sống của ta là tốt đẹp, cái chết của ta là tốt đẹp”.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi dùng tâm biết được ý nghĩ suy tầm của đại đức Upasena, con trai của Vaṅganta, rồi vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Vị nào không bị bực bội về đời sống, vào giai đoạn cuối của cái chết không sầu muộn, quả thật vị ấy đã nhìn thấy Niết Bàn, là bậc sáng trí, ở giữa sầu muộn không sầu muộn.

Đối với vị tỳ khuru có hữu ái đã được trừ tuyệt, có tâm an tịnh, việc luân hồi tái sanh đã được triệt tiêu, không có sự hiện hữu lại nữa đối với vị ấy”.^[33]

---o0o---

4. 10. KINH SĀRIPUTTA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Sāriputta ngồi ở nơi không xa đức Thế Tôn, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, đang quán xét lại sự tịnh lặng của bản thân. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Sāriputta ngồi ở nơi không xa, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, đang quán xét lại sự tịnh lặng của bản thân.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Đối với vị tỳ khuru có tâm yên tịnh và an tịnh, đã chặt đứt hữu ái, việc luân hồi tái sanh đã được triệt tiêu, vị ấy đã được thoát khỏi sự trôi buộc của Ma Vương”.

Phẩm Meghiya là thứ tư.

---o0o---

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Vị Meghiya, bị náo động, người chăn bò, thượng huyền, với long tượng là thứ năm, vị Piṇḍola, vị Sāriputta, và nàng Sundarī là thứ tám, vị Upasena con trai của Vaṅganta, và vị Sāriputta; chúng là mười.

---o0o---

PHẨM SỌNA - THỨ NĂM

5. 1. KINH ĐỨC VUA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đức vua Pasenadi xứ Kosala cùng với hoàng hậu Mallikā đã đi lên tầng trên của tòa lâu đài cao quý. Khi ấy, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã nói với hoàng hậu Mallikā điều này:

“Này Mallikā, đối với nàng có ai khác đáng yêu hơn là bản thân không?”

“Tâu đại vương, đối với thiếp không có ai khác đáng yêu hơn là bản thân. Tâu đại vương, ngược lại đối với ngài có ai khác đáng yêu hơn là bản thân không?”

“Này Mallikā, đối với trẫm cũng vậy, không có ai khác đáng yêu hơn là bản thân”.

2. Sau đó, đức vua Pasenadi xứ Kosala từ tòa lâu đài đã đi xuống rồi đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên đức vua Pasenadi xứ Kosala đã nói với đức Thế Tôn điều này:

“Bạch Ngài, ở đây trẫm cùng với hoàng hậu Mallikā đã đi lên tầng trên của tòa lâu đài cao quý rồi trẫm đã nói với hoàng hậu Mallikā điều này: ‘Này Mallikā, đối với nàng có ai khác đáng yêu hơn là bản thân không?’ Khi được nói như vậy, hoàng hậu Mallikā đã nói với trẫm điều này: ‘Tâu đại vương, đối với thiếp không có ai khác đáng yêu hơn là bản thân. Tâu đại vương, ngược lại đối với ngài có ai khác đáng yêu hơn là bản thân không?’ Khi được nói như vậy, trẫm đã nói với hoàng hậu Mallikā điều này: ‘Này Mallikā, đối với trẫm cũng vậy, không có ai khác đáng yêu hơn là bản thân’.”

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Sau khi đi vòng quanh tất cả các phương bằng tâm, vẫn không đạt được người đáng yêu hơn bản thân ở bất cứ đâu. Tương tự như vậy, bản thân của những người khác là đáng yêu đối với chính họ; vì thế người yêu mến bản thân không nên hãm hại người khác”.

---o0o---

5. 2. KINH TUỔI THỌ ÍT ỎI

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Khi ấy vào buổi chiều, đại đức Ānanda, xuất khỏi thiền tịnh, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã

đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, đại đức Meghiya đã nói với đức Thế Tôn điều này:

“Bạch Ngài, thật là kỳ diệu! Bạch Ngài, thật là phi thường! Bạch Ngài, mẹ của đức Thế Tôn có tuổi thọ ít ỏi đến chừng ấy. Khi đức Thế Tôn được sanh ra bảy ngày, mẹ của đức Thế Tôn đã từ trần, và đã được sanh về tập thể cõi Đâu Suất”.

“Này Ānanda, điều ấy là như vậy. Này Ānanda, những người mẹ của các đức Bồ Tát quả là có tuổi thọ ít ỏi, khi các đức Bồ Tát được sanh ra bảy ngày, những người mẹ của các đức Bồ Tát từ trần, và được sanh về tập thể cõi Đâu Suất”.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

*“Tất cả mọi loài đã được sanh hoặc sẽ được sanh ra,
tất cả sẽ ra đi sau khi buông bỏ thân xác.
Sau khi biết được mọi sự mất mát ấy, bậc thiện xảo
có nhiệt tâm nên thực hành Phạm hạnh”.*

---o0o---

5. 3. KINH GÃ CÙI SUPPABUDDHA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, ở Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, ở Rājagaha gã cùi tên Suppabuddha đã là người nghèo khó nhất, khôn khổ nhất, bần cùng nhất.

2. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, được vây quanh bởi hội chúng đông đảo, đang ngồi thuyết Pháp. Gã cùi Suppabuddha đã nhìn thấy từ đằng xa đám đông người tụ hội lại, sau khi nhìn thấy đã khởi ý điều này: “Chắc chắn là ở đây có vật thực cứng hay vật thực mềm gì đó sẽ được phân phát! Có lẽ ta nên đi đến gần đám đông người ấy, có lẽ ở đây ta có thể nhận được vật thực cứng hay vật thực mềm gì đó”.

3. Sau đó, gã cùi Suppabuddha đã đi đến gần đám đông người ấy. Gã cùi Suppabuddha đã nhìn thấy đức Thế Tôn, được vây quanh bởi hội chúng đông đảo, đang ngồi thuyết Pháp. Sau khi nhìn thấy, gã ấy đã khởi ý điều này: “Ở đây, không có vật thực cứng hay vật thực mềm gì đó được phân phát! Vị Sa-môn Gotama này thuyết Pháp cho hội chúng. Có lẽ ta cũng nên nghe Pháp”. Rồi đã ngồi xuống ngay tại chỗ ấy (nghĩ rằng): “Ta cũng sẽ nghe Pháp”. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi dùng tâm biết được tâm toàn thể

hội chúng, đã tác ý rằng: “Ồ đây người nào có khả năng hiểu được Giáo Pháp?”

4. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy gã cùi Suppabuddha đang ngồi ở hội chúng ấy, sau khi nhìn thấy đã khởi ý điều này: “Ồ đây người này có khả năng hiểu được Giáo Pháp”. Và Ngài đã thuyết Pháp theo thứ lớp liên quan đến gã cùi Suppabuddha. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới, bài thuyết về cõi Trời, sự tai hại sự thấp kém sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được tâm của gã cùi Suppabuddha đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày Pháp thuyết giảng đã được Chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến gã cùi Suppabuddha: “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt”.

5. Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của bậc Đạo Sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, gã cùi Suppabuddha đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngựa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối (nghĩ rằng): ‘Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng;’ tương tự như thế Pháp đã được đức Thế Tôn giảng rõ bằng nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đến nương nhờ đức Thế Tôn ấy, Giáo Pháp, và Tăng Chủng tỳ khuru. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời”.

6. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, gã cùi Suppabuddha đã thích thú, đã tùy hỷ lời dạy của đức Thế Tôn, đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

Sau đó, khi gã cùi Suppabuddha ra đi không bao lâu, một con bò cái với con bê non đã húc ngã và đã đoạt lấy mạng sống của gã cùi Suppabuddha.

7. Sau đó, nhiều vị tỳ khuru đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, các vị tỳ khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, người cùi tên Suppabuddha đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo

niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, người ấy đã qua đời. Đối với người ấy, cảnh giới tái sinh là gì, kiếp kế tiếp là gì?”

8. “Này các tỳ khuru, gã cùi Suppabuddha là người sáng suốt, đã thực hành Pháp tuần tự đối với Giáo Pháp, và đã không quấy rầy Ta với sự việc liên quan đến Giáo Pháp. Này các tỳ khuru, gã cùi Suppabuddha do sự diệt tận ba sự ràng buộc là vị Nhập Lưu, có pháp không bị thối đọa, có sự tiến đến giác ngộ đã được chắc chắn”.

9. Khi được nói như vậy, một vị tỳ khuru nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, nhân gì, duyên gì khiến gã cùi Suppabuddha đã là người nghèo khó nhất, khốn khổ nhất, bần cùng nhất?”

10. “Này các tỳ khuru, vào thời quá khứ gã cùi Suppabuddha đã là con trai nhà triệu phú ở ngay tại thành Rājagaha này. Người ấy, trong khi được đưa đến khu vườn giải trí, đã nhìn thấy vị Phật Độc Giác đang đi vào thành để khát thực, sau khi nhìn thấy đã khởi ý điều này: ‘Gã cùi này là ai mà đi lang thang với y phục của người cùi vậy?’ rồi đã khạc nhổ, hướng vai trái (về phía vị Phật Độc Giác), và ra đi. Người ấy, do quả thành tựu của nghiệp ấy, đã bị nung nấu ở địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, với phần còn lại của chính nghiệp quả ấy, đã là người cùi ở ngay tại thành Rājagaha này, là người nghèo khó nhất, khốn khổ nhất, bần cùng nhất. Sau khi đi đến với Pháp và Luật đã được công bố bởi đức Như Lai, người ấy đã thọ trì niềm tin, đã thọ trì giới, đã thọ trì điều đã được nghe, đã thọ trì sự xả thí, đã thọ trì trí tuệ. Sau khi thọ trì niềm tin, sau khi thọ trì giới, sau khi thọ trì điều đã được nghe, sau khi thọ trì sự xả thí, sau khi thọ trì trí tuệ, người ấy do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi Trời, có sự cộng trú với chư Thiên cõi Ba Mươi Ba. Tại nơi ấy, người ấy chói sáng vượt trội chư Thiên khác không những về sắc đẹp mà còn về danh tiếng nữa”.

11. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Tựa như người có mắt, trong khi đang có sự ra sức, nên tránh xa những nơi trắc trở, bậc sáng suốt, ở thế gian cuộc sống, nên tránh xa những điều ác”.

---o0o---

5. 4. KINH CÁC THIẾU NIÊN

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, nhiều thiếu niên hành hạ các con cá nhỏ, ở khoảng giữa Sāvatti và Jetavana. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã quán y (nội), rồi cầm bình bát và y đi vào thành

Sāvatti để khát thực. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy nhiều thiếu niên đang hành hạ các con cá nhỏ, ở khoảng giữa Sāvatti và Jetavana. Sau khi nhìn thấy, đức Thế Tôn đã đi đến gần các thiếu niên ấy, sau khi đến đã nói với các thiếu niên ấy điều này: “Này các cậu bé trai, các con có sợ hãi sự khổ đau không? Đối với các con có phải sự khổ đau là không được ưa thích?” “Bạch Ngài, đúng vậy. Chúng con sợ hãi sự khổ đau. Đối với chúng con sự khổ đau là không được ưa thích”.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Nếu các con sợ hãi sự khổ đau, nếu đối với các con sự khổ đau là không được ưa thích, các con chớ làm việc ác dầu là công khai hay kín đáo.

Và nếu các con sẽ làm việc ác, hoặc đang làm, thì không có sự thoát ra khỏi khổ đau cho các con, cho dầu các con lánh xa và trốn chạy”.

---o0o---

5. 5. KINH LỄ UPOSATHA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, tu viện Pubba, ở tòa nhà dài của Mẹ của Migāra.^[34] Vào lúc bảy giờ, nhằm ngày *Uposatha*, đức Thế Tôn đang ngồi, được vây quanh bởi hội chúng tỳ khuru. Khi ấy, lúc đêm đã khuya canh một đã tàn, đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay hướng về đức Thế Tôn, và đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, đêm đã khuya, canh một đã tàn, hội chúng tỳ khuru ngồi đã lâu. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khuru”. Khi được nói như vậy, đức Thế Tôn đã im lặng. Đến lần thứ nhì, lúc đêm đã khuya canh giữa đã tàn, đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên hướng về đức Thế Tôn, và đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, đêm đã khuya, canh giữa đã tàn, hội chúng tỳ khuru ngồi đã lâu. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khuru”. Đến lần thứ ba, lúc đêm đã khuya canh cuối đã tàn, bình minh đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chấp tay lên hướng về đức Thế Tôn, và đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, đêm đã khuya, canh cuối đã tàn, bình minh đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, hội chúng tỳ khuru ngồi đã lâu. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bốn *Pātimokkha* cho các tỳ khuru”. “Này Ānanda, hội chúng không thanh tịnh”.

2. Khi ấy, đại đức Mahāmoggallāna đã khởi ý điều này: “Liên quan đến nhân vật nào khiến đức Thế Tôn đã nói như vậy: ‘Này Ānanda, hội chúng không thanh tịnh?’” Sau đó, đại đức Mahāmoggallāna đã tác ý dùng tâm biết được tâm của toàn thể hội chúng tỳ khuru. Đại đức Mahāmoggallāna đã nhìn thấy nhân vật ấy, kẻ có ác giới, có ác pháp, sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, không phải là Sa-môn, tự xưng là Sa-môn, không có Phạm hạnh, tự xưng là có Phạm hạnh, nội tâm thối nát, nhiễm dục vọng, có bản chất dơ bẩn, đang ngồi giữa hội chúng tỳ khuru; sau khi nhìn thấy đã từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến gần nhân vật ấy, sau khi đến gần đã nói với nhân vật ấy điều này: “Này ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Việc cộng trú với các tỳ khuru là không có cho ngươi”. Khi ấy, nhân vật ấy đã im lặng. Đến lần thứ nhì, đại đức Mahāmoggallāna đã nói với nhân vật ấy điều này: “Này ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Việc cộng trú với các tỳ khuru là không có cho ngươi”. Đến lần thứ nhì, nhân vật ấy đã im lặng. Đến lần thứ ba, đại đức Mahāmoggallāna đã nói với nhân vật ấy điều này: “Này ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Việc cộng trú với các tỳ khuru là không có cho ngươi”. Đến lần thứ ba, nhân vật ấy đã im lặng.

3. Khi ấy, đại đức Mahāmoggallāna đã nắm lấy nhân vật ấy ở cánh tay đẩy ra bên ngoài cánh cửa của cổng ra vào, gài chốt cửa lại, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, nhân vật ấy đã bị con đẩy ra ngoài rồi; hội chúng được thanh tịnh. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc giới bổn *Pātimokkha* cho các tỳ khuru”. “Này Moggallāna, thật kỳ lạ thay! Này Moggallāna thật khác thường thay! Gã rô đại ấy lại chờ đợi cho đến lúc bị nắm lấy cánh tay”.

4. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các tỳ khuru rằng: “Này các tỳ khuru, giờ đây kể từ nay về sau Ta sẽ không tiến hành lễ *Uposatha*, sẽ không tuyên đọc giới bổn. Này các tỳ khuru, giờ đây kể từ nay về sau chính các ngươi sẽ tiến hành lễ *Uposatha*, sẽ tụng đọc giới bổn *Pātimokkha*. Này các tỳ khuru, việc này không hợp lý không có cơ sở là việc đức Như Lai có thể tiến hành lễ *Uposatha*, có thể tuyên đọc giới bổn *Pātimokkha* ở hội chúng không thanh tịnh.

5. Này các tỳ khuru, đây là tám pháp kỳ diệu phi thường về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét những pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả. Tám pháp ấy là gì?

(1.) Này các tỳ khuru, biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột. Này các tỳ khuru, sự việc biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự

lỗm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột. Nay các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhất về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

(2.) Nay các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, biển cả có pháp ổn định, không tràn qua khỏi bờ. Nay các tỳ khuru, sự việc biển cả có pháp ổn định, không tràn qua khỏi bờ. Nay các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhì về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

(3.) Nay các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ rồi hất lên đất liền. Nay các tỳ khuru, sự việc biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ rồi hất lên đất liền. Nay các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ ba về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

(4.) Nay các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, các con sông lớn như là Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī khi đã ra đến biển cả thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là ‘Biển cả’. Nay các tỳ khuru, sự việc các con sông lớn như là Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī khi đã ra đến biển cả thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là ‘Biển cả’. Nay các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tư về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

(5.) Nay các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, có các dòng nước ở thế gian đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống, nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là voi hay đây. Nay các tỳ khuru, sự việc có các dòng nước ở thế gian đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là voi hay đây. Nay các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ năm về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

(6.) Nay các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, biển cả có một vị là vị của muối. Nay các tỳ khuru, sự việc biển cả chỉ có một vị là vị của muối. Nay các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ sáu về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

(7.) Nay các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, biển cả có nhiều vật quý, có vô số vật quý. Ở đó, các vật quý ấy như là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ru-by, ngọc mắt mèo. Nay các tỳ khuru, sự việc biển cả có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở đó, các vật quý ấy như là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc

ru-by, ngọc mắt mèo. Nay các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ bảy về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

(8.) Nay các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn. Ở đó, các chúng sanh ấy là cá ông, cá voi, cá ông voi, các A-tu-la, các loài rồng, các Càn-thát-bà. Trong biển cả còn có những loài hữu hình lớn đến trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến hai trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến ba trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến bốn trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến năm trăm do tuần. Nay các tỳ khuru, sự việc biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn; ở đó, các chúng sanh ấy là cá ông, cá voi, cá ông voi, các A-tu-la, các loài rồng, các Càn-thát-bà. Trong biển cả còn có những loài hữu hình lớn đến trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến hai trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến ba trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến bốn trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến năm trăm do tuần. Nay các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tám về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

Nay các tỳ khuru, đây là tám pháp kỳ diệu phi thường về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các A-tu-la thỏa thích trong biển cả.

6. Nay các tỳ khuru, tương tự y như thế trong Pháp và Luật này có tám pháp kỳ diệu phi thường, sau khi thường xuyên xem xét những pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này. Tám pháp ấy là gì?

(1.) Nay các tỳ khuru, cũng giống như biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột, nay các tỳ khuru, tương tự như thế trong Pháp và Luật này có sự học tập theo thứ lớp, có sự thực hành theo thứ lớp, có sự tiến bộ theo thứ lớp, không có sự chứng ngộ đột ngột nào khác. Nay các tỳ khuru, sự việc trong Pháp và Luật này có sự học tập theo thứ lớp, có sự thực hành theo thứ lớp, có sự tiến bộ theo thứ lớp, không có sự chứng ngộ đột ngột nào khác. Nay các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhất trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

(2.) Nay các tỳ khuru, cũng giống như biển cả có pháp ổn định, không tràn qua khỏi bờ, nay các tỳ khuru, tương tự như thế điều học nào đã được Ta quy định cho các đệ tử của Ta, các đệ tử của Ta không vượt qua điều học ấy dù là nguyên nhân mạng sống. Nay các tỳ khuru, sự việc điều học nào đã được Ta quy định cho các đệ tử, các đệ tử của Ta không vượt qua điều học ấy dù là nguyên nhân mạng sống. Nay các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường

thứ nhì trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

(3.) Đây các tỳ khuru, cũng giống như biển cả không sống chung với xác chết nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ rồi hất lên đất liền, đây các tỳ khuru, tương tự như thế nhân vật nào là kẻ có ác giới, có ác pháp, sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, phi Sa-môn, giả mạo Sa-môn, phi Phạm hạnh, giả mạo Phạm hạnh, nội tâm thối nát, nhiễm dục vọng, có bản chất dơ bẩn, Tăng chúng không sống chung với kẻ ấy, mà tức thời tụ hội lại loại trừ kẻ ấy ra.

Cho dù kẻ ấy ngồi giữa Tăng chúng tỳ khuru nhưng kẻ ấy vẫn bị tách ly khỏi Tăng chúng và Tăng chúng vẫn được tách ly với kẻ ấy. Đây các tỳ khuru, sự việc nhân vật nào là kẻ có ác giới, có ác pháp, sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, phi Sa-môn, giả mạo Sa-môn, phi Phạm hạnh, giả mạo Phạm hạnh, nội tâm thối nát, nhiễm dục vọng, có bản chất dơ bẩn, Tăng chúng không sống chung với nhân vật ấy, mà tức thời tụ hội lại loại trừ kẻ ấy ra; cho dù kẻ ấy ngồi giữa Tăng chúng tỳ khuru nhưng kẻ ấy vẫn bị tách ly khỏi Tăng chúng và Tăng chúng vẫn được tách ly với kẻ ấy. Đây các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ ba trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

(4.) Đây các tỳ khuru, cũng giống như các con sông lớn như là Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī khi đã ra đến biển cả thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là ‘Biển cả,’ đây các tỳ khuru, tương tự như thế bốn loại giai cấp này là vua chúa, Bà-la-môn, thương buôn, và nô bộc, khi họ đã rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật được công bố bởi đức Như Lai thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là ‘Các Sa-môn Thích tử’. Đây các tỳ khuru, sự việc bốn loại giai cấp này là vua chúa, Bà-la-môn, thương buôn, và nô bộc, khi họ đã rời nhà xuất gia sống không nhà trong Pháp và Luật được công bố bởi đức Như Lai thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là ‘Các Sa-môn Thích tử’. Đây các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tư trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

(5.) Đây các tỳ khuru, cũng giống như các dòng nước ở thế gian đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống, nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là voi hay đầy, đây các tỳ khuru, tương tự như thế cho dù nhiều vị tỳ khuru Vô Dư Niết Bàn trong cảnh giới Niết Bàn không còn dư sót, nhưng không vì điều ấy mà cảnh giới Niết Bàn được xem là voi hay đầy. Đây các tỳ khuru, sự việc cho dù nhiều vị tỳ khuru Vô Dư Niết Bàn trong

cảnh giới Niết Bàn không còn dư sót, nhưng không vì điều ấy mà cảnh giới Niết Bàn được xem là voi hay đầy. Đây các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ năm trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

(6.) Đây các tỳ khuru, cũng giống như biển cả có một vị là vị của muối, đây các tỳ khuru, tương tự như thế Pháp và Luật này có một vị là vị của giải thoát. Đây các tỳ khuru, sự việc Pháp và Luật này có một vị là vị của giải thoát. Đây các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ sáu trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

(7.) Đây các tỳ khuru, cũng giống như biển cả có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở đó, các vật quý ấy như là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ru-by, ngọc mắt mèo, đây các tỳ khuru, tương tự y như thế Pháp và Luật này có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở đây, các vật quý ấy như là bốn sự thiết lập niệ, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy pháp đưa đến giác ngộ, Thánh đạo tám ngành. Đây các tỳ khuru, sự việc Pháp và Luật này có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở đây, các vật quý ấy như là bốn sự thiết lập niệ, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy pháp đưa đến giác ngộ, Thánh đạo tám ngành. Đây các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ bảy trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

(8.) Đây các tỳ khuru, cũng giống như biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn; ở đó, các chúng sanh ấy là cá ông, cá voi, cá ông voi, các A-tu-la, các loài rồng, các Càn-thát-bà. Trong biển cả còn có những loài hữu hình lớn đến trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến hai trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến ba trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến bốn trăm do tuần, những loài hữu hình lớn đến năm trăm do tuần. Đây các tỳ khuru, tương tự như thế Pháp và Luật này là nơi cư trú của các chúng sanh vĩ đại; ở đây, các chúng sanh ấy là vị Nhập Lưu, vị đang thực hành để chứng ngộ quả Nhập Lưu, vị Nhất Lai, vị đang thực hành để chứng ngộ quả Nhất Lai, vị Bất Lai, vị đang thực hành để chứng ngộ quả Bất Lai, vị A-la-hán, vị đang thực hành để chứng ngộ quả A-la-hán. Đây các tỳ khuru, sự việc Pháp và Luật này là nơi cư trú của các chúng sanh vĩ đại; ở đây, các chúng sanh ấy là vị Nhập Lưu, vị đang thực hành để chứng ngộ quả Nhập Lưu, vị Nhất Lai, vị đang thực hành để chứng ngộ quả Nhất Lai, vị Bất Lai, vị đang thực hành để chứng ngộ quả Bất Lai, vị A-la-hán, vị đang thực hành để chứng ngộ quả A-la-hán. Đây các tỳ khuru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tám trong Pháp

và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này.

Này các tỳ khuru đây là tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét những pháp ấy các tỳ khuru thỏa thích trong Pháp và Luật này”.

7. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Mưa rơi nhiều ở vật đã được che đậy, mưa không rơi nhiều ở vật đã được mở ra. Vì thế, hãy mở ra vật đã được che đậy, như vậy mưa không rơi nhiều ở vật ấy”.^[35]

---o0o---

5. 6. KINH SONA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đại đức Mahākaccāyana ngự trong xứ Avanti, ở thành Kuraraghara, tại núi Pavatta.^[36] Vào lúc bảy giờ, nam cư sĩ Sona Kuṭikaṇṇa là người hộ độ cho đại đức Mahākaccāyana. Khi ấy, nam cư sĩ Sona Kuṭikaṇṇa trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã khởi lên: “Theo như ngài đại đức Mahākaccāyana thuyết Pháp thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Có lẽ ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà?”

2. Khi ấy, nam cư sĩ Sona Kuṭikaṇṇa đã đi đến gặp đại đức Mahākaccāyana, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Mahākaccāyana rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, nam cư sĩ Sona Kuṭikaṇṇa đã nói với đại đức Mahākaccāyana điều này: “Thưa ngài, ở đây con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã khởi lên: ‘Theo như ngài đại đức Mahākaccāyana thuyết Pháp thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Có lẽ ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà’. Thưa ngài, xin ngài đại đức Mahākaccāyana hãy cho con xuất gia”.

3. Khi được nói như vậy, đại đức Mahākaccāyana đã nói với nam cư sĩ Sona Kuṭikaṇṇa điều này: “Này Sona, việc ăn một bữa, ngủ một mình, hành Phạm hạnh cho đến trọn đời là việc khó làm. Này Sona, vậy ngay ở chỗ này, trong khi là người tại gia, người hãy thực tập lời dạy của chư Phật tức là ăn một

bữa, ngủ một mình, hành Phạm hạnh trong khoảng thời gian quy định”. Khi ấy, ước muốn xuất gia của nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã được dịp đi.

4. Đến lần thứ nhì, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã khởi lên: “Theo như ngài đại đức Mahākaccāyana thuyết Pháp thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Có lẽ ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà”. Đến lần thứ nhì, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã đi đến gặp đại đức Mahākaccāyana, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Mahākaccāyana rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã nói với đại đức Mahākaccāyana điều này: “Thưa ngài, ở đây con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã khởi lên: ‘Theo như ngài đại đức Mahākaccāyana thuyết Pháp thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Có lẽ ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà’. Thưa ngài, xin ngài đại đức Mahākaccāyana hãy cho con xuất gia”.

5. Đến lần thứ nhì, đại đức Mahākaccāyana đã nói với nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa điều này: “Này Soṇa, việc ăn một bữa, ngủ một mình, hành Phạm hạnh cho đến trọn đời là việc khó làm. Này Soṇa, vậy thì ngay ở chỗ này, trong khi là người tại gia, người hãy thực tập lời dạy của chư Phật tức là ăn một bữa, ngủ một mình, hành Phạm hạnh trong khoảng thời gian quy định”. Đến lần thứ nhì, ước muốn xuất gia của nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã được dịp đi.

6. Đến lần thứ ba, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã khởi lên: “Theo như ngài đại đức Mahākaccāyana thuyết Pháp thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Có lẽ ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà”.

Đến lần thứ ba, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã đi đến gặp đại đức Mahākaccāyana, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Mahākaccāyana rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa đã nói với đại đức Mahākaccāyana điều này: “Thưa ngài, ở đây con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã khởi lên: ‘Theo như ngài đại đức Mahākaccāyana thuyết Pháp thì việc ấy không phải là việc dễ làm đối với người đang sống ở gia đình để thực hành Phạm hạnh một

cách đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc được cạo sạch. Có lẽ ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, rời nhà xuất gia sống không nhà’. Thưa ngài, xin ngài đại đức Mahākaccāyana hãy cho con xuất gia”.

7. Khi ấy, đại đức Mahākaccāyana đã cho nam cư sĩ Soṇa Kuṭikaṇṇa xuất gia. Vào lúc bấy giờ, ở khu vực phía nam của xứ Avanti có ít tỳ khuru. Khi ấy, đại đức Mahākaccāyana trải qua ba năm với nổi cực nhọc khó khăn đã triệu tập được hội chúng tỳ khuru gồm mười vị từ nơi này nơi khác rồi đã cho đại đức Soṇa tu lên bậc trên.

8. Sau đó, khi đã sống qua mùa (an cư) mưa, đại đức Soṇa trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: “Ta chưa được nhìn thấy tận mặt đức Thế Tôn ấy, tuy nhiên ta đã được nghe rằng: ‘Đức Thế Tôn ấy là vị như vậy và như vậy’. Nếu thầy tế độ cho phép ta, thì ta nên đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy”.

Sau đó vào lúc chiều tối, đại đức Soṇa đã xuất khỏi thiền tịnh rồi đi đến gặp đại đức Mahākaccāyana, sau khi đến đã đánh lễ đại đức Mahākaccāyana rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, đại đức Soṇa đã nói với đại đức Mahākaccāyana điều này: “Thưa ngài, ở đây con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vậy đã sanh khởi: - Ta chưa được nhìn thấy tận mặt đức Thế Tôn ấy, tuy nhiên ta đã được nghe rằng: ‘Đức Thế Tôn ấy là vị như vậy và như vậy’. Nếu thầy tế độ cho phép ta, thì ta nên đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy”. Này Soṇa, tốt lắm, tốt lắm. Này Soṇa, ngươi hãy đi để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy”.

9. “Này Soṇa, ngươi sẽ thấy đức Thế Tôn ấy dễ mến, đáng tin, có giác quan thanh tịnh, có tâm ý thanh tịnh, đã đạt đến sự tĩnh lặng và thu thúc tột đỉnh, là đấng voi chúa đã được huấn luyện, đã được hộ trì, có giác quan đã được kiểm soát. Sau khi nhìn thấy, ngươi hãy đê đầu đánh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn, hãy hỏi thăm về sự ít bệnh, ít mỏi mệt, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái (của Ngài) với lời của ta rằng: ‘Bạch Ngài, thầy tế độ của con là đại đức Mahākaccāyana xin đê đầu đánh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn, và hỏi thăm về sự ít bệnh, ít mỏi mệt, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái (của Ngài)’.” “Thưa ngài, xin vâng”. Đại đức Soṇa đã thích thú và tùy hỷ với lời nói của đại đức Mahākaccāyana, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đại đức Mahākaccāyana, hướng vai phải nhiều quanh, rồi thu xếp chỗ trú ngụ, cầm bình bát và y, ra đi về phía thành Sāvatti. Trong khi tuần tự du hành, vị ấy đã đi đến thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika, gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức

Thế Tôn rời ngòai xuống ở một bên. Khi đã ngòai xuống ở một bên, đại đức Soṇa đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, thầy tế độ của con là đại đức Mahākaccāyana xin đề đầu đánh lễ hai bàn chân của đức Thế Tôn, và hỏi thăm về sự ít bệnh, ít mỏi mệt, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái (của Ngài)”. “Này tỳ khuru, sức khoẻ có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Ngươi đi đến đường xa có được ít mệt nhọc không? Và ngươi không có mệt nhọc với việc khát thực phải không?” “Bạch Thế Tôn, sức khoẻ có khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc được tốt đẹp. Và Bạch Ngài, con đi đường xa ít có mệt nhọc và con không có mệt nhọc với việc khát thực”.

10. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho vị tỳ khuru vắng lai này”. Khi ấy, đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: “Liên quan đến vị nào mà đức Thế Tôn ra lệnh cho ta rằng: ‘Này Ānanda, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho vị tỳ khuru vắng lai này’? Có phải đức Thế Tôn muốn ngụ trong cùng một trú xá với vị tỳ khuru ấy? Có phải đức Thế Tôn muốn ngụ trong cùng một trú xá với đại đức Soṇa?” rồi đã sắp đặt chỗ trú ngụ cho đại đức Soṇa trong trú xá đức Thế Tôn đang ngụ. Sau đó, đức Thế Tôn, sau khi đã ngòai và trải qua gần trọn đêm ở ngoài trời, đã rửa chân rồi đi vào trú xá. Đại đức Soṇa, sau khi cũng đã ngòai và trải qua gần trọn đêm ở ngoài trời, đã rửa chân rồi đi vào trú xá. Sau đó, khi đã thức dậy vào lúc hừng sáng của đêm, đức Thế Tôn đã yêu cầu đại đức Soṇa rằng: “Này tỳ khuru, mong rằng có đề tài Pháp gây hứng thú cho ngươi để thuyết giảng”. “Bạch Ngài, xin vâng”. Nghe theo đức Thế Tôn, đại đức Soṇa đã thuyết lại đầy đủ toàn bộ mười sáu phần của phẩm Nhóm Tám một cách mạch lạc. Sau đó, vào lúc kết thúc cuộc thuyết giảng mạch lạc của đại đức Soṇa, đức Thế Tôn đã khen ngợi rằng: “Này tỳ khuru, tốt lắm, tốt lắm! Này tỳ khuru, mười sáu phần của phẩm Nhóm Tám đã được ngươi khéo học tập, khéo suy nghĩ, khéo ghi nhớ. Ngươi có giọng nói êm dịu, rõ ràng, không có khó nghe, làm rõ được ý nghĩa. Này tỳ khuru, ngươi (xuất gia) được bao nhiêu năm?” “Bạch đức Thế Tôn, con được một năm”. “Này tỳ khuru, tại sao ngươi thực hiện (việc tu lên bậc trên) chậm trễ như vậy?” “Bạch Ngài, từ lâu con đã thấy được sự tai hại trong các dục, nhưng vì cuộc sống tại gia có nhiều cản trở, có nhiều phận sự, có nhiều việc cần phải làm”.

11. Sau đó, khi đã hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Sau khi nhìn thấy sự tai hại ở thế gian, sau khi hiểu được Pháp không đưa đến tái sanh, bậc Thánh không thích thú điều ác, vị trong sạch không thích thú điều ác”.

5. 7. KINH REVATA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đại đức Kaṅkhārevata ngồi ở nơi không xa đức Thế Tôn, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, đang quán xét lại sự thanh tịnh do vượt qua hoài nghi của bản thân. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Kaṅkhārevata ngồi ở nơi không xa, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, đang quán xét lại sự thanh tịnh do vượt qua hoài nghi của bản thân.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Bất cứ những hoài nghi nào, ở đời này hoặc đời sau, sẽ được cảm nhận bởi chính mình hoặc sẽ được cảm nhận bởi người khác, các vị chứng thiên, có nhiệt tâm, đang thực hành Phạm hạnh, dứt bỏ tất cả các hoài nghi ấy”.

---o0o---

5. 8. KINH ĀNANDA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, ở Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bảy giờ, nhằm ngày Uposatha, vào buổi sáng đại đức Ānanda đã quán y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y đi vào thành Rājagaha để khát thực.^[37] Devadatta đã nhìn thấy đại đức Ānanda đang đi khát thực ở trong thành Rājagaha, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với đại đức Ānanda điều này: “Này đại đức Ānanda, giờ đây kể từ hôm nay tôi sẽ hành lễ *Uposatha* và sẽ thực hiện các hành sự của hội chúng không cần đến đức Thế Tôn, không cần đến hội chúng tỳ khưu”. Sau đó, khi đã đi khát thực ở trong thành Rājagaha, đại đức Ānanda sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, nơi đây vào buổi sáng, con đã quán y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y đi vào thành Rājagaha để khát thực. Bạch Ngài, Devadatta đã nhìn thấy con đang đi khát thực ở trong thành Rājagaha, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp con, sau khi đến đã nói với con điều này: ‘Này đại đức Ānanda, giờ đây kể từ hôm nay tôi sẽ thực hiện lễ *Uposatha* và các hành sự của hội chúng không cần đến đức Thế Tôn, không cần đến hội chúng tỳ khưu’. Bạch Ngài, hôm nay Devadatta sẽ chia rẽ hội chúng, sẽ thực hiện lễ *Uposatha* và các hành sự của hội chúng”.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Điều tốt là dễ làm bởi người tốt, điều tốt là khó làm bởi kẻ xấu. Điều ác là dễ làm bởi kẻ xấu, điều ác là khó làm bởi các vị Thánh”.

---o0o---

5. 9. KINH NHẠO BÁNG

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn đi du hành ở xứ sở của những người Kosala cùng với đại chúng tỳ khưu. Vào lúc bảy giờ, nhiều thanh niên Bà-la-môn đi ngang qua ở nơi không xa đức Thế Tôn có vẻ đang nhạo báng. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy nhiều thanh niên Bà-la-môn đang đi ngang qua ở nơi không xa có vẻ đang nhạo báng.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Những kẻ bị lẫn lộn, làm ra vẻ người sáng suốt, có lời phát biểu thuộc lãnh vực của lời nói (mà không hiểu nghĩa), có miệng há rộng theo như chúng muốn; điều gì dẫn dắt chúng thì chúng không biết”.

---o0o---

5. 10. KINH PANTHAKA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đại đức Cullapanthaka ngồi ở nơi không xa đức Thế Tôn, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, và thiết lập niệm luôn hiện diện. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Cullapanthaka ngồi ở nơi không xa, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, và thiết lập niệm luôn hiện diện.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Với thân vững chãi, với tâm vững chãi, dầu đang đứng, hoặc đã ngồi xuống, hay đang nằm, vị tỳ khưu duy trì vững chắc niệm như vậy có thể đạt được sự chứng đắc theo tuần tự.

Sau khi đạt được sự chứng đắc theo tuần tự, có thể đi đến nơi ngoài tầm nhìn của Thần Chết”.

Phẩm Soṇa là thứ năm.

---o0o---

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Đức vua, tuổi thọ ít ỏi, gã cùi, các thiếu niên, và lễ Uposatha, vị Soṇa, và vị Revata, vị Nanda, với việc nhạo báng, và với vị Panthaka.

PHẨM MÙ BẨM SINH - THỨ SÁU

6. 1. KINH BUÔNG BỎ THỌ HÀNH

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Vesālī, Mahāvana (Đại Lâm), nơi giảng đường Kūṭāgāra. Khi ấy, vào buổi sáng đức Thế Tôn đã quán y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y đi vào thành Vesālī để khát thực. Sau khi đi khát thực ở thành Vesālī, sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, hãy lấy tám lót ngồi. Chúng ta sẽ đi đến bảo điện Cāpāla để nghỉ trưa”. “Bạch Ngài, xin vâng”. Đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn đã cầm lấy tám lót ngồi rồi nối tiếp theo sau đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã đi đến bảo điện Cāpāla, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được xếp đặt. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, Vesālī thật đáng yêu! Bảo điện Udena thật đáng yêu! Bảo điện Gotamaka thật đáng yêu! Bảo điện Sattamba thật đáng yêu! Bảo điện Bahuputta thật đáng yêu! Bảo điện Sāranda thật đáng yêu! Bảo điện Cāpāla thật đáng yêu! Này Ānanda, đối với người nào, bốn nền tảng của thân thông đã được tu tập, được thực hành thường xuyên, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp, thì người ấy trong khi mong muốn có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp. Này Ānanda, đối với Như Lai, bốn nền tảng của thân thông đã được tu tập, được thực hành thường xuyên, được tạo thành phương tiện, được tạo thành nền tảng, được thiết lập, được tích lũy, được khởi đầu tốt đẹp, này Ānanda, trong khi mong muốn Như Lai có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp”. Tuy nhiên, đại đức Ānanda trong khi được ra dấu hiệu rõ ràng, trong khi được làm biểu hiện rõ rệt bởi đức Thế Tôn như thế, đã không thể thấu hiểu, đã không cầu khẩn đức Thế Tôn rằng: “Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy tồn tại trọn kiếp, xin đáng Thiện Thệ hãy tồn tại trọn kiếp vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tân hoá, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của chư Thiên và nhân loại,” như là có tâm đã bị Ma Vương xâm nhập.

Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, Vesālī thật đáng yêu! —như trên— Như Lai có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp”. Tuy nhiên, đại đức Ānanda —như trên— như là có tâm đã bị Ma Vương xâm nhập. Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, Vesālī thật đáng yêu! —như trên— Như Lai có thể tồn tại một kiếp hoặc hơn một kiếp”. Tuy nhiên, đại đức Ānanda —như trên— như là có tâm đã bị Ma Vương xâm nhập.

2. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, người hãy đi, người hãy biết giờ này là thời điểm của việc nào”. “Bạch Ngài, xin vâng”. Đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi đã ngồi xuống ở góc cây nọ ở nơi không xa.

3. Sau đó, khi đại đức Ānanda ra đi không bao lâu, Ma Vương ác độc đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đứng ở một bên. Khi đã đứng ở một bên, Ma Vương ác độc đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy viên tịch Niết Bàn, xin đấng Thiện Thệ hãy viên tịch Niết Bàn. Bạch Ngài, giờ đây là thời điểm viên tịch Niết Bàn của đức Thế Tôn. Bạch Ngài, hơn nữa lời nói này đã được đức Thế Tôn nói: ‘Này kẻ ác độc, Ta sẽ không viên tịch Niết Bàn khi nào các tỳ khuru của Ta còn chưa trở thành các Thinh Văn có kinh nghiệm, được huấn luyện, có tự tin, có sự an toàn đối với các trời buộc, nghe nhiều, có sự ghi nhớ về Giáo Pháp, đã thực hành đúng pháp và thuận pháp, đã thực hành đúng đắn, có sự hành xử theo pháp, sau khi học pháp từ thầy của mình sẽ thuật lại, sẽ thuyết giảng, sẽ quy định, sẽ thiết lập, sẽ khai mở, sẽ phân tích, sẽ làm rõ ràng, khi học thuyết của những kẻ khác đã được khởi lên thì sẽ khuất phục một cách khéo léo đúng theo Pháp và sẽ thuyết giảng Giáo Pháp có cả thân thông’.

Bạch Ngài, vả lại hiện nay các vị tỳ khuru Thinh Văn của đức Thế Tôn là có kinh nghiệm, được huấn luyện, có tự tin, có sự an toàn đối với các trời buộc, nghe nhiều, có sự ghi nhớ về Giáo Pháp, đã thực hành đúng pháp và thuận pháp, đã thực hành đúng đắn, có sự hành xử theo pháp, sau khi học pháp từ thầy của mình rồi thuật lại, thuyết giảng, quy định, thiết lập, khai mở, phân tích, làm rõ ràng, khi học thuyết của những kẻ khác đã được khởi lên thì khuất phục một cách khéo léo đúng theo Pháp và thuyết giảng Giáo Pháp có cả thân thông. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy viên tịch Niết Bàn, xin đấng Thiện Thệ hãy viên tịch Niết Bàn. Bạch Ngài, giờ đây là thời điểm viên tịch Niết Bàn của đức Thế Tôn.

4. Bạch Ngài, hơn nữa lời nói này đã được đức Thế Tôn nói: ‘Này kẻ ác độc, Ta sẽ không viên tịch Niết Bàn khi nào các tỳ khuru ni của Ta còn chưa trở thành các Thinh Văn có kinh nghiệm, —như trên— có sự hành xử theo pháp, —như trên— sẽ thuyết giảng Giáo Pháp có cả thân thông’. Bạch Ngài, vả lại hiện nay các vị tỳ khuru ni Thinh Văn của đức Thế Tôn là có kinh nghiệm, —như trên— thuyết giảng Giáo Pháp có cả thân thông. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy viên tịch Niết Bàn, —như trên—.

Bạch Ngài, hơn nữa lời nói này đã được đức Thế Tôn nói: ‘Này kẻ ác độc, Ta sẽ không viên tịch Niết Bàn khi nào các nam cư sĩ của Ta còn chưa trở

thành các Thinh Văn có kinh nghiệm, —như trên— có sự hành xử theo pháp, —như trên— sẽ thuyết giảng Giáo Pháp có cả thần thông’. Bạch Ngài, vả lại hiện nay các vị tỳ khuru ni Thinh Văn của đức Thế Tôn là có kinh nghiệm, —như trên— thuyết giảng Giáo Pháp có cả thần thông. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy viên tịch Niết Bàn, —như trên—.

5. Bạch Ngài, hơn nữa lời nói này đã được đức Thế Tôn nói: ‘Này kẻ ác độc, Ta sẽ không viên tịch Niết Bàn khi nào các nữ cư sĩ của Ta còn chưa trở thành các Thinh Văn có kinh nghiệm, —như trên— có sự hành xử theo pháp, —như trên— sẽ thuyết giảng Giáo Pháp có cả thần thông’. Bạch Ngài, vả lại hiện nay các vị tỳ khuru ni Thinh Văn của đức Thế Tôn là có kinh nghiệm, —như trên— thuyết giảng Giáo Pháp có cả thần thông. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy viên tịch Niết Bàn, —như trên—.

6. Bạch Ngài, hơn nữa lời nói này đã được đức Thế Tôn nói: ‘Này kẻ ác độc, Ta sẽ không viên tịch Niết Bàn khi nào Phạm hạnh này của Ta vẫn còn chưa được thành tựu, phát triển, phổ biến, phổ thông, trở nên phổ cập, và vẫn còn chưa được khéo giảng giải bởi loài người’. Bạch Ngài, vả lại hiện nay Phạm hạnh của đức Thế Tôn không những được thành tựu, phát triển, phổ biến, phổ thông, trở nên phổ cập, mà còn được khéo giảng giải bởi loài người. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy viên tịch Niết Bàn, xin đáng Thiện Thệ hãy viên tịch Niết Bàn. Bạch Ngài, giờ đây là thời điểm viên tịch Niết Bàn của đức Thế Tôn”.

Khi được nói như vậy, đức Thế Tôn đã nói với Ma Vương ác độc điều này: “Này kẻ ác độc, ngươi hãy bình tĩnh. Không lâu nữa sẽ là sự viên tịch Niết Bàn của Như Lai. Từ nay cho đến hết ba tháng, Như Lai sẽ viên tịch Niết Bàn”. Khi ấy, ở tại bảo điện Cāpāla, đức Thế Tôn có niệm, có sự nhận biết rõ, đã buông bỏ thọ hành. Và khi đức Thế Tôn buông bỏ thọ hành, đã có sự lay động của đại địa cầu, làm kinh sợ, khiến dựng đứng lông; và các tiếng sấm trời đã bùng nổ.

7. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Trong khi cân nhắc Niết Bàn và nguồn sanh khởi (của hữu), bậc hiền trí đã buông bỏ sự tạo tác dẫn đến hữu. Thích thú ở nội tâm, được định tĩnh, người đã phá tan nguồn sanh khởi của tự ngã, tựa như phá tan tấm áo giáp”.

---o0o---

6. 2. KINH ĐẠO SĨ TÓC BỆN

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvattthi, tu viện Pubba, ở tòa nhà dài của Mẹ của Migāra. Vào lúc bấy giờ, nhằm lúc

chiều tối đức Thế Tôn đã xuất khỏi thiền tịnh rồi đã ngồi xuống ở bên ngoài cánh cửa chánh.

Khi ấy, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Vào lúc bấy giờ, có bảy đạo sĩ tóc bện, bảy đạo sĩ Nigaṇṭha, bảy đạo sĩ lỏa thể, bảy đạo sĩ theo hạnh mặc một tấm choàng, và bảy du sĩ, có móng tay chân, có lông ở nách và ở thân thể được để mọc dài, mang theo túi vật dụng đi ngang qua ở nơi không xa đức Thế Tôn.

2. Đức vua Pasenadi xứ Kosala đã nhìn thấy bảy đạo sĩ tóc bện, bảy đạo sĩ Nigaṇṭha, bảy đạo sĩ lỏa thể, bảy đạo sĩ theo hạnh mặc một tấm choàng, và bảy du sĩ ấy, có móng tay chân, có lông ở nách và ở thân thể được để mọc dài, mang theo túi vật dụng đang đi ngang qua ở nơi không xa đức Thế Tôn. Sau khi nhìn thấy, đức vua đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, quỳ đầu gối bên phải ở trên đất, chắp tay hướng về bảy đạo sĩ tóc bện, bảy đạo sĩ Nigaṇṭha, bảy đạo sĩ lỏa thể, bảy đạo sĩ theo hạnh mặc một tấm choàng, và bảy du sĩ ấy, thông báo danh tánh ba lần: “Thưa các ngài, trẫm là vua Pasenadi xứ Kosala”.

3. Sau đó, trong khi bảy đạo sĩ tóc bện, bảy đạo sĩ Nigaṇṭha, bảy đạo sĩ lỏa thể, bảy đạo sĩ theo hạnh mặc một tấm choàng, và bảy du sĩ ấy ra đi không bao lâu, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, đức vua Pasenadi xứ Kosala đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, những người này là những vị nào đó trong số các vị A-la-hán hoặc các vị đang thực hành đạo lộ A-la-hán ở thế gian”.

“Thưa đại vương, điều này quả là khó biết được đối với đại vương là người tại gia, có sự thọ hưởng ngũ dục, đang sống chung đụng với con cái, đang thưởng thức trầm hương của xứ Kāsī, đang đeo tràng hoa, dầu thơm, và son phấn, đang chấp nhận vàng bạc: ‘Những người này là các vị A-la-hán hay những người này đang thực hành đạo lộ A-la-hán’. Thưa đại vương, do cộng trú, giới có thể được nhận biết. Và điều ấy là với thời gian dài không phải ngắn hạn, bởi người chú ý không phải bởi người không chú ý, bởi người có trí tuệ không phải bởi người có tuệ tối. Thưa đại vương, do giao tiếp, sự liêm khiết có thể được nhận biết. Và điều ấy là với thời gian dài —như trên— không phải do người có tuệ tối. Thưa đại vương, khi có những nổi bất hạnh, sự vững chãi có thể được nhận biết. Và điều ấy là với thời gian dài —như trên— không phải do người có tuệ tối. Thưa đại vương, do đàm luận, trí tuệ có thể được nhận biết. Và điều ấy là với thời gian dài —như trên— không phải do người có tuệ tối”.

4. “Bạch Ngài, thật là kỳ diệu! Bạch Ngài, thật là phi thường! Và Bạch Ngài, điều này thật sự đã được khéo nói bởi đức Thế Tôn rằng: ‘Thừa đại vương, điều này quả là khó biết được —như trên— đang thực hành đạo lộ A-la-hán’. Thừa đại vương, do cộng trú —như trên— không phải do người có tuệ tối’. Bạch Ngài, những người này là những nam nhân, những kẻ cải trang, những người trinh sát của trẫm, họ trở về sau khi đã đi thanh tra xứ sở. Sự việc được họ điều tra trước, sau đó trẫm sẽ duyệt lại. Bạch Ngài, giờ đây sau khi rũ bỏ bụi bặm và cái ghét, họ được tắm, được thoa dầu kỹ lưỡng, có tóc râu được sửa soạn, mặc vải trắng, được thọ hưởng, được cung ứng năm loại dục lạc, họ sẽ tiêu khiển”.

5. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Không nên nỗ lực ở mọi nơi, không nên là người (phục vụ) của kẻ khác, không nên sống nương nhờ kẻ khác, không nên làm thương mại với Giáo Pháp”.

---o0o---

6. 3. KINH QUÁN XÉT LẠI

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đang ngồi quán xét lại vô số ác bất thiện pháp của bản thân đã được dứt bỏ và vô số thiện pháp của bản thân đã đạt đến sự đầy đủ do việc tu tập.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Trước đây đã có rồi không có, trước đây không có rồi đã có, đã không có và sẽ không có, trong hiện tại cũng không tìm thấy”.

---o0o---

6. 4. KINH NGOẠI ĐẠO - THỨ NHẤT

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều Sa-môn, Bà-la-môn, và du sĩ thuộc các giáo phái khác nhau cư ngụ ở Sāvatti có quan điểm khác nhau, có sự chấp nhận khác nhau, có sự ưa thích khác nhau, nương tựa vào sự nâng đỡ của những quan điểm khác nhau.

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Thế giới là trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (1)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Thế giới là không trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (2)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Thế giới là có giới hạn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (3)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Thế giới là không có giới hạn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (4)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Mạng sống là vật ấy thân thể là vật ấy; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (5)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Mạng sống là vật khác thân thể là vật khác; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (6)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Đức Như Lai hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (7)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Đức Như Lai không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (8)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Đức Như Lai hiện hữu và không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (9)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Đức Như Lai không hiện hữu và không phải là không hiện hữu ở nơi khác sau khi chết; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (10)

Họ đã nảy sinh sự xung đột, đã nảy sinh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng (nói rằng): “Pháp là như thế này, pháp không phải là như thế kia. Pháp không phải là như thế kia, pháp là như thế này”.

2. Khi ấy, vào buổi sáng nhiều vị tỳ khuru đã quán y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y đi vào thành Sāvatti để khát thực. Sau khi đi khát thực ở thành Sāvatti, sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, các vị tỳ khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, ở đây nhiều Sa-môn, Bà-la-môn, và du sĩ thuộc các giáo phái khác nhau cư trú ở Sāvatti có quan điểm khác nhau, có sự chấp nhận khác nhau, có sự ưa thích khác nhau, nương tựa vào sự nâng đỡ của những quan điểm khác nhau. Có một số —như trên— Pháp không phải là như thế kia, pháp là như thế này”.

3. “Này các tỳ khuru, các du sĩ ngoại đạo là bị mù, không có mắt (tuệ nhãn), không biết điều lợi ích, không biết điều không lợi ích, không biết pháp, không biết phi pháp. Trong khi không biết điều lợi ích, trong khi không biết điều không lợi ích, trong khi không biết pháp, trong khi không biết phi pháp, họ đã nảy sinh sự xung đột, đã nảy sinh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng (nói rằng): ‘Pháp là như thế này, pháp không phải là như thế kia. Pháp không phải là như thế kia, pháp là như thế này’.

4. Này các tỳ khuru, vào thời quá khứ ngay tại thành Sāvatti này đã có vị vua nọ. Này các tỳ khuru, khi ấy vị vua ấy đã bảo một người đàn ông nọ rằng: ‘Này nam nhân, hãy đến. Ở thành Sāvatti có bao nhiêu người mù bẩm sinh thì người hãy tập trung tất cả bọn họ lại một chỗ’. ‘Tâu bệ hạ, xin vâng’. Này các tỳ khuru, người đàn ông ấy nghe theo vị vua ấy, rồi ở thành Sāvatti có bao nhiêu người mù bẩm sinh thì đã bắt hết tất cả bọn họ, sau đó đã đi đến gặp vị vua ấy, sau khi đến đã nói với vị vua ấy điều này: ‘Tâu bệ hạ, ở thành Sāvatti có bao nhiêu người mù bẩm sinh thì bọn họ đã được tập trung lại’. ‘Này khanh, như thế thì người hãy phô bày con voi cho những người mù bẩm sinh’. ‘Tâu bệ hạ, xin vâng’. Này các tỳ khuru, người đàn ông ấy nghe theo vị vua ấy đã phô bày con voi cho những người mù bẩm sinh (nói rằng): ‘Này các người mù, con voi là như thế này’.

Rồi đã phô bày đầu của con voi cho một số người mù bẩm sinh (nói rằng): ‘Này các người mù, con voi là như thế này’. Rồi đã phô bày cái tai của con voi cho một số người mù bẩm sinh (nói rằng): ‘Này các người mù, con voi là như thế này’. Rồi đã phô bày ngà của con voi cho một số người mù bẩm sinh (nói rằng): ‘Này các người mù, con voi là như thế này’. Rồi đã phô bày cái vòi của con voi cho một số người mù bẩm sinh (nói rằng): ‘Này các người mù, con voi là như thế này’. Rồi đã phô bày thân của con voi cho một số người mù bẩm sinh (nói rằng): ‘Này các người mù, con voi là như thế này’. Rồi đã phô bày chân của con voi cho một số người mù bẩm sinh (nói rằng):

‘Này các người mù, con voi là như thế này’. Rồi đã phô bày bắp vế của con voi cho một số người mù bẩm sinh (nói rằng): ‘Này các người mù, con voi là như thế này’.

Rồi đã phô bày đuôi của con voi cho một số người mù bẩm sinh (nói rằng): ‘Này các người mù, con voi là như thế này’. Rồi đã phô bày chòm lông đuôi của con voi cho một số người mù bẩm sinh (nói rằng): ‘Này các người mù, con voi là như thế này’.

Này các tỳ khuru, rồi người đàn ông ấy sau khi phô bày con voi cho những người mù bẩm sinh đã đi đến gặp vị vua ấy, sau khi đến đã nói với vị vua ấy điều này: ‘Tâu bệ hạ, con voi đã được những người mù ấy nhìn thấy. Xin bệ hạ hãy biết giờ này là thời điểm của việc nào’.

5. Này các tỳ khuru, sau đó vị vua ấy đã đi đến gặp những người mù bẩm sinh ấy, sau khi đến đã nói với những người mù bẩm sinh ấy điều này: ‘Này các người mù, có phải các người đã thấy con voi?’ ‘Tâu bệ hạ, đúng vậy. Chúng tôi đã thấy con voi’. ‘Này các người mù, các người hãy nói con voi là như thế nào’. Này các tỳ khuru, những người mù nào đã thấy đầu của con voi thì họ đã nói như sau: ‘Tâu bệ hạ, con voi là như thế này, giống như là cái chum’. Này các tỳ khuru, những người mù nào đã thấy cái tai của con voi thì họ đã nói như sau: ‘Tâu bệ hạ, con voi là như thế này, giống như là cái nĩa’. Này các tỳ khuru, những người mù nào đã thấy ngà của con voi thì họ đã nói như sau: ‘Tâu bệ hạ, con voi là như thế này, giống như là lưỡi cày’. Này các tỳ khuru, những người mù nào đã thấy cái vòi của con voi thì họ đã nói như sau: ‘Tâu bệ hạ, con voi là như thế này, giống như là cán cày’. Này các tỳ khuru, những người mù nào đã thấy thân của con voi thì họ đã nói như sau: ‘Tâu bệ hạ, con voi là như thế này, giống như là nhà kho’. Này các tỳ khuru, những người mù nào đã thấy chân của con voi thì họ đã nói như sau: ‘Tâu bệ hạ, con voi là như thế này, giống như là cột trụ’. Này các tỳ khuru, những người mù nào đã thấy bắp vế của con voi thì họ đã nói như sau: ‘Tâu bệ hạ, con voi là như thế này, giống như là cái cối giã’. Này các tỳ khuru, những người mù nào đã thấy đuôi của con voi thì họ đã nói như sau: ‘Tâu bệ hạ, con voi là như thế này, giống như là cái chày’. Này các tỳ khuru, những người mù nào đã thấy chòm lông đuôi của con voi thì họ đã nói như sau: ‘Tâu bệ hạ, con voi là như thế này, giống như là cái chổi’. Bọn họ (đã cãi vã): ‘Con voi là như thế này, con voi là không như thế kia. Con voi là không như thế kia, con voi là như thế này,’ đã gây hấn lẫn nhau bằng những nắm đấm. Này các tỳ khuru, trái lại vị vua ấy đã thích chí vì việc ấy.

Này các tỳ khưu, tương tự y như thế các du sĩ ngoại đạo là bị mù, không có mắt (tuệ nhãn), —như trên— Pháp không phải là như thế kia, pháp là như thế này”.

6. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Quả vậy, một số Sa-môn và Bà-la-môn bám víu vào những điều này, rồi gây gỗ, cãi cọ về điều ấy, (giống như) những người nhìn thấy một góc cạnh”.

---o0o---

6. 5. KINH NGOẠI ĐẠO - THỨ NHÌ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngụ tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều Sa-môn, Bà-la-môn, và du sĩ thuộc các giáo phái khác nhau cư ngụ ở Sāvatti có quan điểm khác nhau, có sự chấp nhận khác nhau, có sự ưa thích khác nhau, nương tựa vào sự nâng đỡ của những quan điểm khác nhau.

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới là trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (1)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới là không trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (2)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới là trường tồn và không trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (3)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới không phải là trường tồn mà cũng không phải là không trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (4)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới là được tạo ra bởi bản thân; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (5)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới là được tạo ra bởi kẻ khác; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (6)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới là được tạo ra bởi bản thân và được tạo ra bởi kẻ khác; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (7)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới không phải là sự tạo ra của bản thân, không phải là sự tạo ra của kẻ khác, mà được tự động sanh lên”. (8)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới là trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (9)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới là không trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (10)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới là trường tồn và không trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (11)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới không phải là trường tồn mà cũng không phải là không trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (12)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới là được tạo ra bởi bản thân; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (13)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới là được tạo ra bởi kẻ khác; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (14)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới là được tạo ra bởi bản thân và được tạo ra bởi kẻ khác; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (15)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới không phải là sự tạo ra của bản thân, không phải là sự tạo ra của kẻ khác, mà được tự động sanh lên”. (16)

Họ đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sông chầm chích lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng (nói rằng): “Pháp

là như thế này, pháp không phải là như thế kia. Pháp không phải là như thế kia, pháp là như thế này”.

2. Khi ấy, vào buổi sáng nhiều vị tỳ khuru đã quán y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y đi vào thành Sāvatti để khát thực. Sau khi đi khát thực ở thành Sāvatti, sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, các vị tỳ khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

“Bạch Ngài, ở đây nhiều Sa-môn, Bà-la-môn, và du sĩ thuộc các giáo phái khác nhau cư trú ở Sāvatti có quan điểm khác nhau, có sự chấp nhận khác nhau, có sự ưa thích khác nhau, nương tựa vào sự nâng đỡ của những quan điểm khác nhau. Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: ‘Tự ngã và thế giới là trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không’.—như trên— Pháp không phải là như thế kia, pháp là như thế này”.

3. “Này các tỳ khuru, các du sĩ ngoại đạo là bị mù, không có mắt (tuệ nhãn), không biết điều lợi ích, không biết điều không lợi ích, không biết pháp, không biết phi pháp. Trong khi không biết điều lợi ích, trong khi không biết điều không lợi ích, trong khi không biết pháp, trong khi không biết phi pháp, họ đã nảy sinh sự xung đột, đã nảy sinh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng (nói rằng): ‘Pháp là như thế này, pháp không phải là như thế kia. Pháp không phải là như thế kia, pháp là như thế này’.”

4. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Quả vậy, một số Sa-môn và Bà-la-môn bám víu vào những điều này, chìm xuống ngay ở giữa dòng, sau khi còn chưa đạt đến vị thế nâng đỡ ấy”.

---o0o---

6. 6. KINH NGOẠI ĐẠO - THỨ BA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, nhiều Sa-môn, Bà-la-môn, và du sĩ thuộc các giáo phái khác nhau cư ngụ ở Sāvatti có quan điểm khác nhau, có sự chấp nhận khác nhau, có sự ưa thích khác nhau, nương tựa vào sự nâng đỡ của những quan điểm khác nhau.

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới là trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (1)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới là không trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (2)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới là trường tồn và không trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (3)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới không phải là trường tồn mà cũng không phải là không trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (4)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới là được tạo ra bởi bản thân; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (5)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới là được tạo ra bởi kẻ khác; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (6)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới là được tạo ra bởi bản thân và được tạo ra bởi kẻ khác; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (7)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Tự ngã và thế giới không phải là sự tạo ra của bản thân, không phải là sự tạo ra của kẻ khác, mà được tự động sanh lên”. (8)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới là trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (9)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới là không trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (10)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới là trường tồn và không trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (11)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới không phải là trường tồn mà cũng không phải là không trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (12)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới là được tạo ra bởi bản thân; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (13)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới là được tạo ra bởi kẻ khác; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (14)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới là được tạo ra bởi bản thân và được tạo ra bởi kẻ khác; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không”. (15)

Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: “Hạnh phúc và khổ đau, tự ngã và thế giới không phải là sự tạo ra của bản thân, không phải là sự tạo ra của kẻ khác, mà được tự động sanh lên”. (16)

Họ đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng (nói rằng): “Pháp là như thế này, pháp không phải là như thế kia. Pháp không phải là như thế kia, pháp là như thế này”.

2. Khi ấy, vào buổi sáng nhiều vị tỳ khuru đã quán y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y đi vào thành Sāvatti để khát thực. Sau khi đi khát thực ở thành Sāvatti, sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, các vị tỳ khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

“Bạch Ngài, ở đây nhiều Sa-môn, Bà-la-môn, và du sĩ thuộc các giáo phái khác nhau cư trú ở Sāvatti có quan điểm khác nhau, có sự chấp nhận khác nhau, có sự ưa thích khác nhau, nương tựa vào sự nâng đỡ của những quan điểm khác nhau. Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có học thuyết như vậy, có quan điểm như vậy: ‘Tự ngã và thế giới là trường tồn; chỉ điều này là sự thật, cái khác là rỗng không’.—như trên— Họ đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng (nói rằng): ‘Pháp là như thế này, pháp không phải là như thế kia. Pháp không phải là như thế kia, pháp là như thế này’.”

3. “Này các tỳ khuru, các du sĩ ngoại đạo là bị mù, không có mắt (tuệ nhãn), không biết điều lợi ích, không biết điều không lợi ích, không biết pháp, không biết phi pháp. Trong khi không biết điều lợi ích, trong khi không biết điều không lợi ích, trong khi không biết pháp, trong khi không biết phi pháp, họ đã nảy sanh sự xung đột, đã nảy sanh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận,

sống châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng (nói rằng): ‘Pháp là như thế này, pháp không phải là như thế kia. Pháp không phải là như thế kia, pháp là như thế này’.”

4. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Loại người này bị gắn bó (với ý nghĩ) ‘Tôi là người tạo ra,’ bị gắn liền (với ý nghĩ) ‘Kẻ khác là người tạo ra,’ nhiều người đã không biết rõ điều ấy, đã không thấy điều ấy là ‘mũi tên’.

Và đối với vị trước đây nhìn thấy điều ấy là mũi tên, (ý nghĩ) ‘Tôi tạo ra’ là không có đối với vị ấy, (ý nghĩ) ‘Kẻ khác tạo ra’ là không có đối với vị ấy.

Bị nhiễm bởi ngã mạn, bị trói buộc bởi ngã mạn, bị trói chặt bởi ngã mạn, có lời nói công kích về các quan điểm, loại người này không vượt qua luân hồi”.

---o0o---

6. 7. KINH SUBHŪTI

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Subhūti ngồi ở nơi không xa đức Thế Tôn, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, thể nhập định vô tâm. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Subhūti ngồi ở nơi không xa, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, đang thể nhập định vô tâm.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Đối với vị nào, các tầm đã được tiêu tan, khéo được xếp đặt ở nội tâm, không còn dư sót, sau khi vượt lên sự dính mắc ấy, có sự nhận biết về vô sắc, (vị ấy) vượt qua bốn sự gắn bó, ^[38] chắc chắn không trở lại”.

---o0o---

6. 8. KINH NGƯỜI KỸ NỮ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, ở Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, ở thành Rājagaha có hai nhóm người bị ái luyện, có tâm quyến luyện đối với một kỹ nữ nọ. Họ đã nảy sinh sự xung đột, đã nảy sinh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, rồi công kích lẫn nhau bằng những bàn tay, công kích lẫn nhau bằng những cục đất, công kích lẫn nhau bằng những gậy gộc, công kích lẫn nhau bằng những

gươm dao. Tại nơi ấy, những người ấy đi đến sự chết, và sự khổ đau kề cận cái chết.

2. Khi ấy, nhiều vị tỳ khuru vào buổi sáng đã quán y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y đi vào thành Rājagaha để khát thực. Sau khi đi khát thực ở thành Rājagaha, sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, các vị đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, các vị tỳ khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, ở đây trong thành Rājagaha, có hai nhóm người bị ái luyến, có tâm quyến luyến đối với một kỹ nữ nọ. Họ đã nảy sinh sự xung đột, đã nảy sinh sự cãi cọ, đã tiến đến sự tranh luận, rồi công kích lẫn nhau bằng những bàn tay, công kích lẫn nhau bằng những cục đất, công kích lẫn nhau bằng những gậy gộc, công kích lẫn nhau bằng những gươm dao. Tại nơi ấy, những người ấy đi đến sự chết, và sự khổ đau kề cận cái chết”.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Cái nào đã được đạt đến và cái nào sẽ được đạt đến, cả hai cái này đều bị lấm bụi (ô nhiễm) đối với người bị bệnh đang còn học tập (người có tà kiến).

Những người nào có việc học tập là cốt lõi, có sự phục vụ là cốt lõi đối với giới, phận sự, sự nuôi mạng, và Phạm hạnh; đây là một cực đoan (hành xác).

Và những người nào có học thuyết như vậy: ‘Không có lỗi lầm ở các dục;’ đây là cực đoan thứ hai (hưởng dục). Cả hai cực đoan này là sự tăng trưởng của các bãi tha ma (tham ái và vô minh). Các bãi tha ma làm tăng trưởng tà kiến. Những người này không biết rõ cả hai cực đoan ấy, một số thụ động (hưởng dục), một số chạy quá mức (hành xác). Và những người nào sau khi biết rõ chúng, đã không ở nơi ấy (đã dứt bỏ hai cực đoan), và nhờ thế đã không suy nghĩ về chúng (đã không bị tác động của tham ái, tà kiến, và ngã mạn). Đối với các vị ấy, không có luân hồi để mô tả”.^[39]

---o0o---

6. 9. KINH ĐẾN GẦN RỒI VƯỢT QUA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn ngồi ở ngoài trời trong bóng tối dày đặc của ban đêm, khi những cây đèn dầu đang cháy sáng. Vào lúc bảy giờ, nhiều côn trùng có cánh sa vào tai nạn, lâm cảnh bất hạnh do việc lao vào và bay vòng quanh ở những cây đèn dầu đang cháy sáng. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy nhiều côn trùng có cánh ấy đang

sa vào tai nạn, đang lâm cảnh bất hạnh do việc lao vào và bay vòng quanh ở những cây đèn dầu đang cháy sáng.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Chúng chạy đến gần rồi vượt qua, không đi đến cốt lõi, chúng làm tăng thêm sự trôi buộc mới hơn nữa, một số người lao theo điều đã được thấy, điều đã được nghe nói lại như thế, rồi sa đọa, tựa như các côn trùng có cánh rơi vào ngọn đèn”.

---o0o---

6. 10. KINH SỰ HIỆN KHỞI CỦA NHƯ LAI

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Khi ấy, đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này:

“Bạch Ngài, cho đến khi nào các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không hiện khởi ở thế gian, cho đến khi ấy các du sĩ ngoại đạo là được tôn vinh, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Bạch Ngài, và từ khi các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hiện khởi ở thế gian, khi ấy các du sĩ ngoại đạo là không được tôn vinh, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường, không được nể nang, không có nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Bạch Ngài, hiện nay chính đức Thế Tôn là được tôn vinh, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh, và luôn cả hội chúng tỳ khưu”.

2. “Này Ānanda, việc ấy là như vậy. Này Ānanda, cho đến khi nào các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác không hiện khởi ở thế gian, cho đến khi ấy các du sĩ ngoại đạo là được tôn vinh, được cung kính, được sùng bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Này Ānanda, và từ khi các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hiện khởi ở thế gian, khi ấy các du sĩ ngoại đạo là không được tôn vinh, không được cung kính, không được sùng bái, không được cúng dường, không được nể nang, không có nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Hiện nay, chính Như Lai là được tôn vinh, được cung kính, được sùng

bái, được cúng dường, được nể nang, có nhận được các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh, và luôn cả hội chúng tỳ khuru”.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Khi nào mặt trời chưa mọc lên, khi ấy con đom đóm ấy còn chiếu sáng. Khi mặt trời đã mọc lên, nó có ánh sáng bị diệt đi và cũng không phát sáng.

Tương tự như thế, các nhà lý luận vẫn còn tỏa sáng khi nào các bậc Chánh Đẳng Giác còn chưa hiện khởi ở thế gian. Các nhà lý luận không thanh tịnh và các đệ tử cũng không (thanh tịnh); những người có quan điểm xấu xa không giải thoát khỏi khổ đau”.

Phẩm Mù Bẩm Sanh là thứ sáu.

---o0o---

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Tuổi thọ, đạo sĩ tóc bện, quán xét lại, ba chuyện ngoại đạo, vị Subhūti, người kỹ nữ, đến gần rồi vượt qua là thứ chín, và các vị sanh lên; chúng là mười.

---o0o---

PHẨM NHỎ - THỨ BẢY

7. 1. KINH BHADDIYA - THỨ NHẤT

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngụ tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đại đức Sāriputta đang chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho đại đức Lakunṭakabhaddiyam^[40] bằng bài Pháp thoại với nhiều phương thức. Khi ấy, trong lúc đại đức Lakunṭakabhaddiyam đang được đại đức Sāriputta chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại với nhiều phương thức, tâm của vị ấy đã không còn chấp thủ và đã giải thoát khỏi các lậu hoặc. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Lakunṭakabhaddiyam đang được đại đức Sāriputta chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại với nhiều phương thức, tâm của vị ấy đã không còn chấp thủ và đang được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Bên trên, bên dưới, tất cả các nơi, người đã được giải thoát không có sự suy xét rằng: ‘Tôi là cái này’.

Người được giải thoát như vậy đã vượt lên dòng chảy trước đây chưa vượt qua, do việc không còn hiện hữu lại nữa”.

---o0o---

7. 2. KINH BHADDIYA - THỨ NHÌ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đại đức Sāriputta, nghĩ rằng đại đức Lakṣṇakabhaddiyaṃ là vị Hữu Học, nên chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho vị ấy bằng bài Pháp thoại với nhiều phương thức thêm hơn nữa. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Sāriputta, nghĩ rằng đại đức Lakṣṇakabhaddiyaṃ là vị Hữu Học, đang chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho vị ấy bằng bài Pháp thoại với nhiều phương thức thêm hơn nữa.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Vị đã cắt đứt vòng luân hồi, đã đạt đến chón không còn mong mỏi. Dòng nước được khô cạn không còn trôi chảy. Vòng luân hồi đã bị cắt đứt không còn xoay vòng; chính điều này là sự chấm dứt của khổ”.

---o0o---

7. 3. KINH BỊ DÍNH MẮC

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, trong thành Sāvatti dân chúng phần nhiều bị dính mắc quá mức vào các dục; họ sống, bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gàn gỏi, bị sanh khởi sự say đắm vào các dục. Khi ấy, vào buổi sáng nhiều vị tỳ khưu đã quán y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y đi vào thành Sāvatti để khát thực. Sau khi đi khát thực ở thành Sāvatti, sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, các vị đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, các vị tỳ khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, ở đây trong thành Sāvatti dân chúng phần nhiều bị dính mắc quá mức vào các dục; họ sống, bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gàn gỏi, bị sanh khởi sự say đắm vào các dục”.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Bị dính mắc vào các dục, bị dính mắc do sự dính lúu vào các dục, trong khi không nhìn thấy tội lỗi ở sự ràng buộc, những người bị dính mắc do sự dính

lúu vào các sự ràng buộc, chắc chắn không thể vượt qua dòng chảy bao la rộng lớn”.

---o0o---

7. 4. KINH BỊ DÍNH MẮC - THỨ NHÌ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, trong thành Sāvatti dân chúng phần nhiều bị dính mắc vào các dục; họ sống, bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gàn gỏi, bị làm thành mù quáng, bị sanh khởi sự say đắm vào các dục. Khi ấy, vào buổi sáng đức Thế Tôn đã quán y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y đi vào thành Sāvatti để khát thực. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy trong thành Sāvatti dân chúng ấy phần nhiều bị dính mắc vào các dục; họ đang sống, bị luyến ái, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gàn gỏi, bị làm thành mù quáng, bị sanh khởi sự say đắm vào các dục.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Bị mù quáng bởi dục vọng, bị bao trùm bởi tấm lưới, bị che đậy bởi tấm choàng tham ái, bị trói buộc bởi kẻ thân quyến lơ đãnh (Ma Vương), tựa như những con cá ở nơi cửa miệng của tấm lưới,^[41] chúng đi đến già và chết, tựa như con bê bú sữa mẹ”.

---o0o---

7. 5. KINH LAKUṆṬAKABHADDIYA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Lakuṇṭaka-bhaddiya, theo sau nhiều vị tỳ khuru, đã đi đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Lakuṇṭakabhaddiya từ ở đằng xa, đang đi theo sau nhiều vị tỳ khuru, xấu tướng, khó nhìn, có vẻ bị xem thường bởi phần đông các vị tỳ khuru. Sau khi nhìn thấy, đức Thế Tôn đã bảo các vị tỳ khuru rằng: “Này các tỳ khuru, các người có nhìn thấy vị tỳ khuru này từ ở đằng xa, đang đi theo sau nhiều vị tỳ khuru, xấu tướng, khó nhìn, có vẻ bị xem thường bởi phần đông các vị tỳ khuru?”

2. “Bạch Ngài, đúng vậy”. “Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru này có đại thần lực, có đại oai lực. Và sự chứng đạt nào còn chưa được vị tỳ khuru ấy chứng đạt trước đây thì sự chứng đạt ấy không phải là dễ dàng đạt được. Vị ấy, ngay trong kiếp hiện tại, nhờ vào thắng trí của mình, chứng ngộ, đạt đến, và an trú vào cứu cánh tối thượng của Phạm hạnh, vì mục đích này mà những người

con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh sống không nhà”.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Không chút lỗi lầm, có mái che màu trắng, chiếc xe có một cãm lãn bánh. Hãy nhìn vị đang từ từ đi đến, vị không phiền muộn, có dòng chảy đã bị chặt đứt, không còn sự trôi buộc”. ^[42]

---o0o---

7. 6. KINH DIỆT TRỪ THAM ÁI

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đại đức Aññātakonḍañña ngồi ở nơi không xa đức Thế Tôn, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, đang quán xét lại sự giải thoát do diệt tận tham ái. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Aññātakonḍañña ngồi ở nơi không xa, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, đang quán xét lại sự giải thoát do diệt tận tham ái.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Đối với người nào không có các rễ cây, nền đất, không có các lá cây, từ đâu mà có dây leo? Ai có khả năng để chê trách bậc sáng trí ấy, là vị đã được thoát khỏi sự trôi buộc; chư Thiên cũng ca ngợi vị ấy, vị ấy còn được ca ngợi bởi đấng Phạm Thiên nữa”.

---o0o---

7. 7. KINH DIỆT TRỪ CHƯỚNG NGẠI

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đang ngồi quán xét lại sự dứt bỏ các phần chướng ngại và tướng của bản thân.

2. Khi ấy, sau khi biết được sự dứt bỏ các phần chướng ngại và tướng của bản thân, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Đối với vị nào, các chướng ngại và sự tồn tại (ở luân hồi) là không có, vị đã vượt lên trên sợi xích (tham ái) và thanh chắn (tà kiến), thế gian luôn cả chư Thiên không coi thường vị hiền trí ấy, vị đang sống không còn tham ái”.

---o0o---

7. 8. KINH KACCĀNA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đại đức Mahākaccāna ngồi ở nơi không xa đức Thế Tôn, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, với niệm hướng đến thân đã khéo được thiết lập luôn hiện diện ở nội phần. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy đại đức Mahākaccāna ngồi ở nơi không xa, xếp chân thế kiết già, giữ thân thẳng, với niệm hướng đến thân đã khéo được thiết lập luôn hiện diện ở nội phần.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Đối với vị nào, niệm hướng đến thân có thể được thiết lập thường xuyên vào mọi lúc (rằng): ‘Nó không có và nó không là của tôi,¹⁴³¹ nó sẽ không có và nó sẽ không là của tôi,’ với sự an trú theo tuần tự tại nơi ấy, vào đúng thời điểm vị ấy có thể vượt qua sự vướng mắc (tham ái)”.

---o0o---

7. 9. KINH GIẾNG NƯỚC

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn, trong khi đi du hành ở xứ sở của những người Mallā cùng với đại chúng tỳ khưu, đã ngự đến ngôi làng Bà-la-môn của những người Mallā có tên là Thūna. Các Bà-la-môn và các gia chủ ở Thūna đã nghe rằng: “Chấn chấn là Ngài Sa-môn Gotama, con trai dòng Sakya, từ dòng dõi Sakya đã xuất gia, trong khi đi du hành ở xứ sở của những người Mallā cùng với đại chúng tỳ khưu, đã ngự đến Thūna”. Họ đã cho lấp đầy cái giếng lên đến miệng với cỏ và vỏ trấu (nghĩ rằng): “Chớ để các Sa-môn đầu trọc ấy uống nước”.

2. Khi ấy, đức Thế Tôn đã rời con đường lộ rồi đi đến gần gốc cây nọ, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn. Sau khi đã ngồi xuống, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, vậy người hãy đem lại cho Ta nước uống từ cái giếng kia”. Khi được nói như vậy, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, giờ đây cái giếng ấy đã bị lấp đầy lên đến miệng với cỏ và vỏ trấu bởi các Bà-la-môn và các gia chủ ở Thūna (nghĩ rằng): ‘Chớ để các Sa-môn đầu trọc ấy uống nước’.” Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, vậy —như trên— uống nước”. Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, vậy người hãy đem lại cho Ta nước uống từ cái giếng này”. “Bạch Ngài, xin vâng”. Đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn đã cầm lấy cái bình bát đi đến gần cái giếng ấy.

3. Sau đó, trong khi đại đức Ānanda đang đi đến gần, cái giếng ấy đã tống ra khỏi miệng tất cả cỏ và vỏ trấu ấy, và đã được ổn định, được tràn đầy lên đến miệng với nước trong sạch, không bị vẩn đục, tinh khiết, tưởng chừng như đang trào ra. Khi ấy, đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: “Thật là kỳ diệu! Thật là phi thường! Đức Như Lai có đại thần lực, có đại oai lực! Bởi vì trong khi ta đang đi đến gần, cái giếng này đây đã tống ra khỏi miệng tất cả cỏ và vỏ trấu ấy, và đã được ổn định, được tràn đầy lên đến miệng với nước trong sạch, không bị vẩn đục, tinh khiết, tưởng chừng như đang trào ra”. Sau khi lấy nước uống bằng cái bình bát, đại đức Ānanda đã đi gặp đến đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, thật là kỳ diệu! Bạch Ngài, thật là phi thường! Đức Như Lai có đại thần lực, có đại oai lực! Bạch Ngài, bởi vì trong khi con đang đi đến gần, cái giếng này đây đã tống ra khỏi miệng tất cả cỏ và vỏ trấu ấy, và đã được ổn định, được tràn đầy lên đến miệng với nước trong sạch, không bị vẩn đục, tinh khiết, tưởng chừng như đang trào ra. Xin đức Thế Tôn hãy uống nước, xin đáng Thiện Thệ hãy uống nước”.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Có thể làm gì với cái giếng nếu nước uống luôn luôn có sẵn? Sau khi đã chặt đứt tham ái tận gốc rễ, tại sao lại đi lang thang tìm kiếm?”

---o0o---

7. 10. KINH UDENA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Kosambī, ở tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, khi đức vua Udena đi đến vườn hoa thì nội cung của đức vua bị cháy, và năm trăm nữ nhân đứng đầu là Sāmāvatī đã bị chết. Sau đó, nhiều vị tỳ khuru vào buổi sáng đã quán y (nội), cầm lấy bình bát và y, rồi đã đi vào thành Kosambī để khát thực. Sau khi đi khát thực ở thành Kosambī, sau bữa ăn trong khi đi khát thực trở về, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, các vị tỳ khuru ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, ở đây khi đức vua Udena đi đến vườn hoa thì nội cung của đức vua bị cháy, và năm trăm nữ nhân đứng đầu là Sāmāvatī đã bị chết. Bạch Ngài, cảnh giới tái sanh của các nữ cư sĩ ấy là gì? Đời sau của các nữ cư sĩ ấy là gì?”

2. “Này các tỳ khuru, ở đây có những nữ cư sĩ là các bậc Nhập Lưu, là các bậc Nhất Lai, là các bậc Bất Lai. Này các tỳ khuru, tất cả các nàng ấy chết không phải là không có kết quả”.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Thế gian với sự trôi buộc của si mê được thấy như là có khả năng, kẻ ngu với sự trôi buộc của mầm tái sanh bị bao quanh bởi bóng tối, nó (tự ngã) được xem tựa như có sự trường tồn; đối với người nhìn thấy thì không có bất cứ gì”.

Phẩm Nhỏ là thứ bảy.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Hai chuyện Bhaddiya, và hai chuyện bị dính mắc, vị Lakuṇṭaka, sự diệt tận ái, sự diệt tận chướng ngại, và vị Kaccāna, giếng nước, và vua Udena.

---o0o---

PHẨM DÂN LÀNG PĀṬALI - THỨ TÁM

8. 1. KINH NIẾT BÀN - THỨ NHẤT

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho các vị tỳ khưu bằng bài Pháp thoại liên quan đến Niết Bàn. Và các vị tỳ khưu ấy đã xác định mục đích, đã chú tâm, và tập trung tất cả tâm tư lắng tai nghe Pháp.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Này các tỳ khưu, có xứ ấy,^[44] là nơi không có yếu tố đất, không có nước, không có lửa, không có gió, không có Không vô biên xứ, không có Thức vô biên xứ, không có Vô sở hữu xứ, không có Phi tướng phi phi tướng xứ, không có đời này, không có đời sau, không có cả hai mặt trăng và mặt trời. Này các tỳ khưu, thậm chí ở nơi ấy Ta nói rằng không có đi đến, không có ra đi, không có trụ lại, không có tử, không có sanh, nơi này không có thành lập, không có vận hành, không có đối tượng (của sáu căn). Chính nơi này là sự chấm dứt của khổ”.

---o0o---

8. 2. KINH NIẾT BÀN - THỨ NHÌ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn chỉ

dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho các vị tỳ khuru bằng bài Pháp thoại liên quan đến Niết Bàn. Và các vị tỳ khuru ấy đã xác định mục đích, đã chú tâm, và tập trung tất cả tâm tư lắng tai nghe Pháp.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Khó thấy cái được gọi là không bị thiên lệch, bởi vì sự thật không phải là điều dễ thấy. Tham ái được thấu triệt đối với người biết, không có cái gì đối với người thấy”.

---o0o---

8. 3. KINH NIẾT BÀN - THỨ BA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho các vị tỳ khuru bằng bài Pháp thoại liên quan đến Niết Bàn. Và các vị tỳ khuru ấy đã xác định mục đích, đã chú tâm, và tập trung tất cả tâm tư lắng tai nghe Pháp.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Này các tỳ khuru, có cái không sanh—không hiện hữu—không làm ra—không tạo tác. Này các tỳ khuru, nếu không có cái không sanh—không hiện hữu—không làm ra—không tạo tác ấy thì ở đây việc ra khỏi cái sanh—hiện hữu—làm ra—tạo tác không được biết đến. Này các tỳ khuru, bởi vì có cái không sanh—không hiện hữu—không làm ra—không tạo tác, cho nên việc ra khỏi cái sanh—hiện hữu—làm ra—tạo tác được biết đến”.

---o0o---

8. 4. KINH NIẾT BÀN - THỨ TƯ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Vào lúc bảy giờ, đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho các vị tỳ khuru bằng bài Pháp thoại liên quan đến Niết Bàn. Và các vị tỳ khuru ấy đã xác định mục đích, đã chú tâm, và tập trung tất cả tâm tư lắng tai nghe Pháp.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Đối với người nương tựa thì có dao động, đối với người không nương tựa thì không có dao động, khi không có dao động thì có an tịnh, khi có an tịnh thì không có thiên lệch, khi không có thiên lệch thì không có đến và đi, khi

không có đến và đi thì không có tử và sanh, khi không có tử và sanh thì không có đời này, không có đời sau, không ở khoảng giữa của cả hai. Chính điều này là sự chấm dứt của khổ”.

---o0o---

8. 5. KINH CUNDA

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn, trong khi đi du hành ở xứ sở của những người Mallā cùng với đại chúng tỳ khưu, đã ngự đến thành Pāvā. Tại đó, nơi thành Pāvā, đức Thế Tôn ngự ở vườn xoài của Cunda, con trai người thợ rèn.

2. Cunda, con trai người thợ rèn, đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn trong khi đi du hành ở xứ sở của những người Mallā cùng với đại chúng tỳ khưu, đã đi đến thành Pāvā. Ở thành Pāvā, Ngài ngự ở vườn xoài của ta”. Sau đó, Cunda, con trai người thợ rèn, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi Cunda, con trai người thợ rèn, đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho người ấy bằng bài Pháp thoại.

3. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi bằng bài Pháp thoại, Cunda, con trai người thợ rèn, đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng tỳ khưu nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai”. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, Cunda, con trai người thợ rèn, hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi ra đi.

4. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, Cunda, con trai người thợ rèn, đã cho chuẩn bị vật thực cứng mềm hảo hạng và dồi dào món thịt heo hầm tại tư gia, rồi cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: “Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong”. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã quán y (nội), rồi cầm bình bát và y cùng với hội chúng tỳ khưu đi đến tư gia của Cunda, con trai người thợ rèn, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt. Sau khi đã ngồi xuống, đức Thế Tôn đã bảo Cunda, con trai người thợ rèn, rằng: “Này Cunda, món thịt heo hầm nào đã được người chuẩn bị thì hãy dọn cho Ta món ấy. Còn các vật thực cứng mềm nào khác đã được chuẩn bị thì hãy dọn cho hội chúng tỳ khưu món ấy”.

5. “Bạch Ngài, xin vâng”. Cunda, con trai người thợ rèn, nghe theo đức Thế Tôn và món thịt heo hầm nào đã được chuẩn bị thì đã dọn cho đức Thế Tôn món ấy. Còn vật thực cứng mềm nào khác đã được chuẩn bị thì đã dọn cho hội chúng tỳ khưu món ấy.

6. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo với Cunda, con trai người thợ rèn, rằng: “Này Cunda, phần thịt heo hàm của ngươi còn thừa lại, hãy chôn nó xuống ở hố. Này Cunda, Ta không nhìn thấy người nào ở thế gian, tính luôn cõi chư Thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm Thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài người, mà món ăn ấy khi đã được người ấy ăn vào có thể đi đến sự tiêu hóa tốt đẹp, ngoại trừ đức Như Lai”. “Bạch Ngài, xin vâng”. Cunda, con trai người thợ rèn, nghe theo đức Thế Tôn đã chôn phần thịt heo hàm còn thừa lại xuống ở hố, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi Cunda, con trai người thợ rèn, đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho người ấy bằng bài Pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

7. Sau đó, khi đức Thế Tôn đã ăn xong bữa ăn của Cunda, con trai người thợ rèn, có cơn bệnh dữ dội đã phát khởi đến Ngài, với triệu chứng tiêu chảy ra máu và các cảm thọ khốc liệt kề cận cái chết. Tại đó, đức Thế Tôn đã chịu đựng, có niệm, có sự nhận biết rõ, không sầu khổ.

8. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, chúng ta hãy đến, chúng ta sẽ đi đến Kusinārā”. “Bạch Ngài, xin vâng,” đại đức Ānanda đã đáp lời đức Thế Tôn.

“Tôi đã nghe rằng: Sau khi thọ thực bữa ăn của người thợ rèn Cunda, bậc Sáng Trí đã tiếp cận cơn bệnh khốc liệt, kề cận cái chết.

Và khi đã ăn vào món thịt heo hàm, cơn bệnh khốc liệt đã phát khởi đến bậc Đạo Sư.

Trong khi được xỏ, đức Thế Tôn đã nói rằng:

‘Chúng ta hãy đi đến thành Kusinārā’.”

9. Khi ấy, đức Thế Tôn đã rời con đường lộ rồi đi đến gần gốc cây nọ, sau khi đến đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, vậy ngươi hãy xếp đặt y hai lớp được gấp tư lại. Này Ānanda, Ta đang mệt, Ta sẽ ngồi xuống”. “Bạch Ngài, xin vâng”. Đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn đã xếp đặt y hai lớp được gấp tư lại. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, vậy ngươi hãy mang nước lại. Này Ānanda, Ta bị khát, Ta sẽ uống nước”. Khi được nói như vậy, đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, giờ đây các cỗ xe hàng số lượng năm trăm vừa đi qua. Nước ấy, bị bánh xe chạy qua, trở nên ít ỏi, bị quậy lên, bị vắn đục, trôi chảy. Bạch Ngài, con sông Kukutthā ở nơi không xa, có nước trong, có nước

lành, có nước mát, có nước sạch, có bến nước xinh xắn. Ở nơi này, đức Thế Tôn sẽ uống nước và sẽ làm mát mẽ cơ thể”. Đến lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, vậy ngươi hãy mang nước lại. Này Ānanda, Ta bị khát, Ta sẽ uống nước”. Đến lần thứ nhì, —như trên— sẽ làm mát mẽ cơ thể”. Đến lần thứ ba, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, vậy ngươi hãy mang nước lại. Này Ānanda, Ta bị khát, Ta sẽ uống nước”. “Bạch Ngài, xin vâng”. Đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn đã cầm lấy cái bình bát đi đến gần con sông ấy.

10. Khi ấy, con sông ấy, bị bánh xe chạy qua, trở nên ít ỏi, bị quậy lên, bị vẩn đục, đang trôi chảy, trong khi đại đức Ānanda đang đi đến gần, thì trở nên trong sạch, không bị vẩn đục, tinh khiết, trôi chảy. Khi ấy, đại đức Ānanda đã khởi ý điều này: “Thật là kỳ diệu! Thật là phi thường! Đức Như Lai có đại thần lực, có đại oai lực! Bởi vì con sông này đây, bị bánh xe chạy qua, trở nên ít ỏi, bị quậy lên, bị vẩn đục, đang trôi chảy, trong khi ta đang đi đến gần, thì trở nên trong sạch, không bị vẩn đục, tinh khiết, trôi chảy”. Sau khi lấy nước uống bằng cái bình bát, đại đức Ānanda đã đi gặp đến đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, thật là kỳ diệu! Bạch Ngài, thật là phi thường! Đức Như Lai có đại thần lực, có đại oai lực! Bạch Ngài, bởi vì con sông này đây, bị bánh xe chạy qua, trở nên ít ỏi, bị quậy lên, bị vẩn đục, đang trôi chảy, trong khi con đang đi đến gần, thì trở nên trong sạch, không bị vẩn đục, tinh khiết, trôi chảy. Xin đức Thế Tôn hãy uống nước, xin đáng Thiện Thệ hãy uống nước”. Khi ấy, đức Thế Tôn đã uống nước.

11. Sau đó, đức Thế Tôn cùng với đại chúng tỳ khuru đã đi đến sông Kukutthā, sau khi đến đã đi xuống sông Kukutthā, tắm, và đi trở lên rồi đi đến vườn xoài, sau khi đến đã bảo đại đức Cundaka rằng: “Này Cundaka, vậy ngươi hãy xếp đặt y hai lớp được gấp tư lại. Này Ānanda, Ta đang mệt, Ta sẽ nằm xuống”. “Bạch Ngài, xin vâng”. Đại đức Cundaka nghe theo đức Thế Tôn đã xếp đặt y hai lớp được gấp tư lại. Sau đó, đức Thế Tôn đã nằm thễ nằm của loài sư tử bằng hông bên phải, đặt bàn chân này lên bàn chân kia, có niệm, có sự nhận biết rõ, sau khi đã tác ý đến tư tưởng về việc đứng dậy, còn đại đức Cundaka đã ngồi xuống ngay tại chỗ ấy, phía trước đức Thế Tôn.

“Đức Phật sau khi đi đến con sông Kukutthā, có nước trong sạch, có nước lành, có nước tinh khiết, bậc Đạo Sư, với dáng vẻ vô cùng mệt nhọc, đã lội xuống, đức Như Lai, không người sánh bằng, ở thế gian này.

Bậc Đạo Sư, sau khi tắm và uống nước, đã đi lên, được tôn vinh, ở giữa một nhóm tỳ khuru, bậc Đạo Sư, đức Thế Tôn, người chuyển vận Giáo Pháp ở nơi này, vị ân sĩ vĩ đại đã đi đến vườn xoài.

Ngài đã bảo vị tỳ khuru tên Cundaka rằng:

‘Hãy trải ra (y hai lớp) được gấp tư lại làm chỗ nằm cho Ta, được nhắc nhở bởi bậc có bản thân đã được tu tập, vị Cunda ấy ngay lập tức đã trải ra (y hai lớp) được gấp tư lại.

Bậc Đạo Sư, với dáng vẻ vô cùng mệt nhọc, đã nằm xuống, vị Cunda cũng đã ngồi tại nơi ấy, ở phía trước mặt’.

12. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, hơn nữa nếu người nào khơi dậy sự ân hận cho Cunda, con trai người thợ rèn, rằng: ‘Này đạo hữu Cunda, thật là điều không lợi ích đã có cho người đây! Này đạo hữu Cunda, thật là điều đạt được xấu xa đã có cho người đây! Bởi vì đức Thế Tôn sau khi thọ thực món thí thực cuối cùng của người đây đã viên tịch Niết Bàn’. Này Ānanda, nỗi ân hận như thế của Cunda, con trai người thợ rèn, cần được xua tan rằng: “Này đạo hữu Cunda, thật là điều lợi ích đã có cho người đây! Này đạo hữu Cunda, thật là điều đạt được tốt đẹp đã có cho người đây! Bởi vì đức Thế Tôn sau khi thọ thực món thí thực cuối cùng của người đây đã viên tịch Niết Bàn. Này đạo hữu Cunda, điều này đã được tôi trực tiếp nghe, trực tiếp thọ nhận từ đức Thế Tôn rằng: ‘Hai phần thí thực này có quả báu như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báu lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác. Hai phần thí thực nào? Phần thí thực mà sau khi thọ dụng đức Như Lai giác ngộ phẩm vị Chánh Đẳng Giác tối thượng, và phần thí thực sau khi thọ dụng đức Như Lai viên tịch Niết Bàn ở cảnh giới Niết Bàn không còn dư sót. Hai phần thí thực này có quả báu như nhau, có quả thành tựu như nhau, có quả báu lớn hơn và phước báu lớn hơn rất nhiều so với các món thí thực khác. Nghiệp đưa đến tuổi thọ đã được vị đáng kính Cunda tích lũy. Nghiệp đưa đến sắc đẹp đã được vị đáng kính Cunda tích lũy. Nghiệp đưa đến hạnh phúc đã được vị đáng kính Cunda tích lũy. Nghiệp đưa đến danh tiếng đã được vị đáng kính Cunda tích lũy. Nghiệp đưa đến cõi Trời đã được vị đáng kính Cunda tích lũy. Nghiệp đưa đến uy quyền đã được vị đáng kính Cunda tích lũy’. Này Ānanda, nỗi ân hận như thế của Cunda, con trai người thợ rèn, cần được xua tan”.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Phước thiện tặng trưởng cho người bố thí, sự thù oán không được tích lũy đối với người đang tự chế ngự, và người hiền thiện từ bỏ điều ác, do sự diệt tận luyện ái, sân hận, và si mê, vị ấy được tích diệt”.

---o0o---

8. 6. KINH DÂN LÀNG PĀṬALI

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn, trong khi đi du hành ở xứ sở của những người Magadha cùng với đại chúng tỳ khưu, đã ngự đến ngôi làng Pāṭali. Các cư sĩ người làng Pāṭali đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn trong khi đi du hành ở xứ sở của những người Magadha cùng với đại chúng tỳ khưu, đã đi đến ngôi làng Pāṭali”. Sau đó, các cư sĩ người làng Pāṭali đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, các cư sĩ người làng Pāṭali đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời về ngôi nhà nghỉ trọ”. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.^[45]

2. Khi ấy, các cư sĩ người làng Pāṭali hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi đi đến ngôi nhà nghỉ trọ, sau khi đến đã trải thảm toàn bộ nhà nghỉ trọ với thảm trải, cho sắp đặt các chỗ ngồi, cho bố trí lu nước, cho treo lên cây đèn dầu, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi đứng ở một bên. Khi đã đứng ở một bên, các cư sĩ người làng Pāṭali đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, nhà nghỉ trọ đã trải thảm toàn bộ với thảm trải, các chỗ ngồi đã được cho sắp đặt, lu nước đã được cho bố trí, cây đèn dầu đã được treo lên. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy biết giờ này là thời điểm của việc nào”.

3. Sau đó, đức Thế Tôn đã quán y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y cùng với đại chúng tỳ khưu đi đến nhà nghỉ trọ, sau khi đến đã rửa sạch hai bàn chân rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ cột nhà ở chính giữa, mặt nhìn về hướng đông. Hội chúng tỳ khưu cũng đã rửa sạch các bàn chân, rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ bức tường ở phía tây, mặt nhìn về hướng đông, và có đức Thế Tôn trong tầm nhìn. Các cư sĩ người làng Pāṭali cũng đã rửa sạch các bàn chân, rồi đi vào nhà nghỉ trọ và ngồi xuống chỗ bức tường ở phía đông, mặt nhìn về hướng tây, và có đức Thế Tôn trong tầm nhìn.

4. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các cư sĩ người làng Pāṭali rằng: “Này các cư sĩ, đây là năm điều tai hại của kẻ không giữ giới có sự hư hỏng về giới. Năm điều nào?”

Này các cư sĩ, ở đây kẻ không giữ giới có sự hư hỏng về giới gánh chịu sự mất mát lớn về tài sản do nguyên nhân xao lãng. Đây là điều tai hại thứ nhất của kẻ không giữ giới có sự hư hỏng về giới.

Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là tiếng đồn xấu xa của kẻ không giữ giới có sự hư hỏng về giới lan rộng. Đây là điều tai hại thứ nhì của kẻ không giữ giới có sự hư hỏng về giới.

Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ không giữ giới có sự hư hỏng về giới đi vào tập thể nào khác dầu là tập thể những người Sát-đế-ly, dầu là tập thể những người Bà-la-môn, dầu là tập thể các gia chủ, dầu là tập thể các Sa-môn, kẻ ấy đi vào thiếu sự tự chủ và trở nên bối rối. Đây là điều tai hại thứ ba của kẻ không giữ giới có sự hư hỏng về giới.

Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ không giữ giới có sự hư hỏng về giới bị mê muội khi từ trần. Đây là điều tai hại thứ tư của kẻ không giữ giới có sự hư hỏng về giới.

Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là kẻ không giữ giới có sự hư hỏng về giới khi thân này bị tan rã, sau khi chết đi sẽ tái sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Đây là điều tai hại thứ năm của kẻ không giữ giới có sự hư hỏng về giới.

Này các cư sĩ, đây là năm điều tai hại của kẻ không giữ giới có sự hư hỏng về giới.

5. Này các cư sĩ, đây là năm điều lợi ích của người giữ giới có sự thành tựu về giới. Năm điều nào?

Này các cư sĩ, người giữ giới có sự thành tựu về giới thành tựu khối lượng tài sản lớn do nguyên nhân không xao lãng. Đây là điều lợi ích thứ nhất của người giữ giới có sự thành tựu về giới.

Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là tiếng đồn tốt đẹp của người giữ giới có sự thành tựu về giới lan rộng. Đây là điều lợi ích thứ nhì của người giữ giới có sự thành tựu về giới.

Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về giới đi vào tập thể nào khác dầu là tập thể những người Sát-đế-ly, dầu là tập thể những người Bà-la-môn, dầu là tập thể các gia chủ, dầu là tập thể các Sa-môn, người ấy đi vào có sự tự chủ và không có bối rối. Đây là điều lợi ích thứ ba của người giữ giới có sự thành tựu về giới.

Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về giới không bị mê muội khi từ trần. Đây là điều lợi ích thứ tư của người giữ giới có sự thành tựu về giới.

Này các cư sĩ, còn có điều khác nữa là người giữ giới có sự thành tựu về giới khi thân này bị tan rã, sau khi chết đi sẽ tái sinh vào chốn an vui, cõi Trời, cõi người. Đây là điều lợi ích thứ năm của người giữ giới có sự thành tựu về giới.

Này các cư sĩ, đây là năm điều lợi ích của người giữ giới có sự thành tựu về giới”.

6. Sau đó, khi đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho các cư sĩ người làng Pāṭali bằng bài Pháp thoại đến tận đêm khuya, đức Thế Tôn đã giải tán (bảo rằng): “Này các cư sĩ, đêm đã khuya. Các người hãy biết giờ này là thời điểm của việc nào” Khi ấy, các cư sĩ người làng Pāṭali đã thích thú, đã tùy hỷ lời dạy của đức Thế Tôn, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, và ra đi.

Sau đó, khi các cư sĩ người làng Pāṭali ra đi không lâu, đức Thế Tôn đã đi vào ngôi nhà trống vắng.

7. Vào lúc bấy giờ, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, cho xây thành ở làng Pāṭali để ngăn cản các người Vajji. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Trời đến hàng ngàn vị chiếm giữ các khu vực ở làng Pāṭali. Các vị Trời có oai lực lớn chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các vị vua và của các quan đại thần của vua có oai lực lớn ở nơi đó cho xây các dinh thự. Các vị Trời có oai lực trung bình chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các vị vua và của các quan đại thần của vua có oai lực trung bình ở nơi đó cho xây các dinh thự. Các vị Trời có oai lực kém chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các vị vua và của các quan đại thần của vua có oai lực kém ở nơi đó cho xây các dinh thự. Và đức Thế Tôn bằng Thiên nhãn thanh tịnh vượt xa loài người đã nhìn thấy các vị Trời ấy đến hàng ngàn vị đang chiếm giữ các khu vực ở làng Pāṭali. Các vị Trời có oai lực lớn chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các vị vua và của các quan đại thần của vua có oai lực lớn ở nơi đó cho xây các dinh thự. Các vị Trời có oai lực trung bình chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các vị vua và của các quan đại thần của vua có oai lực trung bình ở nơi đó cho xây các dinh thự. Các vị Trời có oai lực kém chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các vị vua và của các quan đại thần của vua có oai lực kém ở nơi đó cho xây các dinh thự”.

8. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi thức dậy vào lúc hừng sáng của đêm ấy đã bảo đại đức Ānanda rằng: “Này Ānanda, ai là người cho xây thành ở làng Pāṭali vậy?”

“Bạch Ngài, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, cho xây thành ở làng Pāṭali để ngăn cản các người Vajji”.

“Này Ānanda, cũng giống như là đã thỉnh ý với chư Thiên ở cõi Trời Ba Mươi Ba, này Ānanda, tương tự y như thế Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, đã cho xây thành ở làng Pāṭali để ngăn cản các người Vajji.

9. Này Ānanda, ở đây sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, bằng Thiên nhãn thanh tịnh vượt trên loài người Ta đã nhìn thấy nhiều vị Trời đang chiếm giữ các khu vực ở trong làng Pāṭali. Các vị Trời có oai lực lớn chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các vị vua và của các quan đại thần của vua có oai lực lớn ở nơi đó cho xây các dinh thự. Các vị Trời có oai lực trung bình chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các vị vua và của các quan đại thần của vua có oai lực trung bình ở nơi đó cho xây các dinh thự. Các vị Trời có oai lực kém chiếm giữ khu vực nào thì các vị sai khiến tâm của các vị vua và của các quan đại thần của vua có oai lực kém ở nơi đó cho xây các dinh thự.

10. Này Ānanda, cho đến tận lãnh thổ của những người Ariyan và đến tận con đường của những nhà thương buôn, nơi này sẽ trở thành thành phố hàng đầu Pāṭaliputta, nơi trao đổi các loại hàng hóa. Này Ānanda, thành Pāṭaliputta sẽ xảy ra ba tai họa hoặc do lửa, hoặc do nước, hoặc do sự chia rẽ mối liên kết”.

11. Sau đó, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã tỏ vẻ thân thiện với đức Thế Tôn, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện rồi đã đứng ở một bên. Khi đã đứng ở một bên, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, đã nói với đức Thế Tôn điều này: - “Xin Ngài Gotama hãy nhận lời chúng tôi về bữa trai phạn vào ngày mai cùng với hội chúng tỳ khưu”. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

12. Khi ấy, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, sau khi hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn, đã đi đến chỗ trú ngụ của mình, sau khi đến đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm tại chỗ trú ngụ của mình, rồi đã cho người thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn rằng: “Bạch Ngài Gotama, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong”. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã quán y (nội), rồi cầm lấy bình bát và y cùng với hội chúng tỳ khưu đi đến chỗ trú ngụ của Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi đã được sắp đặt. Khi ấy, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng tỳ khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng loại mềm.

13. Sau đó, khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong có bàn tay đã rời khỏi bình bát, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần đã cầm lấy chiếc ghế thấp khác, rồi đã ngồi xuống ở một bên. Khi Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, đã ngồi xuống ở một bên, Đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ đến họ bằng những lời kệ này:

“Ở tại khu vực nào, chỗ trú ngụ được sắp đặt cho các bậc có bản chất sáng suốt, tại nơi ấy nên dâng thức ăn đến các vị có giới, đã tự chế ngự, có Phạm hạnh.

Nên tỏ sự kính trọng đến chư Thiên đã ngụ ở nơi ấy. Chư Thiên ấy, được cúng dường, sẽ cúng dường người ấy, được tôn kính, sẽ tôn kính người ấy.

Do đó, chư Thiên thương mến người ấy, như người mẹ thương xót đứa con trai ruột thịt. Được chư Thiên thương mến, người ấy sẽ luôn luôn gặp được các điều tốt lành”.

14. Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ đến Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Vào lúc bấy giờ, Sunīdha và Vassakāra, hai vị quan đại thần xứ Magadha, đã đi theo phía sau đức Thế Tôn (nghĩ rằng): “Hôm nay, Sa-môn Gotama đi ra bằng cửa thành nào thì cửa thành ấy sẽ có tên là Cửa thành Gotama, và băng qua sông Gaṅgā bằng bến tàu nào thì bến tàu ấy sẽ có tên là Bến tàu Gotama”.

15. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi ra bằng cửa thành nào thì cửa thành ấy đã có tên là Cửa thành Gotama. Rồi đức Thế Tôn đã đi đến sông Gaṅgā. Vào lúc bấy giờ, sông Gaṅgā là tràn đầy, mấp mé bờ khiến chim quạ có thể uống nước. Dân chúng, một số đi kiếm thuyền, một số đi kiếm xuồng, một số buộc thành chiếc bè với ước muốn đi từ bờ này sang bờ kia. Khi ấy, cũng giống như người đàn ông có sức mạnh có thể đuổi ra cánh tay đã được co lại hoặc có thể co lại cánh tay đã được đuổi ra, tương tự như thế đức Thế Tôn đã biến mất tại bờ bên này của sông Gaṅgā và hiện ra đứng ở bờ bên kia cùng với hội chúng tỳ khuru. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy những người ấy, một số đang đi kiếm thuyền, một số đang đi kiếm xuồng, một số đang buộc thành chiếc bè với ước muốn đi từ bờ này sang bờ kia.

16. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Những người băng qua biển hồ sông suối, sau khi xây dựng cây cầu, sau khi vượt qua các hồ nhỏ. (Trong khi) người còn đang buộc chiếc bè nhỏ thì các bậc thông minh đã vượt qua (bờ kia)”.

8. 7. KINH ĐƯỜNG RỄ HAI NHÁNH

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn đang đi đường xa ở xứ sở của những người Kosala cùng với đại đức Nāgasamāla là Sa-môn hầu cận. Dọc theo đường đi, đại đức Nāgasamāla đã nhìn thấy đường rẽ hai nhánh, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài Thế Tôn, ^[46] đây là đường đi. Chúng ta hãy đi lối này”. Khi được nói như vậy, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Nāgasamāla điều này: “Này Nāgasamāla, đây là đường đi. Chúng ta hãy đi lối này”. Đến lần thứ nhì, —như trên— Đến lần thứ ba, đại đức Nāgasamāla đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài Thế Tôn, đây là đường đi. Chúng ta hãy đi lối này”. Khi được nói như vậy, đức Thế Tôn đã nói với đại đức Nāgasamāla điều này: “Này Nāgasamāla, đây là đường đi. Chúng ta hãy đi lối này”. Khi ấy, đại đức Nāgasamāla đã để bình bát và y của đức Thế Tôn ở trên mặt đất ngay tại nơi ấy (nói rằng): “Bạch Ngài, đây là bình bát và y của đức Thế Tôn”.

2. Khi ấy, trong lúc đại đức Nāgasamāla đang đi theo con đường ấy, dọc theo đường đi bọn cướp đã bước ra và đã gây hại bằng những cú đánh và những cú đá, đã đập bể bình bát, và đã xé nát y hai lớp. Sau đó, đại đức Nāgasamāla với bình bát bị đập bể, với y hai lớp bị xé nát, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, đại đức Nāgasamāla đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch Ngài, ở đây trong lúc con đang đi bằng con đường ấy, dọc theo đường đi bọn cướp đã bước ra và đã gây hại bằng những cú đánh và những cú đá, đã đập bể bình bát, và đã xé nát y hai lớp”.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Trong khi đi cùng, trong khi sống chung, người hiểu biết sâu sắc bị lẫn lộn với người không biết. Sau khi biết được thì dứt bỏ kẻ ác, tựa như con diệc, loài uống sữa loại bỏ nước”.

---o0o---

8. 8. KINH VISĀKHĀ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, tu viện Pubba, ở tòa nhà dài của Mẹ của Migāra. Vào lúc bảy giờ, đưa cháu đáng yêu, thích ý của bà Visākhā, Mẹ của Migāra, bị từ trần. Khi ấy, bà Visākhā, Mẹ của Migāra, với y phục ướt đẫm, với đầu tóc ướt đẫm, vào lúc giữa trưa đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi bà Visākhā, Mẹ của Migāra, đã ngồi xuống ở một bên, đức Thế Tôn đã nói với bà ấy điều này: “Này Visākhā, bà từ đâu đi

đến với y phục ướt đẫm, với đầu tóc ướt đẫm, và đã đến đây vào lúc giữa trưa vậy?”

“Bạch Ngài, đũa cháu đáng yêu, thích ý của con bị từ trần. Vì thế, con với y phục ướt đẫm, với đầu tóc ướt đẫm, đã đến đây vào lúc giữa trưa”.

“Này Visākhā, vậy bà có muốn có các con và các cháu nhiều như dân chúng ở thành Sāvatti không?”

“Bạch đức Thế Tôn, con muốn có các con và các cháu nhiều như dân chúng ở thành Sāvatti vậy”.

2. “Này Visākhā, vậy có bao nhiêu người ở thành Sāvatti từ trần mỗi ngày?”

“Bạch Ngài, mười người ở thành Sāvatti từ trần mỗi ngày cũng có. Bạch Ngài, chín người ở thành Sāvatti từ trần mỗi ngày cũng có. Bạch Ngài, tám người ở thành Sāvatti từ trần mỗi ngày cũng có. Bạch Ngài, bảy người ở thành Sāvatti từ trần mỗi ngày cũng có. Bạch Ngài, sáu người ở thành Sāvatti từ trần mỗi ngày cũng có. Bạch Ngài, năm người ở thành Sāvatti từ trần mỗi ngày cũng có. Bạch Ngài, bốn người ở thành Sāvatti từ trần mỗi ngày cũng có. Bạch Ngài, ba người ở thành Sāvatti từ trần mỗi ngày cũng có. Bạch Ngài, hai người ở thành Sāvatti từ trần mỗi ngày cũng có. Bạch Ngài, một người ở thành Sāvatti từ trần mỗi ngày cũng có. Bạch Ngài, thành Sāvatti là không thiếu những người đang từ trần”.

“Này Visākhā, bà nghĩ gì về điều ấy, có phải là đôi khi bà cũng có lúc không có y phục ướt đẫm, không có đầu tóc ướt đẫm?”

3. “Bạch Ngài, điều ấy không phải vậy. Bạch Ngài, quá đủ với con về việc có các con và các cháu nhiều chừng ấy”.

“Này Visākhā, những ai có một trăm người đáng yêu, những kẻ ấy có một trăm cái khổ. Những ai có chín mươi người đáng yêu, những kẻ ấy có chín mươi cái khổ. Những ai có tám mươi người đáng yêu, những kẻ ấy có tám mươi cái khổ. Những ai có bảy mươi người đáng yêu, những kẻ ấy có bảy mươi cái khổ. Những ai có sáu mươi người đáng yêu, những kẻ ấy có sáu mươi cái khổ. Những ai có năm mươi người đáng yêu, những kẻ ấy có năm mươi cái khổ. Những ai có bốn mươi người đáng yêu, những kẻ ấy có bốn mươi cái khổ. Những ai có ba mươi người đáng yêu, những kẻ ấy có ba mươi cái khổ. Những ai có hai mươi người đáng yêu, những kẻ ấy có hai mươi cái khổ. Những ai có mười người đáng yêu, những kẻ ấy có mười cái khổ. Những ai có chín người đáng yêu, những kẻ ấy có chín cái khổ. Những ai có tám người đáng yêu, những kẻ ấy có tám cái khổ. Những ai có bảy người đáng yêu, những kẻ ấy có bảy cái khổ. Những ai có sáu người đáng

yêu, những kẻ ấy có sáu cái khổ. Những ai có năm người đáng yêu, những kẻ ấy có năm cái khổ. Những ai có bốn người đáng yêu, những kẻ ấy có bốn cái khổ. Những ai có ba người đáng yêu, những kẻ ấy có ba cái khổ. Những ai có hai người đáng yêu, những kẻ ấy có hai cái khổ. Những ai có một người đáng yêu, những kẻ ấy có một cái khổ. Những ai không có người đáng yêu, những kẻ ấy không có khổ. Ta nói rằng những kẻ ấy không có sâu muộn, không còn ô nhiễm, không có thất vọng”.

4. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Mọi sâu muộn hoặc than vãn, và những khổ đau ở thế gian với nhiều hình thức, những điều này phát khởi có liên quan đến đối tượng đáng yêu; khi đối tượng đáng yêu không có thì những điều này không có. Chính vì thế, đối với những người nào không có đối tượng đáng yêu ở bất cứ nơi đâu trên thế gian, những người ấy có sự an lạc, không còn sâu muộn. Vì thế, kẻ ước mong không sâu muộn, không còn ô nhiễm, không nên tạo ra đối tượng đáng yêu ở bất cứ nơi đâu trên thế gian”.

---o0o---

8. 9. KINH DABBA - THỨ NHẤT

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, ở Veluvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bảy giờ, đại đức Dabba Mallaputta đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống ở một bên. Khi đã ngồi xuống ở một bên, đại đức Dabba Mallaputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: “Bạch đáng Thiện Thệ, giờ đây là thời điểm viên tịch Niết Bàn của con”. “Này Dabba, người hãy biết giờ này là thời điểm của việc nào”.

2. Khi ấy, đại đức Dabba Mallaputta đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh, rồi đã bay lên không trung, đã ngồi xuống với thế kiết già ở giữa hư không trên bầu trời, đã thể nhập hỏa giới, đã xuất ra, và đã viên tịch Niết Bàn. Khi ấy, lúc đại đức Dabba Mallaputta đã bay lên không trung, đã ngồi xuống với thế kiết già ở giữa hư không trên bầu trời, đã thể nhập hỏa giới, đã xuất ra, và đã viên tịch Niết Bàn, lúc cơ thể của vị ấy đang được thiêu cháy, đang được đốt cháy, thì không có than và không có tro được nhận biết. Cũng giống như bơ lỏng hay dầu ăn lúc đang được thiêu cháy, đang được đốt cháy, thì không có than và không có tro được nhận biết, tương tự y như thế lúc đại đức Dabba Mallaputta đã bay lên không trung, đã ngồi xuống với thế kiết già ở giữa hư không trên bầu trời, đã thể nhập hỏa giới, đã xuất ra, và đã viên tịch Niết Bàn, lúc cơ thể của vị ấy đang

được thiêu cháy, đang được đốt cháy, thì không có than và không có tro được nhận biết.

3. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Thân xác đã rã tan, tướng đã tịch diệt, tất cả các thọ đã trở thành mát lạnh, các hành đã yên lặng, thức đã đi đến sự tiêu diệt”.

---o0o---

8. 10. KINH DABBA - THỨ NHÌ

1. Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatti, Jetavana, tu viện của ông Anāthapiṇḍika. Tại nơi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các vị tỳ khuru rằng: “Này các tỳ khuru”. “Bạch Ngài,” các vị tỳ khuru ấy đã đáp lời đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các tỳ khuru, lúc đại đức Dabba Mallaputta đã bay lên không trung, đã ngồi xuống với thế kiết già ở giữa hư không trên bầu trời, đã thể nhập hỏa giới, đã xuất ra, và đã viên tịch Niết Bàn, lúc cơ thể của vị ấy đang được thiêu cháy, đang được đốt cháy, thì không có than và không có tro được nhận biết. Cũng giống như bơ lỏng hay dầu ăn lúc đang được thiêu cháy, đang được đốt cháy, thì không có than và không có tro được nhận biết, tương tự y như thế lúc đại đức Dabba Mallaputta đã bay lên không trung, đã ngồi xuống với thế kiết già ở giữa hư không trên bầu trời, đã thể nhập hỏa giới, đã xuất ra, và đã viên tịch Niết Bàn, lúc cơ thể của vị ấy đang được thiêu cháy, đang được đốt cháy, thì không có than và không có tro được nhận biết”.

2. Sau đó, khi hiểu ra sự việc này, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này:

“Giống như điểm đến của ngọn lửa (của vật) đang cháy sáng, bị đập vỡ bởi cái búa sắt, được từ từ lắng dịu, là không được biết đến, tương tự như thế cảnh giới tái sanh của các vị đã được giải thoát chân chánh, đã vượt qua dòng chảy của sự trôi buộc vào các dục, đã đạt đến sự an lạc bất động, là không có để công bố”.

Phẩm Dân Làng Pāṭali là thứ tám.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Bốn Kinh về Niết Bàn đã được nói đến, vị Cunda, các dân làng Pāṭali, đường rẽ hai nhánh, và bà Visākhā, với hai chuyện về vị Dabba; chúng là mười.

Đây là phẩm thứ nhất: Sự giác ngộ cao quý, đây là phẩm thứ hai: Mucalinda, còn phẩm cao quý về vị Nanda là thứ ba, và phẩm cao quý về vị Meghiya là thứ tư, ở đây phẩm cao quý thứ năm là vị Soṇa, phẩm cao quý thứ sáu là Mù Bầm Sinh, và phẩm cao quý thứ bảy là Tiểu Phẩm, phẩm thứ tám cao quý về làng Pāṭali. Đây đủ tám mươi bài Kinh cao quý đã khéo được phân chia thành tám phẩm ở đây. Họ đã nói điều này: “Chắc chắn tập Phật Tự Thuyết ấy đã được trình bày bởi bậc Hữu Nhân, đấng Vô Nhiễm”.

PHẬT TỰ THUYẾT ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.

---o0o---

TẶNG KINH - TIÊU BỘ

PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY

Kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, đấng Chánh Biến Tri!

NHÓM MỘT PHÁP

PHẨM THỨ NHẤT

1. 1. 1. KINH THAM

[1]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, các người hãy dứt bỏ một pháp; Ta là người bảo đảm cho các người về phẩm vị Bất Lai. Một pháp nào? Này các tỳ khưu, tham là một pháp mà các người hãy dứt bỏ; Ta là người bảo đảm cho các người về phẩm vị Bất Lai”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “*Do tham nào chúng sinh bị khởi tham rồi đi đến khổ cảnh, các vị hành minh sát hiểu biết đúng đắn về tham ấy và dứt bỏ nó, sau khi dứt bỏ thì không trở lại thế gian này một lần nào nữa*”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 1. 2. KINH SÂN

[2]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, các người hãy dứt bỏ một pháp; Ta là người bảo đảm cho các người về phẩm vị Bất Lai. Một pháp nào? Này các tỳ khưu, sân là một pháp mà các người hãy dứt bỏ; Ta là người bảo đảm cho các người về phẩm vị Bất Lai”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Do sân nào chúng sinh bị sân hận rồi đi đến khổ cảnh, các vị hành minh sát hiểu biết đúng đắn về sân ấy và dứt bỏ nó, sau khi dứt bỏ thì không trở lại thế gian này một lần nào nữa”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 1. 3. KINH SI

[3]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, các người hãy dứt bỏ một pháp; Ta là người bảo đảm cho các người về phẩm vị Bất Lai. Một pháp nào? Này các tỳ khưu, si là một pháp mà các người hãy dứt bỏ; Ta là người bảo đảm cho các người về phẩm vị Bất Lai”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Do si nào chúng sinh bị si mê rồi đi đến khổ cảnh, các vị hành minh sát hiểu biết đúng đắn về si ấy và dứt bỏ nó, sau khi dứt bỏ thì không trở lại thế gian này một lần nào nữa”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 1. 4. KINH GIẬN DỮ

[4]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, các người hãy dứt bỏ một pháp; Ta là người bảo đảm cho các người về phẩm vị Bất Lai. Một pháp nào? Này các tỳ khưu, giận dữ là một pháp mà các người hãy dứt bỏ; Ta là người bảo đảm cho các người về phẩm vị Bất Lai”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Do sự giận dữ nào chúng sinh bị tức giận rồi đi đến khổ cảnh, các vị hành minh sát hiểu biết đúng đắn về sự giận dữ ấy và dứt bỏ nó, sau khi dứt bỏ thì không trở lại thế gian này một lần nào nữa”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 1. 5. KINH GIÈM PHA

[5]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, các người hãy dứt bỏ một pháp; Ta là người bảo đảm cho các người về phạm vi Bất Lai. Một pháp nào? Này các tỳ khuru, gièm pha là một pháp mà các người hãy dứt bỏ; Ta là người bảo đảm cho các người về phạm vi Bất Lai”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Do sự gièm pha nào chúng sinh gièm pha rồi đi đến khổ cảnh, các vị hành minh sát hiểu biết đúng đắn về sự gièm pha ấy và dứt bỏ nó, sau khi dứt bỏ thì không trở lại thế gian này một lần nào nữa”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 1. 6. KINH NGÃ MẠN

[6]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, các người hãy dứt bỏ một pháp; Ta là người bảo đảm cho các người về phạm vi Bất Lai. Một pháp nào? Này các tỳ khuru, ngã mạn là một pháp mà các người hãy dứt bỏ; Ta là người bảo đảm cho các người về phạm vi Bất Lai”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Do ngã mạn nào chúng sinh bị đắm say rồi đi đến khổ cảnh, các vị hành minh sát hiểu biết đúng đắn về ngã mạn ấy và dứt bỏ nó, sau khi dứt bỏ thì không trở lại thế gian này một lần nào nữa”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 1. 7. KINH BIẾT TOÀN DIỆN TẤT CẢ

[7]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, người không biết rõ, không biết toàn diện tất cả, tâm không xa lìa sự luyến ái ở nơi ấy, không dứt bỏ (vô minh, ái, thủ), thì không thể diệt trừ khổ đau. Này các tỳ khuru, còn người biết rõ, biết toàn diện tất cả, tâm xa lìa sự luyến ái ở nơi ấy, dứt bỏ (vô minh, ái, thủ), thì có thể diệt trừ khổ đau”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Người nào biết tất cả về mọi phương diện, không bị ái luyến ở tất cả các pháp, chắc hẳn rằng sau khi biết toàn diện tất cả, người ấy đã vượt qua tất cả khổ đau”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 1. 8. KINH BIẾT TOÀN DIỆN NGÃ MẠN

[8]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, người không biết rõ, không biết toàn diện ngã mạn, tâm không xa lìa sự luyến ái ở nơi ấy, không dứt bỏ, thì không thể diệt trừ khổ đau. Này các tỳ khuru, còn người biết rõ, biết toàn diện ngã mạn, tâm xa lìa sự luyến ái ở nơi ấy, dứt bỏ, thì có thể diệt trừ khổ đau”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Các sinh mạng này sở hữu ngã mạn, bị trói buộc bởi ngã mạn, thích thú ở hữu, trong khi không biết toàn diện ngã mạn là những người đi đến sự hiện hữu lại nữa.*

Còn những ai đã dứt bỏ ngã mạn, được giải thoát ở sự diệt trừ hoàn toàn ngã mạn, họ là những người chiến thắng sự trói buộc của ngã mạn, đã vượt qua tất cả khổ đau”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 1. 9. KINH BIẾT TOÀN DIỆN THAM

[9]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, người không biết rõ, không biết toàn diện tham, tâm không xa lìa sự luyện ái ở nơi ấy, không dứt bỏ, thì không thể diệt trừ khổ đau. Này các tỳ khuru, còn người biết rõ, biết toàn diện tham, tâm xa lìa sự luyện ái ở nơi ấy, dứt bỏ, thì có thể diệt trừ khổ đau”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “*Do tham nào chúng sinh bị khởi tham rồi đi đến khổ cảnh, các vị hành minh sát hiểu biết đúng đắn về tham ấy và dứt bỏ nó, sau khi dứt bỏ thì không trở lại thế gian này một lần nào nữa*”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 1. 10. KINH BIẾT TOÀN DIỆN SÂN

[10]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, người không biết rõ, không biết toàn diện sân, tâm không xa lìa sự luyện ái ở nơi ấy, không dứt bỏ, thì không thể diệt trừ khổ đau. Này các tỳ khuru, còn người biết rõ, biết toàn diện sân, tâm xa lìa sự luyện ái ở nơi ấy, dứt bỏ, thì có thể diệt trừ khổ đau”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “*Do sân nào chúng sinh bị sân hận rồi đi đến khổ cảnh, các vị hành minh sát hiểu biết đúng đắn về sân ấy và dứt bỏ nó, sau khi dứt bỏ thì không trở lại thế gian này một lần nào nữa*”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

Phẩm Người Bảo Đảm là thứ nhất.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Tham, sân, rồi si, giận dữ, gièm pha, ngã mạn, tất cả,

từ ngã mạn, tham, sân đã được trình bày lần nữa, gọi là phẩm thứ nhất.

---o0o---

PHẨM THỨ NHÌ

1. 2. 1. KINH BIẾT TOÀN DIỆN SI

[11]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, người không biết rõ, không biết toàn diện si, tâm không xa lìa sự luyến ái ở nơi ấy, không dứt bỏ, thì không thể diệt trừ khổ đau. Này các tỳ khuru, còn người biết rõ, biết toàn diện si, tâm xa lìa sự luyến ái ở nơi ấy, dứt bỏ, thì có thể diệt trừ khổ đau”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Do si nào chúng sinh bị si mê rồi đi đến khổ cảnh, các vị hành minh sát hiểu biết đúng đắn về si ấy và dứt bỏ nó, sau khi dứt bỏ thì không trở lại thế gian này một lần nào nữa”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 2. 2. KINH BIẾT TOÀN DIỆN GIẬN DỮ

[12]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, người không biết rõ, không biết toàn diện giận dữ, tâm không xa lìa sự luyến ái ở nơi ấy, không dứt bỏ, thì không thể diệt trừ khổ đau. Này các tỳ khuru, còn người biết rõ, biết toàn diện giận dữ, tâm xa lìa sự luyến ái ở nơi ấy, dứt bỏ, thì có thể diệt trừ khổ đau”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Do sự giận dữ nào chúng sinh bị tức giận rồi đi đến khổ cảnh, các vị hành minh sát hiểu biết đúng đắn về sự giận dữ ấy và dứt bỏ nó, sau khi dứt bỏ thì không trở lại thế gian này một lần nào nữa”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 2. 3. KINH BIẾT TOÀN DIỆN GIỀM PHA

[13]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, người không biết rõ, không biết toàn diện gièm pha, tâm không xa lìa sự luyến ái ở nơi ấy, không dứt bỏ, thì không thể diệt trừ khổ đau. Này các tỳ khuru, còn người biết rõ, biết toàn diện gièm pha, tâm xa lìa sự luyến ái ở nơi ấy, dứt bỏ, thì có thể diệt trừ khổ đau”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Do sự gièm pha nào chúng sinh gièm pha rồi đi đến khổ cảnh, các vị hành minh sát hiểu biết đúng đắn về sự gièm pha ấy và dứt bỏ nó, sau khi dứt bỏ thì không trở lại thế gian này một lần nào nữa”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 2. 4. KINH CHE LẤP BỞI VÔ MINH

[14]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, Ta không nhận thấy một sự che lấp nào khác, mà bị che lấp bởi sự che lấp ấy các sinh mạng rong ruổi luân chuyển một thời gian dài, này các tỳ khuru như là sự che lấp bởi vô minh. Này các tỳ khuru, chính vì bị che lấp bởi sự che lấp bởi vô minh, các sinh mạng rong ruổi luân chuyển một thời gian dài”.*

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Không có một pháp nào khác, mà các sinh mạng bị che lấp như thế bởi nó, phải luân chuyển ngày và đêm, như là bị che khuất bởi si mê.*

3. *Còn những ai đã dứt bỏ si mê và đã phá vỡ khối đóng tâm tối, những người ấy không luân chuyển trở lại; nhân của những người ấy không tìm thấy”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 2. 5. KINH RÀNG BUỘC BỞI THAM ÁI

[15]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, Ta không nhận thấy một sự ràng buộc nào khác, mà bị ràng buộc bởi sự ràng buộc ấy các sinh mạng rong ruổi luân chuyển một thời gian dài, này các tỳ khuru như là sự ràng buộc bởi tham ái. Này các tỳ khuru, chính vì bị ràng buộc với sự ràng buộc bởi tham ái, chúng sinh rong ruổi luân chuyển một thời gian dài”.*

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Có tham ái là bạn lữ, trong khi luân chuyển một thời gian dài đến cõi này và cõi khác, con người không vượt qua được luân hồi.*

3. *Sau khi biết được sự bất lợi như vậy, (biết được) tham ái là nguồn sanh khởi của khổ, vị tỳ khuru, đã xa lìa tham ái, không có nắm giữ, có niệm, nên ra đi du phương”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 2. 6. KINH HỮU HỌC - THỨ NHẤT

[16]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đối với vị tỳ khuru là bậc hữu học, còn chưa đạt được mục đích, đang sống, đang ước nguyện sự an toàn vô thượng đối với các trời buộc, Ta không nhận thấy một yếu tố nào khác sau khi tạo thành yếu tố ở nội phần có nhiều sự hỗ trợ như vậy, này các tỳ khuru như là tác ý đúng đường lối. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru, trong khi tác ý đúng đường lối, dứt bỏ bất thiện, phát triển thiện”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Tác ý đúng đường lối là pháp của vị tỳ khuru hữu học, không có cái khác có nhiều sự ích lợi như vậy đối với việc đạt đến mục đích tối thượng. Trong khi nỗ lực đúng đường lối, vị tỳ khuru có thể đạt được sự diệt trừ khổ đau”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 2. 7. KINH HỮU HỌC - THỨ NHÌ

[17]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đối với vị tỳ khuru là bậc hữu học, còn chưa đạt được mục đích, đang sống, đang ước nguyện sự an toàn vô thượng đối với các trời buộc, Ta không nhận thấy một yếu tố nào khác, sau khi tạo thành yếu tố ở ngoại phần, có nhiều sự hỗ trợ như vậy, này các tỳ khuru như là trạng thái có bạn tốt lành. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru, có bạn tốt lành, dứt bỏ bất thiện, phát triển thiện”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Vị tỳ khuru nào có bạn tốt lành, có sự tôn trọng, có sự tôn kính, trong khi thực hành theo lời nói của những người bạn, có sự nhận biết rõ, có niệm, có thể đạt được theo tuần tự sự diệt trừ tất cả các ràng buộc”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 2. 8. KINH CHIA RẼ HỘI CHÚNG

[18]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, có một pháp, trong khi sanh lên ở thế gian, sanh lên đem lại sự bất lợi cho nhiều người, đem lại sự bất an cho nhiều người, đem lại sự tai hại, đem lại sự bất lợi, đem lại sự khổ đau cho nhiều người, cho chư Thiên và nhân loại. Một pháp nào? Sự chia rẽ hội chúng. Này các tỳ khuru, hơn nữa khi hội chúng bị chia rẽ, không những có sự xung đột lẫn nhau, mà còn có sự mắng nhiếc lẫn nhau, sự ngăn cách lẫn nhau, sự tẩy chay lẫn nhau. Tại nơi ấy, những kẻ chưa có đức tin chẳng những không có niềm tin, mà còn có sự thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “*Kẻ chia rẽ hội chúng là kẻ sanh đọa xứ, kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp. Kẻ có sự ưa thích phe nhóm, trú ở phi pháp, bị tiêu hoại sự an toàn đối với các trời buộc, sau khi chia rẽ hội chúng hợp nhất bị nung nấu ở địa ngục trọn kiếp*”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 2. 9. KINH HỢP NHẤT HỘI CHÚNG

[19]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, có một pháp, trong khi sanh lên ở thế gian, sanh lên đem lại sự lợi ích cho nhiều người, đem lại sự an lạc cho nhiều người, đem lại sự tấn hóa, đem lại sự lợi ích, đem lại sự an lạc cho nhiều người, cho chư Thiên và nhân loại. Một pháp nào? Sự hợp nhất hội chúng. Này các tỳ khuru, hơn nữa khi hội chúng có sự hợp nhất, chẳng những không có sự xung đột lẫn nhau, mà còn không có sự mắng nhiếc lẫn nhau, không có sự ngăn cách lẫn nhau, không có sự tẩy chay lẫn nhau. Tại nơi ấy, những người chưa có đức tin chẳng những có niềm tin, mà còn có sự làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “*An lạc thay sự hợp nhất của hội chúng, và sự tán đồng với những ai sống hợp nhất. Vị thích thú với sự hợp nhất, trú ở Pháp, không bị tiêu hoại sự an*

toàn đối với các trời buộc, sau khi đã làm cho hội chúng có sự hợp nhất, được vui hưởng ở cõi Trời trọn kiếp”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 2. 10. KINH NGƯỜI XẤU XA

[20]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, ở đây sau khi biết được tâm bằng tâm Ta nhận biết về một người nào đó có tâm xấu xa rằng: Vào lúc này, người này có thể từ trần, bị rơi xuống ở địa ngục như vậy, giống như là bị đưa đẩy. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Này các tỳ khưu, bởi vì tâm của người này xấu xa. Này các tỳ khưu, hơn nữa do nhân xấu xa ở tâm, ở đây một số chúng sinh do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Sau khi biết được người nào đó ở đây có tâm xấu xa, đức Phật đã giải thích ý nghĩa này trong sự hiện diện của các vị tỳ khưu.*

3. *Và vào lúc này người này có thể từ trần, có thể sanh vào địa ngục bởi vì tâm của người này xấu xa.*

4. *Giống như là được đưa đi, người này có thể rơi xuống tương tự y như vậy, theo cách thức như thế. Bởi vì do nhân xấu xa ở tâm, các chúng sinh đi đến cõi khổ”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

Phẩm thứ nhì.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Si mê, giận dữ, rồi gièm pha, vô minh, tham ái, hai bài Kinh về hữu học, chia rẽ, hợp nhất, và người (xấu xa), đã nói là phẩm, được gọi là thứ nhì.

---o0o---

PHẨM THỨ BA

1. 3. 1. KINH TÂM TỊNH TÍN

[21]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, ở đây sau khi biết được tâm bằng tâm ta nhận biết về một người nào đó có tâm tịnh tín rằng: Vào lúc này, người này có thể từ trần, được sanh vào ở cõi Trời như vậy, giống như là bị đưa đây. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Này các tỳ khuru, bởi vì tâm của người này tịnh tín. Này các tỳ khuru, hơn nữa do nhân tịnh tín ở tâm, ở đây một số chúng sinh do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi Trời”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Sau khi biết được người nào đó ở đây có tâm tịnh tín, đức Phật đã giải thích ý nghĩa này trong sự hiện diện của các vị tỳ khuru.*

3. *Và vào lúc này người này có thể từ trần, có thể sanh vào chốn an vui bởi vì tâm của người này tịnh tín.*

4. *Giống như là được đưa đi, người này có thể đáp xuống tương tự y như vậy, theo cách thức như thế. Bởi vì do nhân tịnh tín ở tâm, các chúng sinh đi đến chốn an vui”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 3. 2. CHỚ SỢ HÃI ĐỐI VỚI CÁC PHƯỚC THIỆN

[22]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, chớ sợ hãi đối với các phước thiện. Này các tỳ khuru, điều này là từ biểu trưng của sự an lạc, của điều được thích, được muốn, đáng mến, đáng yêu, tức là các phước thiện. Này các tỳ khuru, hơn nữa Ta biết rõ về quả thành tựu được thích, được muốn, đáng mến, đáng yêu, đã được kinh nghiệm, của các việc phước thiện đã làm trong một thời gian dài. Sau khi tu tập tâm từ trong bảy năm, Ta đã không trở lại thế gian này trong bảy thành và hoại kiếp. Này các tỳ khuru, vào giai đoạn thành kiếp Ta đi đến cõi Quang Âm Thiên, vào giai đoạn hoại kiếp Ta sanh lên Phạm Thiên Cung trông vắng. Này các tỳ khuru, tại nơi ấy Ta là Phạm Thiên, Đại Phạm Thiên, đáng chiến thắng, bậc không bị chế ngự, bậc nhìn thấy tất cả, bậc vận hành quyền lực. Này các tỳ khuru, hơn nữa ba mươi sáu lần Ta đã là Sakka, Chúa của chư Thiên. Nhiều trăm lần Ta đã là vị vua, Chuyển Luân Vương, bậc công minh, đáng Pháp vương, bậc cai trị bốn phương, bậc chiến thắng bậc đã đạt được sự ổn định của xứ sở, bậc có đầy đủ bảy vật báu. Còn nói gì đến vương quyền của địa phận. Này các tỳ khuru, Ta đây đã khởi ý điều này:

‘Đối với Ta, quả báu này là của nghiệp nào, quả thành tựu này là của nghiệp nào, nhờ vào nó hiện nay Ta có đại thần lực như vậy, có đại oai lực như vậy?’ Nay các tỳ khuru, Ta đây đã khởi ý điều này: ‘Đối với Ta, quả báu này là của ba nghiệp, quả thành tựu này là của ba nghiệp, nhờ vào nó hiện nay Ta có đại thần lực như vậy, có đại oai lực như vậy;’ tức là của sự bố thí, của sự thuần hóa, của sự chế ngự”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Nên học tập thuần về phước thiện làm sanh lên an lạc tối cao kéo dài, nên tu tập bố thí, sự thực hành bình lặng, và tâm từ ái.*

3. *Sau khi tu tập ba pháp làm sanh lên an lạc này, bậc sáng suốt sanh lên cõi an lạc, không khổ sầu”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 3. 3. KINH CẢ HAI LỢI ÍCH

[23]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, một pháp được tu tập, được thực hành thường xuyên, đạt được và tồn tại cả hai lợi ích, lợi ích ở đời hiện tại và ở đời vị lai. Một pháp nào? Không xao lãng trong các thiện pháp. Này các tỳ khuru, một pháp này được tu tập, được thực hành thường xuyên, đạt được và tồn tại cả hai lợi ích, lợi ích ở đời hiện tại và ở đời vị lai”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Các bậc sáng suốt ca ngợi sự không xao lãng trong các hành động phước thiện. Không xao lãng, bậc sáng suốt đạt được cả hai lợi ích.*

3. *Lợi ích ở đời hiện tại và lợi ích ở đời vị lai. Do lãnh hội được sự lợi ích, người sáng trí được gọi là ‘bậc sáng suốt’.”*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 3. 4. KINH ĐỒNG XƯƠNG

[24]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, phần xương khối xương đồng xương của một cá nhân đang rong ruổi, đang luân chuyển trong thời gian một đại kiếp có thể to lớn như vậy, giống như là ngọn núi Vepulla này, nếu có người thâu gom lại và sự gom góp lại không bị tiêu hoại”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “*“Sự tích lũy các xương của một cá nhân trong thời gian một kiếp có thể là một đồng sánh bằng ngọn núi, ’ bậc Đại Ấn Sĩ đã nói thế ấy.*”

3. *Hơn nữa, vị ấy đã nói đồng này là (bằng) ngọn núi Vepulla to lớn, ở phía bắc của núi Gijjhakūṭa, ở gần thành Rājagaha của xứ Magadha.*

4. *Khi nhìn thấy bằng trí tuệ chân chánh các Sự Thật Cao Thượng: khổ, nguồn sanh khởi của khổ, sự vượt qua khổ, và đạo lộ cao thượng tám chi phần đưa đến sự yên lặng của khổ.*

5. *Và cá nhân (ấy), sau khi rong ruổi tới đa bảy lần, là người thực hiện việc chấm dứt khổ do sự diệt trừ tất cả các ràng buộc”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 3. 5. KINH CỔ TÌNH NÓI DỐI

[25]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, đối với cá nhân con người đã vượt qua một pháp, Ta nói rằng đối với người ấy không có bất cứ việc ác nào là sẽ không làm. Một pháp nào? Này các tỳ khưu, như là việc cổ tình nói dối”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “*Đối với người đã vượt qua một pháp, có lời nói dối, đối với người đã buông bỏ đời sau, không có việc ác nào là sẽ không làm”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 3. 6. KINH BỐ THÍ VÀ SAN SẺ

[26]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, nếu chúng sinh có thể biết về quả thành tựu của sự bố thí và san sẻ giống như Ta biết, họ không thể thụ hưởng khi chưa bố thí, và sự ô nhiễm của bợn xén không thể chiếm cứ tâm của họ và tồn tại. Cho dầu

là miếng thức ăn cuối cùng, vắt thức ăn cuối cùng của họ, họ không thể ăn khi chưa san sẻ phần đó nếu có người thọ nhận (phần san sẻ) của họ. Nay các tỳ khuru, và bởi vì chúng sinh không biết về quả thành tựu của sự bố thí và san sẻ giống như Ta biết, cho nên họ thụ hưởng khi chưa bố thí, và sự ô nhiễm của bốn xén chiếm cứ tâm của họ và tồn tại”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Nếu chúng sinh có thể biết như vậy, giống như điều bậc Đại Ân Sĩ đã nói: Quả thành tựu của sự san sẻ là có quả báu to lớn.*

3. *Họ có thể xua đi sự ô nhiễm của bốn xén bằng tâm ý thanh tịnh, có thể bố thí hợp thời đến các bậc Thánh nhân; vật đã bố thí ở các vị ấy có quả báu to lớn.*

4. *Và sau khi bố thí thức ăn, là vật cúng dường đến các bậc xứng đáng cúng dường, nhiều thí chủ, từ trần khỏi bản thể nhân loại ở nơi đây, đi đến cõi Trời.*

5. *Và những người ấy đã đi đến cõi Trời. Là những người có ước muốn về dục, họ vui hưởng tại nơi ấy. Những người không bốn xén hưởng thụ quả thành tựu của sự san sẻ”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

1. 3. 7. KINH TỪ TÂM GIẢI THOÁT

[27]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, bất cứ các nền tảng của hành động phước thiện nào có liên quan đến tái sanh, tất cả chúng không giá trị bằng một phần mười sáu sự giải thoát của tâm thông qua từ ái. Chính sự giải thoát của tâm thông qua từ ái vượt trội chúng, chiếu sáng, rực sáng, và chói sáng. Nay các tỳ khuru, cũng giống như bất cứ ánh sáng nào của các vì tinh tú, tất cả chúng không giá trị bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng. Chính ánh sáng của mặt trăng vượt trội chúng, chiếu sáng, rực sáng, và chói sáng. Nay các tỳ khuru, tương tự như thế bất cứ các nền tảng của hành động phước thiện nào có liên quan đến tái sanh, tất cả chúng không giá trị bằng một phần mười sáu sự giải thoát của tâm thông qua từ ái. Chính sự giải thoát của tâm thông qua từ ái vượt trội chúng, chiếu sáng, rực sáng, và chói sáng.

2. Nay các tỳ khuru, cũng giống như vào tháng cuối cùng của mùa mưa, vào tiết thu, trên bầu trời trong vắt, mây đen đã tan, mặt trời đang vươn lên ở bầu trời, xua tan tất cả tăm tối ở không trung, chiếu sáng, rực sáng, và chói sáng,

này các tỳ khuru, tương tự y như thế bất cứ các nền tảng của hành động phước thiện nào có liên quan đến tái sanh, tất cả chúng không giá trị bằng một phần mười sáu sự giải thoát của tâm thông qua từ ái. Chính sự giải thoát của tâm thông qua từ ái vượt trội chúng, chiếu sáng, rực sáng, và chói sáng.

Này các tỳ khuru, cũng giống như vào lúc hùng sáng của đêm, ngôi sao mai chiếu sáng, rực sáng, và chói sáng. Này các tỳ khuru, tương tự y như thế bất cứ các nền tảng của hành động phước thiện nào có liên quan đến tái sanh, tất cả chúng không giá trị bằng một phần mười sáu sự giải thoát của tâm thông qua từ ái. Chính sự giải thoát của tâm thông qua từ ái vượt trội chúng, chiếu sáng, rực sáng, và chói sáng”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

3. *“Và người nào tu tập tâm từ ái vô lượng, có niệm, các sự ràng buộc giảm thiểu đối với người nhìn thấy sự diệt trừ mầm tái sanh.*

4. *Nếu với tâm không xấu xa khởi tâm từ đến chỉ một sinh mạng, do việc ấy trở nên tốt lành, còn bậc Thánh tạo ra phước thiện vô số trong khi có tâm thương tưởng đến tất cả sinh mạng.*

5. *Các vị vua công minh, sau khi chinh phục trái đất có đông đảo chúng sinh, đã đi khắp nơi cúng hiến lễ cúng tế ngựa, lễ cúng tế người, lễ ném cọc nhọn, lễ ném rượu thánh, lễ hiến tế không hạn chế.*

6. *Đối với người đã khéo tu tập về tâm từ ái thì các việc ấy không sánh bằng dầu là một phần mười sáu, tựa như tất cả quân thể các vì sao không sánh bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng.*

7. *Người nào không giết hại, không bảo giết hại, không thống trị, không bảo thống trị, có tâm từ ái đối với tất cả sanh linh, người ấy không có oán thù với bất cứ ai”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

Phẩm thứ ba.

---o0o---

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Tâm (tịnh tín), có sự sợ hãi, về cả hai lợi ích, đống (xương) là ngọn núi Vepulla, cô tình nói dối, bố thí, và sự tu tập về từ ái.

Bảy bài Kinh ở đây và hai mươi bài Kinh ở trước, tổng hợp lại có hai mươi bảy bài Kinh về một pháp.

NHÓM MỘT PHÁP ĐƯỢC CHẤM DỨT.

---o0o---

NHÓM HAI PHÁP

PHẨM THỨ NHẤT

2. 1. 1. KINH TỖ KHUÛU - THỨ NHẤT

[28]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru thành tựu hai pháp, ngay trong đời hiện tại sống khổ sở, có sự buồn phiền, thất vọng, bức bối, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, khổ cảnh là điều chờ đợi. Với hai pháp nào? Cửa vào các giác quan không được canh phòng và không biết chừng mực về vật thực. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru thành tựu hai pháp, ngay trong đời hiện tại sống khổ sở, có sự buồn phiền, thất vọng, bức bối, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, khổ cảnh là điều chờ đợi”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý, ở đây các giác quan này của vị tỳ khuru nào là không được canh phòng, ...*

3. *... vị không biết chừng mực về vật thực, không thu thúc ở các giác quan, vị ấy đi đến khổ đau, khổ đau ở thân, khổ đau ở tâm.*

4. *Với thân đang bị đốt nóng, với tâm đang bị đốt nóng, vị như thế ấy sống khổ sở, dầu cho là ngày hay đêm”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 1. 2. KINH TỖ KHUÛU - THỨ NHÌ

[29]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru thành tựu hai pháp, ngay trong đời hiện tại sống an lạc, không có buồn phiền, không có thất vọng, không có bức bối, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, nhàn cảnh là điều chờ đợi. Với hai pháp nào? Cửa vào các giác quan được canh phòng và biết chừng mực về vật thực. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru thành tựu hai pháp, ngay trong đời hiện tại sống không có buồn phiền, không có thất vọng, không có bức bối, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, nhàn cảnh là điều chờ đợi”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý, ở đây các giác quan này của vị tỳ khuru nào là khéo được canh phòng, ...*

3. *... vị biết chừng mực về vật thực, và thu thúc ở các giác quan, vị ấy đi đến an lạc, an lạc ở thân, an lạc ở tâm.*

4. *Với thân không bị đốt nóng, với tâm không bị đốt nóng, vị như thế ấy sống an lạc, dầu cho là ngày hay đêm”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 1. 3. KINH LÀM CHO BÚT RÚT

[30]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, có hai pháp làm cho bút rút. Hai pháp nào? Này các tỳ khuru, ở đây có người đã không làm việc tốt, đã không làm việc thiện, đã không che chở cho kẻ bị sợ hãi, đã làm điều ác, đã làm việc tàn bạo, đã làm việc sai quấy. Người ấy bị bút rút (nghĩ rằng): ‘Ta đã không làm việc tốt,’ bị bút rút (nghĩ rằng): ‘Ta đã làm điều ác’. Này các tỳ khuru, hai pháp này làm cho bút rút”.*

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Sau khi làm uế hạnh do thân và các uế hạnh do khẩu, sau khi làm uế hạnh do ý và điều nào khác liên quan đến tội lỗi, ...*

3. *... sau khi không làm hành động thiện, sau khi làm nhiều việc bất thiện, do sự hoại rã của thân, kẻ thiếu trí tuệ ấy sanh vào địa ngục”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 1. 4. KINH KHÔNG LÀM CHO BÚT RÚT

[31]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, có hai pháp không làm cho bút rút. Hai pháp nào? Này các tỳ khuru, ở đây có người đã làm việc tốt, đã làm việc thiện, đã che chở cho kẻ bị sợ hãi, đã không làm điều ác, đã không làm việc tàn bạo, đã không làm việc sai quấy. Người ấy không bị bút rút (nghĩ rằng): ‘Ta đã làm việc tốt,’ không bị bút rút (nghĩ rằng): ‘Ta đã không làm điều ác’. Này các tỳ khuru, hai pháp này không làm cho bút rút”.*

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Sau khi từ bỏ uế hạnh do thân và các uế hạnh do khẩu, sau khi từ bỏ uế hạnh do ý và điều nào khác liên quan đến tội lỗi, ...*

3. *... sau khi không làm hành động bất thiện, sau khi làm nhiều việc thiện, do sự hoại rã của thân, người có trí tuệ ấy sanh vào cõi Trời”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 1. 5. KINH GIỚI ÁC XẤU

[32]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, người thành tựu hai pháp bị rơi xuống ở địa ngục như vậy, giống như là bị đưa đây. Với hai pháp nào? Giới ác xấu và kiến ác xấu. Này các tỳ khuru, người thành tựu hai pháp này bị rơi xuống ở địa ngục như vậy, giống như là bị đưa đây”.*

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Với giới ác xấu và với kiến ác xấu,*

người nào thành tựu hai pháp này,

do sự hoại rã của thân, kẻ thiếu trí tuệ ấy sanh vào địa ngục”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 1. 6. KINH GIỚI HIỀN THIỆN

[33]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, người thành tựu hai pháp được sanh vào ở cõi Trời như vậy, giống như là bị đưa đây. Với hai pháp nào? Giới hiền thiện và kiến hiền thiện. Này các tỳ khuru, người thành tựu hai pháp này bị rơi xuống ở địa ngục như vậy, giống như là bị đưa đây”.*

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Với giới hiền thiện và với kiến hiền thiện, người nào thành tựu hai pháp này, do sự hoại rã của thân, người có trí tuệ ấy sanh vào cõi Trời”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 1. 7. KINH KHÔNG CÓ NHIỆT TÂM

[34]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru không có nhiệt tâm, không có ghê sợ tội lỗi không có khả năng về việc giác ngộ, không có khả năng về Niết Bàn, không có khả năng về việc chứng đắc sự an toàn vô thượng đối với các trói buộc. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru có nhiệt tâm, có ghê sợ tội lỗi có khả năng về việc giác ngộ, có khả năng về Niết Bàn, có khả năng về việc chứng đắc sự an toàn vô thượng đối với các trói buộc”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Người không có nhiệt tâm, không có ghê sợ tội lỗi, biếng nhác, có sự tinh tấn thấp kém, nhiều đã dượt buồn ngủ, người vô liêm sỉ, không có sự tôn trọng, vị tỳ khuru như thế ấy không có khả năng chạm đến phẩm vị giác ngộ tối thượng.*

3. *Và người có niệm, chín chắn, có thiên, có nhiệt tâm, có ghê sợ tội lỗi, và không xao lãng, sau khi cắt đứt sự trói buộc với sanh và lão có thể chạm đến phẩm vị giác ngộ tối thượng ngay tại nơi đây”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 1. 8. KINH ĐỐI GẠT NGƯỜI - THỨ NHẤT

[35]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, Phạm hạnh này được thực hành không nhằm mục đích đối gạt dân chúng, không nhằm mục đích phỉnh phờ dân chúng, không nhằm mục đích các quả báu về lợi lộc, tôn vinh, tiếng tăm, không vì (ý nghĩ): ‘Mong rằng dân chúng biết đến ta’. Này các tỳ khuru, thật ra Phạm hạnh này được thực hành nhằm mục đích thu thúc và nhằm mục đích dứt bỏ”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Đức Thế Tôn ấy đã thuyết giảng về Phạm hạnh, có sự tiêu diệt các điều bất hạnh, nhằm mục đích thu thúc, nhằm mục đích dứt bỏ, đưa đến việc thể nhập Niết Bàn.*

3. *Đạo lộ này được các bậc đại nhân, được các bậc đại ẩn sĩ theo đuổi. Những ai thực hành đạo lộ theo như đức Phật đã thuyết giảng, có sự thực hành theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư, sẽ thực hiện việc chấm dứt khổ”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 1. 9. KINH DỐI GẠT NGƯỜI - THỨ NHÌ

[36]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, Phạm hạnh này được thực hành không nhằm mục đích dối gạt dân chúng, không nhằm mục đích phỉnh phờ dân chúng, không nhằm mục đích các quả báu về lợi lộc, tôn vinh, tiếng tăm, không vì (ý nghĩ): ‘Mong rằng dân chúng biết đến ta’. Này các tỳ khưu, thật ra Phạm hạnh này được thực hành nhằm mục đích biết rõ và nhằm mục đích biết toàn diện”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Đức Thế Tôn ấy đã thuyết giảng về Phạm hạnh, có sự tiêu diệt các điều bất hạnh, nhằm mục đích thu thúc, nhằm mục đích dứt bỏ, đưa đến việc thể nhập Niết Bàn.*

3. *Đạo lộ này được các bậc đại nhân, được các bậc đại ẩn sĩ theo đuổi. Những ai thực hành đạo lộ theo như đức Phật đã thuyết giảng, có sự thực hành theo lời giáo huấn của bậc Đạo Sư, sẽ thực hiện việc chấm dứt khổ”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 1. 10. KINH TÂM HỖ

[37]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu thành tựu hai pháp, ngay trong đời hiện tại sống có nhiều an lạc và tâm hỷ, và động lực của vị này được khởi sự nhằm diệt trừ các lậu hoặc. Với hai pháp nào? Với sự chấn động ở các trường hợp đáng bị chấn động và với sự nỗ lực đúng đường lối khi đã bị chấn động. Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu thành tựu hai pháp này, ngay trong đời hiện tại sống có nhiều an lạc và tâm hỷ, và động lực của vị này được khởi sự nhằm diệt trừ các lậu hoặc”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Và bậc sáng suốt bị chấn động ở các trường hợp đáng bị chấn động. Vị tỳ khưu có nhiệt tâm, chín chắn, nên quán xét đúng đắn bằng trí tuệ.*

3. *Vị có sự an trú như vậy, có nhiệt tâm, có hành vi an tịnh, không kiêu căng, được gắn bó với sự vắng lặng của tâm, có thể đạt được sự diệt trừ khổ”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

Phẩm thứ nhất.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Và hai vị tỳ khuru, làm cho bứt rứt, không làm cho bứt rứt, hai khác nữa, không có nhiệt tâm, và hai về đối gạt, với thiện tâm; chúng là mười.

---o0o---

PHẨM THỨ NHÌ

2. 2. 1. KINH SUY TÂM

[38]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, ở đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác, có hai suy tầm thường xuyên khởi lên là: sự an toàn và sự tách ly. Này các tỳ khuru, đức Như Lai, bậc có sự ưa thích không hãm hại, thích thú không hãm hại. Này các tỳ khuru, ở đức Như Lai ấy đây, bậc có sự thích thú không hãm hại, thích thú không hãm hại, chính sự suy tầm này thường xuyên khởi lên: ‘Với oai nghi này, ta không hãm hại bất cứ vật gì, dầu là di động hay bất động’. Này các tỳ khuru, đức Như Lai, bậc có sự ưa thích việc tách ly, thích thú việc tách ly. Này các tỳ khuru, ở đức Như Lai ấy đây, bậc có sự ưa thích việc tách ly, thích thú việc tách ly, chính sự suy tầm này thường xuyên khởi lên rằng: ‘Cái gì bất thiện, cái ấy được dứt bỏ’.

2. Này các tỳ khuru, bởi thế chính các người hãy sống có sự ưa thích không hãm hại, thích thú không hãm hại. Này các tỳ khuru, khi các người đây sống có sự ưa thích không hãm hại, thích thú không hãm hại, chính sự suy tầm này sẽ thường xuyên khởi lên cho các người: ‘Với oai nghi này, chúng ta không hãm hại bất cứ vật gì, dầu là di động hay bất động’. Này các tỳ khuru, hãy sống có sự ưa thích việc tách ly, thích thú việc tách ly. Này các tỳ khuru, khi các người đây sống có sự ưa thích việc tách ly, thích thú việc tách ly, chính sự suy tầm này sẽ thường xuyên khởi lên cho các người: ‘Cái gì bất thiện, cái ấy được dứt bỏ’.”

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

3. “Ở đức Như Lai, bậc Giác Ngộ có sự chịu đựng điều không thể chịu đựng, có hai suy tầm khởi lên ở Ngài: an toàn là suy tầm thứ nhất đã được nói lên, kế đó tách ly là thứ nhì đã được giảng giải.

4. *Bậc Đại ẩn sĩ, vị xua tan bóng tối, đã đi đến bờ kia, vị ấy đã đạt đến sự thành đạt, có quyền lực, không còn lậu hoặc, vượt qua sự bất bình đẳng, đã được giải thoát trong việc diệt trừ tham ái, vị ấy quả thật là bậc hiền trí, mang thân mạng cuối cùng, từ bỏ Ma Vương, Ta nói đã đi đến bờ kia của sự già.*

5. *Giống như người đứng ở đỉnh đầu của ngọn núi đá, cũng giống như người có thể nhìn thấy dân chúng ở xung quanh, tương tự như thế ấy sau khi bước lên tòa lâu đài làm bằng Giáo Pháp, bậc Trí Tuệ, đáng Toàn Nhãn, bậc đã xa lìa sáu muộn quan sát dân chúng bị rơi vào sáu muộn, bị ngự trị bởi sanh và già”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 2. 2. KINH THUYẾT GIẢNG

[39]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, có hai sự thuyết giảng Giáo Pháp của đức Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Chánh Biến Tri là theo trình tự. Hai sự thuyết giảng nào? ‘Các người hãy nhìn thấy ác là ác,’ đây là sự thuyết giảng Pháp thứ nhất. ‘Sau khi nhìn thấy ác là ác, các người hãy nhàm chán, hãy xa lìa sự luyến ái, hãy giải thoát,’ đây là sự thuyết giảng Giáo Pháp thứ hai. Này các tỳ khuru, hai sự thuyết giảng Giáo Pháp này của đức Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Chánh Biến Tri là theo trình tự”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Hãy nhìn xem lời nói theo trình tự của đức Như Lai, bậc Giác Ngộ, có lòng thương tưởng đến tất cả sanh linh. Và hai pháp đã được giảng giải.*

3. *Các người hãy nhìn thấy điều này là ác, và các người cũng hãy xa lìa sự luyến ái ở điều ấy, sau đó với tâm đã được xa lìa luyến ái, các người sẽ thực hiện việc chấm dứt khổ”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 2. 3. KINH MINH

[40]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, vô minh đi trước trong việc thành tựu các pháp bất thiện, theo sau là không hổ thẹn (tội lỗi), không sợ hãi (tội lỗi). Này các tỳ

khru, minh đi trước trong việc thành tựu các pháp thiện, theo sau là hổ thẹn (tội lỗi), sợ hãi (tội lỗi)”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Bất cứ những khổ cảnh nào ở đời này hoặc đời sau, tất cả đều có gốc rễ ở vô minh, với sự tích lũy bởi ước muốn và tham lam.*

3. *Bởi vì có ước muốn xấu xa, không hổ thẹn (tội lỗi), không có sự tôn trọng, cho nên người tạo ra việc ác; do việc ấy đi đến đọa xir.*

4. *Vì thế, trong khi xa lìa sự mong muốn, tham lam, và vô minh, trong khi làm sanh khởi minh, vị tỳ khru từ bỏ mọi cảnh giới khổ đau”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

Tụng Phẩm thứ nhất.

---o0o---

2. 2. 4. KINH THÁP KÉM VỀ TUỆ

[41]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khru, các chúng sinh ấy vô cùng thấp kém, là những người thấp kém về tuệ cao thượng. Những người ấy ngay trong đời hiện tại sống khổ sở, có sự buồn phiền, thất vọng, bực bội, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, khổ cảnh là điều chờ đợi. Này các tỳ khru, các chúng sinh ấy không thấp kém, là những người không thấp kém về tuệ cao thượng. Những người ấy ngay trong đời hiện tại sống không có buồn phiền, không có thất vọng, không có bực bội, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, nhân cảnh là điều chờ đợi”.*

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Do sự thấp kém về tuệ, hãy nhìn thế gian luôn cả chư Thiên đã được xác lập ở danh và sắc, nghĩ rằng: ‘Đây là sự thật’.*

3. *Bởi vì tuệ là tối thượng ở thế gian, cái này dẫn đến sự thấu triệt, nhờ nó mà nhận biết đúng đắn sự diệt tận của sanh và hữu.*

4. *Chư Thiên và nhân loại yêu mến các vị ấy, các bậc Chánh Đẳng Giác, có niệ, có tuệ vi tiếu, mang thân xác cuối cùng”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 2. 5. KINH PHÁP TRẮNG

[42]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, hai pháp trắng này hộ trì thế gian. Hai pháp nào? Hồ thẹn (tội lỗi) và ghê sợ (tội lỗi). Này các tỳ khuru, nếu hai pháp trắng này không hộ trì thế gian, ở đây không được nhận biết là ‘Mẹ,’ hoặc là ‘Dì,’ hoặc là ‘Mợ,’ hoặc là ‘Vợ của thầy,’ hoặc là ‘Vợ của các bậc đáng kính’. Thế gian hỗn độn như là dê và cừ, gà và heo, chó nhà và chó rừng. Này các tỳ khuru, bởi vì hai pháp trắng này hộ trì thế gian, cho nên được nhận biết là ‘Mẹ,’ hoặc là ‘Dì,’ hoặc là ‘Mợ,’ hoặc là ‘Vợ của thầy,’ hoặc là ‘Vợ của các bậc đáng kính’.”

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Đối với những người nào hổ thẹn (tội lỗi) và ghê sợ (tội lỗi) thường xuyên không được biết đến, những người ấy, bị lệch khỏi gốc rễ trắng, đi đến sanh và tử.*

3. *Còn đối những người nào hổ thẹn (tội lỗi) và ghê sợ (tội lỗi) luôn luôn được thiết lập đúng đắn, Phạm hạnh được tăng tiến, những người ấy được an tịnh, đã được cạn kiệt sự hiện hữu lại nữa”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 2. 6. KINH KHÔNG SANH

[43]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, có cái không sanh—không hiện hữu—không làm ra—không tạo tác. Này các tỳ khuru, nếu không có cái không sanh—không hiện hữu—không làm ra—không tạo tác ấy thì ở đây việc thoát ly khỏi cái sanh—hiện hữu—làm ra—tạo tác không được biết đến. Này các tỳ khuru, bởi vì có cái không sanh—không hiện hữu—không làm ra—không tạo tác, cho nên việc thoát ly khỏi cái sanh—hiện hữu—làm ra—tạo tác được biết đến”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Cái sanh—hiện hữu—phát khởi—làm ra—tạo tác là không bền vững, gắn liền với già và chết, cái ổ của bệnh tật, dễ tiêu hoại, có thức ăn và tham ái là nguồn sanh khởi, không xứng đáng để thích thú.*

3. Sự ra khỏi cái ấy là an tịnh, vượt ngoài suy luận, bền vững, không sanh, không phát khởi, không sâu, xa lìa luyến ái, là chỗ tựa, sự tịch diệt các pháp khổ, sự yên lặng các pháp tạo tác, an lạc”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 2. 7. KINH BẢN THỂ NIẾT BÀN

[44]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đây là hai bản thể của Niết Bàn. Hai bản thể nào? Bản thể Niết bàn còn dư sót và bản thể Niết Bàn không còn dư sót.

2. Và này các tỳ khuru, cái nào là bản thể Niết bàn còn dư sót?

Này các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru là bậc A-la-hán, có lậu hoặc đã được cạn kiệt, đã được hoàn mãn, có việc cần làm đã làm, có gánh nặng đã được đặt xuống, có mục đích của mình đã được đạt đến, có sự trói buộc ở hữu đã được đoạn tận, đã hiểu biết đúng đắn và đã được giải thoát. Đối với vị ấy, năm giác quan vẫn tồn tại, thông qua trạng thái không bị hủy hoại của chúng vị ấy tiếp nhận đối tượng thích ý hoặc không thích ý, và cảm thọ hạnh phúc hay khổ đau. Cái có cho vị ấy là sự diệt trừ tham, sự diệt trừ sân, sự diệt trừ si. Này các tỳ khuru, cái này gọi là bản thể Niết bàn còn dư sót.

3. Và này các tỳ khuru, cái nào là bản thể Niết bàn không còn dư sót?

Này các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru là bậc A-la-hán, có lậu hoặc đã được cạn kiệt, đã được hoàn mãn, có việc cần làm đã làm, có gánh nặng đã được đặt xuống, có mục đích của mình đã được đạt đến, có sự trói buộc ở hữu đã được đoạn tận, đã hiểu biết đúng đắn và đã được giải thoát. Này các tỳ khuru, đối với vị ấy, ngay ở nơi đây tất cả những gì được cảm thọ là không được thích thú, sẽ trở thành mát lạnh. Này các tỳ khuru, cái này gọi là bản thể Niết bàn không còn dư sót. Này các tỳ khuru, đây là hai bản thể của Niết Bàn”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “Hai bản thể Niết bàn này đã được giảng giải bởi đáng Hữu Nhân, bậc không bị lệ thuộc, bậc tự tại: Một bản thể, tại đây, ở thời hiện tại, còn dư sót, có sự diệt tận lỗi dẫn đến các hữu, hơn nữa là (bản thể Niết bàn) không còn dư sót ở thời vị lai, lúc các hữu được diệt tận toàn bộ.

3. Các vị nào biết được vị thế không còn tạo tác này, có tâm đã được giải thoát, có sự diệt tận lỗi dẫn đến hữu, có sự chứng đắc về cốt lõi của Giáo

Pháp, các vị ấy thích thú ở sự diệt trừ, các vị như thế ấy đã dứt bỏ tất cả các hữu”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 2. 8. KINH THIÊN TỊNH

[45]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, các người hãy sống có sự ưa thích thiên tịnh, thích thú thiên tịnh, gắn bó với sự vắng lặng của tâm ở nội phần, không bỏ bê việc tham thiền, hội đủ pháp minh sát, là những người thường lai vãng các khu vực trống vắng. Này các tỳ khuru, đối với các vị sống có sự ưa thích thiên tịnh, thích thú thiên tịnh, gắn bó với sự vắng lặng của tâm ở nội phần, không bỏ bê việc tham thiền, hội đủ pháp minh sát, là những người thường lai vãng các khu vực trống vắng, một quả báu nào đó trong hai quả báu là điều chờ đợi: trí giải thoát ở đời hiện tại, hoặc nếu còn dư sót thì phẩm vị Bất Lai”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “*Những vị nào có tâm an tịnh, chín chắn, có niệm, và có thiền, thấy rõ pháp một cách đúng đắn, không có sự mong mỏi về các dục.*

3. *Trong khi thích thú ở việc không xao lãng, có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi ở việc xao lãng, không thể đi đến sự thấp kém, các vị ở gần Niết Bàn”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 2. 9. KINH LỢI ÍCH CỦA VIỆC HỌC TẬP

[46]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, các người hãy sống, có việc học tập là sự lợi ích, có tuệ là tối thượng, có giải thoát là cốt lõi, có niệm là chủ đạo. Này các tỳ khuru, đối với các vị sống có việc học tập là sự lợi ích, có tuệ là tối thượng, có giải thoát là cốt lõi, có niệm là chủ đạo, một quả báu nào đó trong hai quả báu là điều chờ đợi: trí giải thoát ở đời hiện tại, hoặc nếu còn dư sót thì phẩm vị Bất Lai”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “*Vị có việc học tập đã được đầy đủ, có pháp không bị hư hoại, có tuệ là tối thượng, có nhìn thấy sự diệt trừ và chấm dứt của sự sanh, vị ấy quả thật*

là bậc hiền trí, mang thân mạng cuối cùng, từ bỏ ngã mạn, Ta nói đã đi đến bờ kia của sự già.

3. Do đó, luôn luôn thích thú việc tham thiền, định tĩnh, có nhiệt tâm, có nhìn thấy sự diệt trừ và chấm dứt của sự sanh, sau khi khuất phục Ma Vương cùng với đạo quân binh, này các tỳ khuru, các người hãy trở thành những vị đã đi đến bờ kia của sanh tử”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 2. 10. KINH TỈNH THỨC

[47]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru nên tỉnh thức, nên sống có niệm, có sự nhận biết rõ, định tĩnh, hoan hỷ, thành tín, và tại nơi ấy nhìn thấy rõ thời điểm thích hợp cho các thiện pháp. Này các tỳ khuru, đối với vị tỳ khuru tỉnh thức nên sống có niệm, có sự nhận biết rõ, định tĩnh, hoan hỷ, thành tín, và tại nơi ấy nhìn thấy rõ thời điểm thích hợp cho các thiện pháp, một quả báu nào đó trong hai quả báu là điều chờ đợi: trí giải thoát ở đời hiện tại, hoặc nếu còn dư sót thì phẩm vị Bất Lai”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “Hỡi những người tỉnh thức, hãy lắng nghe điều này. Các vị nào đang ngủ, xin các vị hãy thức dậy. Tỉnh thức là tốt hơn ngủ. Không có nỗi sợ hãi cho người tỉnh thức.

3. Người nào tỉnh thức, và có niệm, có sự nhận biết rõ, định tĩnh, hoan hỷ, thành tín, đang cân nhắc suy xét pháp một cách đúng đắn vào thời điểm thích hợp, có trạng thái tập trung, người ấy có thể tiêu diệt bóng tối.

4. Do đó, đương nhiên nên duy trì sự tỉnh thức. Vị tỳ khuru có nhiệt tâm, chính chắn, đạt được thiền, sau khi cắt đứt sự trói buộc với sanh và lão, có thể chạm đến phẩm vị giác ngộ tối thượng ngay tại nơi đây”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 2. 11. KINH KẼ SANH ĐẠO XỨ

[48]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, hai hạng người này là những kẻ sanh đọa xứ, những kẻ đi địa ngục, sau khi không dứt bỏ điều này. Hai hạng nào? Kẻ không có Phạm hạnh tự nhận là có Phạm hạnh, và kẻ nào bôi nhọ vị đang thực hành Phạm hạnh trọn vẹn thanh tịnh bằng điều phi Phạm hạnh không có nguyên cớ. Này các tỳ khuru, hai hạng người này là những kẻ sanh đọa xứ, những kẻ đi địa ngục, sau khi không dứt bỏ điều này”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “Kẻ có lời nói không thật đi đến địa ngục, hoặc thậm chí người nào, sau khi làm, đã nói là: ‘Tôi không làm;’ cả hai hạng người có nghiệp hạ liệt ấy, sau khi chết, là giống như nhau ở cảnh giới khác.

3. Có nhiều kẻ, cổ quần y casa, (hành) theo pháp ác, không tự chế ngự, những kẻ xấu xa ấy, do các nghiệp ác, bị sanh vào địa ngục.

4. Hòn sắt cháy rực tựa như ngọn lửa được ăn vào là tốt hơn so với kẻ có giới tồi, không tự chế ngự, ăn đồ ăn khát thực của xứ sở”.^[47]

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

2. 2. 12. KINH TÀ KIẾN

[49]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, chư Thiên và nhân loại bị xâm nhập bởi hai tà kiến, một số chấp chặt, một số chạy quá mức, và những vị có mắt nhìn thấy.

2. Và này các tỳ khuru, một số chấp chặt nghĩa là thế nào?

Này các tỳ khuru, có sự ưa thích ở hữu, chư Thiên và nhân loại thích thú ở hữu, vui thích ở hữu. Đối với các vị ấy, trong khi Giáo Pháp về sự diệt tận của hữu đang được thuyết giảng, tâm của họ không hướng đến, không tin tưởng, không trú vào, không thiên về. Này các tỳ khuru, một số chấp chặt nghĩa là như thế.

3. Và này các tỳ khuru, một số chạy quá mức nghĩa là thế nào?

Trái lại, trong khi bị khổ sở, trong khi bị hổ thẹn, trong khi chán ghét bởi vì hữu, một số thỏa thích phi hữu (nói rằng): ‘Này ông, khi tự ngã này, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị tiêu diệt, bị hoại diệt, không hiện hữu sau khi chết đi. Điều này là an tịnh, điều này là hảo hạng, điều này là đúng như vậy’. Này các tỳ khuru, một số chạy quá mức nghĩa là như thế.

4. Và này các tỳ khuru, những vị có mắt nhìn thấy nghĩa là thế nào?

Ở đây, vị tỳ khuru nhìn thấy hiện hữu là hiện hữu, sau khi nhìn thấy hiện hữu là hiện hữu vị ấy thực hành đưa đến nhàm chán, đưa đến xa lìa luyến ái, đưa đến tịch diệt đối với hiện hữu. Nay các tỳ khuru, những vị có mắt nhìn thấy nghĩa là như thế”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

5. *“Những người nào sau khi thấy được hiện hữu là hiện hữu, và có sự vượt qua hiện hữu, họ được giải thoát ở hiện hữu như thế nhờ vào sự diệt tận tham ái ở hữu.*

6. *Với sự hiểu biết toàn diện về hiện hữu, vị ấy quả thật đã xa lìa tham ái ở hữu và phi hữu. Do sự không hình thành của hiện hữu, vị tỳ khuru không đi đến sự hiện hữu lại nữa”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

Phẩm thứ nhì.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Hai bài Kinh về giác quan, hai làm cho nóng này, hai bài Kinh khác về giới, không ghê sợ tội lỗi, và hai về đối gạt, với đáng bị chấn động; chúng là mười.

Suy tâm, sự thuyết giảng, minh, tuệ, với pháp (trắng) là thứ năm, không sanh, bản thể, thiên tịnh, học tập, và với tỉnh thức, đọa xứ, và với tà kiến nữa, hai mươi hai bài Kinh đã được giảng giải.

NHÓM HAI PHÁP.

---o0o---

NHÓM BA PHÁP

PHẨM THỨ NHẤT

3. 1. 1. KINH BÁT THIỆN CĂN

[50]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Nay các tỳ khuru, đây là ba bất thiện căn. Ba căn nào? Tham là bất thiện căn, sân là bất thiện căn, si là bất thiện căn, Nay các tỳ khuru, đây là ba bất thiện căn”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Tham, sân, và si, được sanh ra từ bản thân, hãm hại người có tâm ác xấu, tựa như (hoa) trái của chính cây tre hại chết cây tre”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 1. 2. KINH GIỚI

[51]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, đây là ba giới. Ba giới nào? Sắc giới, vô sắc giới, tịch diệt giới. Này các tỳ khuru, đây là ba giới”.*

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Sau khi hiểu toàn diện về sắc giới, không đứng vững ở vô sắc, những ai được giải thoát ở tịch diệt, những vị ấy có sự loại bỏ Tử Thân.*

3. *Với thân, sau khi chạm đến bản thể Bất Tử, không còn mầm tái sanh, sau khi chứng ngộ sự xả bỏ mầm tái sanh, bậc không còn lậu hoặc, Chánh Đẳng Giác thuyết giảng vị thế không còn sáu muôn, xa lìa ô nhiễm”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 1. 3. KINH THỌ - THỨ NHẤT

[52]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, đây là ba thọ. Ba thọ nào? Thọ lạc, thọ khổ, thọ bất khổ bất lạc. Này các tỳ khuru, đây là ba thọ”.*

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Vị đệ tử của đức Phật, định tĩnh, có sự nhận biết đúng đắn, có niệm, và nhận biết về thọ, sự phát sanh của các thọ, ...*

3. *... nơi các thọ được diệt tận, và đạo lộ dẫn đến sự diệt trừ. Do sự diệt trừ các thọ, vị tỳ khuru không còn khao khát, được tịch tịnh”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 1. 4. KINH THỌ - THỨ NHÌ

[53]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, đây là ba thọ. Ba thọ nào? Thọ lạc, thọ khổ, thọ bất khổ bất lạc.

Này các tỳ khưu, thọ lạc nên được nhìn thấy là khổ. Thọ khổ nên được nhìn thấy là mũi tên. Thọ không khổ không lạc nên được nhìn thấy là vô thường. Này các tỳ khưu, bởi vì với vị tỳ khưu thọ lạc đã được nhìn thấy là khổ, thọ khổ đã được nhìn thấy là mũi tên, thọ không khổ không lạc đã được nhìn thấy là vô thường, này các tỳ khưu, vị tỳ khưu này được gọi là Thánh nhân, có cái nhìn đúng đắn, đã cắt đứt tham ái, đã bứng gốc sự trói buộc, nhờ vào sự lĩnh hội về ngã mạn một cách đúng đắn đã thực hiện việc chấm dứt khổ”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Vị nào đã nhìn thấy lạc là khổ, đã nhìn thấy khổ là mũi tên, đã nhìn thấy không khổ không lạc, an tịnh ấy là vô thường ...*

3. *... vị tỳ khưu ấy, thật vậy, với việc nhìn thấy đúng đắn, nhờ thế được giải thoát khỏi nơi ấy, được hoàn mãn về thắng trí, được an tịnh, vị hiền trí ấy quả thật đã vượt qua các sự ràng buộc”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 1. 5. KINH TÂM CẦU - THỨ NHẤT

[54]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, đây là ba sự tầm cầu. Ba sự tầm cầu nào? Sự tầm cầu về dục, sự tầm cầu về hữu, sự tầm cầu về Phạm hạnh”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Vị đệ tử của đức Phật, định tĩnh, có sự nhận biết đúng đắn, có niệm, và nhận biết về tầm cầu, sự phát sanh của các tầm cầu, ...*

3. *... nơi các tầm cầu được diệt tận, và đạo lộ dẫn đến sự diệt trừ. Do sự diệt trừ các tầm cầu, vị tỳ khưu không còn khao khát, được tịch tịnh”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 1. 6. KINH TÂM CẦU - THỨ NHÌ

[55]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đây là ba sự tầm cầu. Ba sự tầm cầu nào? Sự tầm cầu về dục, sự tầm cầu về hữu, sự tầm cầu về Phạm hạnh”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Sự tầm cầu về dục, sự tầm cầu về hữu, cùng với sự tầm cầu về Phạm hạnh, sự bám víu vào ‘sự thật là thế ấy,’ chỗ đứng của tà kiến, (tất cả) là sự tích lũy (các ô nhiễm).*

3. *Đối với vị đã xa lìa luyến ái ở mọi ái luyến, đối với vị có sự giải thoát do diệt trừ tham ái, các sự tầm cầu đã được xả bỏ, các chỗ đứng của tà kiến đã được nhổ bỏ; do sự diệt trừ các sự tầm cầu, vị tỳ khuru không còn mong mỏi, không còn hoài nghi”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 1. 7. KINH LẬU HOẶC - THỨ NHẤT

[56]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đây là ba lậu hoặc. Ba lậu hoặc nào? Lậu hoặc liên quan đến các dục, lậu hoặc liên quan đến hữu, lậu hoặc liên quan đến vô minh”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Vị đệ tử của đức Phật, định tĩnh, có sự nhận biết đúng đắn, có niệm, và nhận biết về lậu hoặc, sự phát sanh của các lậu hoặc, ...*

3. *... nơi các lậu hoặc được diệt tận, và đạo lộ dẫn đến sự diệt trừ. Do sự diệt trừ các lậu hoặc, vị tỳ khuru không còn khao khát, được tịch tịnh”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 1. 8. KINH LẬU HOẶC - THỨ NHÌ

[57]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đây là ba lậu hoặc. Ba lậu hoặc nào? Lậu hoặc liên quan đến các dục, lậu hoặc liên quan đến hữu, lậu hoặc liên quan đến vô minh”.^[48]

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Đối với vị nào, dục lậu đã được cạn kiệt, vô minh đã được xa lìa, hữu lậu đã được hoàn toàn cạn kiệt, (vị ấy) đã được giải thoát, không còn mầm tái sanh, mang thân mạng cuối cùng, sau khi đã chiến thắng Ma Vương cùng với đạo quân binh”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 1. 9. KINH THAM ÁI

[58]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, đây là ba tham ái. Ba tham ái nào? Tham ái liên quan đến các dục, tham ái liên quan đến hữu, tham ái liên quan đến phi hữu”.* ^[49]

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Bị ràng buộc bởi sự ràng buộc của tham ái, có tâm bị ái luyến ở hữu và phi hữu, những người ấy, bị trôi buộc bởi sự trôi buộc của Ma Vương, không có sự an toàn đối với các trôi buộc; bị dính mắc, họ đi đến luân hồi, với việc đi đến sanh và tử.*

3. *Và những vị nào, sau khi tiêu diệt tham ái, có tham ái đã được xa lìa ở hữu và phi hữu, đã đạt đến sự diệt trừ các lậu hoặc, những vị ấy đã đi đến bờ kia, ở thế gian”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 1. 10. KINH PHẠM VI CỦA MA VƯƠNG

[59]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru thành tựu ba pháp vượt qua phạm vi của Ma Vương và chói sáng ví như mặt trời. Với ba pháp nào? Này các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru được thành tựu vô học giới uẩn, được thành tựu vô học định uẩn, được thành tựu vô học tuệ uẩn.*

Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru thành tựu ba pháp vượt qua phạm vi của Ma Vương và chói sáng ví như mặt trời”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “Giới, định, và tuệ, đối với vị nào các pháp này khéo được tu tập, (vị ấy) vượt qua phạm vi của Ma Vương và chói sáng ví như mặt trời”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

Phẩm thứ nhất.

---o0o---

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Căn, giới, rồi hai bài Kinh về thọ, hai về tâm cầu, và hai về lậu hoặc, tham ái, và phạm vi của Ma Vương; các vị đã gọi là phẩm thứ nhất tối thượng.

---o0o---

PHẨM THỨ NHỊ

3. 2. 1. KINH NỀN TẢNG CỦA VIỆC HÀNH THIỆN

[60]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, đây là ba nền tảng của hành động phước thiện. Ba nền tảng nào? Nền tảng của hành động phước thiện gồm có bố thí, nền tảng của hành động phước thiện gồm có giới, nền tảng của hành động phước thiện gồm có tu tập (tham thiền). Này các tỳ khưu, đây là ba nền tảng của hành động phước thiện”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “*Vị ấy nên học tập thuần về phước thiện làm sanh lên an lạc tối cao kéo dài, nên tu tập bố thí, sự thực hành bình lặng, và tâm từ ái.*

3. *Sau khi tu tập ba pháp làm sanh lên an lạc này, bậc sáng suốt sanh lên cõi an lạc, không khổ sầu”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 2. 2. KINH VỀ NHÃN

[61]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, đây là ba loại nhãn (con mắt). Ba loại nào? Nhục nhãn, thiên nhãn, và tuệ nhãn. Này các tỳ khưu, đây là ba loại nhãn”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “Nhục nhân, thiên nhân, tuệ nhân là vô thượng, đáng Tối Thượng Nhân đã nói về ba loại nhân này.

3. Việc sanh lên của nhục nhân là con đường đưa đến thiên nhân. Khi trí tuệ đã sanh khởi, tuệ nhân là tối thượng. Do việc đạt được nhân ấy, được giải thoát khỏi tất cả khổ đau”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 2. 3. KINH VỀ QUYỀN

[62]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, đây là ba quyền. Ba quyền nào? Vị tri quyền, dĩ tri quyền, cụ tri quyền.¹⁵⁰¹ Này các tỳ khưu, đây là ba quyền”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “Đối với vị hữu học đang học tập, đi theo đạo lộ ngay thẳng, tuệ thứ nhất về sự diệt trừ, kẻ đó không bị gián đoạn là trí giác ngộ.

3. Sau đó, trí giác ngộ của vị đã giải thoát chắc chắn trở thành trí của bậc tự tại, nhờ vào sự diệt trừ tất cả các điều ràng buộc (tuyên bố rằng:) ‘Sự giải thoát của tôi là không bị chuyển dịch’.

4. Vị ấy quả thật được thành tựu các quyền, trở nên an tịnh, được thích thú ở vị thế an tịnh, (vị ấy) mang thân mạng cuối cùng, sau khi đã chiến thắng Ma Vương cùng với đạo quân binh”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 2. 4. KINH KHOẢNG THỜI GIAN

[63]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, đây là ba khoảng thời gian. Khoảng thời gian quá khứ, khoảng thời gian vị lai, khoảng thời gian hiện tại. Này các tỳ khưu, đây là ba khoảng thời gian”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “Có sự nhận biết về điều được thuyết giảng, chúng sinh đứng vững ở điều được thuyết giảng. Không biết toàn diện về điều được thuyết giảng chúng sinh đi đến sự trôi buộc của thân chết.

3. *Và sau khi biết toàn diện về điều được thuyết giảng, không nghĩ đến người thuyết giảng, tâm chạm đến sự giải thoát, vị thế an tịnh vô thượng.*

4. *Vị ấy quả thật đã thành tựu điều được thuyết giảng, được an tịnh, được thích thú ở vị thế an tịnh, có sự thực hành sau khi đã suy xét, đã đứng ở pháp, bậc hiểu biết sâu sắc không đi đến sự suy xét”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 2. 5. KINH UẾ HẠNH

[64]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đây là ba uế hạnh. Ba uế hạnh nào? Uế hạnh do thân, uế hạnh do khẩu, uế hạnh do ý. Này các tỳ khuru, đây là ba uế hạnh”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Sau khi làm uế hạnh do thân và các uế hạnh do khẩu, sau khi làm uế hạnh do ý và điều nào khác liên quan đến tội lỗi, ...*

3. *... sau khi không làm hành động thiện, sau khi làm nhiều việc bất thiện, do sự hoại rã của thân, kẻ thiếu trí tuệ ấy sanh vào địa ngục”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 2. 6. KINH THIỆN HẠNH

[65]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đây là ba thiện hạnh. Ba thiện hạnh nào? Thiện hạnh do thân, thiện hạnh do khẩu, thiện hạnh do ý. Này các tỳ khuru, đây là ba thiện hạnh”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Sau khi từ bỏ uế hạnh do thân và các uế hạnh do khẩu, sau khi từ bỏ uế hạnh do ý và điều nào khác liên quan đến tội lỗi, ...*

3. *... sau khi không làm hành động bất thiện, sau khi làm nhiều việc thiện, do sự hoại rã của thân, người có trí tuệ ấy sanh vào cõi Trời”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 2. 7. KINH THANH TỊNH

[66]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đây là ba sự thanh tịnh. Ba sự thanh tịnh nào? Sự thanh tịnh ở thân, thanh tịnh ở khẩu, thanh tịnh ở ý. Này các tỳ khuru, đây là ba sự thanh tịnh”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “*Có sự thanh tịnh ở thân, có sự thanh tịnh ở khẩu, có sự thanh tịnh ở ý, không còn lậu hoặc, bậc thanh tịnh, thành tựu sự thanh tịnh, được gọi là có sự dứt bỏ tất cả*”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 2. 8. KINH HIỀN TRÍ HẠNH

[67]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đây là ba hiền trí hạnh. Ba hiền trí hạnh nào? Hiền trí hạnh về thân, hiền trí hạnh về khẩu, hiền trí hạnh về ý. Này các tỳ khuru, đây là ba hiền trí hạnh”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “*Có hiền trí hạnh về thân, có hiền trí hạnh về khẩu, có hiền trí hạnh về ý, không còn lậu hoặc, bậc hiền trí, thành tựu hiền trí hạnh, được gọi là người đã gột rửa điều ác xấu*”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 2. 9. KINH LUYẾN ÁI - THỨ NHẤT

[68]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đối với bất cứ người nào luyến ái chưa được dứt bỏ, sân hận chưa được dứt bỏ, si mê chưa được dứt bỏ, này các tỳ khuru, người này được gọi là bị trói buộc bởi Ma Vương, bầy sập của Ma Vương đã được đóng lại đối với người này, và bị hành động theo như ý muốn của kẻ Ác Độc.

Này các tỳ khuru, đối với bất cứ người nào luyến ái đã được dứt bỏ, sân đã được dứt bỏ, si đã được dứt bỏ, này các tỳ khuru, người này được gọi là không bị trói buộc bởi Ma Vương, bầy sập của Ma Vương đã được mở ra đối với người này, và không bị hành động theo như ý muốn của kẻ Ác Độc”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Đối với người nào, luyến ái, sân hận, và vô minh đã được xa lìa, người ấy đã được gọi là một vị khác nữa có bản thân đã được tu tập, đã trở nên cao thượng, đã đi đến như thế, đã được giác ngộ, đã vượt qua oán thù và sợ hãi, đã có sự dứt bỏ tất cả”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 2. 10. KINH LUYẾN ÁI - THỨ NHÌ

[69]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, đối với bất cứ vị tỳ khuru hoặc tỳ khuru ni nào luyến ái chưa được dứt bỏ, sân hận chưa được dứt bỏ, si mê chưa được dứt bỏ, này các tỳ khuru, vị này được gọi là chưa vượt qua biển cả có sóng, có sóng dữ, có dòng nước xoáy, có cá sấu, có quỷ sứ.*

Này các tỳ khuru, đối với bất cứ vị tỳ khuru hoặc tỳ khuru ni nào luyến ái đã được dứt bỏ, sân hận đã được dứt bỏ, si mê đã được dứt bỏ, này các tỳ khuru, vị này được gọi là đã vượt qua biển cả có sóng, có sóng dữ, có dòng nước xoáy, có cá sấu, có quỷ sứ, đã vượt qua, đã đi đến bờ kia, đã đứng ở đất liền, là vị Bà-la-môn”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Đối với vị nào, luyến ái, sân hận, và vô minh đã được xa lìa, vị ấy đã vượt qua biển cả có cá sấu, có quỷ sứ, có sóng ghê rợn, khó vượt qua được.*

Là người đã vượt qua sự dính mắc, đã từ bỏ Tử Thần, không còn mầm tái sanh, đã dứt bỏ khổ đau cùng với việc không còn sự hiện hữu lại nữa, đã đi đến mục đích, vị ấy đi đến sự không là hạn lượng, Ta nói rằng: ‘Vị ấy đã làm cho Ma Vương mê muội’.”

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

Phẩm thứ nhì.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Phước thiện, nhân (mắt), rồi các quyền, khoảng thời gian, hai về hạnh, thanh tịnh, hiền trí, rồi hai về luyến ái; các vị cũng đã gọi là phẩm thứ nhì tối thượng.

---o0o---

PHẨM THỨ BA

3. 3. 1. KINH THỌ TRÌ CÁC NGHIỆP DO TÀ KIẾN

[70]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, Ta đã nhìn thấy các chúng sinh thành tựu ược hạnh do thân, thành tựu ược hạnh do khẩu, thành tựu ược hạnh do ý, những kẻ phỉ báng các bậc Thánh, những kẻ tà kiến có sự thọ trì các nghiệp do tà kiến, những kẻ ấy do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục.

Này các tỳ khuru, tuy nhiên Ta nói điều ấy không phải đã nghe được từ Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác.

Này các tỳ khuru, Ta đã nhìn thấy các chúng sinh thành tựu ược hạnh do thân, thành tựu ược hạnh do khẩu, thành tựu ược hạnh do ý, những kẻ phỉ báng các bậc Thánh, những kẻ tà kiến có sự thọ trì các nghiệp do tà kiến, những kẻ ấy do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục.

Này các tỳ khuru, hơn nữa chỉ có điều nào tự mình đã biết, tự mình đã thấy, tự mình đã hiểu, thì Ta nói về điều ấy.

Này các tỳ khuru, Ta đã nhìn thấy các chúng sinh thành tựu ược hạnh do thân, thành tựu ược hạnh do khẩu, thành tựu ược hạnh do ý, những kẻ phỉ báng các bậc Thánh, những kẻ tà kiến có sự thọ trì các nghiệp do tà kiến, những kẻ ấy do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “*Con người ở nơi đây quyết định ý nghĩ sai trái, nói lời nói sai trái, và làm các hành động sai trái bằng thân.*

3. *Kẻ ít lắng nghe (học hỏi), kẻ hành động tội lỗi trong mạng sống ít ỏi ở nơi đây, do sự hoại rã của thân kẻ có tuệ tối ấy sanh vào địa ngục”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 3. 2. KINH THỌ TRÌ CÁC NGHIỆP DO CHÁNH KIẾN

[71]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, Ta đã nhìn thấy các chúng sinh thành tựu thiện hạnh do thân, thành tựu thiện hạnh do khẩu, thành tựu thiện hạnh do ý, những người không phỉ báng các bậc Thánh, những người chánh kiến có sự thọ trì các nghiệp do chánh kiến, những người ấy do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi Trời.

Này các tỳ khuru, tuy nhiên Ta nói điều ấy không phải đã nghe được từ Samôn hoặc Bà-la-môn khác.

Này các tỳ khuru, Ta đã nhìn thấy các chúng sinh thành tựu thiện hạnh do thân, thành tựu thiện hạnh do khẩu, thành tựu thiện hạnh do ý, những người không phỉ báng các bậc Thánh, những người chánh kiến có sự thọ trì các nghiệp do chánh kiến, những người ấy do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi Trời.

Này các tỳ khuru, hơn nữa chỉ có điều nào tự mình đã biết, tự mình đã thấy, tự mình đã hiểu, thì Ta nói về điều ấy.

Này các tỳ khuru, Ta đã nhìn thấy các chúng sinh thành tựu thiện hạnh do thân, thành tựu thiện hạnh do khẩu, thành tựu thiện hạnh do ý, những người không phỉ báng các bậc Thánh, những người chánh kiến có sự thọ trì các nghiệp do chánh kiến, những người ấy do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi Trời”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “*Con người ở nơi đây, quyết định ý nghĩ chân chánh, nói lời nói chân chánh, và làm các hành động chân chánh bằng thân.*

3. *Người nghe (học hỏi) nhiều, người hành động phước thiện trong mạng sống ít ỏi ở nơi đây, do sự hoại rã của thân người có trí tuệ ấy sanh vào cõi Trời”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 3. 3. KINH THOÁT LY

[72]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đây là ba tính chất của việc thoát ly. Ba tính chất nào? Thoát ly khỏi các dục, tức là sự xuất ly. Thoát ly khỏi các sắc, tức là vô sắc. Hơn nữa, bất cứ cái gì được hiện hữu, được tạo tác, được sanh khởi tùy thuận (điều kiện), thoát ly khỏi cái ấy là sự tịch diệt. Này các tỳ khuru, đây là ba tính chất của việc thoát ly”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Sau khi biết được sự thoát ly khỏi các dục, và sự vượt qua các sắc, trong khi chạm đến sự vắng lặng của tất cả các hành, luôn luôn có sự nhiệt tâm ...*

3. *... vị tỳ khuru ấy, thật vậy, với việc nhìn thấy đúng đắn, nhờ thế được giải thoát khỏi nơi ấy, được hoàn mãn về thắng trí, được an tịnh, vị hiền trí ấy quả thật đã vượt qua các sự ràng buộc”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 3. 4. KINH AN TỊNH HƠN

[73]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, các pháp vô sắc là an tịnh hơn so với các sắc pháp. Sự tịch diệt là an tịnh hơn so với các pháp vô sắc”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Các chúng sinh nào tiếp cận các sắc pháp và những ai có sự thiết lập ở các pháp vô sắc, trong khi không nhận biết về sự tịch diệt, là những người đi đến sự hiện hữu lại nữa.*

3. *Và những người nào sau khi đã hiểu toàn diện về các sắc, không an trú ở các pháp vô sắc, những người nào được giải thoát ở sự tịch diệt, những người ấy có sự từ bỏ tử thân.*

4. *Sau khi đã chạm đến bản thể bất tử bằng thân, không mầm tái sanh, sau khi đã chứng đắc sự từ bỏ mầm tái sanh, không còn lậu hoặc, đáng Chánh Đẳng Giác thuyết giảng về vị thế không sâu muộn, không bụi ô nhiễm”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 3. 5. KINH CON TRAI

[74]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, ba hạng con trai này đang tồn tại, đang hiện hữu ở thế gian. Ba hạng nào? Ưu sanh, tùy sanh, liệt sanh.

Và này các tỳ khuru, con trai hạng ưu sanh nghĩa là thế nào? Này các tỳ khuru, ở đây mẹ và cha của người con trai không đi đến nương nhờ đức Phật, không đi đến nương nhờ Giáo Pháp, không đi đến nương nhờ Tăng Chúng, không kiêng cử việc giết hại mạng sống, không kiêng cử việc lấy vật chưa được cho, không kiêng cử hành vi sai trái trong các dục, không kiêng cử việc nói lời dối trá, không kiêng cử trường hợp dễ duôi uống chất say là rượu và chất lên men, có giới tội, có ác pháp. Và con trai của những người ấy đi đến nương nhờ đức Phật, đi đến nương nhờ Giáo Pháp, đi đến nương nhờ Tăng Chúng, kiêng cử việc giết hại mạng sống, kiêng cử việc lấy vật chưa được cho, kiêng cử hành vi sai trái trong các dục, kiêng cử việc nói lời dối trá, kiêng cử trường hợp dễ duôi uống chất say là rượu và chất lên men, có giới hạnh, có thiện pháp. Này các tỳ khuru, con trai hạng ưu sanh nghĩa là như thế.

Và này các tỳ khuru, con trai hạng tùy sanh nghĩa là thế nào? Này các tỳ khuru, ở đây mẹ và cha của người con trai đi đến nương nhờ đức Phật, đi đến nương nhờ Giáo Pháp, đi đến nương nhờ Tăng Chúng, kiêng cử việc giết hại mạng sống, kiêng cử việc lấy vật chưa được cho, kiêng cử hành vi sai trái trong các dục, kiêng cử việc nói lời dối trá, kiêng cử trường hợp dễ duôi uống chất say là rượu và chất lên men, có giới hạnh, có thiện pháp. Và con trai của những người ấy đi đến nương nhờ đức Phật, đi đến nương nhờ Giáo Pháp, đi đến nương nhờ Tăng Chúng, kiêng cử việc giết hại mạng sống, kiêng cử việc lấy vật chưa được cho, kiêng cử hành vi sai trái trong các dục, kiêng cử việc nói lời dối trá, kiêng cử trường hợp dễ duôi uống chất say là rượu và chất lên men, có giới hạnh, có thiện pháp. Này các tỳ khuru, con trai hạng tùy sanh nghĩa là như thế.

Và này các tỳ khuru, con trai hạng liệt sanh nghĩa là thế nào? Này các tỳ khuru, ở đây mẹ và cha của người con trai đi đến nương nhờ đức Phật, đi đến nương nhờ Giáo Pháp, đi đến nương nhờ Tăng Chúng, kiêng cử việc giết hại mạng sống, kiêng cử việc lấy vật chưa được cho, kiêng cử hành vi sai trái trong các dục, kiêng cử việc nói lời dối trá, kiêng cử trường hợp dễ duôi uống chất say là rượu và chất lên men, có giới hạnh, có thiện pháp. Và con trai của những người ấy không đi đến nương nhờ đức Phật, không đi đến

nương nhờ Giáo Pháp, không đi đến nương nhờ Tăng Chúng, không kiêng cử việc giết hại mạng sống, không kiêng cử việc lấy vật chưa được cho, không kiêng cử hành vi sai trái trong các dục, không kiêng cử việc nói lời dối trá, không kiêng cử trường hợp để duôi uống chất say là rượu và chất lên men, có giới tỳ, có các pháp. Nay các tỳ khuru, con trai hạng liệt sanh nghĩa là như thế. Nay các tỳ khuru, ba hạng con trai này đang tồn tại, đang hiện hữu ở thế gian”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Các bậc sáng suốt ước muốn con trai hạng ưu sanh, hạng tùy sanh, không ước muốn hạng liệt sanh, là hạng phá hỏng gia đình.*

3. *Những người con trai này là những nam cư sĩ ở thế gian, có đức tin, được đầy đủ về giới, rộng lượng, xa lìa sự bồn xồn, chói sáng ở các tập thể (tựa như) mặt trăng được thoát khỏi đám mây”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 3. 6. KINH MƯA

[75]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Nay các tỳ khuru, ba hạng người này đang tồn tại, đang hiện hữu ở thế gian. Ba hạng nào? Hạng tương tự đám mây không mưa, hạng có mưa ở khu vực, hạng có mưa đều ở tất cả các nơi.

Và nay các tỳ khuru, hạng người tương tự đám mây không mưa nghĩa là thế nào? Nay các tỳ khuru, ở đây có hạng người không là thí chủ đến toàn bộ tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, những người khốn khổ, lang bạt, nghèo khó, hành khát, về cơm ăn, nước uống, vải vóc, phương tiện di chuyển, tràng hoa, hương thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ ngụ, đèn đuốc. Nay các tỳ khuru, hạng người tương tự đám mây không mưa nghĩa là như thế.

Và nay các tỳ khuru, hạng người có mưa ở khu vực nghĩa là thế nào? Nay các tỳ khuru, ở đây có hạng người là thí chủ đến một số, không là thí chủ đến một số Sa-môn, Bà-la-môn, những người khốn khổ, lang bạt, nghèo khó, hành khát, về cơm ăn, nước uống, vải vóc, phương tiện di chuyển, tràng hoa, hương thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ ngụ, đèn đuốc. Nay các tỳ khuru, hạng người có mưa ở khu vực nghĩa là như thế.

Và nay các tỳ khuru, hạng người có mưa đều ở tất cả các nơi nghĩa là thế nào? Nay các tỳ khuru, ở đây có hạng người bố thí đến tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, những người khốn khổ, lang bạt, nghèo khó, hành khát, về cơm ăn,

nước uống, vải vóc, phương tiện di chuyển, tràng hoa, hương thơm, vật thoa, giường nằm, chỗ ngủ, đèn đuốc. Nay các tỳ khuru, hạng người có mưa đều ở tất cả các nơi nghĩa là như thế. Nay các tỳ khuru, đây là ba hạng người đang tồn tại, đang hiện hữu ở thế gian”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “Sau khi có được cơm ăn, nước uống, vật thực mà không san sẻ đến các Sa-môn, Bà-la-môn, những người khốn khổ, lang bạt, nghèo khó, người ta đã nói về kẻ hạ tiện ấy là: ‘Người tương tự đám mây không mưa’.

3. Không bố thí đến một số người, ban tặng đến một số người, những người thông minh đã nói về kẻ ấy là: ‘Người có mưa ở khu vực’.

4. Người có lời nói đem đến sự dễ dàng về vật thực, người có lòng thương tưởng đến tất cả sanh linh, trong khi tùy hỷ, ban phát và nói rằng: “Các người hãy bố thí, các người hãy bố thí’.

5. Cũng giống như đám mây gào thét, găm róng rồi đổ mưa, ngay trong khi đang tuôn ra nước, làm tràn đầy đất bằng và chỗ trũng.

6. Tương tự y như vậy, ở đây có hạng người như thế ấy, sau khi thu thập tài sản đạt được một cách hợp pháp nhờ vào nghị lực, rồi với cơm ăn và nước uống hoàn toàn làm toại ý những người nghèo khó đã đi đến”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 3. 7. KINH ƯỚC NGUYỆN HẠNH PHÚC

[76]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Nay các tỳ khuru, trong lúc ước nguyện ba điều hạnh phúc này, người sáng suốt nên gìn giữ giới. Ba điều nào? ‘Mong rằng sự ca ngợi hãy đến cho tôi’. (nghĩ thế) người sáng suốt nên gìn giữ giới, ‘Mong rằng của cải hãy sanh lên cho tôi,’ (nghĩ thế) người sáng suốt nên gìn giữ giới, ‘Do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, tôi sẽ sanh về chốn an vui, cõi Trời,’ (nghĩ thế) người sáng suốt nên gìn giữ giới. Nay các tỳ khuru, trong khi ước nguyện ba điều hạnh phúc này, người sáng suốt nên gìn giữ giới”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “Người thông minh nên gìn giữ giới trong lúc ước nguyện ba điều hạnh phúc: sự ca ngợi, sự đạt được của cải, sự vui sướng ở cõi Trời sau khi chết.

3. Tuy nhiên, nếu trong lúc không làm ác, mà thân cận người đang làm, thì bị nghi ngờ về điều ác, và tiếng xấu của người ấy tăng trưởng.

4. *Kết bạn với người như thế nào, và thân cận người như thế nào, kẻ ấy chắc chắn trở thành người như thế ấy, việc cộng trú chung cũng là như thế ấy.*

5. *Người đang cộng sự và đối tượng đang cộng sự, người đang tiếp xúc và người khác là đối tượng đang tiếp xúc, tựa như mũi tên bị nhiễm độc làm như nhuộm bó tên còn chưa bị như nhuộm, người sáng trí, do nỗi sợ hãi sự như nhuộm, không nên có bạn ác.*

6. *Người nào gói lại con cá thối bằng phần ngọn của cọng cỏ kusa, các cọng cỏ kusa cũng tỏa ra các mùi thối; sự thân cận với kẻ ngu là tương tự.*

7. *Còn người nào gói lại cỏ thơm tagara bằng lá cây, luôn cả các lá cây cũng tỏa ra mùi thơm; sự thân cận với người sáng trí là tương tự.*

8. *Vì thế, sau khi biết được kết quả đối với bản thân tựa như đối với giỏ lá cây, người sáng suốt không nên thân cận những kẻ không tốt, nên thân cận những người tốt; những kẻ không tốt dẫn đến địa ngục, những người tốt giúp cho đạt được nhàn cảnh”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 3. 8. KINH ĐỂ TAN VỠ

[77]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, thân này là dễ tan vỡ, thức có tính chất rã tan, tất cả các mầm tái sanh là vô thường, khổ đau, có tính chất đổi thay”.*

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Sau khi biết rằng thân là dễ tan vỡ, và thức có thể rã tan, sau khi nhìn thấy nỗi sợ hãi ở các mầm tái sanh, (vị ấy) đã vượt qua sanh và tử; sau khi đạt đến sự an tịnh tối cao, vị có bản thân đã được tu tập chờ đợi thời điểm”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 3. 9. KINH SỰ KẾT HỢP THEO BẢN CHẤT

[78]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, tùy theo bản chất các chúng sinh cùng với các chúng sinh kết hợp, gặp gỡ nhau. Các chúng sinh có khuynh hướng thấp kém cùng với các chúng sinh có khuynh hướng thấp kém kết hợp, gặp gỡ nhau. Các*

chúng sinh có khuynh hướng tốt lành cùng với các chúng sinh có khuynh hướng tốt lành kết hợp, gặp gỡ nhau.

Này các tỳ khuru, ngay cả ở thời kỳ quá khứ, tùy theo bản chất các chúng sinh cùng với các chúng sinh đã kết hợp, đã gặp gỡ nhau. Các chúng sinh có khuynh hướng thấp kém cùng với các chúng sinh có khuynh hướng thấp kém đã kết hợp, đã gặp gỡ nhau. Các chúng sinh có khuynh hướng tốt lành cùng với các chúng sinh có khuynh hướng tốt lành đã kết hợp, đã gặp gỡ nhau.

Này các tỳ khuru, luôn cả ở thời kỳ vị lai, tùy theo bản chất các chúng sinh cùng với các chúng sinh sẽ kết hợp, sẽ gặp gỡ nhau. Các chúng sinh có khuynh hướng thấp kém cùng với các chúng sinh có khuynh hướng thấp kém sẽ kết hợp, sẽ gặp gỡ nhau. Các chúng sinh có khuynh hướng tốt lành cùng với các chúng sinh có khuynh hướng tốt lành sẽ kết hợp, sẽ gặp gỡ nhau.

Này các tỳ khuru, ngay cả hiện nay ở thời kỳ hiện tại, tùy theo bản chất các chúng sinh cùng với các chúng sinh kết hợp, gặp gỡ nhau. Các chúng sinh có khuynh hướng thấp kém cùng với các chúng sinh có khuynh hướng thấp kém kết hợp, gặp gỡ nhau. Các chúng sinh có khuynh hướng tốt lành cùng với các chúng sinh có khuynh hướng tốt lành kết hợp, gặp gỡ nhau”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Ô nhiễm sanh lên do sự kết giao, bị chặt đứt do sự không kết giao. Giống như người leo lên miếng gỗ nhỏ có thể chìm xuống ở đại dương, ...*

3. *... Tương tự như thế, người có đời sống tốt lành đi đến với người biếng nhác cũng chìm xuống. Vì thế nên xa lánh kẻ biếng nhác có sự tinh tấn thấp kém ấy.*

4. *Nên sống cùng với các bậc sáng suốt, sống tách ly, cao thượng, có bản tánh cương quyết, có thiên, thường xuyên có sự ra sức tinh tấn”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 3. 10. KINH SỰ THOÁI HÓA

[79]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, ba pháp này vận hành đưa đến sự thoái hóa cho vị tỳ khuru hữu học. Ba pháp nào? Này các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru hữu học có sự ưa thích công việc, thích thú công việc, gắn bó với sự ưa thích công việc;

có sự ưa thích nói chuyện, thích thú nói chuyện, gắn bó với sự ưa thích nói chuyện; có sự ưa thích ngủ nghề, thích thú ngủ nghề, gắn bó với sự ưa thích ngủ nghề. Nay các tỳ khuru, ba pháp này vận hành đưa đến sự thoái hóa cho vị tỳ khuru hữu học.

Này các tỳ khuru, ba pháp này vận hành không đưa đến sự thoái hóa cho vị tỳ khuru hữu học. Ba pháp nào? Nay các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru hữu học không có sự ưa thích công việc, không thích thú công việc, không gắn bó với sự ưa thích công việc; không có sự ưa thích nói chuyện, không thích thú nói chuyện, không gắn bó với sự ưa thích nói chuyện; không có sự ưa thích ngủ nghề, không thích thú ngủ nghề, không gắn bó với sự ưa thích ngủ nghề. Nay các tỳ khuru, ba pháp này vận hành không đưa đến sự thoái hóa cho vị tỳ khuru hữu học”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Có sự ưa thích công việc, thích thú nói chuyện, có sự ưa thích ngủ nghề, và não động, vị tỳ khuru như thế ấy không có khả năng chạm đến phẩm vị giác ngộ tối thượng.*

3. *Chính vì thế, vị ấy nên có ít phận sự, ít buồn ngủ, không não động, vị tỳ khuru như thế ấy có khả năng chạm đến phẩm vị giác ngộ tối thượng”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

Phẩm thứ ba.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Hai bài Kinh về kiến, sự thoát ly, sắc pháp, con trai, và với hạng người không mưa, hạnh phúc, và sự tan vỡ, bản chất, với sự thoái hóa; chúng là mười.

---o0o---

PHẨM THỨ TƯ

3. 4. 1. KINH SUY TÂM

[80]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đây là ba suy tâm bất thiện. Ba suy tâm nào? Sự suy tâm liên quan đến việc không bị khi dễ, sự suy tâm liên quan đến lợi lộc, tôn vinh, và tiếng tăm, sự suy tâm liên quan đến việc quan tâm về người khác. Nay các tỳ khuru, ba pháp này là suy tâm bất thiện”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Vị gắn bó với việc không bị khi dễ, có sự sùng kính về lợi lộc và sự tôn vinh, có sự vui mừng với các đồng sự, thì cách xa sự diệt trừ các ràng buộc.*

3. *Và vị nào từ bỏ con cái, đàn gia súc, các đám rước dâu, và những sự gom góp (vật dụng), vị tỳ khuru như thế ấy có khả năng chạm đến phẩm vị giác ngộ tối thượng”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 4. 2. KINH TÔN VINH

[81]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, Ta đã nhìn thấy do sự tôn vinh các chúng sanh bị chế ngự, có tâm bị nắm giữ, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Này các tỳ khuru, Ta đã nhìn thấy do sự không tôn vinh các chúng sanh bị chế ngự, có tâm bị nắm giữ, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Này các tỳ khuru, Ta đã nhìn thấy do sự tôn vinh và do sự không tôn vinh các chúng sanh bị chế ngự, có tâm bị nắm giữ, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục.*

Này các tỳ khuru, hơn nữa không phải đã nghe từ vị Sa- môn hoặc Bà-la-môn nào khác mà Ta nói điều ấy. Này các tỳ khuru, chỉ có điều nào mà Ta tự mình đã biết, tự mình đã thấy, tự mình đã hiểu, thì Ta nói về điều ấy.

Này các tỳ khuru, Ta đã nhìn thấy do sự tôn vinh các chúng sanh bị chế ngự, có tâm bị nắm giữ, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Này các tỳ khuru, Ta đã nhìn thấy do sự không tôn vinh các chúng sanh bị chế ngự, có tâm bị nắm giữ, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Này các tỳ khuru, Ta đã nhìn thấy do sự tôn vinh và do sự không tôn vinh các chúng sanh bị chế ngự, có tâm bị nắm giữ, do sự hoại rã của thân, do sự chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Ở cả hai trường hợp, trong khi được tôn vinh và với sự không tôn vinh, vị nào có định không dao động, có nếp sống không xao lãng, ...*

3. *... vị ấy, có thiên, thường xuyên hành minh sát với nhận thức vi tế, có sự ưa thích việc diệt trừ chấp thủ, được gọi là ‘bậc chân nhân’.”*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 4. 3. ÂM THANH CỦA CHƯ THIÊN

[82]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, ba âm thanh này của chư Thiên phát ra ở giữa chư Thiên tùy theo lúc này lúc khác. Ba âm thanh nào?”

Này các tỳ khuru, vào lúc nào vị đệ tử của bậc Thánh cạo bỏ râu tóc, khoác lên các y màu ca-sa, nghĩ đến việc xuất gia rời nhà sống không nhà, vào lúc ấy âm thanh của chư Thiên phát ra ở giữa chư Thiên rằng: ‘Vị đệ tử này của bậc Thánh nghĩ đến việc chiến đấu với Ma Vương’. Này các tỳ khuru, đây là âm thanh thứ nhất của chư Thiên phát ra ở giữa chư Thiên tùy theo lúc này lúc khác.

Này các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, vào lúc nào vị đệ tử của bậc Thánh sống gắn bó với sự tu tập và rèn luyện bảy pháp góp phần vào việc giác ngộ, này các tỳ khuru, vào lúc ấy âm thanh của chư Thiên phát ra ở giữa chư Thiên rằng: ‘Vị đệ tử này của bậc Thánh chiến đấu với Ma Vương’. Này các tỳ khuru, đây là âm thanh thứ nhì của chư Thiên phát ra ở giữa chư Thiên tùy theo lúc này lúc khác.

Này các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, vào lúc nào vị đệ tử của bậc Thánh với sự diệt trừ các lậu hoặc, không còn lậu hoặc, ngay trong kiếp hiện tại, nhờ vào thắng trí của mình, chứng ngộ, đạt đến, và an trú vào sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, này các tỳ khuru, vào lúc ấy âm thanh của chư Thiên phát ra ở giữa chư Thiên rằng: ‘Vị đệ tử này của bậc Thánh đã chiến thắng cuộc chiến đấu, sau khi chiến thắng và an trú ở chính vị trí đứng đầu của cuộc chiến đấu ấy’. Này các tỳ khuru, đây là âm thanh thứ ba của chư Thiên phát ra ở giữa chư Thiên tùy theo lúc này lúc khác.

Này các tỳ khuru, ba âm thanh này của chư Thiên phát ra ở giữa chư Thiên tùy theo lúc này lúc khác”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “Sau khi nhìn thấy vị đệ tử của đáng Chánh Đẳng Giác đã chiến thắng cuộc chiến đấu, ngay cả chư Thiên cũng lễ bái bậc vĩ đại, có sự tự tin.

3. Ôi bậc thuần chủng của nhân loại, xin kính lễ người. Sau khi chiến thắng đạo quân không bị chướng ngại của Tử Thần bằng sự giải thoát, Ngài là người đã đạt được sự chiến thắng khó khăn.

4. *Chư Thiên cúi chào vị có tâm ý đã đạt này, bởi vì họ không nhìn thấy ở vị ấy điều gì khiến cho vị ấy có thể rơi vào sự thống trị của Tử thân”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 4. 4. KINH DẤU HIỆU BÁO TRƯỚC

[83]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, khi vị Thiên nhân có hiện tượng lia đời khỏi tập thể chư Thiên, có năm dấu hiệu báo trước xuất hiện cho vị ấy: các tràng hoa bị héo úa, các y phục bị ô ứ, mồ hôi xuất ra từ hai nách, màu sắc xấu hiện ra ở cơ thể, vị Thiên nhân không thích thú ở chỗ ngồi chư Thiên của mình.

Này các tỳ khuru, sau khi biết về vị ấy rằng: ‘Vị Thiên tử này có hiện tượng lia đời,’ chư Thiên làm cho vị ấy tùy hỷ bằng ba lời nói: ‘Thưa ngài, từ đây hãy đi đến nhàn cảnh. Sau khi đi đến nhàn cảnh, hãy nhận lãnh phần được nhận tốt đẹp. Sau khi nhận lãnh phần được nhận tốt đẹp, ngài hãy khéo được thiết lập’.

Khi được nói như vậy, một vị tỳ khuru nọ đã nói với đức Thế Tôn điều này: ‘Bạch Ngài, điều mà chư Thiên gọi là đi đến nhàn cảnh là gì? Và bạch Ngài, điều mà chư Thiên gọi là phần được nhận tốt đẹp là gì? Bạch Ngài, hơn nữa điều mà chư Thiên gọi là khéo được thiết lập là gì?’

‘Này tỳ khuru, điều mà chư Thiên gọi là đi đến nhàn cảnh là trạng thái con người, trong khi đang có bản thể loài người thì đạt được niềm tin ở Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, này các tỳ khuru, điều này gọi là phần được nhận tốt đẹp. Thêm nữa, niềm tin ấy của vị này được xác định, được mọc rễ, được thiết lập, là vững chắc, không bị lấy đi bởi vị Sa-môn, bởi vị Bà-la-môn, bởi Thiên nhân, bởi Ma Vương, bởi Phạm Thiên, hoặc bởi bất cứ ai ở thế gian. Này các tỳ khuru, điều này chư Thiên gọi là khéo được thiết lập’.”

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Khi vị Thiên nhân lia đời khỏi tập thể chư Thiên do hết tuổi thọ, có ba âm thanh phát ra của chư Thiên đang tùy hỷ rằng:*

3. *‘Thưa ngài, từ đây hãy đi đến nhàn cảnh, có sự sống chung với loài người. Với bản thể loài người, hãy đạt được niềm tin vô thượng ở Diệu Pháp.*

4. Niềm tin ấy của ngài nên được xác định, được mọc rễ, được thiết lập ở Diệu Pháp khéo được công bố cho đến trọn đời không bị lấy đi.

5. Sau khi từ bỏ uế hạnh do thân và các uế hạnh do khẩu, sau khi từ bỏ uế hạnh do ý và điều nào khác liên quan đến tội lỗi, ...

6. ... sau khi làm việc thiện bằng thân, nhiều việc thiện bằng khẩu, sau khi làm vô lượng việc thiện không mâm tái sanh bằng ý, ...

7. ... kể đó, sau khi làm nhiều việc phước đưa đi tái sanh ấy bằng việc bố thí, hãy tạo điều kiện cho những người khác cũng trú vào Diệu Pháp, vào Phạm hạnh’.

8. Với lòng thương tưởng này, chư Thiên khi biết được một vị Thiên nhân đang lia đời thì tùy hỷ rằng: ‘Này Thiên nhân, hãy trở lại, lần này lần khác’.”

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 4. 5. KINH LỢI ÍCH CHO NHIỀU NGƯỜI

[84]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, ba hạng người này, trong khi sanh lên ở thế gian, sanh lên đem lại sự lợi ích cho nhiều người, đem lại sự an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng thế gian, đem lại sự tấn hóa, đem lại sự lợi ích, đem lại sự an lạc cho chư Thiên và nhân loại. Ba hạng người nào?

Này các tỳ khuru, ở đây đức Như Lai sanh lên ở thế gian, là bậc A-la-hán, đáng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Vị ấy thuyết giảng Giáo Pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự. Vị ấy giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Này các tỳ khuru, đây là hạng người thứ nhất, trong khi sanh lên ở thế gian, sanh lên đem lại sự lợi ích cho nhiều người, đem lại sự an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng thế gian, đem lại sự tấn hóa, đem lại sự lợi ích, đem lại sự an lạc cho chư Thiên và nhân loại.

Này các tỳ khuru, còn có hạng người khác nữa, vị đệ tử của chính bậc Đạo Sư ấy là vị A-la-hán, có lậu hoặc đã được cạn kiệt, đã được hoàn mãn, có việc cần làm đã làm, có gánh nặng đã được đặt xuống, có mục đích của mình

đã được đạt đến, có sự trói buộc ở hữu đã được đoạn tận, đã hiểu biết đúng đắn và đã được giải thoát. Vị ấy thuyết giảng Giáo Pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự. Vị ấy giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Nay các tỳ khuru, đây là hạng người thứ nhì, trong khi sanh lên ở thế gian, sanh lên đem lại sự lợi ích cho nhiều người, đem lại sự an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng thế gian, đem lại sự tấn hóa, đem lại sự lợi ích, đem lại sự an lạc cho chư Thiên và nhân loại.

Này các tỳ khuru, còn có hạng người khác nữa, vị đệ tử của chính bậc Đạo Sư ấy là vị hữu học, có sự thực hành, nghe nhiều, thành tựu về giới và phạn sự. Vị ấy cũng thuyết giảng Giáo Pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự. Vị ấy giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Nay các tỳ khuru, đây là hạng người thứ ba, trong khi sanh lên ở thế gian, sanh lên đem lại sự lợi ích cho nhiều người, đem lại sự an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng thế gian, đem lại sự tấn hóa, đem lại sự lợi ích, đem lại sự an lạc cho chư Thiên và nhân loại.

Này các tỳ khuru, ba hạng người này, trong khi sanh lên ở thế gian, sanh lên đem lại sự lợi ích cho nhiều người, đem lại sự an lạc cho nhiều người, vì lòng thương tưởng thế gian, đem lại sự tấn hóa, đem lại sự lợi ích, đem lại sự an lạc cho chư Thiên và nhân loại”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Chính bậc Đạo Sư là vị đại ẩn sĩ thứ nhất ở thế gian, đệ tử tiếp nối vị ấy có bản thân đã được tu tập, rồi vị khác nữa cũng có sự thực hành là vị hữu học, nghe nhiều, thành tựu về giới và phạn sự.*

3. *Ba vị này là tối thượng ở chư Thiên và nhân loại, các bậc phát ra ánh sáng, trong khi nói lên Giáo Pháp, mở ra cánh cửa của sự Bất Tử, các vị ấy giúp cho nhiều người giải thoát khỏi sự ràng buộc.*

4. *Những ai lần theo Đạo Lộ đã khéo được thuyết giảng bởi bậc Lãnh Đạo đoàn xe, bởi bậc Vô Thượng, những ai không xao lãng về lời dạy của đấng Thiện Thệ thực hiện việc chấm dứt khổ đau ngay tại nơi đây”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 4. 6. KINH QUAN SÁT BẤT TỊNH

[85]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, hãy sống có sự quan sát bất tịnh ở cơ thể. Và niệm hơi thở vào hơi thở ra của các người hãy khéo được thiết lập luôn hiện diện ở nội phần. Các người hãy sống có sự quan sát vô thường ở tất cả các hành. Này các tỳ khuru, đối với vị trong khi sống có sự quan sát bất tịnh ở cơ thể, sự tiềm ẩn về luyến ái ở tịnh giới được dứt bỏ. Khi niệm hơi thở vào hơi thở ra là khéo được thiết lập luôn hiện diện ở nội phần, các khuynh hướng suy tầm ở ngoại phần đem đến sự buồn phiền là không tồn tại. Đối với vị sống có sự quan sát vô thường ở tất cả các hành, vô minh được dứt bỏ, minh được sanh khởi”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Vị (tỳ khuru nào) có sự quan sát bất tịnh ở cơ thể, có niệm ở hơi thở vào hơi thở ra, đang nhìn thấy sự yên lặng của tất cả các hành, luôn luôn có sự nhiệt tâm, ...*

3. *... vị tỳ khuru ấy, thật vậy, với việc nhìn thấy đúng đắn, nhờ thế được giải thoát khỏi nơi ấy, được hoàn mãn về thắng trí, được an tịnh, vị hiền trí ấy quả thật, đã vượt qua các sự ràng buộc”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 4. 7. KINH THỰC HÀNH PHÁP THUẬN THEO PHÁP

[86]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Đối với vị tỳ khuru thực hành pháp thuận theo pháp, việc này là thuận theo pháp nhằm giải thích việc ‘vị này thực hành pháp thuận theo pháp’: Trong khi nói, thì nói thuận về Giáo Pháp, không nói phi Pháp, hoặc trong khi suy tư thì suy tư thuận về Giáo Pháp, không suy tư phi Pháp, sau khi lìa khỏi cả hai việc này là người hành xả, sống, có niệm, có sự nhận biết rõ”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Có sự ưa thích Giáo Pháp, thích thú Giáo Pháp, trong lúc suy nghiệm về Giáo Pháp, trong lúc niệm tưởng về Giáo Pháp, vị tỳ khuru không buông lơi Diệu Pháp.*

3. *Trong lúc đi, hoặc trong lúc đứng, trong lúc ngồi hoặc trong lúc nằm, trong lúc làm cho tâm được yên lặng ở nội phần, (vị ấy) đạt đến sự an tịnh tuyệt đối”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 4. 8. KINH SỰ TẠO RA TẮM TỐI

[87]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, ba suy tầm bất thiện này là sự tạo ra tầm tối, sự không tạo thành mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết Bàn. Ba suy tầm nào?

Này các tỳ khuru, sự suy tầm về (ngũ) dục là sự tạo ra tầm tối, sự không tạo thành mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết Bàn. Này các tỳ khuru, sự suy tầm về oán hận là sự tạo ra tầm tối, sự không tạo thành mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết Bàn. Này các tỳ khuru, sự suy tầm về hãm hại là sự tạo ra tầm tối, sự không tạo thành mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết Bàn.

Này các tỳ khuru, ba suy tầm bất thiện này là sự tạo ra tầm tối, sự không tạo thành mắt, sự tạo ra vô trí, sự diệt tận tuệ, đem đến sự buồn phiền, không vận hành đến Niết Bàn.

Này các tỳ khuru, ba suy tầm thiện này là sự không tạo ra tầm tối, sự tạo thành mắt, sự tạo ra trí, sự tăng trưởng tuệ, không đem đến sự buồn phiền, vận hành đến Niết Bàn. Ba suy tầm nào?

Này các tỳ khuru, sự suy tầm về xuất ly là sự không tạo ra tầm tối, sự tạo thành mắt, sự tạo ra trí, sự tăng trưởng tuệ, không đem đến sự buồn phiền, vận hành đến Niết Bàn. Này các tỳ khuru, sự suy tầm về không oán hận là sự không tạo ra tầm tối, sự tạo thành mắt, sự tạo ra trí, sự tăng trưởng tuệ, không đem đến sự buồn phiền, vận hành đến Niết Bàn. Này các tỳ khuru, sự suy tầm về không hãm hại là sự không tạo ra tầm tối, sự tạo thành mắt, sự tạo ra trí, sự tăng trưởng tuệ, không đem đến sự buồn phiền, vận hành đến Niết Bàn.

Này các tỳ khuru, ba suy tầm thiện này là sự không tạo ra tầm tối, sự tạo thành mắt, sự tạo ra trí, sự tăng trưởng tuệ, không đem đến sự buồn phiền, vận hành đến Niết Bàn”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Hãy suy tầm ba suy tầm thiện, hơn nữa nên loại trừ ba (suy tầm) bất thiện. Vì ấy, thật vậy, làm yên lặng các suy tầm đã được nghĩ đến, tựa như cơn mưa làm yên lặng bụi bặm đã được gom lại. Vì ấy, thật vậy, với tâm*

được yên lặng các suy tầm, ngay tại nơi đây vị ấy đã chứng đạt vị thế an tịnh”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 4. 9. KINH VẾT NHƠ Ở BÊN TRONG

[88]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, ba cái này là các vết nhơ ở bên trong, các kẻ thù ở bên trong, các đối thủ ở bên trong, các sát thủ ở bên trong, các kẻ nghịch ở bên trong. Ba cái gì?

Này các tỳ khuru, tham là vết nhơ ở bên trong, kẻ thù ở bên trong, đối thủ ở bên trong, sát thủ ở bên trong, kẻ nghịch ở bên trong. Này các tỳ khuru, sân là vết nhơ ở bên trong, kẻ thù ở bên trong, đối thủ ở bên trong, sát thủ ở bên trong, kẻ nghịch ở bên trong. Này các tỳ khuru, si là vết nhơ ở bên trong, kẻ thù ở bên trong, đối thủ ở bên trong, sát thủ ở bên trong, kẻ nghịch ở bên trong.

Này các tỳ khuru, ba cái này là các vết nhơ ở bên trong, các kẻ thù ở bên trong, các đối thủ ở bên trong, các sát thủ ở bên trong, các kẻ nghịch ở bên trong”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Tham là sự sanh ra điều bất lợi, tham là sự kích động của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

3. *Người bị khởi tham không biết được sự lợi ích, người bị khởi tham không nhìn thấy lý lẽ. Tham ngự trị người nào, khi ấy người bị mù quáng tối tăm.*

4. *Và người nào sau khi dứt bỏ tham và không bị khởi tham ở vật gọi tham, tham được dứt bỏ khỏi người ấy, tựa như giọt nước lìa khỏi lá sen.*

5. *Sân là sự sanh ra điều bất lợi, sân là sự kích động của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.*

6. *Người bị nóng giận không biết được sự lợi ích, người bị nóng giận không nhìn thấy lý lẽ. Sự nóng giận ngự trị người nào, khi ấy người bị mù quáng tối tăm.*

7. *Và người nào sau khi dứt bỏ sân và không bị khởi sân ở vật gọi sân, sân được dứt bỏ khỏi người ấy, tựa như trái cây tālā lìa khỏi cuống.*

8. Si là sự sanh ra điều bất lợi, si là sự kích động của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.

9. Người bị si mê không biết được sự lợi ích, người bị si mê không nhìn thấy lý lẽ. Si ngự trị người nào, khi ấy người bị mù quáng tối tăm.

10. Và người nào sau khi dứt bỏ si và không bị khởi si ở vật gọi si, vị ấy tiêu diệt tất cả si mê, tựa như mặt trời đang mọc tiêu diệt sự tối tăm”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 4. 10. KINH DEVADATTA

[89]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, bị chế ngự, có tâm bị nắm giữ bởi ba điều phi diệu pháp, Devadatta là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể cứu chữa được. Ba điều nào?

Này các tỳ khuru, bị chế ngự, có tâm bị nắm giữ bởi ước muốn ác xấu, Devadatta là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể cứu chữa được. Này các tỳ khuru, bị chế ngự, có tâm bị nắm giữ bởi bạn hữu ác xấu, Devadatta là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể cứu chữa được. Hơn nữa, trong khi có việc hơn nữa cần phải làm, Devadatta đã đạt đến việc dừng lại ở khoảng giữa với sự đặc trưng đặc biệt có tính chất thấp thỏi (là các tầng thiền và các pháp thần thông).

Này các tỳ khuru, bị chế ngự, có tâm bị nắm giữ bởi ba điều phi diệu pháp, Devadatta là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể cứu chữa được”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “Đương nhiên, bất cứ người nào có ước muốn xấu xa chó được sanh lên ở thế gian. Cũng bởi điều này đây, các người hãy biết là có cảnh giới tương ứng dành cho những kẻ có ước muốn xấu xa.

3. Được nhận biết là ‘người sáng suốt,’ được công nhận ‘bản thân đã chứng thiền,’ Devadatta được nổi tiếng là ‘đã trụ vững tựa như đang chói sáng với danh tiếng’.

4. Kẻ ấy, thực hành có hạn lượng, sau khi công kích đấng Như Lai ấy, đã đi đến địa ngục Avīci có bốn cửa, chôn gây nên nỗi kinh hoàng.

5. Bởi vì kẻ nào gây hại đến bậc không (có tâm) xấu xa, đến bậc không làm hành động ác xấu, (quả) ác xấu xảy đến cho chính kẻ có tâm xấu xa, không có sự tôn trọng ấy.

6. Kẻ nào suy nghĩ để làm ô nhiễm đại dương bằng lọ thuốc độc, với vật ấy kẻ ấy không thể làm ô nhiễm bởi vì đại dương là bao la, to lớn.

7. Tương tự y như thế, kẻ nào dùng lời nói hăm hại đáng Thiện Thệ, bậc đã đạt đến sự hoàn hảo, có tâm thanh tịnh; lời nói (bôi nhọ) không có tác động ở nơi vị ấy.

8. Người sáng suốt nên kết bạn hữu với bậc như thế ấy, và nên phục vụ bậc ấy. Vị tỳ khuru đi theo đường lối của bậc ấy sẽ đạt được sự diệt trừ khổ đau”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

Phẩm thứ tư.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Sự suy tầm, sự tôn vinh, âm thanh, trong khi lìa đời, ở thế gian, bất tịnh, (thuận theo) Pháp, sự tắm tột, vết nhơ, vị Devadatta; chúng là mười.

---o0o---

PHẨM THỨ NĂM

3. 5. 1. KINH SỰ TỊNH TÍN TỐI CAO

[90]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đây là ba sự tịnh tín tối cao. Ba sự tịnh tín nào?

Này các tỳ khuru, so sánh với các chúng sanh không chân, hoặc hai chân, hoặc bốn chân, hoặc nhiều chân, hoặc có sắc, hoặc vô sắc, hoặc có tướng hoặc vô tướng, hoặc phi tướng phi phi tướng, đức Như Lai được gọi là tối cao trong số ấy, tức là bậc A-la-hán, đáng Chánh Đẳng Giác. Này các tỳ khuru, những ai tịnh tín ở đức Phật, những người ấy tịnh tín ở đối tượng tối cao. Hơn nữa, đối với những ai tịnh tín ở đối tượng tối cao, quả thành tựu của họ là tối cao.

Này các tỳ khuru, so sánh với các pháp hữu vi hoặc vô vi, sự xa lìa luyến ái được gọi là tối cao trong số các pháp ấy, tức là sự nghiền nát say đắm, sự xua đi khao khát, sự thủ tiêu các pháp ngũ ngầm, sự bẻ gãy vòng xoay, sự diệt trừ tham ái, sự xa lìa luyến ái, sự tịch diệt, Niết Bàn. Này các tỳ khuru,

những ai tịnh tín ở pháp xa lìa luyến ái, những người ấy tịnh tín ở đối tượng tối cao. Hơn nữa, đối với những ai tịnh tín ở đối tượng tối cao, quả thành tựu của họ là tối cao.

Này các tỳ khuru, so sánh với hội chúng hoặc tập thể, hội chúng Thịnh Văn của đức Như Lai được gọi là tối cao trong số ấy, tức là bốn cặp hạng người (bốn đôi Đạo Quả), tám hạng người tính đơn (bốn Đạo và bốn Quả là tám). Hội chúng Thịnh Văn ấy của đức Thế Tôn đáng được hiến cúng, đáng được hiến dâng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là nơi để gieo trồng phước báu của thế gian không gì hơn được. Này các tỳ khuru, những ai tịnh tín ở Tăng Chúng, những người ấy tịnh tín ở đối tượng tối cao. Hơn nữa, đối với những ai tịnh tín ở đối tượng tối cao, quả thành tựu của họ là tối cao.

Này các tỳ khuru, đây là ba sự tịnh tín tối cao”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Thật vậy, đối với những người tịnh tín đang nhận biết Giáo Pháp tối cao là tối cao, đối với những người tịnh tín ở đức Phật tối cao, bậc xứng đáng cúng dường, đáng Vô Thượng, ...*

3. *Thật vậy, đối với những người tịnh tín ở Giáo Pháp tối cao, xa lìa luyến ái, yên tịnh, an lạc, đối với những người tịnh tín ở Tăng Chúng tối cao, ruộng phước vô thượng, ...*

4. *Đối với những người đang dâng cúng vật thí ở đối tượng tối cao, phước thiện tối cao tăng trưởng, tuổi thọ, sắc đẹp, danh vọng, tiếng tăm, hạnh phúc, sức mạnh tối cao.*

5. *Người bố thí đến đối tượng tối cao là bậc thông minh, đã được tập trung ở Giáo Pháp tối cao, dầu có bản thể chư Thiên hay là nhân loại, người đã đạt đến trạng thái tối cao thì vui sướng”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 5. 2. KINH SỰ NUÔI MẠNG

[91]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, việc này là tận cùng trong các việc nuôi mạng, tức là sự khát thực. Này các tỳ khuru, có lời nguyện rửa này ở thế gian: ‘Ông là kẻ khát thực, đi lang thang, tay cầm bình bát’. Và này các tỳ khuru, những người con trai gia đình danh giá, những người sống cho tự ngã, tùy thuận tác động của tự ngã đi đến với việc khát thực ấy, chẳng phải bị thúc ép bởi vua, chẳng

phải bị thúc ép bởi quân cướp, không vì có nợ nần, không vì có sợ hãi, không phải do tác động bởi sự nuôi mạng. Nhưng (vì nghĩ rằng): ‘Chúng tôi bị sa đọa bởi sự sanh, sự già, sự chết, các sự sâu bi khổ ưu não, bị chất chồng bởi khổ, bị quấy nhiễu bởi khổ, mong sao việc làm chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này có thể được nhận biết’.

Và này các tỳ khuru, được xuất gia như vậy, người con trai gia đình danh giá này bị tham đắm trong các dục, có sự luyến ái sắc bén, có tâm bị sai quấy, có ý suy tư bị tồi bại, có niệm bị quên lãng, không có sự nhận biết rõ, không định tĩnh, có tâm bị tán loạn, có giác quan bị buông lơi.

Này các tỳ khuru, cũng giống như thanh gỗ ở lò thiêu xác chết bị đốt cháy ở hai đầu, bị lấm phân ở khoảng giữa, không sử dụng được vì mục đích củi đốt không chỉ ở làng mà luôn cả ở rừng, này các tỳ khuru, Ta nói về người này với ví dụ như thế, người này đã buông bỏ các sự hưởng thụ tại gia nhưng không làm đầy đủ mục đích của hạnh Sa-môn”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Kẻ đã buông bỏ các sự hưởng thụ tại gia và có phần yếu kém về mục đích của hạnh Sa-môn, trong khi đang bị hủy hoại, kẻ ấy buông lung, rồi bị tiêu hoại như thanh gỗ ở lò thiêu xác chết.*

3. *Có nhiều kẻ, cố quán y casa, (hành) theo pháp ác, không tự chế ngự, những kẻ xấu xa ấy, do các nghiệp ác, bị sanh vào địa ngục.*

4. *Hòn sắt cháy rực tựa như ngọn lửa được ăn vào là tốt hơn so với kẻ có giới tồi, không tự chế ngự, ăn đồ ăn khát thực của xứ sở”.*^[51]

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 5. 3. KINH CHÉO Y HAI LỚP

[92]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, cho dầu vị tỳ khuru có thể nắm lấy chéo y hai lớp rồi theo sát phía sau, trong khi đặt xuống bàn chân theo từng vết bàn chân. Và vị ấy bị tham đắm, có sự luyến ái sắc nét ở các dục, có tâm bị sai quấy, có ý suy tư bị tồi bại, có niệm bị quên lãng, không có sự nhận biết rõ, không định tĩnh, có tâm bị tán loạn, có giác quan bị buông lơi. Khi ấy, vị ấy vẫn xa cách Ta, và Ta xa cách vị ấy. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Này các tỳ khuru, bởi vì vị tỳ khuru ấy không nhìn thấy pháp, trong khi không nhìn thấy pháp thì không nhìn thấy Ta.

Này các tỳ khuru, cho dầu vị tỳ khuru ấy có thể sống xa một trăm do-tuần, và vị ấy không bị tham đắm, không có sự luyến ái sắc nét ở các dục, có tâm không bị sai quấy, có ý suy tư không bị tội bại, có niệm được thiết lập, có sự nhận biết rõ, được định tĩnh, có tâm được chuyên nhất, có giác quan đã được thu thúc. Khi ấy, vị ấy rất gần Ta, và Ta rất gần vị ấy. Điều ấy có nguyên nhân là gì? Này các tỳ khuru, bởi vì vị tỳ khuru ấy nhìn thấy pháp, trong khi nhìn thấy pháp thì nhìn thấy Ta”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Cho dầu theo sát, nhưng có ước muốn lớn lao và có sự buồn phiền, kẻ đeo đuổi dục vọng đối với người không dục vọng, kẻ chưa diệt tắt đối với người đã diệt tắt, kẻ thêm khát đối với người đã lìa sự thêm khát, người hãy nhìn xem xa cách đến chừng nào.*

3. *Và sau khi biết rõ pháp, sau khi hiểu được pháp, bậc sáng suốt ấy không còn dục vọng, được yên lặng, tựa như hồ nước khi đứng gió.*

4. *Vị không dục vọng ấy đối với người không dục vọng, đã diệt tắt đối với người đã diệt tắt, không thêm khát đối với người đã lìa sự thêm khát, người hãy nhìn xem gần gũi đến chừng nào”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 5. 4. KINH LỬA

[93]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đây là ba loại lửa. Ba loại nào? Lửa tham ái, lửa sân hận, lửa si mê. Này các tỳ khuru, đây là ba loại lửa”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Lửa tham ái thiêu đốt những kẻ bị luyến ái, bị mê mẩn về các dục, còn lửa sân hận thiêu đốt những kẻ có tâm sai quấy, những kẻ giết hại các sinh mạng.*

3. *Và lửa si mê thiêu đốt những kẻ bị mê muội, không rành rẽ về pháp bậc Thánh. Những kẻ thỏa thích với thân (ngũ uẩn) không biết những ngọn lửa này.*

4. *Những kẻ ấy khiến cho địa ngục, các thai bào của các loài súc sanh, hạng A-tu-la, cảnh giới ngạ quỷ được tăng trưởng; họ không thoát khỏi sự trói buộc của Ma Vương.*

5. Và những người nào ngày đêm gắn bó vào lời dạy của đấng Chánh Đẳng Giác, những người ấy diệt tắt lửa luyến ái, thường xuyên có sự suy tưởng về bất tịnh.

6. Hơn nữa, các bậc tối thượng nhân diệt tắt lửa sân hận bằng từ ái, và (diệt tắt) lửa si mê bằng trí tuệ, đây là pháp đưa đến sự thấu triệt.

7. Sau khi đã diệt tắt (ba loại lửa), các bậc chín chắn ấy, ngày đêm không thụ động, rồi viên tịch Niết Bàn không còn dư sót, các vị đã vượt qua khổ đau không còn dư sót.

8. Các bậc hiểu biết sâu sắc, đã nhìn thấy pháp của bậc Thánh, các bậc sáng suốt, sau khi hiểu biết đúng đắn, sau khi biết rõ sự diệt trừ việc sanh ra, không đi đến sự hiện hữu lại nữa”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 5. 5. KINH KHẢO SÁT

[94]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, vị tỳ khưu nên khảo sát theo đường lối như thế nào đó để trong khi đang khảo sát, thức của vị này không bị tản mạn, không bị tỏa rộng ở ngoại phần, không bị gắn chặt ở nội phần, không nên chấp thủ và không nên trông ngóng. Và này các tỳ khưu, khi thức của vị này không bị tản mạn, không bị tỏa rộng ở ngoại phần, không bị gắn chặt ở nội phần, đối với vị không chấp thủ và không khao khát, thì không có nhân sanh khởi và sự hình thành của sanh, già, chết, khổ”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “Đối với vị tỳ khưu đã dứt bỏ bảy điều dính mắc, ^[52] đã chặt đứt lối dẫn đi tái sanh, sự luân hồi tái sanh đã được chấm dứt, không có sự hiện hữu lại nữa đối với vị ấy”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 5. 6. KINH SỰ SANH KHỞI CỦA CÁC DỤC

[95]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đây là ba sự sanh khởi của các dục. Ba sự sanh khởi nào? Các dục đã được hiện diện, các sự thích thú vật do tự mình biến hóa ra, các sự thể hiện quyền lực đối với các dục do người khác biến hóa ra. Này các tỳ khuru, đây là ba sự sanh khởi của các dục”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Hạng có các dục đã được hiện diện, chư Thiên có sự thể hiện quyền lực, chư Thiên có sự thích thú vật do tự mình biến hóa ra, và các hạng khác có sự hưởng thụ các dục, ...*

3. *... họ không vượt qua luân hồi, sự hiện hữu ở nơi này hay sự hiện hữu ở nơi khác. Sau khi biết được bất lợi này ở các sự hưởng thụ dục, bậc sáng suốt nên buông bỏ tất cả các dục thuộc cõi trời và thuộc loài người.*

4. *Sau khi chặt đứt sự trói buộc dễ chịu ở các sắc đáng yêu, dòng chảy khó thể vượt qua, rồi viên tịch Niết Bàn không còn dư sót, các vị đã vượt qua khổ đau không còn dư sót.*

5. *Các bậc hiểu biết sâu sắc, đã nhìn thấy pháp của bậc Thánh, các bậc sáng suốt, sau khi hiểu biết đúng đắn, sau khi biết rõ sự diệt trừ việc sanh ra, không đi đến sự hiện hữu lại nữa”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 5. 7. KINH SỰ GẮN BÓ VỚI CÁC DỤC

[96]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, bị gắn bó với sự gắn bó của dục, bị gắn bó với sự gắn bó của hữu, là vị hữu lai, người trở về lại trạng thái này.

Này các tỳ khuru, không còn bị ràng buộc với sự gắn bó của dục, bị gắn bó với sự gắn bó của hữu, là vị Bất Lai, người không trở về lại trạng thái này.

Này các tỳ khuru, không còn bị ràng buộc với sự gắn bó của dục, không còn bị ràng buộc với sự gắn bó của hữu, là vị A-la-hán, có lậu hoặc đã cạn kiệt”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Bị ràng buộc với cả hai: với sự gắn bó của dục và với sự gắn bó của hữu, chúng sanh đi đến luân hồi, đi đến sanh và tử.*

3. *Và những ai sau khi dứt bỏ các dục, không đạt đến sự diệt trừ các lậu hoặc, bị ràng buộc với sự gắn bó của hữu, được gọi là vị ‘Bất Lai’.*

4. *Còn những vị nào có hoài nghi đã được chặt đứt, có ngã mạn và sự hiện hữu lại nữa đã được cạn kiệt, những vị nào đã đạt đến sự diệt trừ các lậu hoặc, thật vậy những vị ấy đã đi đến bờ kia ở thế gian”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

Tụng Phẩm thứ ba.

---o0o---

3. 5. 8. KINH GIỚI TỐT ĐẸP

[97]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru có giới tốt đẹp, có pháp tốt đẹp, có tuệ tốt đẹp ở Pháp và Luật này được gọi là ‘vị toàn hảo, đã được hoàn mãn, con người tối thượng’.

Và này các tỳ khuru, vị tỳ khuru có giới tốt đẹp nghĩa là thế nào? Này các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru là vị có giới, sống thu thúc trong sự thu thúc của giới bốn *Pātimokkha*, được thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhất, thọ trì và thực hành trong các điều học. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru có giới tốt đẹp nghĩa là như vậy. Có giới tốt đẹp là thế ấy.

Và có pháp tốt đẹp nghĩa là thế nào? Này các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru sống gắn liền với sự tu tập bảy pháp góp phần vào việc giác ngộ. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru có pháp tốt đẹp nghĩa là như vậy. Có giới tốt đẹp, có pháp tốt đẹp là thế ấy.

Và có tuệ tốt đẹp nghĩa là thế nào? Này các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru với sự diệt trừ các lậu hoặc, không còn lậu hoặc, ngay trong kiếp hiện tại, nhờ vào thắng trí của mình, chứng ngộ, đạt đến, và an trú vào sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ. Này các tỳ khuru, vị tỳ khuru có tuệ tốt đẹp nghĩa là như vậy. Có giới tốt đẹp, có pháp tốt đẹp, có tuệ tốt đẹp ở Pháp và Luật này được gọi là ‘vị toàn hảo, đã được hoàn mãn, con người tối thượng’ là thế ấy”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Đối với vị nào không có việc đã làm sái quấy về thân, về khẩu, về ý, thật vậy, người ta đã gọi vị tỳ khuru có liêm sỉ ấy là ‘vị có giới tốt đẹp’.*

3. *Đối với vị nào bảy pháp dẫn đến sự giác ngộ khéo được tu tập, thật vậy, người ta đã gọi vị tỳ khuru không tự cao ấy là ‘vị có pháp tốt đẹp’.*

4. *Đối với vị nào nhận biết sự diệt trừ khổ của bản thân ngay tại chỗ này, người ta đã gọi vị tỳ khuru không còn lậu hoặc ấy là ‘vị có tuệ tốt đẹp’*

5. *Người ta đã gọi vị thành tựu những pháp ấy, không phiền muộn, có hoài nghi đã được chặt đứt, không bị lệ thuộc đối với tất cả thế gian là vị đã đứt bỏ tất cả”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 5. 9. KINH BỐ THÍ

[98]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đây là hai loại bố thí: bố thí tài vật và bố thí pháp. Này các tỳ khuru, việc này là cao thượng trong số hai loại bố thí này, tức là bố thí pháp. Này các tỳ khuru, đây là hai loại san sẻ: san sẻ tài vật và san sẻ pháp. Này các tỳ khuru, việc này là cao thượng trong số hai loại san sẻ này, tức là san sẻ pháp. Này các tỳ khuru, đây là hai loại tương trợ: tương trợ tài vật và tương trợ pháp. Này các tỳ khuru, việc này là cao thượng trong số hai loại tương trợ này, tức là tương trợ pháp”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Người ta đã nói sự bố thí nào là tối cao vô thượng, đức Thế Tôn đã ngợi khen sự san sẻ nào (là tối cao vô thượng); là người hiểu biết, đang nhận biết, có tâm tịnh tín ở thừa ruộng (phước) cao thượng, ai có thể không hy sinh vào lúc đúng thời?”*

3. *Những người nào không những nói mà còn lắng nghe, có cả hai hành động, có tâm tịnh tín ở lời dạy của bậc Thiện Thệ, những người nào không xao lãng về lời dạy của đấng Thiện Thệ, mục đích tối cao ấy của những người ấy được thanh tịnh”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

3. 5. 10. KINH BA MINH

[99]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, Ta tuyên bố (một người là) Bà-la-môn có ba Minh được căn cứ vào pháp, không phải chỉ vì lời nói làm nhằm được thốt lên.

Và này các tỳ khuru, Ta tuyên bố (một người là) Bà-la-môn có ba Minh được căn cứ vào pháp, không phải chỉ vì lời nói làm nhằm được thốt lên nghĩa là thế nào?

Này các tỳ khuru, ở đây vị tỳ khuru nhớ lại nhiều kiếp sống trước như là một lần sanh, hai lần sanh, ba lần sanh, bốn lần sanh, năm lần sanh, mười lần sanh, hai mươi lần sanh, ba mươi lần sanh, bốn mươi lần sanh, năm mươi lần sanh, một trăm lần sanh, một ngàn lần sanh, một trăm ngàn lần sanh, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp: ‘Ở nơi ấy, ta đã có tên như vậy, dòng họ như vậy, giai cấp như vậy, thức ăn như vậy, kinh nghiệm lạc và khổ như vậy, có giới hạn tuổi thọ như vậy. Từ chỗ ấy, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại chỗ kia. Ở nơi kia, ta đã có tên như vậy, dòng họ như vậy, giai cấp như vậy, thức ăn như vậy, kinh nghiệm lạc và khổ như vậy, có giới hạn tuổi thọ như vậy. Từ nơi kia, ta đây đã chết đi rồi đã sanh lên tại nơi này’. Như thế, vị ấy nhớ lại nhiều kiếp sống trước với các nét đại cương và cá biệt. Đối với vị này, đây là Minh thứ nhất được chứng đạt, vô minh được diệt tận, minh được sanh khởi, bóng tối được diệt tận, ánh sáng được sanh khởi như thế trong khi vị này sống không xao lãng, nhiệt tâm, quyết tâm.

Này các tỳ khuru, còn có điều khác nữa, vị tỳ khuru với Thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại (trở thành) hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, (hay) đau khổ, vị ấy biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng (như vậy): ‘Quả đúng như vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động xấu xa bằng thân, có hành động xấu xa bằng lời nói, có suy nghĩ xấu xa bằng ý, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán thành các hành động do tà kiến. Những kẻ ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có hành động tốt đẹp bằng thân, có hành động tốt đẹp bằng lời nói, có suy nghĩ tốt đẹp bằng ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến. Những người ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, được sanh vào chôn an vui, cõi Trời’. Như thế, bằng Thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, vị ấy nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại (trở thành) hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, (hay) đau khổ, vị ấy biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng. Đối với vị này, đây là Minh thứ nhì được chứng đạt, vô minh được diệt tận, minh được sanh khởi, bóng tối được diệt tận, ánh sáng được sanh khởi như thế trong khi vị này sống không xao lãng, nhiệt tâm, quyết tâm.

Này các tỳ khưu, còn có điều khác nữa, vị tỳ khưu do sự diệt tận các lậu hoặc, nhờ vào thắng trí của bản thân, ngay trong thời hiện tại chứng ngộ sự giải thoát của tâm, sự giải thoát của tuệ, sự không còn lậu hoặc, rồi thể nhập và an trú. Đối với vị này, đây là Minh thứ ba được chứng đạt, vô minh được diệt tận, minh được sanh khởi, bóng tối được diệt tận, ánh sáng được sanh khởi như thể trong khi vị này sống không xao lãng, nhiệt tâm, quyết tâm.

Này các tỳ khưu, Ta tuyên bố (một người là) Bà-la-môn có ba Minh được căn cứ vào pháp, không phải chỉ vì lời nói làm nhằm được thốt lên nghĩa là như thế”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Vị nào biết về kiếp sống trước, nhìn thấy cõi Trời và đọa xứ, rồi đạt đến sự diệt trừ tái sanh, là bậc hiền trí, đã được hoàn hảo về thắng trí.*

3. *Với ba Minh này, trở thành vị Bà-la-môn có ba Minh, Ta nói vị ấy là vị Tam Minh, chứ không phải kẻ khác với lời nói làm nhằm được thốt lên”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

Phẩm thứ năm.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Sự tịnh tín, nuôi mạng, (chéo) y hai lớp, lửa, sự khảo sát, sự sanh khởi, (gắn bó) các dục, giới tốt đẹp, bố thí, căn cứ vào pháp; chúng là mười.

NHÓM BA PHÁP ĐƯỢC CHẤM DỨT.

---o0o---

NHÓM BỐN PHÁP

4. 1. 1. KINH BÀ-LA-MÔN

[100]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khưu, Ta là vị Bà-la-môn, có sự đáp ứng việc cầu xin (Giáo Pháp) vào mọi lúc, luôn luôn có bàn tay trong sạch, mang thân mạng cuối cùng, là nhà thầy thuốc phẫu thuật vô thượng. Đối với Ta đây, các người là những người con trai chính thống, được sanh ra từ miệng, được sanh ra từ Giáo Pháp, được tạo ra từ Giáo Pháp, là những người thừa hưởng Giáo Pháp, không là những người thừa hưởng tài vật.

Này các tỳ khuru, đây là hai loại bố thí: bố thí tài vật và bố thí Giáo Pháp. Này các tỳ khuru, việc này là cao thượng trong số hai loại bố thí này, tức là bố thí Giáo Pháp.

Này các tỳ khuru, đây là hai loại san sẻ: san sẻ tài vật và san sẻ Giáo Pháp. Này các tỳ khuru, việc này là cao thượng trong số hai loại san sẻ này, tức là san sẻ Giáo Pháp.

Này các tỳ khuru, đây là hai loại tương trợ: tương trợ tài vật và tương trợ Giáo Pháp. Này các tỳ khuru, việc này là cao thượng trong số hai loại tương trợ này, tức là tương trợ Giáo Pháp.

Này các tỳ khuru, đây là hai loại dâng hiến: dâng hiến tài vật và dâng hiến Giáo Pháp. Này các tỳ khuru, việc này là cao thượng trong số hai loại dâng hiến này, tức là dâng hiến Giáo Pháp”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Vị nào đã dâng hiến sự dâng hiến Giáo Pháp, không bỏn xẻn, là đức Như Lai, có lòng thương tưởng đến tất cả sanh linh, chúng sinh kính lễ vị ấy, con người như thế ấy, bậc tối thượng của chư Thiên và nhân loại, vị đã đi đến bờ kia của hiện hữu”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

4. 1. 2. KINH BỐN VẬT KHÔNG BỊ KHIỂN TRÁCH

[101]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, bốn vật này là tầm thường, dễ đạt được, và các vật ấy không bị khiếm trách. Bốn vật nào?”

Này các tỳ khuru, y làm bằng vải dơ bị quăng bỏ là tầm thường và dễ đạt được trong số các loại y, và vật ấy không bị khiếm trách. Này các tỳ khuru, miếng ăn khát thực là tầm thường và dễ đạt được trong số các loại vật thực, và vật ấy không bị khiếm trách. Này các tỳ khuru, gốc cây là tầm thường và dễ đạt được trong số các chỗ trú ngụ, và vật ấy không bị khiếm trách. Này các tỳ khuru, nước tiểu hôi thối là tầm thường và dễ đạt được trong số các loại dục phẩm, và vật ấy không bị khiếm trách.

Này các tỳ khuru, bốn vật này là tầm thường, dễ đạt được, và các vật ấy không bị khiếm trách.

Này các tỳ khuru, khi vị tỳ khuru được hài lòng với vật tầm thường và dễ đạt được, Ta nói rằng: ‘Vị này có được một yếu tố của hạnh Sa-môn’.”

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Vị hài lòng với vật không bị khiển trách, tâm thường, và dễ đạt được, thì có tâm không có buồn phiền liên quan đến chỗ trú ngụ, y phục, nước uống, vật thực, và không bị ưu phiền về các phương (đi đến).”*

3. *Và các pháp nào được tuyên bố phù hợp với hạnh Sa-môn, được vượt trội, là dành cho vị tỳ khuru hài lòng, không bị xao lãng này”*.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

4. 1. 3. KINH DIỆT TRỪ LẬU HOẶC

[102]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, Ta nói về sự diệt trừ các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không cho người không biết, không cho người không thấy. Và này các tỳ khuru, sự diệt trừ các lậu hoặc cho người biết gì, cho người thấy gì?”*

Này các tỳ khuru, sự diệt trừ các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy: ‘Đây là khổ’. Sự diệt trừ các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy: ‘Đây là nhân sanh của khổ’. Sự diệt trừ các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy: ‘Đây là sự diệt tận khổ’. Sự diệt trừ các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy: ‘Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ’. Và này các tỳ khuru, sự diệt trừ các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy là như vậy”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Đối với vị hữu học đang học tập, có sự hành trì theo đạo lộ ngay thẳng, thứ nhất là trí về sự diệt trừ, sau đó là sự hiểu biết vô thượng.*

3. *Kế đó là sự hiểu biết của vị đã được giải thoát, trí giải thoát tối thượng, trí về sự diệt trừ sanh khởi rằng: ‘Các ràng buộc đã được cạn kiệt’.*

4. *Niết Bàn này, sự giải thoát tất cả trói buộc, không thể nào được chứng đạt bởi kẻ biếng nhác, ngu dốt, không nhận thức”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

4. 1. 4. KINH SA-MÔN VÀ BÀ-LA-MÔN

[103]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, bất cứ các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không nhận biết đúng theo thực thể rằng: ‘Đây là Khổ,’ không nhận biết đúng theo thực thể rằng: ‘Đây là nhân sanh Khổ,’ không nhận biết đúng theo thực thể rằng: ‘Đây là sự diệt tận Khổ,’ không nhận biết đúng theo thực thể rằng: ‘Đây là sự thực hành đưa đến diệt tận Khổ,’ này các tỳ khuru, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được Ta công nhận là Sa-môn trong số các Sa-môn, không được Ta công nhận là Bà-la-môn trong số các Bà-la-môn, và hơn nữa không có trường hợp các vị đại đức này, ngay trong kiếp hiện tại, nhờ vào thắng trí của mình, chứng ngộ, đạt đến, và an trú mục đích của hạnh Sa-môn hoặc mục đích của hạnh Bà-la-môn.

Và bất cứ các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào nhận biết đúng theo thực thể rằng: ‘Đây là Khổ,’ nhận biết đúng theo thực thể rằng: ‘Đây là nhân sanh Khổ,’ nhận biết đúng theo thực thể rằng: ‘Đây là sự diệt tận Khổ,’ nhận biết đúng theo thực thể rằng: ‘Đây là sự thực hành đưa đến diệt tận Khổ,’ này các tỳ khuru, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được Ta công nhận là Sa-môn trong số các Sa-môn, được Ta công nhận là Bà-la-môn trong số các Bà-la-môn, và hơn nữa các vị đại đức ấy ngay trong kiếp hiện tại, nhờ vào thắng trí của mình, chứng ngộ, đạt đến, và an trú mục đích của hạnh Sa-môn hoặc mục đích của hạnh Bà-la-môn”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Những người nào không nhận biết về khổ, rồi nguồn sanh khởi của khổ, và nơi nào khổ được tiêu hoại toàn bộ không dư sót, và không biết về đạo lộ ấy, (đạo lộ) đưa đến sự yên lặng của khổ.*

3. *Những người ấy là thấp kém về sự giải thoát của tâm, rồi sự giải thoát của tuệ, những người ấy không thể thực hiện việc chấm dứt, quả thật họ đi đến sanh và già.*

4. *Và những người nào nhận biết về khổ, rồi nguồn sanh khởi của khổ, và nơi nào khổ được tiêu hoại toàn bộ không dư sót, và nhận biết về đạo lộ ấy, (đạo lộ) đưa đến sự yên lặng của khổ.*

5. *Những người ấy thành tựu sự giải thoát của tâm, rồi sự giải thoát của tuệ, những người ấy có thể thực hiện việc chấm dứt, quả thật họ không đi đến sanh và già”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

4. 1. 5. KINH THÀNH TỰU GIỚI

[104]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, những vị tỳ khuru nào thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu trí và sự nhận thức về giải thoát, là những vị giáo giới, những vị giảng giải, những vị chỉ dạy, những vị thức tỉnh, những vị khuyến khích, những vị tạo niềm phấn khởi, những vị thuyết giáo đầy đủ và đúng đắn về Diệu Pháp.

Này các tỳ khuru, Ta nói rằng việc nhìn thấy các vị tỳ khuru ấy cũng có nhiều sự hỗ trợ. Này các tỳ khuru, Ta nói rằng việc lắng nghe các vị tỳ khuru ấy cũng có nhiều sự hỗ trợ. Này các tỳ khuru, Ta nói rằng việc đi đến gần các vị tỳ khuru ấy cũng có nhiều sự hỗ trợ. Này các tỳ khuru, Ta nói rằng việc hầu cận các vị tỳ khuru ấy cũng có nhiều sự hỗ trợ. Này các tỳ khuru, Ta nói rằng việc nhớ đến các vị tỳ khuru ấy cũng có nhiều sự hỗ trợ. Này các tỳ khuru, Ta nói rằng việc xuất gia theo các vị tỳ khuru ấy cũng có nhiều sự hỗ trợ.

Điều ấy có nguyên nhân là gì?

Này các tỳ khuru, đối với người đang phục vụ, đang cộng sự, đang hầu cận các vị tỳ khuru như thế, giới uẩn dầu chưa được đầy đủ cũng đi đến sự đầy đủ của việc phát triển, định uẩn dầu chưa được đầy đủ cũng đi đến sự đầy đủ của việc phát triển, tuệ uẩn dầu chưa được đầy đủ cũng đi đến sự đầy đủ của việc phát triển, giải thoát uẩn dầu chưa được đầy đủ cũng đi đến sự đầy đủ của việc phát triển, trí và sự nhận thức về giải thoát uẩn dầu chưa được đầy đủ cũng đi đến sự đầy đủ của việc phát triển.

Và này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru như thế ấy còn được gọi là ‘các vị đạo sư,’ còn được gọi là ‘các vị lãnh đạo đoàn xe,’ còn được gọi là ‘các vị từ bỏ ô nhiễm,’ còn được gọi là ‘các vị xua tan bóng tối,’ còn được gọi là ‘các vị tạo ra ánh sáng,’ còn được gọi là ‘các vị tạo ra hào quang,’ còn được gọi là ‘các vị tạo ra cây đèn,’ còn được gọi là ‘các vị cầm cây đuốc,’ còn được gọi là ‘các vị tạo ra nguồn sáng,’ còn được gọi là ‘các bậc Thánh,’ còn được gọi là ‘các vị có mắt’.”

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Như vậy là cơ sở tạo ra sự hoan hỷ cho những người đang nhận thức, tức là những vị có bản thân đã được tu tập, của các bậc Thánh có mạng sống đúng theo Pháp.*

3. Các vị ấy, các bậc tạo ra nguồn sáng, các bậc tạo ra ánh sáng, các bậc sáng trí, các bậc có mắt, các bậc từ bỏ ô nhiễm. làm sáng tỏ, làm chói sáng Diệu Pháp.

4. Thật vậy, những người sáng suốt, sau khi lắng nghe lời dạy của các vị này, sau khi hiểu biết đúng đắn, sau khi biết rõ sự diệt trừ việc sanh ra, không đi đến sự hiện hữu lại nữa”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

4. 1. 6. KINH SỰ SANH KHỞI CỦA THAM ÁI

[105]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, đây là bốn sự sanh khởi của tham ái, tại đó tham ái đang sanh khởi được sanh khởi đến vị tỳ khuru. Bốn sự sanh khởi nào?”

Này các tỳ khuru, do nhân y phục tham ái đang sanh khởi được sanh khởi đến vị tỳ khuru. Này các tỳ khuru, do nhân đồ ăn khát thực tham ái đang sanh khởi được sanh khởi đến vị tỳ khuru. Này các tỳ khuru, do nhân chỗ trú ngụ tham ái đang sanh khởi được sanh khởi đến vị tỳ khuru. Này các tỳ khuru, do nhân có hay không có như thế, tham ái đang sanh khởi được sanh khởi đến vị tỳ khuru.

Này các tỳ khuru, đây là bốn sự sanh khởi của tham ái, tại đó tham ái đang sanh khởi được sanh khởi đến vị tỳ khuru.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “Có tham ái là bạn lâu, trong khi luân chuyển một thời gian dài đến cõi này và cõi khác, con người không vượt qua được luân hồi.

3. Sau khi biết được sự bất lợi như vậy, (biết được) tham ái là nguồn sanh khởi của khổ, vị tỳ khuru, đã xa lìa tham ái, không có nắm giữ, có niệm, nên ra đi du phương”.

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

4. 1. 7. KINH CÓ PHẠM THIÊN

[106]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, ở những gia đình nào mẹ và cha được các con tôn vinh ở trong nhà, những gia đình ấy được xem là có Phạm Thiên. Này các tỳ

khuru, ở những gia đình nào mẹ và cha được các con tôn vinh ở trong nhà, những gia đình ấy được xem là có chư Thiên đầu tiên. Nay các tỳ khuru, ở những gia đình nào mẹ và cha được các con tôn vinh ở trong nhà, những gia đình ấy được xem là có các vị thầy đầu tiên. Nay các tỳ khuru, ở những gia đình nào mẹ và cha được các con tôn vinh ở trong nhà, những gia đình ấy được xem là có các bậc đáng được công hiến.

Này các tỳ khuru, ‘Phạm Thiên’ là từ biểu trưng của mẹ và cha. Nay các tỳ khuru, ‘chư Thiên đầu tiên’ là từ biểu trưng của mẹ và cha. Nay các tỳ khuru, ‘các vị thầy đầu tiên’ là từ biểu trưng của mẹ và cha. Nay các tỳ khuru, ‘các bậc xứng đáng sự công hiến’ là từ biểu trưng của mẹ và cha. Điều ấy có nguyên nhân là gì?

Này các tỳ khuru, mẹ và cha đối với các con là có nhiều sự hỗ trợ, là những người chăm sóc, là những người nuôi dưỡng, là những người chỉ dạy về thế gian này”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Mẹ và cha được gọi là ‘Phạm Thiên,’ ‘các vị thầy đầu tiên,’ và ‘các bậc xứng đáng sự công hiến’ của các con, là những người có lòng thương tưởng đến hàng con cháu.*

3. *Chính vì thế, đối với mẹ và cha, bậc sáng suốt nên kính lễ và tôn vinh với cơm ăn, nước uống, vải vóc, và giường nằm, với sự xoa bóp, với việc tắm, và việc rửa sạch các bàn chân.*

4. *Với việc phục vụ ấy đến mẹ và cha, ngay ở kiếp này các bậc sáng suốt ca ngợi người ấy, sau khi chết vui hưởng ở cõi Trời”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

4. 1. 8. KINH NHIỀU SỰ ÍCH LỢI

[107]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, các Bà-la-môn và các gia chủ là có nhiều ích lợi cho các người, họ cung cấp cho các người với những vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh. Nay các tỳ khuru, các người cũng có nhiều sự hỗ trợ cho các Bà-la-môn và các gia chủ là việc các người thuyết giảng Giáo Pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, các người giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Nay các tỳ khuru, như

vậy Phạm hạnh này được tồn tại nhờ vào nương tựa lẫn nhau nhằm mục đích vượt qua khỏi con lũ, nhằm làm chấm dứt khổ một cách đúng đắn”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Những người có nhà (tại gia) và các vị không nhà (xuất gia), cả hai, được nương tựa lẫn nhau, làm thành tựu Diệu Pháp, sự an toàn vô thượng đối với các trói buộc.*

3. *Ở những người có nhà, các vị không nhà thọ nhận y phục, vật dụng cần thiết, chỗ nằm ngồi, (có tác dụng) xua đi các hiểm họa.*

4. *Vả lại, nương tựa vào đấng Thiện Thế, những người tại gia, có sự tâm cầu ngôi nhà, đang có niềm tin vào các bậc A-la-hán, vào bậc có thiên chứng bằng Thánh tuệ.*

5. *Ở nơi đây, sau khi thực hành Giáo Pháp, đạo lộ đưa đến chốn an vui, họ có niềm vui, có sự mong muốn các dục, vui hưởng ở thế giới chư Thiên”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

4. 1. 9. KINH DỐI TRÁ

[108]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. *“Này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru nào là dối trá, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy không phải là những người tận tụy, và này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy đã lìa khỏi Pháp và Luật này. Và này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy không đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này.*

Và này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru nào là không dối trá, không nói nhiều, sáng trí, không ương ngạnh, khéo định tĩnh, này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy là những người tận tụy, và này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy là không lìa khỏi Pháp và Luật này. Này các tỳ khuru, các vị tỳ khuru ấy đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Những người dối trá, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, những người ấy không tiến triển trong Giáo Pháp đã được đấng Chánh Đẳng Giác thuyết giảng.*

3. *Các vị không dối trá, không nói nhiều, sáng trí, không ương ngạnh, khéo định tĩnh, thật vậy các vị ấy tiến triển trong Giáo Pháp đã được đấng Chánh Đẳng Giác thuyết giảng”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

4. 1. 10. KINH NGƯỜI VÀ SẮC ĐÁNG YÊU

[109]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, cũng giống như người bị cuốn trôi bởi dòng chảy của con sông có sắc đáng yêu, có sắc khoái lạc. Có người sáng mắt đứng ở bờ sông nhìn thấy người ấy và nói như vậy: ‘Này ông, mặc dầu ông bị cuốn trôi bởi dòng chảy của con sông có sắc đáng yêu có sắc khoái lạc, tuy nhiên nơi đây ở bên dưới có cái hồ nước lớn có sóng, có dòng nước xoáy, có cá dữ, có quý sủ. Này ông, sau khi đến nơi ấy, ông phải gánh chịu sự chết hoặc khổ đau gần như chết’. Này các tỳ khuru, khi ấy người ấy, sau khi lắng nghe lời nói của người đàn ông ấy, thì nỗ lực bằng các cánh tay và các bàn chân lội ngược dòng.

Này các tỳ khuru, ví dụ này của Ta được tạo ra nhằm làm cho hiểu biết về ý nghĩa. Đây là ý nghĩa ở câu chuyện này:

Này các tỳ khuru, ‘dòng chảy của con sông’ là từ biểu trưng của tham ái. Này các tỳ khuru, ‘có sắc đáng yêu có sắc khoái lạc’ là từ biểu trưng của sáu nội xứ. Này các tỳ khuru, ‘hồ nước lớn ở bên dưới’ là từ biểu trưng của năm sự ràng buộc ở phần dưới. Này các tỳ khuru, ‘có sóng’ là từ biểu trưng của giận dữ và buồn phiền. Này các tỳ khuru, ‘có xoáy nước’ là từ biểu trưng của năm loại dục. Này các tỳ khuru, ‘có cá dữ, có quý sủ’ là từ biểu trưng của phụ nữ. Này các tỳ khuru, ‘ngược dòng’ là từ biểu trưng của việc xuất ly. Này các tỳ khuru, ‘nỗ lực bằng các cánh tay và các bàn chân’ là từ biểu trưng của vị đang ra sức tinh tấn. Này các tỳ khuru, ‘người sáng mắt đứng ở bờ sông’ là từ biểu trưng của đức Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Chánh Biến Tri”.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. “*Người ước nguyện sự an toàn đối với các trói buộc trong ngày vị lai nên từ bỏ các dục cho dầu có sự khổ đau.*

Trong khi nhận biết một cách đúng đắn, người có tâm khéo được giải thoát có thể chạm đến sự giải thoát vào chính thời điểm ấy.

Vị hiểu biết sâu sắc ấy, có Phạm hạnh đã được hoàn mãn được gọi là ‘vị đã đi đến tận cùng thế giới, vị đã đi đến bờ kia’.”

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

4. 1. 11. KINH BƯỚC ĐI

[110]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru ngay trong lúc đang bước đi có sự suy tầm về dục, hoặc sự suy tầm về oán hận, hoặc sự suy tầm về hãm hại khởi lên, này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru chịu đựng điều ấy, không dứt bỏ, không xua đi, không làm chấm dứt, không khiến cho không còn hiện hữu, này các tỳ khuru, ngay trong lúc đang bước đi vị tỳ khuru có trạng thái như vậy được gọi là ‘không có nhiệt tâm, không có ghê sợ tội lỗi, thường xuyên liên tục biếng nhác, có sự tinh tấn hạ liệt’.

Này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru ngay trong lúc đang đứng có sự suy tầm về dục, hoặc sự suy tầm về oán hận, hoặc sự suy tầm về hãm hại khởi lên, này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru chịu đựng điều ấy, không dứt bỏ, không xua đi, không làm chấm dứt, không khiến cho không còn hiện hữu, này các tỳ khuru, ngay trong lúc đang đứng vị tỳ khuru có trạng thái như vậy được gọi là ‘không có nhiệt tâm, không có ghê sợ tội lỗi, thường xuyên liên tục biếng nhác, có sự tinh tấn hạ liệt’.

Này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru ngay trong lúc đang ngồi có sự suy tầm về dục, hoặc sự suy tầm về oán hận, hoặc sự suy tầm về hãm hại khởi lên, này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru chịu đựng điều ấy, không dứt bỏ, không xua đi, không làm chấm dứt, không khiến cho không còn hiện hữu, này các tỳ khuru, ngay trong lúc đang ngồi vị tỳ khuru có trạng thái như vậy được gọi là ‘không có nhiệt tâm, không có ghê sợ tội lỗi, thường xuyên liên tục biếng nhác, có sự tinh tấn hạ liệt’.

Này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru ngay trong lúc đang nằm còn thức tỉnh có sự suy tầm về dục, hoặc sự suy tầm về oán hận, hoặc sự suy tầm về hãm hại khởi lên, này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru chịu đựng điều ấy, không dứt bỏ, không xua đi, không làm chấm dứt, không khiến cho không còn hiện hữu, này các tỳ khuru, ngay trong lúc đang nằm còn thức tỉnh vị tỳ khuru có trạng thái như vậy được gọi là ‘không có nhiệt tâm, không có ghê sợ tội lỗi, thường xuyên liên tục biếng nhác, có sự tinh tấn hạ liệt’.

Này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru ngay trong lúc đang bước đi có sự suy tầm về dục, hoặc sự suy tầm về oán hận, hoặc sự suy tầm về hãm hại khởi lên, này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru không chịu đựng điều ấy, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, khiến cho không còn hiện hữu, này các tỳ khuru, ngay trong lúc đang bước đi vị tỳ khuru có trạng thái như vậy được gọi là ‘có nhiệt tâm, có

ghê sợ tội lỗi, thường xuyên liên tục có sự ra sức tinh tấn, có bản tánh cương quyết’.

Này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru ngay trong lúc đang đứng có sự suy tầm về dục, hoặc sự suy tầm về oán hận, hoặc sự suy tầm về hãm hại khởi lên, này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru không chịu đựng điều ấy, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, khiến cho không còn hiện hữu, này các tỳ khuru, ngay trong lúc đang đứng vị tỳ khuru có trạng thái như vậy được gọi là ‘có nhiệt tâm, có ghê sợ tội lỗi, thường xuyên liên tục có sự ra sức tinh tấn, có bản tánh cương quyết’.

Này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru ngay trong lúc đang ngồi có sự suy tầm về dục, hoặc sự suy tầm về oán hận, hoặc sự suy tầm về hãm hại khởi lên, này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru không chịu đựng điều ấy, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, khiến cho không còn hiện hữu, này các tỳ khuru, ngay trong lúc đang ngồi vị tỳ khuru có trạng thái như vậy được gọi là ‘có nhiệt tâm, có ghê sợ tội lỗi, thường xuyên liên tục có sự ra sức tinh tấn, có bản tánh cương quyết’.

Này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru ngay trong lúc đang nằm còn thức tỉnh có sự suy tầm về dục, hoặc sự suy tầm về oán hận, hoặc sự suy tầm về hãm hại khởi lên, này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru không chịu đựng điều ấy, dứt bỏ, xua đi, làm chấm dứt, khiến cho không còn hiện hữu, này các tỳ khuru, ngay trong lúc đang nằm còn thức tỉnh vị tỳ khuru có trạng thái như vậy được gọi là ‘có nhiệt tâm, có ghê sợ tội lỗi, thường xuyên liên tục có sự ra sức tinh tấn, có bản tánh cương quyết’.

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Nếu trong lúc đang đi, hoặc đang đứng, đang ngồi, hoặc đang nằm, vị nào suy tầm sự suy tầm ác xấu, liên hệ đến đời sống gia đình.*

3. *Vị ấy thực hành đường lối sai trái, bị mê mẩn ở những sự việc làm cho si mê, vị tỳ khuru như thế ấy không có khả năng chạm đến phẩm vị giác ngộ tối thượng.*

4. *Còn vị nào, trong lúc đang đi, hoặc đang đứng, đang ngồi, hoặc đang nằm, làm cho sự suy tầm được yên lặng, thích thú trong sự an tịnh các suy tầm, vị tỳ khuru như thế ấy có khả năng chạm đến phẩm vị giác ngộ tối thượng”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

4. 1. 12. KINH GIỚI THÀNH TỰU

[111]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, các người hãy sống với giới được thành tựu, với giới bốn *Pātimokkha* được thành tựu. Các người hãy sống thu thúc trong sự thu thúc của giới bốn *Pātimokkha*, được thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhất, thọ trì và thực hành trong các điều học.

Này các tỳ khuru, trong khi sống với giới được thành tựu, với giới bốn *Pātimokkha* được thành tựu, trong khi sống thu thúc trong sự thu thúc của giới bốn *Pātimokkha*, được thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhất, trong khi thọ trì và thực hành trong các điều học, này các tỳ khuru, có việc gì hơn nữa cần phải làm?

Này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru ngay trong lúc đang bước đi có tham đắm được xa lìa, oán hận được xa lìa, đã dục buồn ngủ được xa lìa, phóng dật và hối hận được xa lìa, hoài nghi được dứt bỏ, tinh tấn được ra sức không sút giảm, niệm được thiết lập không bị lơ là, thân được khinh an không bị kích động, tâm được định tĩnh chuyên nhất, này các tỳ khuru, ngay trong lúc đang bước đi vị tỳ khuru có trạng thái như vậy được gọi là ‘có nhiệt tâm, có ghê sợ tội lỗi, thường xuyên liên tục có sự ra sức tinh tấn, có bản tánh cương quyết’.

Này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru ngay trong lúc đang đứng có tham đắm được xa lìa, oán hận được xa lìa, đã dục buồn ngủ được xa lìa, phóng dật và hối hận được xa lìa, hoài nghi được dứt bỏ, tinh tấn được ra sức không sút giảm, niệm được thiết lập không bị lơ là, thân được khinh an không bị kích động, tâm được định tĩnh chuyên nhất, này các tỳ khuru, ngay trong lúc đang đứng vị tỳ khuru có trạng thái như vậy được gọi là ‘có nhiệt tâm, có ghê sợ tội lỗi, thường xuyên liên tục có sự ra sức tinh tấn, có bản tánh cương quyết’.

Này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru ngay trong lúc đang ngồi có tham đắm được xa lìa, oán hận được xa lìa, đã dục buồn ngủ được xa lìa, phóng dật và hối hận được xa lìa, hoài nghi được dứt bỏ, tinh tấn được ra sức không sút giảm, niệm được thiết lập không bị lơ là, thân được khinh an không bị kích động, tâm được định tĩnh chuyên nhất, này các tỳ khuru, ngay trong lúc đang ngồi vị tỳ khuru có trạng thái như vậy được gọi là ‘có nhiệt tâm, có ghê sợ tội lỗi, thường xuyên liên tục có sự ra sức tinh tấn, có bản tánh cương quyết’.

Này các tỳ khuru, nếu vị tỳ khuru ngay trong lúc đang nằm có tham đắm được xa lìa, oán hận được xa lìa, đã dưới buồn ngủ được xa lìa, phóng dật và hối hận được xa lìa, hoài nghi được dứt bỏ, tinh tấn được ra sức không sút giảm, niệm được thiết lập không bị lơ là, thân được khinh an không bị kích động, tâm được định tĩnh chuyên nhất, này các tỳ khuru, ngay trong lúc đang nằm vị tỳ khuru có trạng thái như vậy được gọi là ‘có nhiệt tâm, có ghê sợ tội lỗi, thường xuyên liên tục có sự ra sức tinh tấn, có bản tánh cương quyết’.”

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Vị tỳ khuru trong khi ra sức, nên bước đi; trong khi ra sức, nên đứng; trong khi ra sức, nên ngồi; trong khi ra sức, nên nằm; trong khi ra sức, nên co (tay chân) lại; trong khi ra sức việc ấy, nên đuổi (tay chân) ra.*

3. *Ở phía trên, ở bề ngang, ở bên dưới, cho đến phạm vi của thế giới, là người quán sát đúng đắn sự sanh và diệt của các pháp, của các uẩn.*

4. *Vị có sự an trú như vậy, có sự nhiệt tâm, có hành vi an tịnh, không kiêu hãnh, có sự đúng đắn trong sự vắng lặng của tâm, đang học tập, luôn luôn có niệm, người ta gọi vị tỳ khuru thuộc hạng như thế là ‘vị thường xuyên có bản tánh cương quyết’.”*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

---o0o---

4. 1. 13. KINH GIÁC NGỘ VỀ THẾ GIỚI

[112]. Điều này đã được đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, tôi đã nghe như vậy:

1. “Này các tỳ khuru, thế giới đã được đức Như Lai hoàn toàn thấu hiểu. Đức Như Lai đã không còn bị gấn bó với thế giới. Này các tỳ khuru, nhân sanh khởi của thế giới đã được đức Như Lai hoàn toàn thấu hiểu, nhân sanh khởi của thế giới đã được đức Như Lai dứt bỏ. Này các tỳ khuru, sự diệt tận của thế giới đã được đức Như Lai hoàn toàn thấu hiểu, sự diệt tận của thế giới đã được đức Như Lai chứng ngộ. Này các tỳ khuru, sự thực hành đưa đến sự diệt tận của thế giới đã được đức Như Lai hoàn toàn thấu hiểu, sự thực hành đưa đến sự diệt tận của thế giới đã được đức Như Lai tu tập.

Này các tỳ khuru, điều đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức, đã đạt đến, đã được tầm cầu, đã được đeo đuổi bởi tâm ý của thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, bởi vì điều ấy đã được đức Như Lai hoàn toàn thấu hiểu; vì thế được gọi là ‘Như Lai’.

Và này các tỳ khuru, vào đêm đức Như Lai hoàn toàn thấu hiểu quả vị Chánh Đẳng Giác vô thượng, và vào đêm Ngài Vô Du Niết Bàn ở cảnh giới Niết Bàn không còn dư sót, điều mà Ngài thuyết giảng, nói ra, chỉ dạy trong khoảng thời gian này, tất cả điều ấy đều là như thế, không sai khác; vì thế được gọi là ‘Như Lai’.

Này các tỳ khuru, đức Như Lai nói như thế nào làm như thế ấy, làm như thế nào nói như thế ấy. Như vậy, nói như thế nào làm như thế ấy, làm như thế nào nói như thế ấy; vì thế được gọi là ‘Như Lai’.

Này các tỳ khuru, ở thế gian tính luôn cõi chư thiên, cõi Ma Vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, đức Như Lai là đáng chiến thắng, bậc không bị chế ngự, bậc nhìn thấy tất cả, bậc vận hành quyền lực; vì thế được gọi là ‘Như Lai’.”

Đức Thế Tôn đã nói ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói như vậy:

2. *“Sau khi biết rõ tất cả thế giới, (biết rõ) đúng theo thực thể về tất cả thế giới, không còn bị gắn bó với tất cả thế giới, không có sự dính líu ở tất cả thế giới.*

3. *Đáng Chiến Thắng, bậc sáng trí, có sự giải thoát tất cả trôi buộc, vị này đã chạm đến sự an tịnh tối thượng, Niết Bàn, không có sự sợ hãi từ bất cứ đâu.*

4. *Vị này có lậu hoặc đã được cạn kiệt, đã được giác ngộ, không bị khổ sở, sự nghi ngờ đã được cắt đứt, đã đạt đến sự diệt trừ tất cả các nghiệp, đã được giải thoát ở sự tiêu diệt của các mầm tái sanh.*

5. *Vị này đây là đức Thế Tôn, bậc Giác Ngộ, vị này là loài sư tử vô thượng, đã chuyển vận bánh xe (Pháp) cao thượng của thế gian luôn cả chư Thiên.*

6. *Như thế, chư Thiên và nhân loại, những người nào đi đến nương nhờ đức Phật, sau khi tụ hội lại, họ lễ bái Ngài, bậc vĩ đại, có sự tự tin.*

7. *Vị đã được rèn luyện, bậc tối thượng trong số những người đang rèn luyện; vị an tịnh, bậc ẩn sĩ trong số những người đang tu tập sự an tịnh; vị đã được thoát ra, bậc tối cao trong số những người đang tự thoát ra; vị đã vượt qua, bậc cao quý trong số những người đang tự vượt qua.*

8. *Chính vì như thế, họ lễ bái Ngài, bậc vĩ đại, có sự tự tin. Ở thế gian luôn cả chư Thiên, không có kẻ nào sánh bằng Ngài”.*

Ý nghĩa này cũng đã được đức Thế Tôn nói đến. Tôi đã nghe như thế.

Nhóm Bốn Pháp được chấm dứt.

TÓM LƯỢC PHẦN NÀY

Bà-la-môn, bốn (vật không bị khiển trách), người biết, vị Sa-môn, (thành tựu) giới, tham ái, Phạm Thiên, nhiều sự lợi ích, đối trá, người, bước đi, với (giới) được thành tựu, và thế giới là mười ba.

Nhóm một pháp có hai mươi bảy bài Kinh, nhóm hai pháp được gom lại hai mươi hai bài Kinh, còn nhóm ba pháp có đúng năm mươi bài Kinh, và nhóm bốn pháp là mười ba bài kinh, tập Kinh này là như thế.

Trước đây, sau khi trùng tụng và tập hợp lại một trăm mười hai bài kinh vô thượng, các bậc A-la-hán đã gọi tập Kinh ấy với tên là Itivuttaka (Phật Thuyết Như Vậy) nhằm sự tồn tại lâu dài.

PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY ĐƯỢC CHẤM DỨT.

---o0o---

HẾT

¹ Chín thể loại (*aṅga*): *sutta*, *geyya*, *veyyākaraṇa*, *gāthā*, *udāna*, *itivuttaka*, *jātaka*, *abbhūtaḍḍhamma*, *vedalla*. Xem lời giải thích chi tiết về chín thể loại này ở tập sách *Saddhammasaṅgaha - Diệu Pháp Yếu Lược*, trang 31

² *Concise Pāli - English Dictionary* của A. P. Buddhadatta Mahāthera ghi như sau: - **Iti**. in. thus (used to point out something just mentioned or about to be mentioned, and to show that a sentence is finished). Very often its former **i** is elided and **ti** only is remaining. Hòa Thượng Bửu Chơn ghi nghĩa Việt như sau: - Iti. in. như vậy (dùng để ám chỉ vật, người đã nói phía trước và chỉ chỗ chấm dứt câu nói). Thường chữ **i** trước biến mất, chỉ còn lại **ti** mà thôi

³ Cụm từ “đi đến nương tựa” đã được dịch là “quy y” (Quy y Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng).

⁴ Chín trú xứ của chúng sanh (*sattāvāsā*): Xem phần Chín Pháp của bài Kinh *Saṅgītisuttam* (Kinh Thập Thượng, Trường Bộ 3).

⁵ Vị hội đủ mười chi phần được gọi là ‘A-la-hán’: tức là mười pháp của bậc Vô Học, gồm có: vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh cần, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh trí, vô học chánh giải thoát (Xem phần Mười Pháp, cũng ở bài Kinh đã trích dẫn ở trên).

⁶ Các hạng sanh linh (*bhūtāni*): nói đến các hàng chư Thiên (*amanussesu*) không có phân biệt (KhpA. 166).

⁷ Tức là các bậc Thánh nhân, gồm có bốn Đạo và bốn Quả (ND).

-
- ⁸ Bốn khổ cảnh (*apāyā*): địa ngục, súc sanh, quỷ đói, và A-tu-la (KhpA. 189).
- ⁹ Sáu tội nghiêm trọng (*abhiṭhānāni*): gồm có: giết mẹ, giết cha, giết bậc Thánh A-la-hán, làm chảy máu thân Phật, chia rẽ Hội Chúng, tuyên bố vị khác là bậc đạo sư (Sdd.).
- ¹⁰ *nidhi*: nghĩa chính là ‘của cải chôn cất,’ tuy nhiên một vài chỗ đã được ghi theo nghĩa ‘của cải để dành’ để tiện cho việc hành văn (ND).
- ¹¹ Các pháp giải thoát (*aṭṭha vimokkhā*): xem lời giải thích về ‘tám giải thoát’ ở *Saṅgītisuttam* (Kinh Phúng Tụng, Trường Bộ 3).
- ¹² *tiṇṇamaññataram yāmaṃ*: Chú giải giải thích là một trong ba giai đoạn của cuộc đời, chứ không phải một trong ba canh của đêm (DhA. iii, 138).
- ¹³ Không ghi theo nghĩa thông thường của *seti* là ‘nằm, ngủ.’ Chú Giải giải thích từ *seti* là *viharati*: ‘sống, sinh hoạt’ (DhA. iii, 165).
- ¹⁴ Theo Chú Giải, bệnh (*ātura*) ở đây có nghĩa là ô nhiễm (*kilesa*), không bệnh nghĩa là không có ô nhiễm (DhA. iii, 257).
- ¹⁵ *atidhonacāriṇaṃ*: ‘kẻ có sự thọ dụng bốn món vật dụng thiếu sự quán xét’ ý nghĩa này được ghi theo lời giải thích của Chú Giải (DhA. iii, 344).
- ¹⁶ Ba mươi sáu dòng chảy: nói đến sáu ái liên quan nội phần và sáu ái liên quan ngoại phần, ở vào ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai (DhA. iv, 48).
- ¹⁷ Các chú thích ở trong ngoặc đơn được thêm vào căn cứ theo Chú Giải (DhA. iv, 108).
- ¹⁸ Về cả hai pháp: nói đến *samathavipassanā*, chỉ tịnh và minh sát (DhA. iv, 140).
- ¹⁹ Các chú thích ở trong ngoặc đơn được thêm vào căn cứ theo Chú Giải (DhA. iv, 160).
- ²⁰ Bốn bài Kinh từ 1.1 đến 1.4 (132 - 137) được thấy ở Tạng Luật, Đại Phẩm (TTPV 04, 01-07).
- ²¹ *Bāhiya Dārucīriya* nghĩa là vị được sanh ra ở vương quốc *Bāhiya* và chuyên mặc y phục làm bằng vỏ (*cīra*) của cây cối (*dāru*).
- ²² Chú Giải giới thiệu câu kệ Pháp Cú 62 để làm rõ vấn đề (UdA. 117): ‘Tôi có các con trai, tôi có tài sản,’ (nghĩ thế) kẻ ngu bị sầu khổ. Chính bản thân của mình còn không có, từ đâu mà có các con trai, từ đâu mà có tài sản?
- ²³ *Koliyaputto* không phải tên gọi của người chồng. Chánh Tạng chỉ đề cập người chồng là *koliyaputto* (con trai bộ tộc *Koliya*) và người vợ là *koliyadhītā* (con gái bộ tộc *Koliya*) với tên gọi là *Suppavāsā*. Chú Giải cho biết thêm hai người này là con của đức vua trị vì bộ tộc này, *koliyarājaputtam* và *koliyarājaputtī* (UdA. 125).
- ²⁴ Tòa nhà này được xây dựng bởi Mẹ của *Migāra*, tức là nữ cư sĩ *Visākhā*. Thật ra, *Migāra* là cha chồng của nữ cư sĩ này. Do được chăm sóc kỹ lưỡng

bởi người con dâu giống như mẹ nên ông Migāra đã gọi Visākhā, người con dâu của mình, là “Mẹ của Migāra” Tòa nhà này có 1000 căn phòng, được xây thành 2 tầng, 500 phòng ở trên, 500 phòng ở dưới (UdA. 158).

²⁵ Câu chuyện này cũng được thấy ở Tạng Luật, Tiểu Phẩm 2 (TTPV 07, 254-257).

²⁶ Nanda là em cùng cha khác mẹ của đức Phật, cha là đức vua Suddhodana và mẹ là dì mẫu Mahāpajāpatigotamī (UdA. 168).

²⁷ đã sanh lên sự đốt nóng (ND).

²⁸ Kapotakandarā (hang Bò câu): là tên của một hang động (kandarā) có nhiều chim bò câu (kapota). Về sau, tại đây một trú xá đã được xây dựng và có tên gọi như vậy (UdA. 244).

²⁹ 1 ratana = 0.25 mét, đơn vị đo chiều dài.

³⁰ Đoạn thăm hỏi sức khỏe đã không được dịch sát từ (ND).

³¹ Kệ ngôn này được thấy ở Pācittiyapāli - Phân Tích Giới Tỳ Khưu tập 2 (TTPV 02, 129); Theragāthāpāli - Trưởng Lão Kệ, Ekakanipāta, Ekudāniyattheragāthā (TTPV 31, 31).

³² Dhammapadapāli - Pháp Cú, Nirayavaggo - Phẩm Địa Ngục, câu kệ 306.

³³ Kệ ngôn này được thấy ở Suttanipātapāli - Kinh Tập, kệ ngôn 749 (TTPV 29, 233).

³⁴ Câu chuyện tương tự được thấy ở Cullavaggapāli - Tiểu Phẩm (TTPV 07, từ trang 427).

³⁵ Người phạm tội mà che giấu (vật đã được che đậy) thì sẽ tiếp tục phạm tội (mưa rơi nhiều), còn người đã phạm tội mà sám hối (vật đã được mở ra) thì sẽ không tiếp tục phạm tội nữa (UdA. 306; ThagA. ii, 188; VinA. vi, 1287). Câu kệ này cũng được thấy ở Cullavaggapāli - Tiểu Phẩm (TTPV 07, 435; Theragāthāpāli - Trưởng Lão Kệ, câu kệ 447 (TTPV 31, 131).

³⁶ Câu chuyện tương tự được thấy ở Mahāvaggapāli - Đại Phẩm (TTPV 04, từ trang 507).

³⁷ Câu chuyện tương tự được thấy ở Cullavaggapāli - Tiểu Phẩm (TTPV 07, 305).

³⁸ Bốn sự gắn bó: là tứ kết, gồm có: dục kết, hữu kết, tà kiến kết, và vô minh kết (kāmayogo bhavayogo diṭṭhiyogo avijjāyogo).

³⁹ Các lời giải thích trong ngoặc đơn được căn cứ vào Chú Giải (UdA. 350-353).

⁴⁰ Lakunṭakabhaddiyam: vị này có tên là Bhaddiya và có thân hình thấp (lakunṭaka) nên được gọi như trên (UdA. 360).

⁴¹ Hai dòng kệ đầu giống như câu kệ 297 của Theragāthāpāli - Trưởng Lão Kệ (TTPV 31, 99).

-
- ⁴² ‘Chiếc xe’ được so sánh với vị tỳ khuu Lakunṭaka-bhaddiya, ‘không chút lỗi lầm’ nghĩa là hoàn toàn trong sạch, ‘có mái che màu trắng’ nghĩa là quả vị A-la-hán, ‘có một cãm’ tức là niệm, ‘dòng chảy’ nghĩa là tham ái (UdA. 370).
- ⁴³ ‘Nó’ ở đây nên hiểu là ‘attā,’ tự ngã, bản ngã (UdA. 376).
- ⁴⁴ Xứ (āyatana) ở đây nên hiểu là pháp xứ (dhammāyatana).
- ⁴⁵ Bài Kinh này cũng được thấy ở Tạng Luật, Đại Phẩm (Xem TTPV 05, từ trang 55).
- ⁴⁶ Hồ cách sử dụng ở đây có phần khách sáo là ‘bhante bhagavā’ thay vì chỉ là ‘bhante’ (ND).
- ⁴⁷ Ba kệ ngôn này giống ba kệ ngôn 306-308 của Pháp Cú, Phẩm Địa Ngục.
- ⁴⁸ Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu (ND).
- ⁴⁹ Dục ái, hữu ái, phi hữu ái (ND).
- ⁵⁰ Vị tri quyền (anaññatāññassāmītindriya = khả năng về “Tôi sẽ biết điều chưa được biết”) tức là trí tuệ đưa đến việc thấy được Niết Bàn lần đầu tiên của đạo Nhập Lưu. Dĩ tri quyền (aññindriya = khả năng về điều đã được biết) tức là trí tuệ biết được Niết Bàn các lần sau từ quả Nhập Lưu cho đến đạo A-la-hán. Cụ tri quyền (aññātāvindriya = khả năng có điều đã được biết) tức là trí tuệ giác ngộ hoàn toàn của quả A-la-hán (ND).
- ⁵¹ Hai kệ ngôn 3 và 4 giống hai kệ ngôn 307, 308 của Pháp Cú, Phẩm Địa Ngục.
- ⁵² Bảy điều dính mắc (*saṅga*): tham ái, tà kiến, ngã mạn, sân hận, si mê, ô nhiễm, và uế hạnh (ItA. ii, 120).